



SUDIA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ TRƯỞNG

**ĐẶC KHẢO VỀ  
PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM  
VÀ CÁC LÂN BANG**

Nhà sách Khai-Tri bảo trợ

1967

# SỨ ĐỊA

---

TẬP - SAN SƯU - TÀM,  
KHẢO - CỨU, GIÁO - KHOA

---

## BAN CHỦ-BIÊN:

NguyễnThéAnh • Bửu-Cầm • PhanKhoang • LâmThanhLiêm•  
PhạmVănSơn • TháiViệtĐiều • PhạmCaoĐương • Phù-Lang•  
QuáchThanhTâm • TrầnĐăngĐại • PhạmĐinhTiểu • Nguyễn  
KhắcNgữ • PhạmLongĐiền • TrầnAnhTuấn • NguyễnTháiAn •  
TrầnQuốcGiám • LanĐài • NguyễnSaoMai.

## VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG XUYÊN CỦA:

HoàngXuânHãn • ChenChingHo • ThíchThiệnÂn • LêVăn  
Hảo • NguyễnVănHầu • TạTrọngHiệp • NguyễnTrầnHuân •  
PhạmVănĐiêu • BửuKé • NguyễnKhắcKham • TrươngBửu  
Lâm • LêHữuMục • NguyễnPhương • HồHữuTường • LêThọ  
Xuân • ƯngTrình • NghiêmThàm • TôNam • BùiQuangTung.

## BAN TRỊ-SỰ:

NguyễnNhã • NguyễnNhựtTán • PhạmThịHồngLiên • Nguyễn  
NgọcTrác • TrầnĐinhThọ • NguyễnHữuPhước • PhạmThịKim  
Cúc • TrầnNgọcBản • PhạmVănQuảng • PhạmĐứcLiên •  
NguyễnThịBíchLoan.

---

TRÌNH BÀY:  
Kha Thùy Châu  
N. N. Tân

THƯ TÙ, BÀI VỞ, NGÂN, CHI-PHIẾU:  
NGUYỄN NHÃ  
221 Cộng Hòa, Saigon B.P. : 380

# Hoa Xuân



CÀNH ĐÀO và chậu THỦY TIÊN

(Ảnh của Phạm văn Mùi)

## Cây nêu



(Ảnh của Phạm văn Müi)

Thịt mỡ, dưa hành, câu đồi đỗ  
Nêu cao, pháo nõ, bánh chưng xanh.

# LÁ THƯ TÒA SOẠN

Mỗi dân tộc có một phong hóa riêng. Phong hóa của dân tộc có thể thay đổi để thích hợp với thời thế; với sự tiến hóa chung của nhân loại.

Cách đây khoảng nửa thế kỷ, các sĩ phu thức thời của ta đã nhận thấy cần phải canh cài tập quán, nếp sống của dân Việt, nhất là khoảng hơn 30 năm gần đây một số trí thức chủ trương đập đổ những cái cũ, hoàn toàn theo mổi, khi thấy dân mình còn đắm chìm trong giấc ngủ hủ lậu. Đó là biện pháp mạnh cần phải có mổi làm thức tỉnh được dân theo kịp trào lưu tiến hóa, cũng như trai rendra chí đấu tranh quật khởi của dân ta đập tan xiềng xích.

Thế rồi thời gian qua, theo mổi, hoàn toàn theo mổi, theo người thì chẳng kịp bằng người, mà vốn liếng của mình đã thấy hết sạch. Hãy ghé mắt qua dân tộc Phù Tang, theo mổi nào kém ai đâu, mà sao họ vẫn giữ lấy những gì có truyền của dân tộc họ. Chính người Âu Mỹ cũng khâm phục dân Nhật ở điểm đó, chẳng phải là điều ta nên theo làm sao?

Theo cái hay của người thì đúng là khôn ngoan. Nhưng chỉ biết cái hay của người mà quên cái hay của mình thì còn gì là «hảo khí» của dân tộc ta, một dân tộc mang danh có hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Vì thế trước thực trạng phá sản văn hóa và đói sống tinh thần của xứ sở, chúng ta phải cố bảo tồn lấy những gì có tinh cách Việt Nam, để văn hóa dân tộc. Nhưng nếu có hỏi những gì có tinh cách Việt Nam và văn hóa dân tộc là gì thì ít người không khỏi lúng túng.

Vì quan tâm như thế, chúng tôi đã sửa soạn chủ đề phong tục Tết Việt Nam, mặc dù không hẳn là vấn đề của Sứ-Địa thuần túy, với tính cách nhắc nhở đặt vấn đề hơn là thăm cừu.

Tết Nguyên-đán là ngày lễ có truyền thống riêng, trong đại, mang nhiều ý nghĩa, là dịp chúng ta cần thể hiện những tập truyền quý báu có màu sắc dân tộc cũng như các dân tộc khác trong dịp Tết của họ.

Hơn một ngàn năm Bắc thuộc, gần iám muối năm Pháp thuộc, văn hóa, phong tục ngoại lai đã xâm nhập, tràn ngập vào Việt Nam nhất là nơi thành thị và giới thương lưu. Xã thôn Việt Nam đã đóng vai trò thành trì ngăn chặn sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai. Vì thế những gì lưu truyền ở thôn quê Việt Nam có thể dễ là phong tục có tính cách Việt Nam hơn.

Những tập tục xã thôn ấy nay còn là bao, nhất là tại miền Nam chúng ta là nơi đất mồi; xã thôn ở đây chưa được tổ chức vững chắc, tiền nhân chúng ta mồi lập nghiệp xây dựng chưa được bao lâu thì người Pháp lại đặt chân tới.

Trên mảnh đất này, người Việt chiếm đa số, nhưng dân tộc Việt Nam gồm nhiều sắc dân khác, vì thế gia tài chung sẽ phong phú nếu có sự đóng góp các tinh túy của các sắc dân.

Nhắc nhở và đặt vấn đề đi tìm những bản sắc Việt Nam qua các phong tục ngày Tết Việt Nam để bảo tồn và phát huy trong lúc này thiết nghĩ không phải là không cần ích, và chúng tôi urbc mong sẽ được giới thiệu già quan tâm.

Nhân dịp này chúng tôi thành thật cảm tạ những mối thiện cảm sâu xa của quý bạn đọc đã dành cho Tập San Sứ Địa và kính chúc quý bạn đọc một mùa xuân dân tộc như ý.

TẬP SAN SỨ ĐỊA  
Xuân Đinh Mùi

# VŨ - TRỤ

---

# ÂM - DƯƠNG

---

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

TẤT cả sinh-hoạt về tinh-thần cũng như vật-chất, về tri-thức cũng như nghệ-thuật, về chính-trị kinh-tế cũng như tôn-giáo tín-ngưỡng ở xã-hội nông-nghiệp Á-Đông xưa nay vẫn khuôn trong vòng vũ-trụ quan Âm-Dương. Âm-Dương, khác với Vật Tâm ở điểm chính-yếu này, một đàng là hai trạng-thái kinh-nghiệm của sự sống, hay thái độ xử-thể tiếp-vật, một khuynh-hướng vận-động, của một bản-thề đồng nhất miên-tục, còn một đàng là hai hình-ảnh tinh của tinh-thần, hai khái-niệm trùu-tượng hợp-lý biệt-lập và đối-lập, cái nọ phủ-nhận cái kia, không có thể tịnh-hành như hai khuynh-hướng Âm-Dương. Một nhà bác-học về Trung-Hoa Văn-hóa, có tiếng ở thế-giới, hiện nay là J. NEEDHAM trong bài diễn-thuyết cho UNESCO ở Paris năm 1947 có so-sánh hai vũ-trụ quan ở Đông-Phương và Tây-Phương như sau :

« *Chắc-chắn quan-niệm nguyên-tử đầu-tiên là do người Hy-lạp có trước, nhưng tôi có thể chứng thực rằng ý-niệm về ba-động thực là nguyên-lai ở Trung-Hoa, bởi vì mỗi khi người ta thấy mô-tả tác-dụng của Âm-Dương thì luôn luôn là một quá-trình cực-cao và cực-thấp, khi cái nọ lên thì cái kia xuống, đấy là quán-niệm về ba-động. Quan-niệm bǎn-lai về nguyên-tử như là cái gì không thể phân-chia được thì thực là ý-niệm của Hy-lạp hay Ấn-Độ, còn ý-niệm ba-động có tăng có giảm, có lên có xuống có thể gọi được là ý-niệm Trung-Hoa.* »

# LÁ THƯ TÒA SOẠN

Mỗi dân tộc có một phong hóa riêng. Phong hóa của dân tộc có thể thay đổi để thích hợp với thời thế, với sự tiến hóa chung của nhân loại.

Cách đây khoảng nửa thế kỷ, các sĩ phu thời của ta đã nhận thấy cần phải canh cài tập quán, nếp sống của dân Việt, nhất là khoảng hơn 30 năm gần đây một số trí thức chủ trương đập đổ những cái cũ, hoàn toàn theo mổi, khi thấy dân mình còn đâm chém trong giấc ngủ hú lậu. Đó là biện pháp mạnh cần phải có mổi làm thay tinh được dân theo kịp trào lưu tiến hóa, cũng như trui rèn ý chí đấu tranh quyết khôi của dân ta đập tan xiềng xích.

Thế rồi thời gian qua, theo mổi, hoàn toàn theo mổi, theo người thì chẳng kịp bằng người, mà vốn liếng của mình đã thấy hết sạch. Hãy ghé mắt qua dân tộc Phù Tang, theo mổi nào kém ai đán, mà sao họ vẫn giữ lấy những gì có truyền của dân tộc họ. Chính người Âu Mỹ cũng khám phục dân Nhật ở điểm đó, chẳng phải là điều ta nên theo làm sao?

Theo cái hay của người thì đúng là khôn ngoan. Những chỉ biết cái hay của người mà quên cái hay của mình thì còn gì là «hảo khí» của dân tộc ta, một dân tộc mang danh có hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Cái « *dàn cờ trắng bay chung* » ấy chính là đoàn-thề cộng-đồng của xã-hội nông-dân nguyên-thủy. Bên Nam bên Nữ, đàn ông đàn bà, chính là cách-thức phân-công đầu tiên, tuy phân-chia Nam, Nữ như hai giai-cấp khác nhau mà cùng nhau xướng-họa; đề « *loan sánh phụng* » đề « *mình sánh ta* » đúng theo mô-thức Âm Dương, khuynh-hướng khác mà chỉ hướng chung, chung một nguồn sống.

Vậy ngày hội-hè mùa xuân của nông-dân thường có một tinh-thần thân-ái, yêu sống lạc-quan và đoàn-kết tập-thề. Chúng ta ai cũng nhớ rằng ngày Tết ở dân Việt săn có cái mỹ-tục thuần-phong kiêng tất cả điều xấu, như cãi nhau, chửi nhau, đánh nhau, nổ. xấu gièm-pha lẩn nhau, kiêng gắt-göng, kiêng đòi nợ hay vay mượn. Những kẻ ngày thường rất thù-oán đố-ky nhau mà đến ngày Tết gặp nhau đều phải hỷ-hả tha-thứ cho nhau, giữ hòa-khí vui-vẻ với nhau để khỏi « *xúi* ». « *Giận đến chết, ngày Tết cũng vui* ». Tục kiêng kị này có lẽ là dấu vết cộng-đồng thân-ái còn lại trong phong-tục ngày xuân. Thủa xưa, thời cộng-đồng nguyên-thủy không phải chỉ có ngày Tết, đầu Xuân người ta mới thân-ái cộng-đồng, mà suốt năm hàng ngày các phần-tử trong một đoàn-thề đều phải có tinh-thần đoàn-kết cộng-đồng vậy :

*Bầu oi thương lấy bí cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Tư-tưởng cõi-diền Đông-phương như ở các xã-hội nông-nghiệp Trung-Hoa hay Việt-Nam vốn thiên về thực-nghiệm, có khuynh-hướng hiện-thực, ưa cự-thề hóa những ý-niệm trừu-tượng. Cho nên vẫn-de thời-gian và không-gian là hai phạm-trù khái-niệm giả-định của các triết-học tư-duy cận-đại hay khoa-học thực-nghiệm, đối với Đông-phương mất tính-cách trừu-tượng khách-quan. Không một triết-gia Đông-phương nào đã quan-niệm thời-gian là một dòng trôi chảy đều đều của những đoạn kế-tiếp nối vào nhau. Cũng không có ai quan-niệm không-gian trống rỗng đơn-giản do những phần-tử đồng-dạng chắp lại cái nọ xen vào cái kia. Bởi vì nhân-loại Đông-phương còn cảm-xúc trực-tiếp với cái nguồn sống « *sinh-sinh* » (生 生) của thiên-nhiên chung quanh, cho nên thời-gian

đối với họ trong tâm-lý nhà nồng là thời-tiết của bốn mùa, và là thời-kỳ gặt-hái hay hội-hè hay nhàn-rỗi «ngày ba tháng tám» «ngày rỗng tháng dài». Không-gian cũng thế, là «giang sơn» là «thò ngơi» là phương-hướng lẩn-lộn. Mỗi phương có một đặc-tính với khí-hậu riêng tùy theo khu-vực địa-lý của nó. Quan-niệm thời-gian đi đôi với không-gian, không rời nhau, không tách hẳn ra làm hai khái-niệm độc-lập. Mỗi phương đi đôi với một thời. Thời-gian và không-gian có cả một mó thuộc-tính cụ-thể để chỉ-định. Ví dụ như sắc đỏ là thời nhà Chu, và cũng là đặc-tính của mùa hè thuộc về lửa, và về phương Nam gần mặt trời chẳng hạn.

Đây là quan-niệm cụ-thể về thời-gian và không-gian. Không biệt-lập hẳn với những hành-vi cụ-thể. Người ta có thể ảnh-hưởng vào thời-gian và không-gian bằng thay đổi sắc-thái của những tượng-trưng phù-hiệu của chúng. Thời và phương không có ý-nghĩa. thời-gian tự-thâu hay không-gian tự-thâu. Thời là thời-vài, là cơ-hội thuận-lợi hay không thuận-lợi cho chủ-trương nhất-định. Phương có nghĩa là phương-hướng của nhà địa-lý phong-thủy. Người ta tưởng-tượng Thời-gian và Không-gian như một toàn-thể những sự xếp-đặt cụ-thể và phức-tạp như là những địa-thể và vận-hội chính theo nghĩa ấy mà chúng ta phải hiểu câu thơ mở đầu của Phan-Thanh-Giản trước khi tuẫn tiết:

*Trời-Thời, Đất-Lợi, lại Người-Hòa.*

Lý-do không phải cõi-diền Đông-phương không sớm biết hình-học hay là lịch-học đâu. Lý-do là ở tại tư-tưởng triết-học sự giới hạn vào một mó hiều-biết về địa-thể và vận-hội để hành-động. Nhờ sự hợp lý-hoa cái mó hiều-biết ấy mà các hiền-triết Đông-phương mong khám-phá những nguyên-tắc của một nghệ-thuật tối-cao. Cái nghệ-thuật ấy bao-hàm cả vật-lý học lẫn luân-lý học nhằm mục-dịch tổ-chức tu-sứa vũ-trụ lẫn xã-hội. Bởi vậy cho nên quan-niệm Thời-gian và Không-gian ở Đông-phương còn chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của hình-thái xã-hội. Đặc-tính của Thời-gian trời-chảy tuẫn-hoàn, cho nên tượng trưng bằng cái vòng tròn, đối-xứng với Không-gian tượng-trưng là hình vuông.

*Trăm năm tinh cuộc « Vuông » « Tròn »,  
Phải đo cho tới ngọn nguồn lạch sông.*

(KIỀU)

« Tròn » chữ Hán-Việt là Viên 圓, « Vuông » chữ Hán-Việt là Phương 方. Thiên-viên, Địa-phương (天 圓 地 方) Trời-tròn, Đất-vuông, ấy là mô-thức nguyên-thủy trong quan-niệm Thời-gian và Không-gian của Đông-phương :

Thời-gian có tính-cách nhịp-diệu cũng như Không-gian chia làm các khu cân-đối. Người ta không thể quan-niệm một trật-tự, một hàng-ngũ tết-lẽ hay « dương cơ », một địa-thể ưu-đãi, một trật-tự Thời-gian hay Không-gian nếu người ta không gán cho chúng một trọng-tần lấy làm điểm trực. Cho nên người ta chia ruộng đất theo kiểu chữ Tinh 井 gọi là Tỉnh-điền, hay là người ta đắp nền nhà Minh-dường đều lấy khu chính giữa làm trung-tâm, cũng như một năm lấy tháng trung-tâm ở giữa hai kỳ tế Xuân-Thu. Hội và Kỳ đều chỉ-định vào Thời-gian, nhưng Kỳ có nghĩa là Kỳ hạn còn Hội có nghĩa là ngày Hội-hè. Thời-gian ở đây có ý-nghĩa là những thời-kỳ có sự sum-hợp vui-vầy theo nhịp điệu trong một năm, về mùa đông rét lạnh, nông-nghiệp nghỉ-ngơi, tập-trung vào nơi trú-ẩn ấy là thời-gian đồng-dặc, có giá-trị cho cả một năm. Và ở chỗ nào có sự quây-quần tụ-hợp của đoàn-thề xã-hội thì đấy là Không-gian có giá-trị, « đất lành chim đậu » hay là Địa-lợi. Cái nhịp điệu Thời-gian, Không-gian phỏng theo nhịp-diệu của sự hoạt-động xã-hội nông-nghiệp vậy.

Tóm lại quan-niệm Thời-gian và Không-gian của người Đông phương không chú-trọng vào phương-diện khu-biệt những khái-niệm trừu-tượng, cho nên không phải là hai cái khung đồng dạng, đồng tính. Họ chia Thời-gian và Không-gian ra 5 qui-mô chính dùng để xếp đặt những phù-hiệu thuộc về cơ-hội và cảnh vật. Quan-niệm ấy đủ đem lại cho họ những cốt-cách của một nghệ thuật hoàn-bị toàn-diện, một quan-niệm nhất-quán dùng để tu sửa vũ-trụ và xã-hội nông-nghiệp thời phong-kiến. Người Đông-

đương tránh sự nhìn-nhận Thời-gian và Không-gian như là những lý-niệm (concept rationnel) độc-lập, hay là hai cá-tính biệt-lập. Thời-Không là một phức-thề có hiệu-nghiệm, xếp đặt cách cự-thète. Sự xếp-đặt một mó những qui-tắc ấy, không phải hỗn-độn mà trái lại có điều-lý, theo nguyên-lý trật-tự. Cái nguyên-lý ấy với cái cảm-tưởng về hiệu-nghiệm của nhịp-điệu là một vạy. Cái sức hiệu-nghiệm của nhịp-điệu điều-tiết rất rõ-rệt hiện-nhiên trong phép tổ-chức xã-hội theo Lễ-Nhạc (禮樂) trong đó Lễ là lý, Nhạc là hòa, Lễ là trật-tự ở ngoài, Nhạc là trật-tự trong lòng người. Tổ-chức xã-hội theo Lễ-Nhạc tức là hợp cả ngoài và trong vật-chất và tinh-thần có điều-lý, có trật-tự quân-bình. Đấy là từ điều-tiết nhịp-điệu Thời-Không mà sức hiệu-nghiệm đã ánh-hường vào tư-tưởng vậy. Cái cảm-tưởng về sức hiệu-nghiệm ấy của vũ-trụ tiết-điệu, Thời-Không nhịp-nhàng ấy là cờ-bản của quan-niệm Âm-Dương, mà ở trong Ân có Dương cũng như trong Dương có Âm vậy (陰中之陽, 陽中之陰). Đấy là cái vũ-trụ quan mà Nguyên-công-Trú đã hình-dung vào một câu thơ hết sức linh-động :

渾渾一大塊 Hồn-hồn nhất đại khối,  
渺渺如蟻羣 Diều-diều như nghị quần.

nghĩa là :

Lึng lึง vô cùng một khối lớn,  
Giăng-giặc liên-lục nhյr đan kiển.

Đấy là Vũ-Trụ Thời-Không Âm-Dương mà ngày Tết Việt-Nam, trong tiềm-thức của nhân dân nông-nghiệp lấy làm ngày giờ linh-thiêng bắt khả xâm-phạm để đánh dấu một năm mới, một khởi-điểm cho cuộc đời mới, cho vận-số mới vạy.



*nhin qua*

## CÁC NGHI-LỄ

# TRIỀU - ĐÌNH HUẾ

BƯỚC KẾ

KINH thành Huế hình vuông, chu vi mỗi bờ vào lối 10 cây số và gồm có ba lớp thành. Bên trong cả là Tử Cấm thành, có thể nói là chỗ & riêng biệt của Vua và các cung phi, mỹ nữ, thái giám, nô tỳ, người ngoài không bao giờ được phép đặt chân đến. Trong Tử Cấm thành, ta nên kể đến các điện Càn Chánh, Càn Thành, Kiến Trung, Cung Khôn Thái, Duyệt Thị đường và lục viện : Thuận Huy, Đoan Thuận, Đoan Hòa, Đoan Huy, Đoan Trang, Đoan Tường.

Do các cửa nằm ở các hướng, Tử Cấm thành liên lạc với Hoàng Thành. Các điện Thái hòa, Phụng tiên, cung Diên thọ, cung Trường sinh và các miếu : Triệu, Thái, Hưng, Thế đều nằm cả trong Hoàng thành. Tiếp giáp với Hoàng thành và ở ngoài cả là Kinh thành. Nơi đây dân chúng ra vào được tự do mà không bị ngăn cản. Các cơ quan của Nhà nước như Lục bộ, Đô sát viện, Quốc sử Quán, Khâm thiên Giám, Trường Thi, Hồ Tịnh Tâm, Tàng Thư Lâu, Cung Bảo Định đều xây cất tại Kinh thành.

Các nghi lễ của triều đình Huế hoặc tổ chức tại đền Nam giao, hoặc tại Tịch điền, tại các lăng, các chùa, nhưng phần lớn thì ở trong Hoàng thành.

Những nghi lễ này ta có thể chia thành hai loại. Một loại có tính cách thường xuyên, tổ chức vào một thời kỳ nhất định, còn một loại có tính cách bất thường, không dự liệu từ trước.

Những lễ có tính cách bất thường, ta nên kể đến *Lễ Tuyên Phong*. Vua Tàu phái một viên quan sang phong cho vua ta. Trước kia, lễ Tuyên Phong cử hành tại Bắc hà, nhưng đến đời Tự Đức thì cử hành tại Huế, trước mặt điện Thái hòa. Qua đến triều Hàm Nghi về sau, nền độc lập của ta đã mất về tay người Pháp, nên việc phong vương phải có sự chấp thuận của Chính phủ Pháp và có viên Khâm sứ Trung Kỳ đọc diễn văn.

**Lễ đón tiếp Phái Đoàn Ngoại Quốc.**— Minh Vương đã từng đón tiếp phái đoàn Thomas Bowyer tại Huế vào ngày 27-12-1695 và ngày 27-1-1696. Bowyer định thiết lập nền giao thương với nước ta, nhưng không có kết quả.

Thì rồi đến năm 1863, cũng tại Huế, vua Tự Đức tiếp đón phái đoàn Bonnard và năm 1875 thì tiếp phái đoàn Brossard de Corbigny tại Cản Chánh Phái đoàn ngoại quốc, mỗi khi đến Huế, thường ở tại Cung Quán hoặc gọi là Sứ Quán, thiết lập cuối đời Gia Long, đầu đời Minh Mạng, tại Kinh thành nội. Nhưng về sau, vua Tự Đức không muốn người ngoại quốc vào trong Kinh thành nên đổi Công Quán ra ngoài cửa Thương Tứ và gọi là Nhà Thương Bạc (1875). Cho nên phái đoàn Lao Sùng Quan sang phong cho vua Tự Đức thì ngủ tại Công Quán trong thành, còn phái đoàn Brossard de Corbigny thì ở tại ngoài thành, tại Thương Bạc. Một điều chúng ta cũng nên chú ý là những lễ gì có tính cách quan trọng thì tổ chức tại điện Thái hòa, và nếu tầm thường thì tổ chức tại Cản Chánh

**Lễ Đăng Quang** — Lễ Đăng quang còn gọi là lễ Đăng Cực tức là tôn một ông vua lên ngôi. Sau khi thống nhất Nam Bắc, Đinh thắn tôn vua Gia Long lên ngôi tại điện Thái Hòa ở Kinh thành Huế. Đó là một trường hợp đặc biệt còn các ông vua khác của triều Nguyễn, bao giờ lễ Đăng quang cũng cử hành trong dịp lễ tang nghi. Vì ông vua trước có thăng hà, ông vua sau mới kế vị.

Thường thường các lễ trọng đại như tế giao, tang nghi, đăng quang v...v... bao giờ cũng có lễ ký cáo tại đàn Nam Giao, Xã tắc, tại các miếu, điện Phượng tiên v...v... mục đích là tin trước cho Trời Đất,

các đǎng Tiên-vương biết sẽ có một lễ nghi nào đó sắp được cử hành vào ngày tháng nào v...v...

Ngoài lễ kỷ cáo, trong dịp lễ đǎng quang bao giờ cũng có thiết đại triều nghi, tức là quan quân y phục tề chỉnh, cờ xí đủ các loại, tàng lọng, binh khí, phủ viết, mao tiết, dẽ lô, phất Trần voi ngựa, xe kim lộ, ngọc lộ của vua, sắp thành một hàng dài từ trước điện. Thái hòa ra đến cửa ngọ môn.

Điều quan trọng trong lễ Đǎng quang là vua quì xuống để nghe một viên đại thần đọc di chiếu, đình thần dâng lên vua mới tráp kim sách (quyển sách gồm có những trang giấy và bìa bằng vàng ghi chép tiểu sử cùng lời ca tụng công đức của ông vua kế vị) truyền quốc bửu tỷ, một bộ đại triều gồm có cõn miến, bia dai. Sau đó lễ đǎng quang được công bố cho thần dân trong nước và tâu quân ban ân chiêu cho các quan và dân chúng. Từ triều Hàm Nghi về sau, lễ đǎng quang cũng như lễ tuyên phong đều phải có sự đồng ý của người Pháp.

**Lễ Phong Đǎng Cung.**— Triều Nguyễn chỉ có vua Gia Long và vua Khải Định lập Đǎng cung Hoàng thái tử. Sau khi Hoàng tử Cảnh mất, các hoàng tử thứ hai, thứ ba, cũng lại mất sớm, ngày 6-4-1916 vua Gia Long lập con thứ tư là Hoàng tử Đảm lên chức Đǎng cung (về sau nối ngôi lấy niên hiệu Minh Mạng). Các ông vua kế tiếp không lập đǎng cung, mãi đến triều Khải Định, ngày 28-4-1922, vua phong cho Hoàng tử Vĩnh Thụy trước Đǎng cung (tức vua Bảo Đại) Lễ cử hành tại điện Thái Hòa. Các quan lạy mừng đǎng cung s lạy. Còn thái tử Vĩnh Thụy lạy vua cha s lạy, quì xuống để nhận ngọc tỷ và sắc phong, sau đó lại lạy năm lạy để tạ ân. Lễ xong, vua Khải Định xuống dụ ban bố cho thần dân trong nước được biêt.

**Lễ Tang Nghi.**— Tang nghi một ông vua, bà hoàng hậu hay hoàng thái hậu lẽ dĩ nhiên là phải long trọng và phiền phức.

Khi vua mới mất, các quan mang long sàng của vua ra đặt tại giữa chính điện, đầu quay về hướng đông để hướng lấy sinh khí may ra vua có thể nhở thở mà sống lại.

Trong khi liệm, vua mặc áo đại trào, trong miệng ngậm ngọc. Điều

quan yếu là việc thất hồn bạch. Những người có nhiệm vụ trông coi việc khâm liệm áp lén ngực vua một tấm lụa trắng dài gấp lại thành những khố ngắn để khi hồi thoát khỏi xác thì nhập vào đó. Lụa thất thành hồn bạch tức là hình nhân có đầu và hai tay hai chân. Trong lúc chưa có thần chủ, hồn nương tựa vào thần bạch. Và cứ mỗi sáng, mỗi tối người ta lại cúng vài hồn bạch cũng như đổi với người sống vậy, cho đến khi chôn cất xong, thần chủ mới bắt đầu thay thế, để đốt hồn bạch đi. Trong thời gian chưa chôn, các quan, các hoàng thân, các bà nội cung luôn phiền để dâng lễ tế. Tại Kinh cũng như tại các tỉnh khi đã công bố việc vua thăng hà thì các cuộc vui chơi như xướng hát đều bị cấm hẳn. Các quan tùy theo phẩm trật lớn nhỏ, ngay cả trong dân chúng đều phải để tang người năm ba tháng, kể vài ba năm, cho đến đám cưới đám hỏi cũng định hẳn.

Về những lễ bắt thường, thường ta nên kể thêm các lễ *Tết tuần*, *Ngũ tuần* hay *Thất bát tuần* đại khánh tiết của Vua, Hoàng hậu, Hoàng thái hậu. Lễ Vạn thọ, Thánh thọ, Tiên thọ (sinh nhật của Vua và các bà Hoàng hậu, Hoàng thái hậu, Thái hoàng thái hậu v.v...) tuy năm nào cũng có thể cử hành vào một ngày nhưng lại hay đổi tùy triều vua. Như triều Gia Long khác triều Minh Mạng, Minh Mạng khác Thiệu Trị v.v...

Nếu đem so sánh thì những lễ thường xuyên bao giờ cũng nhiều hơn những lễ bắt thường. Trong số những lễ thường xuyên, trừ lễ Tế giao, ba năm cử hành một lần, còn bao nhiêu lễ khác đều cử hành năm một. Nhưng ta cũng nên phân biệt có những lễ cử hành vào những ngày nhất định như Tết Nguyên đán, lễ Ban Sóc, các lễ Hưởng: Xuân Hạ Thu Đông, các lễ Kỵ, lễ Đản. Còn những lễ kia, cử hành vào những tháng nhất định, còn ngày thì do Khâm thiên Giám chọn ngày lành, như lễ Thanh Minh, lễ Phất thức, lễ Tịch diền v.v...

**Lễ Tế Giao.**— Trong các lễ nghi của triều Nguyễn, lễ Tế Giao lớn hơn cả. Đó là lễ dâng nhambi là con Trời, nhambi Trời ban ân vua mới trị nước được. Không những Vua mà cả vua vãi quan đều được huy động để tham dự lễ Tế Giao.

Vua đúng chính bái và cũng như bá quan, phải trai giới bái ngày liên tiếp để được tinh khiết.

Riêng về đạo ngự, khởi hành từ Đại nội lên đến đền Nam giao, cũng đủ thấy tính cách quan trọng của buổi lễ rồi. Hai bên đường, những nơi đạo ngự đi ngang qua, đều đặt hương án, hương trầm nghi ngút. Đạo ngự gồm có đạo tiền, đạo trung, đạo hậu, vua quan, quân lính, voi ngựa cờ xí rực rỡ.

Trong khi tế, ngoài các thức hào soạn, người ta còn dùng củi que để thiêu sống một con trâu, đốt hàng lụa và cỗ bàn.

Đàn Nam giao gồm có 4 tầng, tầng thứ tư không liên quan gì đến việc cúng tế còn 3 tầng kia, hoặc thờ Trời Đất, hoặc thờ Thần mặt trời, Thần mặt trăng, các tinh tú, các vị vua của triều Nguyễn đã quá cố, hoặc dùng làm nơi để vua nghỉ ngơi, hay để đốt trâu và hàng lụa, các bào soạn, bánh trái v.v...

Lễ tế gồm có hai buổi, một buổi phụ vào lúc ban chiều như để tập duyet cho thành thục, và lễ chính thì cử hành vào một giờ sáng hôm sau Tiếng nhạc, tiếng xướng, tiếng thày (hát n' ũng bài hát để tế thần) nổi lên, dưới bầu trời yên lặng giữa muôn ngòi đèn được rực rỡ.

Sau lễ Tế Giao, lễ Nguyên Đán được cử hành trọng thể hơn cả. Không riêng gì tại Đại nội mà ở các làng các chùa, triều đình cũng phái quan lại đến hành lễ. Tại Kỳ đài phát lệnh từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, các chùa chiền công thự đều lên nêu.

Buổi lễ chính cử hành vào sáng sớm ngày mồng một. Quân lính mang khí giới, tàn quạt, cờ lọng sắp hàng từ trước sân điện Thái hòa ra đến cửa Ngọ môn, còn có cả voi ngựa trang sức hoa lè và xe ngọc lộ, cửu long khúc binh túc là các loại xe vua thường dùng.

Vua từ điện Cần Chánh ngự ra điện Thái hòa, mình mặc đại triều, ngồi lên ngai để bá quan lạy mừng. Trong lúc vua ngự, trên lầu Ngọ môn rung chuông đánh trống, một số cận thần và quân lính theo hầu.

Quan hẽ nhất trong buổi lễ Nguyên Đán là việc bá quan lạy mừng vua. Thường thường chỉ có các viên quan lớn mới được tham dự những buổi lễ quan trọng (Văn ngũ võ tú: văn từ ngũ phẩm, võ từ tú phẩm). Võ bao giờ cũng kém hơn quan văn một trật). Riêng về lễ Nguyên Đán thì tất cả bá quan, từ nhât phẩm đến cửu phẩm đều sắp hàng trước sân điện để làm lễ bái hạ (lay mừng). Trên sân đã dựng sẵn những cái p'äm son, tức là những tấm bia nhỏ khắc chữ từ cửu phẩm lên đến nhât phẩm, một bên quan văn, một bên quan võ) các quan cứ theo thứ tự để sắp hàng. Các hoàng thân thì được đứng ở trên điện. Trong dịp lễ lạy mừng tân xuân, các quan trong triều và các tỉnh (thường gọi là quan trong và quan ngoài), dâng lên vua hai tráp hạ biếu (biểu mừng) đặt lên trên một cái bàn phủ lụa vàng, chữ gọi là hoàng án.

Suốt trong bốn ngày từ ngày ba mươi đến mồng ba đều có cúng cỗ bàn tại các miếu: Triệu, Thái, Hưng, Thể và tại điện Phụng tiên. Mỗi lần cúng gồm có 32 cỗ, mỗi cỗ tức là một món ăn riêng biệt như: nem, chả, tré, gà hầm, vịt quay, canh, bún trộn v.v... ngoài đó mặn còn có bánh ngọt, và đồ trái. Trong lúc dâng lễ cúng người ta còn chia ra hai buổi. Buổi mai cúng các vị vua, còn buổi chiều các vị công thần được đem vào thờ tại trong các miếu.

Liên quan đến lễ Nguyên Đán, ta nên kể đến lễ Ban sóc cử hành vào ngày 1 tháng Chạp. Lễ này nhằm mục đích phân phát litchi cho bá quan, sau khi Kham thiên giám đã làm và ăn loát xong. Trong lễ này, Hoàng thân và bá quan lạy trước ngai vàng để tạ ân vua.

**Lễ Phết Thức.**— Tức là lễ lau chùi các ấm ngọc, ấm vàng, kim sách ngân sách. Lễ này cử hành tại điện Cần Chánh, nơi tàng trữ các tráp đựng của báu của nước nhà. Các quan đều mặc áo rộng xanh dùng nước thơm (nước nứu với hoa thơm) để rửa các con dấu, các quyển sách bằng vàng bằng bạc đoạn dùng khăn đỏ để lau chùi. Ngoài các bửu tỷ, kim sách ngân sách tướng ta nên lưu ý đến cái phù tin. Phù có nghĩa là giống nhau, tin là tin. Hai vật giống nhau dùng để làm tin. Phù tin là một con cọp vàng cắt đôi, hai mảnh bằng nhau. Công dụng của phù tin là ban đêm, hoặc gấp khi có

bến cảng, vua mang theo một nửa còn lưu lại một nửa, giao cho kẻ thân tín, sau đó, khi vua trở về, nếu lấy hai mảnh đem so với nhau mà phù hợp tức là không có sự giả mạo.

**Lễ Tịch Diền.**— Tịch diền là một lễ có tính cách quan trọng. Vua, hoàng thân, các quan đại thần cày mẩy đường cày đầu năm tại sở Tịch diền trong Kinh thành, để làm gương, khiến các nhà nông noi theo đó mà siêng năng trong việc cày cấy. Trong khi vua cày, Ngài mặc áo chẽn, bịt khăn đường cân, mang hia, tay cầm roi, tay cầm chiếc cày sơn vàng, do hai con bò cũng phủ lụa vàng, kéo. Đi theo hầu vua, có quan Phủ thừa và một viên ấn quan bộ Hộ, người mang thung giống, kè vải giống. Lại có viên quan đi phòng ngừa để hứng phân bò phòng hai con vật có lở bất kính mà làm bậy.

Vua cày xong lên ngồi trên nhà Quan canh để xem hoàng thân và quan lại cày. Đây chỉ là một công việc tượng trưng, vì sau đó sở ruộng được giao lại cho một số chức sắc chuyên về nông nghiệp phụ trách. Lúa gạo gặt được ở sở Tịch diền sẽ dùng để tế Giao, tế các thần và các lăng miếu.

Có liên quan đến lễ Tịch diền là lễ rước Thần Nông, còn gọi là lễ Tế Xuân Lê này không có Vua tham dự. Thần Nông, được tượng trưng bằng đứa bé chăn trâu, cũng như con trâu, sưởi làm bằng gỗ dầu, thân mình đắp bằng đất xé. (Qua triều Khải Định, Thần Nông và Trâu chỉ về vào lụa chứ không đắp bằng đất nứa.)

Thần Nông và Trâu được rước từ Phủ Thừa Thiên về tế tại ngõi nhà tạm thời dựng lên ở cửa Chính Đông. Đi theo đám rước có các quan văn, quan võ, quân lính cầm cờ quạt, tàng long.

Năm nào sẽ mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, thì Thần Nông đi giày cả đôi đàng hoàng. Còn năm nào ông hoảng hốt, chân không kịp mang giày, phải rách ở tay thì năm đó sẽ mất mùa. Một mùa bay được mùa, người ta chỉ bằng theo lịch tàu, nhưng chưa hẳn đã đúng.

**Lễ Du Xuân.**— Các Vua ta không mấy khi đi ra khỏi cung điện, ngoại trừ việc ra Bắc làm lễ Thọ phong, lên Nam giao hoà

lên các lăng để cúng tế v...v.. Vua Tự Đức thì đi ra ngoài nhiều nơi. Vua hay về Thuận an xem tập trận hay thura lương và đi bắn chim ở Thuận trực? Nhưng về lẽ du xuân thì đến triều Đồng khánh mới bắt đầu. Vua ngồi trong kiệu do quân lính gánh các quan văn võ, quân lính mang gươm giáo cờ quạt theo hộ tùng.

Lễ Du xuân này do sáng kiến của người Pháp. Vì lúc bấy giờ vua Hàm nghi thì xuất bón, vua Đồng khánh được tôn lên kế vị với sự hòa thuận của người Pháp. Trong nước, bỗng có cái dư luận là vua Đồng khánh bị giam lỏng trong Đại Nội. Đẻ đánh chính tin đồn ấy, hay hơ cả là nhân ngài xuân, Vua tổ chức một cuộc diễu hành cho thần dân trong nước được trông thấy. Thế rồi qua các triều sau như triều Khải Định và Bảo Đại đều có lễ Du xuân.

Trong một năm ngoài những lễ Kỳ, lễ Đản (cúng cả ngày vua chết lần ngày sinh nhật của Vua. Ngoài vua ra, các hoàng hậu các triều cũng đều có lễ kỵ đản cả) còn có bốn lễ tế khá quan trọng. Đó là Xuân Hướng, Hạ Hướng, Thu Hướng và Đông Hướng. Lễ cúng tam sinh (trâu, heo, dê) một mâm xôi và cỗ bàn, bánh trái. Vua thân hành lạy trước ánh thờ trong các miếu.

Tháng giêng lại còn có lễ tế Cờ Đạo, một nghi lễ mà ngày nay không mấy ai nhắc đến, vì đã bãi bỏ từ năm Thành thái thứ 19 (25-2-1907).

Lễ tế Cờ Đạo khởi đầu từ năm 1829. Trước kia lễ này tên gọi là lễ Xuất binh sau đổi ra Tế Kỳ Đạo.

Vua không đứng tế nhưng phái một viên Võ quan Đại thần làm nhất phẩm.

Buổi lễ được cử hành lúc 1 giờ sáng tại một khu đất, dắp lên một cái nền tại cửa Nam ngoài Kinh thành. Trên bàn hương án ta thấy ba bài vị: Kỳ đầu Đại tướng (Viên tướng đi đầu cờ). Lục đạo Đại tướng (các viên tướng của sáu cờ đạo) Ngũ phuơng kỳ thần (Những vị thần cờ của năm phuơng).

Ngoài ra còn có các hương án phụ thờ các vị thần bảo hộ

các chiền thuyền, các thắn trống coi về xập xôa, trống, còi, súng thường súng đại bác và các loại khí giới khác.

Lẽ có quân lính voi ngựa dàn hầu, lại có những khẩu đại bác để bắn vào lúc chẩm dứt buổi lễ.

Người ta tin rằng tiếng súng thắn công bắn vào dịp Tế Thần Đạo Kỳ có tính cách đuổi tà ma. Cho nên những ngôi nhà ở Huế, nhất là những ngôi nằm dọc theo hai bên bờ sông Hương, mọi người đều sợ bị săn sàng trống, mõ, thùng sắt, roi dây v... Cứ hễ nghe tiếng súng nổ là nhà nào nhà nấy đều trỗi dậy đánh trống, đánh mõ vang lừng, lấy roi dây vụt tã vụt hưu đập mạnh vào cửa, xuống sàn nhà, phản ngựa, mục đích gây được cảnh huyên náo chừng nào hay chừng nấy. Họ cho đó là một phương pháp để xua đuổi ma quỷ.



Trong phạm vi của một tờ tạp chí, lại đề cập đến nhiều buổi lễ một lần, chúng tôi chỉ có thể nêu lên những điểm quan yếu chứ không sao đi vào chi tiết được, xin đặc giả lƣợng thứ.

## BƯỚC KẾ

# LỄ TIẾN XUÂN

## NGHÈNH XUÂN

### DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

PHAN KHOANG

**V**ì chính-sách trọng nông, các triều-đại ta xưa kia, mỗi năm ngoài lễ Tịch-Điền ra, còn làm lễ Tiến Xuân và Nghênh Xuân nữa.

Năm Kỷ-Sửu, Minh-mạng thứ 10 (1829), Triều Nguyễn mới bắt đầu làm lễ Tiến Xuân, Nghênh Xuân.

Trước đó, bệ Lễ tâu rằng : « ... Xét Thanh-diễn, ngày lập Xuân cung tiến Mang-thần (1) và trâu đất đặt trên núi xuân, đều bày trên một cái án. Nghinh xuân là để dâng hòa-khí đến, và cung là một cách gâng dựng, giúp đỡ, còn lấy roi đánh trâu là có ý khuyên việc cày cấy, ngũ ý trọng nông vậy. Nay Hoàng-thượng ta chăm lo người sống của dân, để tâm đến việc canh nông, vậy có gì có quan hệ đến sự khuyến khích đến ngành nông thì có lẽ nên phỏng theo thời xưa, châm chước mà làm. Lễ Tiến Xuân, ngoài Mang-thần và trâu đất ra, còn có Núi Xuân, ấy là điểm lớn của thời thăng bình, xin hàng năm sai quan hưu ty chép ba Mang-thần, 3 trâu đất, 2 Xuân-son, trước ngày Lập-xuân một ngày, phủ Thủ-tuần lập đàn làm lễ trước & đồng-giao, gọi là lễ Nghênh Xuân. Lễ xong, rước một Mang-thần, một trâu đất và một Núi Xuân để & bệ Lễ. Đến ngày Lập-xuân, quan các Bộ, quan Phủ Doãn và Khâm-thiên-giám, đều mặc triều-phục, đem đến cửa Tiên-thợ và cửa Hưng-khánh, viên Thái-giám tiếp nhận, dâng lên, ấy là Tiến Xuân.

(1) Thần Câu-Mang là thần coi về cây cối và mùa Xuân.

Còn một Mang-thần và một trâu đắt thì bày & Phủ thư, quan Phủ Doãn đánh vào con trâu ba roi để tỏ ý khuyễn khích việc cày cấy. » Vua y theo lời xin. Và từ đó, hàng năm, cứ đến ngày Thìn sau tiết Đông-chí thì Khâm-thiên-giám hội-đồng với Võ-khổ lìy đắt nước & phương Tuế-đức mà chế ba Mang-thần, 3 trâu đắt, dùng gỗ dâu làm cốt. (Tuế-đức là thần tốt đức thần, trái với hung thần trong năm ấy, ví dụ như năm Giáp, năm Kỷ thì đức-thần & phương giáp, tức là phương đông, năm Ất, năm Canh thì đức-thần & phương Canh, tức là phương tây; năm Bính, năm Tân thì đức-thần & phương Bính, tức là phương nam; năm Đinh, năm Nhâm thì đức-thần & phương nhâm, tức là phương bắc; năm Mậu, năm Quý thì đức-thần & phương mậu, tức là trung-ương). Rồi xem tháng kiêng năm ấy và ngày Lập-xuân thuộc Can gì, Chi gì mà tính theo ngũ hành và âm-luật để biện rõ hình sắc. Thân trâu cao 4 thước để tượng trưng 4 mùa; cái cốt từ đầu đến đuôi dài 8 thước để tượng trưng 8 tiết, đuôi dài 1 thước 2 tấc để tượng trưng 12 tháng. Mang-thần cao 3 thước, 6 tấc, 5 phân để tượng trưng 365 ngày; cái roi làm bằng cành liễu, dài 2 thước 4 tấc để tượng trưng 24 khí.

Năm Nhâm-Thìn, Minh-mạng thứ 13 (1832), tháng 9, vua dụ bộ Lễ rằng các địa-phương, về việc cày tịch điền và nuôi tằm, đã chuẩn cho theo lời bàn của Bộ mà thi hành. Nhưng còn việc làm trâu đắt và Mang thần, bản ý là muốn chăm sóc việc gốc, khuyến khích nghề nông, & Kinh đã làm trước thì các địa-phương cũng nên thi hành một thề cho phù hợp với cổ lẽ. Vậy bộ Lễ nên bàn để tâu lên.

Các quan bộ Lễ bèn tham khảo điển lễ nhà Thanh, tâu xin lấy ngày lập xuân năm nay bắt đầu cử hành ở các tỉnh. Vua y theo.

Từ đó, hàng năm, đến ngày thìn sau tiết đông-chí thì Tống-đốc, Tuần-vũ, Trấn quan sở tại, sai ty Chiêm-hậu hội-đồng với cục Công-tượng lấy đắt, nước & phương Tuế-đức, chế tạo một con trâu đắt và một Mang-thần, cốt & trong và hình-thức & ngoài thì làm theo như thề-thức & Kinh. Trước kỳ lập xuân chọn nơi lập đàn, trông hướng đông, & ngoài quách phía đông tỉnh thành hoặc trấn thành trước tiết lập xuân một ngày, để trâu đắt, Mang-thần ở đàn ấy, và đặt án & sảnh-

(Xem tiếp trang 26)

# NHAI - THOẠI

VỀ

## CÂU ĐỐI TẾT

TÔ-NAM NGUYỄN-DÌNH-DIỆM

**N**HỮNG tài liệu hùng hồn xác thực đề chứng minh ai là tác-giả một câu đối tết tuyệt diệu ngày xưa.

Theo lệ thường niên gần cuối tháng chạp thành thị cũng như thôn quê, đâu cũng xôn xao sắm tết, ngoài món nêu cao pháo điện, giò chả bánh chưng, người ta vẫn không quên được món câu đối đó. Các nhà yêu văn mỗi khi nhắc đến chuyện câu đối đó thì cũng không quên nhắc đến câu đối của cụ Nghè Chu viết cho người chủ mành Nghè trước đây già nửa thế kỷ mà ai cũng phải ca tụng là câu đọc đáo, chẳng những từ đấy về trước, mà cả từ đấy về sau, chẳng còn câu nào có thể sánh kịp !

Thế mà lạ thay ! Không hiểu căn cứ vào đâu ? hay bởi những tay hiếu sự lập dị ? lại bảo vẽ trên là cửa cụ Nghè ; còn vẽ dưới kia cụ không tìm được chữ đối, phải nhờ cụ Cử hay cụ đồ nào đối giúp.

Câu truyền ngôn trên theo ý riêng tôi thì nó đã làm thương tồn văn danh của bậc thi hào quá cố, nếu nó là câu thất thiệt chẳng cũng ân hận lắm sao ? Vì thế chúng tôi vẫn phải cố công tìm kiếm cho ra sự thực.

May sao trước đây độ hai chục năm, khi còn ở ngoài đất bắc, chúng tôi thường hay qua lại bến đò Hưng-Yên, có được quen biết một cụ đồ già ở ngay chợ Gò thuộc huyện Kim-Động; Thấy cụ nhớ nhiều chuyện cũ, tôi bèn hỏi rõ nguyên ủy về câu đối ấy có đúng như lời đồn lại rằng do cụ Nghè và mấy cụ nữa hợp sức mới làm nên được hay không?

Hỏi xong thấy cụ tỏ ý bất mãn, phủ nhận những lời truyền ngôô, rồi cụ thuật lại một cách rất là tì mì như sau:

Cụ nói vào khoảng cuối năm Nhâm-Dần (1902) hay là Quý-Mão (1903) gì đó, lâu ngày tôi không nhớ rõ. Chỉ nhớ được rằng lúc ấy quan Nghè Chu-mạnh-Trinh đương làm Án-sát Hưng-Yên, mà cụ là học trò quan Nghè, lúc nào cũng ở bên cạnh. Năm ấy có một ông chủ mành Nghè chờ hàng ra bắc bán xong, vào khoảng 20 tháng chạp định trở về quê ăn tết, vì không thuận gió, đành phải đỗ lại ở bến Hưng-Yên, cùng với mấy chục thuyền mành chúng bạn, bỏ neo xếp hàng chữ nhất một quãng khá dài, thuyền nào cũng đã cắm một cây nêu cao ngắt, từ hôm 27-28 đã nghe tiếng pháo nồ giòn, khiến cho quang cảnh bến đò trở nên tưng bừng náo nhiệt khác hẳn cái tết mọi năm. Nên lúc bấy giờ người ta đã gọi nó là một cái tết nỗi của phố Hiển, mà trong đám tết nỗi đó thì người đáng kề nhất là cái tánh cầu kỳ của ông chủ thuyền mành nọ.

Bởi vì năm ấy hàng bán hết, thu được lợi nhiều, ông định ăn tết lớn hơn chúng bạn hàng mành, các món nhai vị đã mua ở trên Hà-Nội cả rồi, nay phải đỗ lại Hưng-Yên thì ngày 28 gặp phiên chợ tết, ông lại lên phố xem có thứ gì hay hay. Sau khi dạo khắp phố phường, nhận thấy nhà nào cũng dán câu đối đỏ rực. Nghĩ mình dẫu theo nghề nghiệp thương mại, nhưng mà cũng mạch thư-hương, nay gặp tiết xuân, lẽ nào chẳng có lấy dăm ba chữ...

Nghĩ thế ông bèn rẽ sang chỗ viết câu đối bán tết, thấy mấy ông đồ đương lúi húi viết; Chữ hán thì câu «Niên niên tăng phú quý, đối với : «Nhật nhật hưởng vinh hoa. Chữ nôm thì câu

« Oanh ca yến múa mừng Xuân trê, đối với « Nước thịnh dân giàu hưởng phước chung ». Đại đê câu nào cũng tả màu xuân sắc sỡ, không hợp tình cảnh cái tết tha nhang của mình.

Riêng có một câu « Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng », đối với « Xuân mǎn càn khôn phước mǎn ». Câu này sự thực nó là câu cũ, nhưng sao mỗi về lại cắt cụt đi một chữ dưới đuôi (câu trên cắt mất một chữ Thọ, câu dưới cắt mất chữ Đường) ? Thấy khách chú ý câu đó, ông đồ mìn cười một cách hóm hỉnh cho biết: chính câu đối này nó đã đưa ông đến trước tụng-dinh xuýt nữa bị nguy.

Nguyên sáng hôm qua có một thiếu phụ gõa chõng vào có vào hạng thứ nhất thứ nhì trong hạt, đến mua câu đối dán tết. Tôi bèn dùng ngay câu cũ, rồi theo cách thức của Yên-Sơn Ngoại-Sử thường cắt bớt đi chữ cuối đê cho câu văn được kêu và thêm già giặn.

Chẳng ngờ khi bà đem về treo ở ngoài cửa thì có kẻ náo độc miệng cắt nghĩa xuyên tạc ra rằng : Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng 天增歲月人增 : Trời tăng năm tháng người thêm ; Xuân mǎn càn khôn phước mǎn 春滿乾坤福滿 : Xuân khắp non sông bụng phồng Đó chữ phúc nghĩa là phúc lộc mà họ xuyên tạc ngay ra chữ phúc là bụng phồng túc là có bầu, chưa hoang, rồi họ buộc cho nhà nho đã nói xúc phạm đến phần tiết trinh của người quả phụ, khiến cho bà ấy nồi trận Tam-Bành, mượn họ làm đơn đi kiện. May nhờ quan Ân túc là quan Nghè Chu-mạnh-Trinh rất mực công bằng, quở trách bà ấy không được nghe xắng kiện bậy, và bắt bà ấy bồi thường danh dự cho nhà nho i quan tiền kẽm đây này.

Ông đồ kè qua câu chuyện rồi mòi chủ thuyền mua giúp vài câu. Nhưng ông chủ thuyền không thấy câu nào hợp với tình cảnh của mình nên vẫn do dự. Ông đồ thấy thế bèn giới thiệu ngay : Vì bằng hoa-ông muốn có văn hay thì phải vào nơi quan Nghè; còn chúng tôi đây viết văn bán chợ chỉ có thể thôi. Nhưng ông nên nhớ : Văn chương quan Nghè mỗi chữ giá

đáng ngàn vàng, chứ không rẻ rúng như văn của chúng tôi đâu nhé.

Chủ thuyền thấy ông đồ giới thiệu như vậy lập tức về lấy 5 lạng bạc với 4 bao trà thượng hảo kèm theo một đôi liễn tàu, đưa vào trong dinh quan Nghè để xin câu đối.

Hồi qua lai lịch và ý muốn xong, Ngài gọi quân hầu đem bút mực ra, rồi Ngài viết ngay một vế. Vừa viết đến chữ cuối cùng của vế trên thì lính hầu vô bờm: Cụ cử ở bên Phù-Lý sang chơi. Ngài vội đặt bút xuống bàn thì cụ đã vào tới nơi chào hỏi: Ô! quan bác cũng chơi câu đối đó sao? Ngài đáp: Không, chúng mình còn chơi chữ với ai mà tết với nhau. Câu này đê viết cho bác lái mành Nghè đương ngồi chờ kia...

Cụ cử ngâm đi ngâm lại vế trên không ngớt khen hay và giục: Vậy bác viết nốt vế dưới xem nào? Vế trên bác đã tập cõ đê nói về cảnh, tất nhiên vế dưới cũng phải tập cõ đê nói về tình. Tìm được câu nào khả dĩ cân đối được với câu trên tưởng cũng khó lắm! Âu là bác đê phẫn tôi...

Cụ Nghè vội vàng gạt đi mà rằng: Vế dưới đê cũng tìm được chữ đối xong rồi, khoái lắm! khoái lắm! Vậy xin bác đừng đọc vội. Chúng ta hãy theo như cách Không-Minh và Chu-Công-Cần ngày trước, mỗi người đều ra một chỗ, đê viết câu mình dự nghĩ vào trong bàn tay, thử xem văn tài của bác và tôi có giống nhau chăng.

Quả nhiên, sau khi viết xong cùng quay trở lại chỗ cũ, cùng xòe bàn tay ra coi, thì hai câu viết trong hai bàn tay không sai một chữ nào cả! Hai cụ vỗ tay cả cười, rồi đem viết ngay vào liễn. Câu đối ấy như sau:

望 春 春 可 憐 (1), 嶺 樹 嶺 重 遮 千 里 目 (2)  
Vọng xuân xuân khă lién, linh thụ trùng dà thiên lý mục.

欲 歸 歸 未 得 (3), 孤 舟 一 翘 故 園 心 (4)  
Dục qui qui vị đắc, cô chu nhăt hę cő vien tâm.

Nghĩa là :

Trong xuân xuân đáng thương, cây núi ngăn đồi nghìn dặm mắt,  
Muốn về về chưa được, con thuyền buộc một mối tình nhà.

Về phần ông chủ mành Nghệ, ngoài nghe các cụ đàm đạo  
văn chương. Nhất là lại được mục kích một lối chơi chữ bằng  
cách hợp-chưởng (合掌 : hợp bàn tay) như Khồng-Minh và Chu-Du  
đã thử nhau bằng một chữ hỏa (火 : hỏa công) ở trong bàn

---

Vì câu đồi ấy toàn là những câu ở trong Đường-Thi. Vậy  
dưới đây chúng tôi xin chú giải để đọc giả thấy rõ văn tài và  
sức học của các Cụ như thế nào.

(1) Tô-Đinh 蘇 頤 đồi nhà Đường, trong bài Vọng-Xuân có  
câu : Đông vọng vọng xuân xuân khă lién, Cảnh phùng tình nhật liêu hàm  
yên 東望望春春可憐, 更逢晴日柳含烟: Trong vè  
phuong đông thấy đèn Vọng-Xuân đáng thương cho Xuân; Lại gặp  
buổi tạnh nắng, bờ liêu nhả khói lờ mờ.

(2) Liễu Tôn-Nguyên 柳 宗 元 đồi Đường khi trèo lên thành  
Liễu-Châu có cảm tác bài thơ gửi cho bạn, câu thứ 5 và thứ 6 : Linh  
thụ trùng dà thiên lý mục, Giang lưu khúc tự cửu hồi trường 嶺  
樹重遮千里目, 江流曲似九迴腸; Cây núi ngăn đồi  
ngàn dặm mắt, Ruột tằm uốn khúc 9 giòng sô̄g.

(3) Trương-Bật 張 沢 đồi Đường, gấp tết Hàn-thực nhớ  
nhà cảm tác bài thơ tú tuyệt, 2 câu kết là: Đỗ thị hưu gia qui  
vị đắc, Đỗ quyên hưu hương nhī biên đè, 等是有家歸未得,  
杜鵑休向耳邊啼. Chẳng khác có nhà về chưa được, Đỗ-  
quyên (chim cuốc) đừng khoắc khoác bên tai

(4) Bài thơ Thu Hường của Đỗ-Phủ 杜 甫 câu 5-6: Tùng  
cúc luồng khai tha nhặt lệ, Cô chu nhăt hę cő vien tâm. 薰 菊 雨  
開 他 日 泪, 孤 舟 一 翘 故 園 心: Khóm cúc tuôn hai hàng  
lệ cũ; Con thuyền buộc một mối tình nhà.

tay, thì ông lấy làm một sự hi hữu (ít có) trong đời. Nhân vì năm ấy được đại phát tài, nên phần hào hứng cao đến tột độ: Ông lại móc túi lấy ra 4 lạng bạc nữa để xin 4 chữ viết vào hoành-phi treo giữa, còn hai vế đối thì treo hai bên. Hai cụ liền cho 4 chữ: Xuân-Lai Giang-Thượng 春來江上: Xuân tới trên sông. Câu này nguyên văn ở trong Đường-Thi là: «*Xuân-lai giang-thượng kỷ nhân hoàn*»: Xuân tới trên sông đã mấy người trở về? Chủ thuyền mành thấy hợp với tình cảnh của mình, lấy làm khoái trí, bái lãnh đem về. Thì là nguyên khoản câu đối đó, ông đã tiêu mất 9 lạng bạc, với 4 bao trà. Thời ấy khen ông là người đã biết chơi chữ lại biết tiêu tiền, thực hiếm có vậy.

Chủ mành bái lãnh câu đối trở ra ngoài rồi, hai cụ lui vào nhà trong đã thấy mâm rượu dọn sẵn, trong khi chén thù chén tạc, cụ Nghè nhắc lại: Lão chủ thuyền kia thực cũng có duyên văn tự, nên mới gặp dịp bác sang, cả hai chúng mình cho hắn đổi câu đối ấy, quả thực tuyệt diệu; nhất là 4 chữ *Xuân-lai giang-thượng*: Xuân tới trên sông, khác nào mình đã đem cả mùa xuân đồ vào khoang thuyền của hắn. Xem ra hắn cũng là tay biết thưởng hương vị trong đám con thuyền Nghệ-An, nên đã tỏ vẻ hớn hở vui mừng như kẻ bắt được ngọc báu.

Biết đâu những áng kỳ văn kỳ bút, nó chả là điềm báo trước sang xuân hắn chả phát tài gấp 10 gấp 100?

Giả thử ngay lúc bấy giờ mình bảo hắn phải tạ thêm mấy lượng chắc rằng hắn cũng xin vâng.

Vậy nay nhờ trời đệ đã săn có thiên quan thiên lộc thì món nhuận bút 9 lượng bạc kia, đệ xin kính biếu đại-huynh để sang năm mới làm vốn «quân-tử chi-du» (có câu *Hà-sào quân-tử chi du* 蝴蝶君子之遊: Tò-tôm là món chơi của người quân-tử). Đó là *bắt phí chi huệ* (不費之惠: làm ơn huệ mà không tổn của mình), xin bác vui lòng...

Cụ cứ mỉm cười đáp: Trên đã ban huệ, kẻ dưới đâu

dám chối từ... Sự thực thì số nhuận bút ấy đâu phải là nhỏ; đối với vốn tồ-tóm cùm của nhà nho, thì cứ đánh rền đến hàng chục năm cũng chưa hết vậy.

Nói tóm lại: Nhại thoại về câu đối đó trên đây, từ ấy đến nay thường thấy truyền ngôn: câu trên là của cụ Chu-Mạnh-Trinh, còn câu dưới là của cụ Cử bên Phù-Lý hay là của một ông đồ nào đó. Nay nhân có người đã được mục kích kè lại như thế, thì câu vẽ dưới là câu của cả hai cụ. Chứ cụ Nghè Chu là người đã chiếm giải nhất về bài phú và 20 bài thơ vịnh truyện Kiều, thì cụ có nghèo chữ đâu mà phải vai mượn?

## TỔ NAM NGUYỄN-DÌNH-DIỆM

---

*Tiếp theo trang 19*

thực. Đến ngày lập xuân thì Tống-đốc, Tuần-phủ, Trần-quan dẫn các quan văn, võ dưới quyền mình, đều mặc áo đai mũ thường triều, đem trâu đất và Mang-thần tới đàn làm lễ đón xuân. Rồi lại mang về dinh thự; Tống-đốc, Tuần-phủ, Trần-quan đứng trước sân cầm roi đánh con trâu đất ấy 3 roi, để tỏ ý khuyễn khích việc cày ruộng, đoạn để yên ở trong cung đường. Từ đó, hàng năm, khi lễ đón Xuân đã xong thì đem trâu đất và Mang-thần năm trước chôn & chở đất sạch-sé.

## PHAN KHOANG

(Trích dịch Đại Nam thực lực chinh biên đệ nhị kỷ.)

# CẨM TƯƠNG

về

## TẾT TRONG NAM

VŨ ONG-HỒNG-SỄN

TÙ Y cùng một gốc nhung nước Việt ta, Bắc-Nam-Trung, vẫn thường Tết không đâu giống với đâu: Tết trong Nam mộc-mạc sơ sài, không như Tết miền Trung và ngoài Bắc, trước đây giữ nhiều lễ phép và kiêng-cử. Tuy không lạnh lẽo đến có tuyêt rơi giá phủ, nhưng Trung và Bắc, có đủ xuân-hạ thu-dông bốn mùa phân biệt: Các thi ông ngoài nó hơn chúng tôi ở trong Nam vì được thường Xuân trọn vẹn, khi chén rượu ấm lòng, khi câu thơ phấn khởi, khi nhấp chén trà hương đượm... và ngoài ấy mới thấy chiếc áo ngực hàn băng dạ băng nhung có mảnh lực làm tăng giá-trị con người và cũng làm khổ con người băng cách bắt buộc mọi người phải tùy theo túi tiền, săn sóc và chạy theo từ cái « ăn no mặc ấm ». Nhưng đã là « ăn Tết » đúng theo ý-nghĩa tục-lệ ông bà để lại, thì đâu đâu cũng như nhau, đúng dịp Tết nhứt để mừng đoàn-tụ gia-dinh, tưởng-niệm cúng vái tổ-tiên đã khuất, há đợi gì: « Xuân từ trong ấy mới ban ra » ?

Mấy chục năm nay, chiến tranh không dứt, nhơn-tâm suy bại, khiến nên cái Tết đã thay đổi rất nhiều và trở nên tạm bợ, ai ai cũng có ý-nghĩ « chờ hết giặc sẽ ăn Tết lớn »... chờ trước kia, trước năm đảo-chánh 1945, miền Nam dật lạc thái bình, tiền ròng bạc biển, ngày Xuân đối với con dân làm ruộng, quả là những ngày xả hơi và phai thừa dịp ấy, ăn chơi cho thỏa phỉ chí. Thời-tết trong Nam luôn luôn có tiếng là khoan-hậu: nóng đều đều, tuy không cho phép nhà giàu mượn dịp tra mai bộ đồ dạ ấm đắt tiền, nhưng sức nóng mặt trời trong

Nam không bao giờ đến cháy da phỏng trán, và ấm áp dễ chịu quanh năm. Tự cổ chí kim, chưa nghe có nạn chết rét vì thiếu y-phục, hoặc chết đói vì thiếu cơm. Bè cây cần trúc tạm, ra ruộng đứng nhấp nhô cũng có cá tươi kho đầy mẻ, đến ăn không hết. Còn nói chỉ làm siêng ra đồng quo bậy bạ cũng đủ nấu nồi canh rau nhẹ lòng. Thiết-tưởng miền Nam từ Đồng-Nai đến vùng Cà-Mau, trước đây, trước khi bị nạn tranh-giành cẩu xé như nay, quả là một Phật-địa, cảnh thiên-đường, cảnh cực-lạc giữa chốn trần-gian. Thuở ấy trong Nam lúa thóc đầy đồng, cá tôm đầy đầy, có đâu như ngày nay tuy đồng sống chung trên ruộng vườn mầu mỡ, mà phải ăn gạo viện trợ và ăn thịt heo ướp lạnh chờ từ phương xa đem lại. Còn đâu cái cảnh cũ, tôm tép ăn không hết đến phải phơi làm « phân tôm » xa xí để dành bón trái dưa hấu ngọt lịm của bãi biển Bạc-Liêu hay dưa đất giồng Xoài-Cà-Ná (Sóc-Trăng)? Ngày xưa dân Miền Nam không bao giờ thiếu ăn, không cần nhờ nhão nước ngoài và hưởng nhiều Tết thú vị. Ngày nay Tết không cánh đã bay về đâu mất dạng và mỗi lần gió xuân phất mặt, đường như đã làm cho mình thêm tê-tái cõi lòng.

Mấy chục năm về trước, Miền Nam gồm toàn người cùi lụt làm ăn, đầu tắt mặt tối, quanh năm chørn lấm tay bùn, lặn lội eo sào trong sinh lầy nước thúi, chỉ có mỗi lần Tết đến mới có dịp nhớ đến ngõi nhà đang ở và ra công quyết tuốc dọn dẹp từ trên trang thờ đến bếp núc ông Táo Ông Voi, một năm chỉ có một lần ấy mà thôi. Nhà nào có vườn có sân thì đốn tre trống nêu để nhắc lại cổ-tục xưa, nhà nào ở chợ búa phò xá hép hòi thì cũng treo cờ trước cửa cho gió bay mấp máy thấy đủ vui mắt, nhưng nhà nhà bắt luận sang hèn, đầu ợp ép bằng tre lợp lá chầm lá khíu, cũng có đôi liền mói dán đồ cột và trên bàn thờ tổ tiên sao sao cũng có lộc-bình, quả-tử, nhứt là phải có bộ lư đồng và cặp churn đèn thau o-bé chùi bóng nhоáng rất nên thơ. Nhớ đến phong-tục chùi lư mà tiếc hối buổi xuân thời: lúc nào còn bé thơ, mãi sợ nạn chùi lư vì mỗi tay thêm mất dịp đi xin bánh và đi lượm pháo tết rgòi. Nay đã khôn già thì người lớn đã khuất hết, tiếc cho mình nay không còn cha mẹ để được bắt chùi lư! Phong-tục dân làng Tết nay đã lui lẩn vào dĩ vãng.

Gỗm lại xưa các nhà làm ăn vừa phát, vẫn nhà gỗ cột tre cột cây tạp nén ba bùa Xuân phải nhờ đai liên đai che cho cột gỗ bót xấu xí và cũng vừa để khoe trong nhà còn hiềm kẽ đặc-tho-nhàu :

« Thiên tăng tuế nguyệt, nhơn tăng thọ,

« Đức mân càn khôn, phuộc mân mòn.

vân vân... Ngày nay tân tiền, là tân tiền chỗ nào ? Sự dán liền phết hờ dơ cái mặt tiền và làm bẩn cột gạch, thường đá nhân tạo ! Lại cũng còn đâu đủ tài ăn học, đọc nổi câu Hán-văn hòng thường thức ý-nghĩa câu đổi câu liền ? Nhắc đến lư thờ mà tủi lòng : nhiều nhà khá giả có đến ba giàn giường thờ, nay không còn giữ được một. Lớp nào khi tân cư năm 1945-46 đào đất chôn giấu lư xưa, khi hồi cư moi lên thì kẻ trộm nó đã moi trước lấy mất tự bời nào, lớp lại thật thà tự tay dâng cũng cho đồng chí năm xưa tuẫn lè thau đồng ái-quốc lấy đó làm súng đạn chống giặc Tây,... nay nhớ ông bà muôn sắm mua lại cũng không có thợ khéo chỉ có lư hàng chế tạo dồi trà, đồng xấu, kiểu không đẹp. Lối năm 1920, bộ lư đồng năm tắc bè cao, giá độ năm chục đồng bạc lớn, nhưng năm chục đồng bạc ấy lớn thật, có bao nhiêu ấy mua sắm lung tung và giá trị năm chục đồng bạc 1920 còn lớn hơn năm ngàn bạc ngày nay xa lắc ! Có thứ lư thau tron dẽ chìu, & trên chóp đỉnh có đặt con lân giòn trái châu, đứng nhẹ rằng cười « cầu phúc » có thứ lư gỗ ghề rất khó chìu cho bóng, vì lư làm theo kiểu « lư mắt tre », lư « trúc hóa lân ». Lư tron láng thì phải lựa thứ kiểu thật râm, xứng trái xứng bè cao. Lư mắt tre thì phải lựa cho được thật hung-vi, bẩm trợn, cân xứng y gốc tre già cỗi đã biến hình thành con thú, con lân. Muốn chìu lư cho bóng, lợ là phải có dầu bóng hiệu Tây-u cho thêm tốn nhiều tiền. Miễn có khéo chua đậm giập lấy nước chua chấm với tro bếp thât mặn, chấm với « cật bần » cọ xát thật mạnh thì bao nhiêu ten rỉ cũng sạch. Lư khéo chìu là đến khi nào bóng sáng đèn ngó thấy mặt tỏ rõ, nhưng bóng lộn không chua đủ, thuở ấy con mắt mỹ-thuật còn kén thi nhau khoe khéo khoe tài. Giới chìu và biết « trau lư » là nhà nào lư bóng như kiếng soi thêm toàn trên da đồng, tìm không thấy lằn gạch lằn trầy, lằn rẽ tre vẫn sọc. Như đã nói, nhà cửa lớp xưa, mỗi năm chỉ

đổi bộ mặt mới có một lần và phải đợi năm sau mới có dịp quét dọn lau mò hóng, quơ váng nhẹ lại lần nữa. « May sắm hè-rầm » và muôn có áo mới; mặc tình đến tiệm, lụa hàng đặt may. Xưa muôn cắt áo phải tra lịch lụa ngày, và trẻ nít phải đợi đến Tết mới có dịp cha mẹ may cho cái quần lanh Bắc-Thảo hay cái áo lá liêu bằng cung-xá hay hàng lụa Tứ-Xuyên bền chắc. Ngày nay đâu còn hạnh-phúc mừng xuân đến « không nhầm mắt được » và tục chờ mai đến Tết để được bận đồ mới! Tượng trưng « ăn Tết » đổi với trẻ con buổi ấy là mỗi lần cận Tết, đêm nào cũng nghe cô bác « đồ Tam-Hường » tiếng hột lút lát ngà nhảy bồng trong tô da kiều, tiếng xu bạc khua khi chung tiền, tiếng cười giòn khi đồ được Trạng-Nguyên, Bảng Nhản hoặc khiêm-tốn chỉ đồ « Ngũ tử phò tú », tức là sáu hột có năm mặt chữ « Ngũ » và một mặt tứ màu hồng. Chiều ba mươi cũng « vào Khem » trong Nam cũng giản-dị đơn-sor, không quá kiêng cữ như ngoài nó, và « vào Khem » đổi với dân « lục tinh » mấy mươi năm về trước thì thâu gou lại như nhà mấy ông mấy thày tức nhà quan quyền thì rước ông bà nội ngày ba mươi hoặc trưa hoặc chiều đều được, còn như nhà thường dân, dân dã, thì vẫn rước vào đầu hôm một lượt như nhau. Cứ từ chặng vọng tối bắt đầu phải giữ già cho trong nhà bình tĩnh, không nên cười lớn và khi nói phải lựa lời, cử chỉ phải thanh bai lễ giáo vì hiểu rằng vào khem trong nhà có rước vong ông bà quá vắng về sống chung ba ngày xuân nhứt với con cái, nên phải thủ lễ. Lại nữa cũng tin-tưởng, tin rằng đêm ba mươi rạng mồng một Tết, có ông Hành cũ và mới đến nên trong nhà nhỏ lớn đều kiêng, không « động đất ». Cái cổ-tục « hai nhà binh giao việc đã qua và sắp đến, ông Hành giao việc » đã phải mơ trong trí óc mệt mạc dân Nam, có họa chẳng độ mấy mươi năm trước nhớ có một tờ báo Xuân nào đó, ngạo mạn dám vẽ hình bìa ông Táo-quân cũ quần áo rách nát và khói đóng đèn xì, Táo cũ chưa bước ra cửa tránh chỗ nhà trong cho vị Táo-quân mới áo mao xúng-xính đồ loe-loét, tuy vẽ chơi làm vậy mà đã đúng chạm vào cổ-tục, và phàm đã bắt kính thì lần hồi những tục xưa lệ tốt cũng khó được bảo tồn. May sao, tuy vậy, nhiều gia-giáo ngày nay còn giữ được lệ cấm nói tục-tiểu ba ngày Tết và bỏ rầy la con cháu khi làm lối buổi đầu xuân ý tốt muỗi giữ

là mong năm mới và suốt năm ăn nói thanh bai thì sẽ trọn năm không xúi quấy.

Nhưng ngày nay xem cho kỹ, cái thị hiếu và cái sở cầu hai thế hệ xưa và nay đã đổi khác, xưa quen, thấp đèn dầu dĩa mờ, nay toàn dùng điện dùng neon, cho đèn thon què cũng một nơi có máy điện viện trợ chạy nghe xanh-xạch, xưa kia ngày Tết là ngày tưởng niệm vong linh ông bà, con cháu thưa dịp ấy qui tụ về nhà chung để giáp một năm thấy mặt mừng nbau khoẻ mạnh, nay đã đổi khác thưa dịp Tết người lớn tha hồ đi nghỉ mát, cặp tay nhơn tình đưa nhau ra bãi biển giốn sóng hay lên non hứng gió, ông bà tổ tiên phủ mặc cho vợ con hiu quạnh cúng quẩy lẩy lể. Tết Bính-Ngo đã qua, Tết Đinh-Mùi sắp đến, cũng như bao nhiêu Tết khác nếu còn được hưởng, đều là Tết điện sáng vàng, neon sáng xanh, nhưng biết đâu chừng cái sáng sửa văn minh tân thời chỉ sáng bề ngoài để thấy càng thêm thấy rõ nạn chiến tranh dai-dẳng không thôi, giết chóc kéo dài không dứt và trọng lòng coi rẻ mạng người và sắc mùi bôn danh trực lợi chợ đèn chợ đỗ hơn bao giờ cả, sao bì được những Tết cổ-lỗ năm xưa tuy thấp mờ dầu mà trong lòng thợ thoi sáng sửa hơn nay nhiều. Thậm chí tuy thấp đèn dầu mù-u hay dầu cá, có năm 1931-1935 kinh tế khẩn bách đến vùng Mỹ-Thuận và Sa-Đéc thấp đèn dầu mờ chuột tanh rì, nhưng vậy mà dầu sao cũng lúa gạo chứa đầy mái đầy thùng, cá mắm cá lu, và tết đến lại có dịp vặt mây hát thúc xem đèn dầu, tim bàng cỏ bắc trồ bông báo điểm lành và nhở đêm thanh tịnh không tiếng súng nổ mà cũng không tiếng máy bay rầm rầm, nên cổ-nhân canh chừng mới biết được «con thú gì ra đời»: gà gáy đem lại thăng bình bay chuột túc con bảy điểm sang năm sung túc. Mỗi dịp tết đến, dẹp đèn chong leo lết, lấy trong tủ cây đèn họng ba mươi Huê-Kỳ ra thấp, hy vọng sang năm mới trong nhà trong cửa sáng suốt hơn năm rồi có đâu như ngày nay tuy đã vượt xa cái cảnh tối tăm cũ, nhưng dầu nhà sáng hơn thật nhưng nhiều gia đình vẫn nội tâm bẽ bối còn rối rắm hơn bao giờ. Và mãi bao giờ còn ruồng xét ráp bồ, bắt bồ, đánh qua càn lại, thì đâu có yên ổn cho dân cư làm ăn vui Tết: thà sống âm thầm như buổi trước mà nhẹ lòng đỡ lo hơn. Ngày xưa trông

mau đến Tết đặng về quê thăm nhà. Ngày nay đường xá bể tắc thêm bị lụt bị đào, thôn xã bắt an, còn đâu cảnh từ hai mươi lăm hai mươi sáu Tết, nô nức nhộn nhịp băng đường kẽ & Lục-Tỉnh trôi đầu về Sài-Gòn, kẽ & Kinh thành lại hơ hãi lội về quê ăn Tết! Ngày xưa bên Trung-quốc tải qua đây hoa-quả đặc biệt: trái hồng khô hai xu, trái hồng tươi và trái cam Tàu (cam Quảng-Đông dính vỏ, cam Triều-Châu tróc lóc) mỗi trăm trái chỉ có sáu bảy đồng bạc mà ông bà thuở ấy đã le lưỡi than mắc không dám mua ăn, nay Tàu đã nhuộm đỏ, dân Nam không được phép chơi với mày và tao ăn qua nho tươi Âu-Mỹ, mỗi ký giá bạc trăm bạc ngàn và trái lê trái táo ngoại bang tuy là miệng nhưng vẫn nhớ cam Tàu có cái hậu thanh thanh mát đúc giọng. Bởi xưa ham uống rượu Trung-hoa, hiệu « Ngũ-gia-bì » nên khiển đàn ta say ngủ lỵ-bị, và thích uống « Mai-quế lộ » nên thường túy lúy năm đo đường té lộ. Khách tân thời đua đòi theo Âu-Mỹ, có độ uống sâm-banh cổ-nhác, nay day qua chai ba góc hay chai vuông huých-ky. Sao cho bằng uống mỹ-tửu quốc-hồn: rượu để lâu đặt tại Thủ-Đức với nếp đầu mùa, do các chị đàn bà Bắc tải xuống chợ Bà Chiểu và để đánh lạc mắt nhà đoàn, giả bụng chửa đ potrà bụng thè lè, chó kỳ thật chị mang bóng bông trâu phơi khô, trong chứa hai ba chục lít rượu nếp chánh hiệu có bọt. Xứ Cai-Lậy (Mỹ-Tho) nay đánh luog-tung — trước đây có đặt rượu đậu nành nước trắng trong khe, mùi thơm ngọt có thua gì rượu Tây, rượu lục-vị, Pháp-danh là Anisette.

Ngày nay tiếng súng nổ quanh đêm suốt năm lần át mốt tiếng chày giòn quen tai cận Tết già gạo làm bánh phồng dịp đầu Xuân và khói lửa chiến binh đã dập tắt lửa cuối năm nấu bánh tết bánh chưng. Ngày nay muốn ăn những bánh kheo gọi Tết, đã phải nhờ quán khách làm sẵn, chó còn đâu lửa reo vui mắt bữa chưng bánh chưng quanh gia đình đoàn tụ, ông kỹ-sư tóc hoa râm, đứng chờ bánh nói chuyện với nhà học giả quá mùa, xúm xít gần bà mẹ tuy lụm cụm nhưng không khứng bỏ tục cồ truyền. Hai ông tân nhơn vật tuy bụng chứa đầy văn minh Âu-Mỹ, nhưng trong lòng thỉnh thoảng vẫn thèm vẫn nhớ miệng bánh phồng nướng băng lửa thơm ngọt,

hay miếng bánh nhữn đậu giữa có cục mờ béo bùi của đòn bánh tết gói và nấu tại gia, bánh ấy tuy xấu mặt nhưng hương-vị đặc biệt đã đánh lui các bánh Tây bánh ngoại-quốc dồn vào két tủ buối Tân Xuân.

Ngày nay miền Nam càng tiến hóa bao nhiêu càng đi xa lẩn và lảng quên những phong-tục cũ. Độ nào phải chờ Tết đến mới có dịp cho trẻ con thấy đồng xu đỏ au và bạc các phong gói trong tờ giấy làm gói « lì xì » tân niên. Được vài ba gói trẻ đã mừng húm như vậy mà con nít chóng lớn và người lớn thấy vậy cũng phấn-khởi thấy đòi th m vui. Ngày nay đổi đổi, trẻ con đi học đã có bạc ngàn bỏ túi, và thử cho trẻ một tờ giấy bạc năm trăm, chưa thấy nó mừng bằng lớp trước đây, được thuởng nửa đồng bạc đã cắp ca cắp cùm để dành và đó là sưu-tập-phẩm cà-rô-bi (roupie) hiếm có.

Mấy năm gần đây có tục-lệ đầu năm đi xin xăm nơi miếu Tả-Quân trong Gia-Định, báo hại các bà di-cứ ham hái lệc như thuở nào & ngoài kia, báo hại kiêng cây kiêng gốc trong Lăng trại lủi lá cành. Xin lệc là một phong tục cổ kính của xứ có hoa đào hoa hồng hoa thủy tiên. Đất Nam-Trung ít bông nhiều lá làm gì có hoa chờ chờ để hái lệc?

Nhắc lại một phong-tục nhỏ trong Nam. Ba ngày Tết trong này ăn dần thịt kho thịt lạp xưởng và vịt phơi khô, nhiều ngày qua nên lợm giọng, vì thế qua ngày mồng bốn Tết có lệ « cúng tất », tép nhà tép cửa — Ngày ấy nấu bùa cõi cúng đặt đai ông bà, lẽ tất, đợi để có tục lộ cắt giấy kim ngân ra hình vuông hình hổ-lò để dán vào cột cửa tủ bàn và dâng lên bàn thờ Tổ-tiên « nồi cháo cá ám ». Cũng thì cháo cá nhưng cháo nấu kiểu cá luộc chừa thì vẫn cá luộc sơ và xắt khúc, không để nguyên con, còn trái lại « cháo cá ám » là nấu nồi cháo rất kỹ, cá để nguyên con không chặt ra khúc và khi nấu nồi cháo vẫn không dậy nắp vung (nấu ám). Theo tôi đây là món thuốc vệ-sanh trừ độc của ông bà lưu truyền lại, vì ba ngày Tết ăn mờ đã nhiều, qua mồng bốn ăn tô cháo ám có rau ghém chát xắt nhỏ, chuối cây non và rau thơm,

vừa nhẹ lòng khoan khoái thêm ngọt miêng, trả bùa, nghệ-thuật bí quyết trường sanh là đó!

Nay cũng thấy bớt đi cái tục « cung chúc tân xuân », xưa có lẽ sáng mồng một thay nhau đi vái lạy ông bà lối xóm và chúc nhau bằng cánh thiệp viết tay có đế tên họ và câu chúc cổ truyền. Nay đã thôi đi « cung hỷ » và quen nhở nhà bưu điện đem thư giùm, làm cái việc trả nợ quỉ thần báo hại mỗi lần Tết người đem thơ mõi lần đỗ quạo.

Người Việt ta vì quá đua đài chạy theo cái mới lấy cái Tết Dương-lịch làm lớn và thuần phong cổ tục về Tết âm-lịch đã mất lần hồi. Tục thờ kiêng ông bà đã xem nhẹ hơn xưa và cái lễ Tết là lễ nhỏ người chết đã trở nên ngày xả hơi vui chơi của người sống. Chúng ta có thể giản-dị-hóa phần nào những gì phiền phức rườm rà, nhưng không nên để cho mất ý nghĩa của cái Tết cổ truyền của một xứ lấy việc nông-tang làm gốc, chó nên quá duy vật mang ăn chơi vui sướng cho mình mà quên câu « mệt bỗn thủy nguyên » trước có ông bà sau mới có ta vậy. Theo tôi, ngày Tết Nguyên-Đán phải được bão tồn với bao nhiêu cổ-tục của nó.

13-XII-66

# tục THƯƠNG XUÂN

## của đồng bào CHÀM

### HỒI GIÁO

DOROHIEM

**N**HƯỚNG chúng ta đã biết, tại nước nhà hiện có một số đồng bào Chàm sinh sống. Một phần lớn tại miền Trung (các Tỉnh Ninh-Thuận và Bình-Thuận), một số khác định cư tại Tỉnh Tây-Ninh, Tỉnh Châu-Đốc (Nam-Phần) và một số đáng kể lập nghiệp tại Saigon.

Tại miền Trung, trải qua những giai đoạn thăng trầm của thời cuộc, đồng bào Chàm Hồi-Giáo (tục gọi là người Ba-Ni) sống trong những thôn ấp riêng biệt, có những vòng rào kiên cố, hòa đồng với sắc thái huyền bí địa phương (như tôn thờ các đền tháp) nên việc hành đạo đã có phần lệch lạc đối với Hồi-giáo chính thống. (1) Trước lại, đồng bào Chàm Hồi-Giáo Nam-Phần từ lâu nay đã có sẵn một hệ thống tổ chức thôn ấp hoàn mỹ dựa vào Hồi-giáo-luật nên đã sẵn có một số phương tiện vật chất lẩn tinh thẩn cá

(1) Chàm Bani tức là Hồi-giáo để phân-biệt với Chàm Kaphir. Kaphir không theo Hồi-giáo mà phần nhiều theo đạo Bà-la-môn. Họ cữ thịt bò và tôn thờ con bò. Việc này thật khác-biệt với trường-hợp cữ thịt heo của người Hồi-giáo vì xem con heo như là vật nhơ uế.

— Lễ mǎn chay Ramadan thường cũng được đồng bào gọi là Roya Phi-trat hay khác hơn họ phiên dịch là ngày Tết gày cho nhiều người nhầm lẫn là có đến 2 cái Tết trong năm. Thật ra đó chỉ là một giáo-lễ trong năm nhằm kỷ-niệm ngày ALLAH truyền chuyền xuống trần-gian qua trung-gian của Thánh Muhammad, quyền kinh COR'an. Ý-nghĩa của một ngày lễ trọng tựa như ngày rằm tháng 8 âm-lịch vậy.

bịt, với những vị lãnh đạo nguyên trước kia được đào tạo tại MÃ-LAI-Á hay Thánh-địa MECCA (Arabie-Séoudite) nên sinh hoạt tôn giáo & đây có liên hệ thường xuyên với các Trung-tâm Hồi-giáo thế-giới, qua trung gian của những người hàng năm xuất ngoại hành-hương Thánh-địa MECCA.

Do đó đồng bào Chàm Hồi-giáo đã sử dụng niên lịch Hồi-giáo và hàng năm trong sinh hoạt của cộng đồng vẫn có năm tân canh lун, cũng có mùa xuân ngày Tết, vẫn tổng cựu nginh tân... mà đồng bào gọi là « barei-Roya » (có nghĩa là ngày giáp năm).

## 1.— MỘT VÀI CHI TIẾT VỀ NIÊN LỊCH HỒI-GIÁO:

Trong nhiều trường hợp người ta hay gọi là tắt là « Hồi lịch » cho nên dễ gây nên ngộ nhận là quyền lịch của Hồi-Quốc (Quốc-gia Pakistan). Sự thật gọi là lịch Hồi-giáo (muslim-calendar) vì các Quốc-gia Hồi-giáo thế-giới đều sử dụng đồng nhất. Nó cũng không có nghĩa chỉ một loại lịch mà tất cả các nơi đều nhập cảng và sử dụng, thật ra là căn cứ nơi một xuất xứ duy nhất gọi là « PHA-LẤT » (tài liệu căn bản tính thời gian, ngày tháng) do Trung-tâm Hồi-giáo thế-giới (World Muslim Congress) lập ra và các vị TUAN vốn du học tại nơi này đã có một trình độ hiểu biết về giáo lý uyên thâm sẽ soạn lại thành niên lịch.

Tại Việt-Nam, hàng năm Văn-phòng Hiệp-Hội Chàm Hồi-giáo (Saigon) đều có ăn hành để phân phối trong tập thể, và công việc nghiên cứu thực hiện này do Tuan Haji SAHAT đảm trách.

Có sự trùng hợp với mùa trăng, nên lịch Hồi-giáo được xem như lấy tuần trăng làm đơn vị căn bản. Và trên toàn thế, cứ tháng 29, rồi đến tháng 30, luôn chuyển mà không có nhuần. Do đó có những năm, lịch Hồi-giáo chỉ xê xích ngày tháng với dương-lịch và âm-lịch đôi chút mà thôi. Cũng nên nhắc & đây, lịch Hồi-giáo có ghi cả ngày tháng dương-lịch nữa. Đó là một cố gắng đáng kể nhằm giúp đỡ cho tín-hữu mọi sự dễ dàng trong sự giao tiếp hàng ngày với đồng bào Kinh.

Các ngày Thánh-lễ Hồi-giáo (đồng loạt với các quốc-gia Hồi-giáo thế-giới) đều có ghi rõ trong lịch, đây là phương-tiện duy-nhất giúp cho cá-nhân vì sinh-kết rời khỏi thôn ấp của cộng đồng nhó đến giáo-dìều và tập-tục ràng buộc để thực-hành nghĩa-vụ. Vì thế người ta không ngạc-nhiên về những trường-hop đồng loạt cử hành giáo-lễ của tín-đồ Chàm Hồi-giáo & nơi nơi, thí-dụ như lễ nhập chay Ramadan, Nispur, Arwaoh, Moulod (sinh-nhật thánh-tồ Muhammad)... mà ngay một cá-nhân đơn lẻ cũng ít khi bỏ quên, dù đang sinh sống bất cứ nơi nào.

— Về ngày có thể so sánh với dương-lịch như sau :

Harei Đid : Chủ nhật, Harei Sôm : thứ hai, Harei Ngà : thứ ba  
— Bud : thứ tư, — djip : — năm, — Sud : — sáu  
— chag : — bảy,

— Về tháng có những danh xưng và ý-nghĩa riêng :

Theo thứ tự, khởi đầu từ tháng giêng, như sau : Mubar-rom, Sgo-phar, Ro-bin-ul-wäl, Ro-bi-ul A-khir, Jäm-dül Awäl, Jäm-dui A-khir, Ro-jäp, Saa-ban, Ramađan, Säk-wäl, Zul-so-y-dha, Zul-Had-jah,

Trong tuần lễ, ngày thứ sáu còn gọi là « Zäm-ah » là ngày Thánh-lễ (tựa như ngày chủ nhật đối với Gia-tô-giáo). Tại các Thánh Đường Hồi-giáo (Madjis) đều có tổ chức lễ cầu-nghịen long-trọng quy tụ hầu hết tín đồ của tập thể thôn ấp. Cũng do đó ngày này đã trở nên ngày không « lành » đối với cuộc khởi công làm ăn, vì lẽ hiểu là cá-nhân đó vì công-việc mà đã bỏ dở buổi Thánh-lễ, trái nghĩa-vụ mà ít cá-nhân tín-đồ nào dám vi-phạm.

Cung trong quan-nêm trên, mọi sự xuất-hành làm ăn còn được khuyến cáo tránh trùng-hop vào những ngày thứ tư cuối tháng (harei-Bud-a-khir pou-lan) tựa như là mùng 5, 14, 23 của âm lịch được xem như là ngày « hỏa ». Theo Đại-giảng luận (KITAB) đó là ngày nǎu loại chi trùng-phát những kẽ ít chịu làm lành tránh dữ của Thượng-đế (Allah), có nghĩa là tai-hoa sẽ rơi xuống mà người đói không thể biết được ngày nào và sẽ nhầm vào ai.

## 2.— NHỮNG NGHI - THỨC NGHINH TIẾP « HAREI-ROYA » :

Như trên đã nói, Roya có nghĩa là giáp một năm nên đúng ra phải nói là lě giáp -năm. Nhưng cũng chính ngày này, tại MECCA hàng triệu tín-hữu hồi-giáo tú-phương đến hành-hương Thánh-địa bắt đầu cùng thực hiện các lě-tục để rồi sau đó hồi-hương được mang trước-c-vị « HADJI » nên nó còn là ngày trọng đại mà cá-nhân nào cũng ao ước, do đó ngày lě giáp năm còn gọi là « harei-Roya-Hadji »

### A. CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ « TÀ-TUỒN THUN-PÀ-HẦU » :

Do niên-lịch đặc-biệt trong nhà mà mọi người đều biết ngày đi tháng vè, và chuẩn-bị kỹ-càng mọi sự việc, ngay cả công ăn việc làm để nghinh tân tổng cựu. Thường thì những cá-nhân rời quê vì sinh kế nếu sắp xếp tiễn đều trở về lần lượt ngay từ tháng chay Ramadan (khoảng tháng 10 hồi lịch) để không chỉ chuẩn-bị riêng tư-gia mà là cùng tập-trung nhân-lực và tài-lực vào công-tác trang-hoàng, chuẩn-bị cho ngôi Thánh đường chánh của tập-thể (madjis). Riêng vè thauh-niên, trẻ con thì đảm-trách công-tác tập thể: phát quang vươn tược, đường lộ chính hướng về Thánh-đường và hồ nước thiêng (CULLAH) dành cho việc nước « sambahyäng » ngày chính lě.

Công tác chuẩn-bị này được chính thức soát xét lại đúng vào thứ hai mươi bảy tháng chạp (màlām ḍoa-pa-lu-đa-chuh) cuối năm, chính đêm này trẻ con sẽ làm lě « chạy đèn » suốt từ đầu làng đến cuối làng với những điệu hát tiễn chân gọi là « PO-PU'-PEÁ-PU' » khoan nhặt từng hồi thật buồn bã. Riêng tại Thánh-đường một lě cầu-nguyên được tổ-chức linh-dinh nhằm tiễn chân năm cũ và xin Thượng-đế ban cho một năm mới an-lành, sung túc (Xem-ma-cư thun-pa-hầu). Kể từ ngày này, thường dã là những đêm không ngủ, và nhà nhà bắt đầu làm bánh trái dự trữ gồm nhiều thứ: nem parang, ha-pum, pây-kgah, cha-doll, pây-nung, và nhất là loại bánh đặc-biệt « Đin-pà gòn » làm bằng loại nếp tốt nước cốt dừa, dồn đầy vào ống tre và thuỷ cho đến chín ăn rất béo và thơm tho lạ thường.

Các cô gái vào tuổi trăng tròn (vì không thể ra đường tự tiện đơn độc ban ngày) bắt đầu nắn nỉ anh em đi tìm dùm lá

« CHÀ MIỀN » để đem tán nhuộm cả móng tay và chon (cách đệm dép) biểu hiệu cho một tia sáng hạnh-phúc tương-lai. Loại hoa đặc-biệt gọi là « Pà-ngư MLIH » cũng rất được quý trọng trong dịp này. Các cậu thanh niên muốn làm đẹp lòng nàng thôn nữ cứ việc tìm cho nhiều về gửi tặng qua trung-gian của các bà hiền mẫu. Đây cũng là dịp mà các bà mẹ tìm tội, ngắm trông các nàng dâu tương lai. Hoa Mlih tượng-trưng cho sự trinh trắng, ngoài ra nó cũng là một biểu-hiệu cho cây « CRÈK » được xem cây thiêng của thời Chiêm-Vương ngày trước (1) mà ngày nay không còn tìm thấy nữa. Các cô gái sẽ cài hoa Mlih trên búi tóc, kết chỉ deo hay hòa thành nước thơm để súc và dâng cho đảng sinh thành tượng trưng cho tấm lòng trinh trắng và hiếu thảo trong đêm 30 rạng ngày Roya.

### B. MÙNG I, NGÀY TÂN HƯỚNG TRỌN VẸN.

Chuẩn-bị từ ngày hai mươi bảy tháng cuối cùng nên mọi việc đã hoàn tất trong ngày áp chót. Đêm 30, mọi tín hữu đều tập-trung tại Madjis để dự lễ nghinh tân, gồm có các lễ-tục :

- Tah-lèl : cầu-nguyễn cho linh-hồn các người quá vãng.
- Tak-Birr : cầu-nguyễn tiếp đón năm mới an lành.
- Sál-vat : kêu gọi đảng ALLAH
- Xướng kinh Cor'an qua euộc thi tuyển.
- Thuyết-giảng đặc-biệt

có thể kéo dài cho đến hừng đông. Mọi người đều xuống sông tắm gội, thoa nước thơm « Mlih » xem như gột rửa những cái loạng choạng của năm cũ. Trẻ con và cả người lớn bắt đầu mặc đồ mới, trang-sức cẩn thận (có thể nói là cuộc thi đua). Khoảng 8 giờ sáng, trong khi đàn ông đến Thánh-đường thì đàn bà, con gái lo làm cơm nước để sau buổi lễ nhà nhà đều bưng đến tập-trung làm buổi

(1) Xem *Đất Việt trời nam* của Thái-văn-Kiêm trang 175.

tiệc đoàn kết của cộng đồng tại nhà giảng cạnh Thánh-đường đàn bà (1). Đây cũng là một trường hợp thi đua, nhưng nhà khá giả tự làm lấy một mình, kẻ túng thiếu có thể góp một phần vào đó.

Mọi người đàn ông đến hồ nước thiêng (Cullah) lấy nước làm thủ-tục sambahyang xong đều tập-trung vào Thánh-đường. Buổi hành-lễ chánh-thức bắt đầu. Một vị I-Mâm đứng lên Takbir và thỉnh mời vị chủ lễ lên tọa trên bậc tam cấp (Min-Barr). Vì này thường là người có trình độ giáo-lý uyên-thâm, được Hakem chỉ định sẵn, mặc áo dài tu-si đầu quấn khăn Hadji, tay cầm gậy bắt đầu đọc bài-giảng « Khut-bah ». Nội-dung K ut-bát thường dựa vào một ít câu kinh Cor'an diễn hình và khai-triển nhằm khuyến răn, nhấn nêu tín đồ biết quý mến nhau, ăn ở hiền lành, lo cung cỗ đạo và làm tròn nghĩa-vụ đạo-giáo. Quan-trọng nhất là nghĩa-vụ hành-hương Mecca, mọi người được khuyến-cáo dành-dụm tiền bạc có đủ khả năng kính-phí hành-hương.

Trong lúc này, Thánh-đường im phẳng-phắc, mọi người không ai chuyện trò, không xê dịch, mà chỉ chăm chú lắng nghe, một vài người thút thít khóc ròng... Bài-giảng chấm-dứt mọi người đỡ xô lên tam cấp thỉnh vị « Kho-Tip » ấy xuống và thay phiên nhau ôm chầm hồn má tò tinh biết ơn. Sau đó mọi người quay lại đụng ai cũng cùi bắt tay nhau nói câu : « Sa-la-mu-a-lây-kum », nghĩa là bỏ chuyện cũ dung thứ tất cả cho nhau. Tất nhiên cũng có lễ Sambahyang tập thể liền đó và do một vị I-Mâm khác đứng trong « Mib-rap » hướng dẫn. Một hồi trống khoan thai từ đỉnh tháp báo hiệu chấm dứt buổi lễ với một giọng ngân dài lê-thê :

« Ollohu Akbar, Thượng-Đế tối vĩ đại,  
Tôi tin không có Thượng-đế nào khác, ngoài ALLAH,

Tại các quốc-gia Hồi-giáo, chính lúc này, giáo-kỳ (nền xanh, sao lưỡi liềm trắng) được thượng lên đỉnh tháp theo sau những viễn

---

(1) Phụ nữ chỉ hành-lễ tại gia do 1 bà chủ lễ.

đại-bác rền trời. (1) Một buổi cõm tập thể sau đó kéo dài đến xế trưa và sau đó là cuộc viếng thăm thân hữu, họ hàng, tay bắt mặt mừng, cùng xin xí xóa cho nhau những xích mích giận hờn của năm cũ. Buổi chiều dài ngày cho lễ tảo mộ : con cái, thâu quyền cùng phát quang sạch sẽ và lễ cầu-nguyệt tổ-chức tại chỗ tiếp theo do một vị Tuan phụ trách (Đu-a) nhằm cầu-nguyên cho linh-hồn kê quá vãng được siêu-thoát trên Thiên-Đàng (Sôr-ka) ..

---

(1) Xem : — Dohamide, Tập-san *Bách-khoa* 1962-63 từ số 135 đến số 147.

- Roux, Jean-Paul : *L'Islam en Asie* trang 285.
- *What Islam*, Ibrahim-Maa, 1961, Malaysia.
- *Pakistan and Religion*.

### Tạp-chí ĐỒNG-NAI

Các bạn muốn tìm hiểu miền đồng-bằng Cửu-Long, xin mời các bạn đọc :

# ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

## XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

Với sự cộng tác thường xuyên của các Ô. Ô. Lê-Ngọc-Trụ, Vượng-Hồng-Sên, Thuần Phong, Hồ-Hữu-Tường, Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền, Tuần Lý Huỳnh-Khắc-Dụng, Thân văn Nguyễn-văn-Quí, Tạ-Quang-Phát, Nguyễn-văn-Hầu, Trần-văn-Quế, Trọng-Toàn, Đông-Hồ, Hồ-Đắc-Thắng, Lê-Thọ-Xuân, Sơn-Nam, Bình-Nguyễn-Lộc, An-Cư, Nguyễn-Ngọc-Huy, Nguyễn-văn-Y, Phạm-Long-Điền...

# BÀI CHÒI

Ở

## BÌNH - ĐỊNH

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

### 1.— ĐÁNH BÀI CHÒI.

Hằng năm, vào dịp Tết thời thanh bình, người ta thường tổ chức một lối giải trí gọi là đánh bài chòi.

Trên một khoảnh đất trống, thường là ở trong chợ, người ta dựng lên những cái chòi cao lêu nghêu, thành hai dãy mỗi bên 4 cái đối mặt nhau. Một chòi dựng ở giữa, đằng cuối dãy, gọi là chòi trung ương. Trên mỗi chòi có đè mõ và cây dùi. Đối diện với chòi trung ương là một cái rạp, chỗ ngồi của các bực tai mắt trong làng (ngày trước là thủ chỉ, hương xã). Một cái bàn kê trước rạp trên cắm các cây cờ nhỏ và ống thẻ dành để sẽ phát cho nhà con. Bên trái bàn là một cái trống chầu; bên phải, một trống chiêng (trống nhỏ).

Trò chơi này là một lối đánh bài. Các con bài thuộc thứ bài riêng gọi là bài trùng, bài tối, được bình dân hóa bằng những tên dị kỳ, vừa Hán vừa Việt: ầm ầm, cồ điếu, chín cu, chín gối, tám miềng, tám giây, bảy thura, bảy hột, sáu miềng, sáu thura, năm dum, ngũ đít, tứ tượng, cháng ba, cháng hai, nhất trò, nhì bí, tam quǎn, tứ cẳng, ngũ trọt, lục chạng, thất dung, bát bồng... Ví dụ chúng ta có 23 tên như ở đây. Với mỗi tên dùng cho hai con bài, chúng ta có bộ bài 46 con. Mỗi con bài được dán trên 1 thẻ.

Bắt đầu, người ta bán chòi cho các tay chơi. Ví dụ mỗi chòi được định là 100\$, tất cả tiền thu sẽ là 900\$. Chòi trung ương không vì cái tên đặc biệt của nó mà được đổi xử khác với các chòi kia. Mỗi chòi được lãnh 5 thẻ. Rốt lại, ở nơi bàn phát thẻ, người ta giữ lại 1 con ( $9 \times 5 = 45$ ;  $46 - 45 = 1$ ). Con bài còn lại nơi tấm thẻ kia làm lẻ đôi. Thành ra, ở một trong 9 chòi trên kia tất có một chòi giữ tấm thẻ đồng tên với con bài dưới rạp này.

Một người cầm cái thẻ ra đứng giữa sân hô lên. Chòi nào giữ con bài ghép đôi với con bài còn lại, sẽ đánh 3 tiếng mõ báo hiệu minh có đè người kia đem thẻ trao cho. Trong khi phát thẻ, mỗi chòi hiếm khi giữ được các thẻ có con bài đồng tên. Nếu đủ cặp, họ giữ lại; nếu không đủ cặp, có con lẻ, nhân dịp nhận con bài dưới sân, chòi vừa đánh mõ, đưa ra một con lẻ, gọi là *con rác*. Người chạy thẻ lại ra sân hô lớn tên con bài đè có chòi nhận ra thẻ đồng loại, đánh 3 tiếng mõ gọi tới. Và cứ thế chuyển bài tiếp tục một cách chậm chạp.

Giữa sân lúc bấy giờ cũng đang trình diễn một vở tuồng của ban hát Bầu X đám nhện giúp vui. Thường người ta hát bội hay hô bài chòi. Trống chiêng, kèn cũng nồi lên phụ giúp cho tiếng hát; trống chầu được nén thùng thùng đè khen tài tử. Ngồi trên chòi, không phải chỉ một người mà có thể vài ba người hoặc một lũ trẻ, miễn là đừng quá sức chịu đựng của cái chòi. Họ bỏ thòng chân xuống giữa khoảng không, theo dõi tiếng hô tên thẻ, điệu bộ tài tử đóng tuồng, đám khán giả tụ tập qua lại. Trống chầu, trống chiêng, tiếng hát, tiếng hô thẻ, mõ đánh, tiếng ồn ào của người xem, họp thành một âm thanh nhộn nhịp trong một quang cảnh rộn ràng vui mắt.

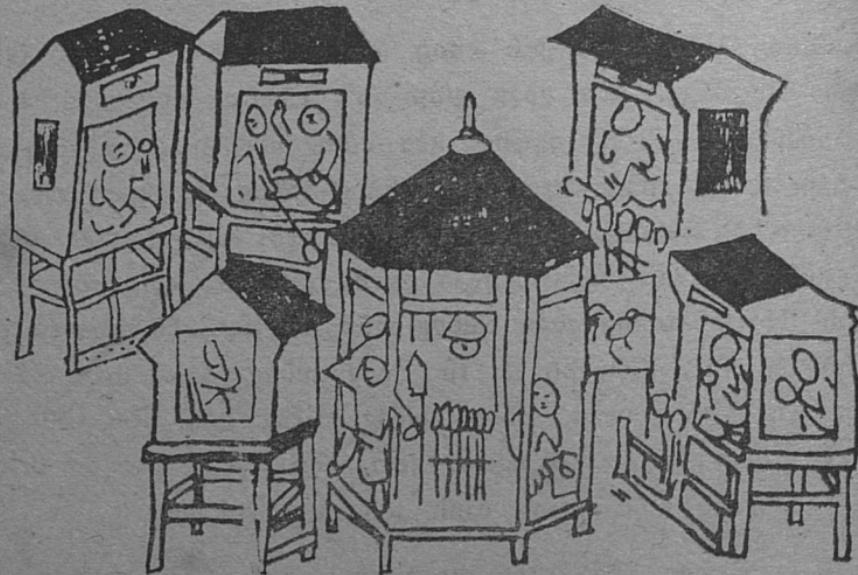
Vì chòi nào, với 5 thẻ được phát, chỉ có thẻ có tối đa là hai đôi, nên luôn luôn có một con bài lẻ đè chòi. Con bài đánh từ rạp ra làm nhiệm vụ của con thứ 6 chòi đợi đó. Khi nó dừng lại ở một chòi, thì một con bài khác từ chòi đó kế tục làm nhiệm vụ của nó. Chòi nào được 3 đôi đầy đủ

thì đánh lên một hồi mõ dài. Họ đã thắng cuộc. Người ta trao cho chủ chòi một cây cờ cán tre, lá giấy hồng điều được cắm trước chòi. Một cây cờ được trị giá bằng một lần góp tiền (100\$ trong ví dụ trên). Trong hội 9 phần hùn trên, người ta phải chia cho người cầm trống 1 cờ, ban hát 1 cờ. Bảy cờ còn lại do các chủ chòi tranh nhau. Cứ thế mà người ta chơi hết ngày, hết mấy ngày Tết.

## 2.— CÁC YẾU TỐ CỦA TRÒ CHƠI.

Trong trò chơi này ta ghi nhận những vật liệu: Cái chòi, bộ bài, một ý nghĩa hơn thua may rủi ở lối đánh bạc, một sự chung góp của một hoạt động có tính cách văn học thương lưu và bình dân: hát bài và hô bài chòi.

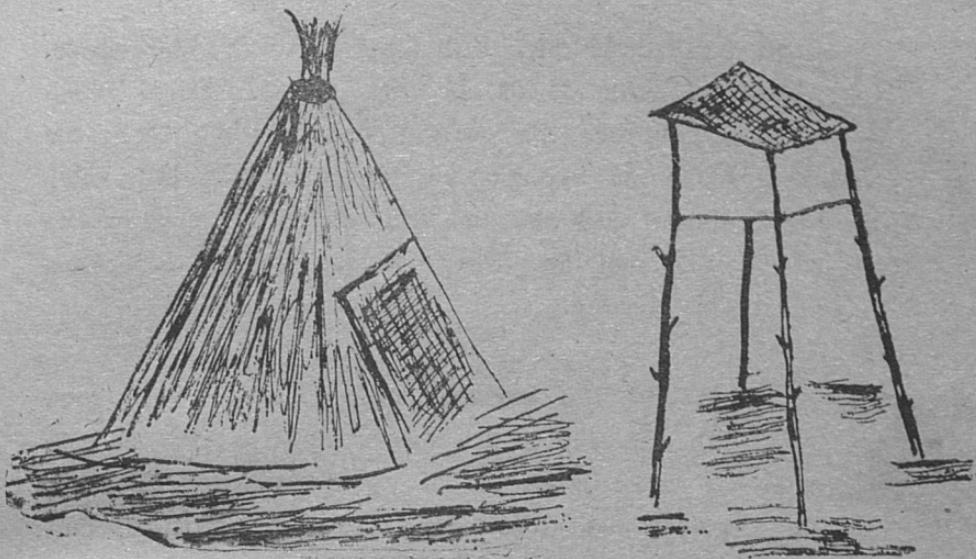
Trong ý nghĩa địa lý nhân văn, chòi cũng là một hình thức nhà cửa. Nhà ở vùng này, trong kiều mẫu lớn của nó, được P. Gourou xét đến kỹ càng ở 1 tập nghiên cứu (1). Trong



Tồ Tôm điểm

(Connaissance du Viêt Nam trang 245).

(1) Esquisse d'une étude de l'habitation annamite (de l'Annam Septentrional et Central du Thanh hóa à Bình định), Paris. Edition d'Art et d'Histoire, 1936.



Hai thứ chòi thường thấy trong vùng quê Bình Định.

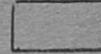
中 史



Chòi



Hát  
Hò



Tiếng Chóu      T.chiêng



RAP

Sor đồ tờ chúc bồ túc một đám đánh bài chòi.

mấy năm chiến tranh dưới thời VM (1945 — 1954), những ngôi nhà được gọi là *lá mái* đó đã bị triệt hạ gần hết vì chính sách đầu tó, cải cách diền địa của họ, hoặc vì bom đạn của người Pháp. Ông Gourou bây giờ có đến vùng này chắc cũng khó tìm được những mái nhà to lớn, xuôi dốc thẳng xuống đất đã gây cho ông một ấn tượng về ảnh hưởng indonésien trong sinh hoạt địa phương.

Nhưng có là nhà lớn hay nhà nhỏ, nhà ngồi vách gạch hay nhà tranh vách đất, chúng đều được xây trên một cái nền đề cao hơn mặt đất vườn từ vài tấc đến gần một thước đề tránh ngập lụt. Được gọi là chòi, dưới đồng bằng, là những chõ tạm trú giữa đồng, quây bằng chiếu, bằng những tấm tranh, trên chụp một ngù rơm cho nước mưa chảy xuôi khỏi lọt vào trong. Những chòi này dành cho các người giữ lúa, giữ dẹp, đồ bắt cá, và nhất là những người chăn vịt. Cũng được gọi là chòi, những điểm canh của tuần định ngày trước, dân vệ ngày nay (*chòi mòng*), gồm có một sạp tre đan (hoặc đập đập nguyên ống cho bằng thẳng) kê cách mặt đất độ  $1/2$  thước đề tránh ẩm thấp. Các chòi trên vùng núi, sát bìa rừng thì thường nằm trên ngọn của bốn cây tre nguyên chụm lại, cũng thường có mái che mưa nắng, bốn bên quây những tấm tranh hay tấm cót che gió. Người ta lên chòi theo những mắt tre cõ ý đề lại dọc cây cột. Thôn dân ngủ đêm trên đó để canh chừng heo rừng ra phá hoại hoa màu. Trên một chòi cao cõ lập như vậy, an ninh chống đối thủ dữ được bảo đảm hơn cho người chủ.

Tại sao người ta lựa chọn cho các chòi trong trò chơi ở đồng bằng này cái hình thức vật chất giống như chòi gác ở miền rừng rẫy? Có lẽ trong khi bình dân hóa trò chơi *tồ tôm điểm* (1), người ta đã nâng cao chân chòi để kích thích sự ưa lạ đề

---

(1) P. HUARD và M. DURAND *Connaissance du Viêt-nam*, E. F. E. O., Hà nội 1954, 244, 246.

vui chơi chǎng? Trong hình thức mới của cái chòi cao lêu nghêu, dản dị, người ta thấy thoải mái hơn trong cung cách bệ vệ, dài các của nơi đình tạ mang các tên Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh trong tồ tôm điểm của giới trưởng giả.

Bộ bài chính là bộ bài *tồ tôm*. Nhưng có lẽ trò chơi tồ tôm gút mắc quá người ta nghĩ lối chơi giản dị hơn. Bộ bài tồ tôm thành bộ bài *tới* mà lối đánh tả rõ ở trên cũng giảng được ý nghĩa tên dùng. Người ta chơi như ở trò tam cúc. Rồi lại có lẽ cũng vì những chữ bát sách, cửu vạn... xa xôi quá, người ta bình dân hóa tên gọi thành ầm ầm, túc cảng... Cách chơi giản dị khiến sự phô thông hóa được dễ dàng hơn. Trò chơi không đóng kín vào một giới, không, dấu điểm trong một vòng thành nào đó mà lan tràn giữa phố chợ, cho tất cả mọi người. Tính chất phô thông hóa, bình dân hóa của trò chơi khiến nó kết nạp được thêm một yếu tố, một lối ca hát có nguồn gốc sâu vào trong sinh hoạt tâm linh của dân chúng (xem phần 3). Chính vì các hình thức tồ chòi trang bị, nội dung cách chơi bài biến đổi mà chữ « bài chòi » tuy có vẻ như dịch nghĩa của « tồ tôm điểm », nhưng trò chơi thực đã biến dạng, khiến cho người dự khán không thấy được hình dáng nguyên thủy.

Đám hát phụ giúp không trang bị mũ mảng đai hia gì hết, tuy thường khi họ diễn tuồng Tiết Nhơn Quý, Tiết Đinh San cầu Phàn Lê Huê, Tam Hạ Nam Đường... Kép mặc bà ba đen, đào mặc áo dài mốc thêch, hay có khi cũng chỉ bà ba là đủ.

Tên thông thường gọi lối hát này là hô bài chòi, kỳ thực tên xưa cũ của nó là *hở thai*. Chúng ta thường nghe đến chữ đỗ thai. Đó là những câu lục bát ngâm chỉ một vật gì mà người ta phải tìm ra. Thường ví dụ là những câu ca dao có sẵn mà người đố gán cho nó một chủ ý, chỉ định bằng cách nói rõ vật đố thuộc loại gì.

*Chuột kêu rúc rích trong rương,  
Anh đi cho khéo dụng giurơng mẹ hay.*

Khi được chỉ định xuất chim thì người lanh trí lấy ý từ «đi cho khéo», nghĩa là đi nhẹ nhàng, khè khè, se se, đè mà đoán là chim se se. Ví dụ nữa với câu

*Rung rinh nước chảy qua đèo,  
Bà già lật đật mua heo kén chõng.*

(Xuất quả)

Vì việc nước chảy qua đèo và hành động của bà già kia là trái với lẽ thông thường, nên người ta đoán người đó muốn chỉ (quả) trái lý, trái (của hoa) lý (?).

Không phải như bây giờ người ta đem các câu thai này lên báo chương ở đô thị. Ở nhà quê, và trước kia, vào dịp lễ tết lớn, người ta đem ra dỗ giữa chợ có giật thường. Một người xướng câu thai theo điệu hô ngân nga rồi trai gái làng hô theo đè nhở đoán tại chỗ hay về nhà tìm câu trả lời.

Trong trò chơi bài chòi lúc đầu, người chuyền thẻ khi thấy một con bài gì đưa ra, cũng hô lên một câu lục bát có ý nghĩa đè người ngồi chòi nhận đoán tên con bài qua câu thai. Công việc có ý nghĩa vừa kéo dài trò chơi vừa làm vui người dự cuộc. Những câu hát phần đông không văn hoa gì hết và có khi lại vụng về, thô tục. Chúng tôi trích dẫn sau đây một số câu thai đó :

*1— Di đâu quay chiếu đi hoài,  
Cử nhơn không đậu, tú tài cung không.*

(con bài tên: thằng trò)

*2— Đầu hôm ăn thịt, khuya lại ăn chè,  
Hai cái không nghe, bí cứt, bí đái.*

(không nghe: chõng đối nhau; thịt và chè «không nghe» sinh bênh)

*3— Đầu quắn (g) chải lược dỗi mồi,  
Chải đứng chải ngồi, quắn vẫn huờn quắn.*

*4— Ngó lên hòn núi Chóp Vung (Dung)  
Ai cưỡi chí đỡ, tôi chung hai tiền.*

**Chóp Vung:** tên núi theo tượng hình, một hòn ở Qui Nhơn, xem *Giā Tù* của Võ Phiến).

- 5— *Chàu rày (ngày rày) đã có trăng non,*  
*Đè anh lên xuống có con em bồng.*
- 6— *Đêm nầm gối ấm không ấm,*  
*Gối lụa không mềm bồng gối tay em.*
- 7— *Tiếc công bỏ mẫn cho em,*  
*Cu ăn em lớn, em gù em đi.*
- 8— *Vai mang bị bạc kè kè,*  
*Nơi quẩy nồi quẩy, nẫu nghe ấm ấm.*
- 9— *Đi dặng phảibit khăn đèn,*  
*Ở nhà vợ sắm vóc (hang) sen nhuộm điếu.*
- • • • • • • •

Đại khái là như vậy. Mỗi một tên con bài tồi tôm được Việt hóa đi đều có một câu thai. Khác với lối đố thai mà lời giải đáp thường ẩn trong nghĩa, ở đây câu hô có ngay tên của con bài vì chủ đích là người ta muốn nhà con nghe cho vui chứ không phải thử sự lanh trí. Trong số những câu thu thập được trên, ta thấy có những câu lấy từ ca dao (câu 8), những ý thô tục bên cạnh những ý tình tứ (câu 6). Ý tưởng dùng câu ca ngắn nga làm vui cũng gấp ở lò tò:

Anh tướng La Thành lòng trung với chúa, lối đạo đệ huynh, em nỡ lòng nào, giết Đơn Hùng Tín (*là con Ba Mươi Chín*).

Nhưng lối hô này xưa lắm. Khoảng trước chiến tranh, người ta đã bỏ đi để thay vào lối hô tên trống không, trong lúc Ban... vẫn đóng tuồng hát bội, hay hô bài chòi. Trừ những ông già 7, 80, rất ít người trẻ 3, 40 nhớ các câu thai trên.

### 3.— HÔ BÀI CHÒI TRONG SINH HOẠT CỒ TRUYỀN.

Chỉ có người nhà nghè mới phân biệt hô thai là lối hát những câu lục bát theo nhịp ngân nga và hô bài chòi là hô

thai trong trò chơi bài chòi, trong khi ở ngoài dân chúng vẫn gọi hô thai là hô bài chòi lẩn lộn. Khác với hát hò (giã gạo, tát nước...) ở thôn quê với những lời đậm « hò hè » của một đám đông chen vào làm nhịp cho một người xướng, có tính cách giải lao, hô bài chòi là một lề lối làm việc kiếm ăn hẳn hoi.

Chúng tôi còn giữ lại trong trí nhớ hình ảnh những buổi tối ồn ào sau ngày 9-3-45. Người lớn, kẻ trí thức chắc có những tin tức xác thực hơn về đêm biến cố này. Chúng tôi, lũ con nít và những người đàn bà, dân chài, đám buôn gánh bán bưng nơi chợ nhỏ cứ xầm tối đến là kéo quây quanh những đám bài chòi nghe hát. Thường đó là một cặp vợ chồng, gia đình kẻ mù tối, kẻ lành lặn, những đứa trẻ trên dưới 10 tuổi, ốm tong teo, trang bị bằng cả cái nghèo nàn với cặp phách bằng tre dùng lâu đến *lên nước*, họa hoằn mới có cây đòn cờ, đòn bầu.

Họ kè cho chúng tôi nghe đêm đảo chánh đã xảy ra như thế nào ở Qui nhơn, ở ngoài Bắc, trong Nam (không hẳn là ở đâu một cách mù mờ). Riêng tại địa phương, họ tỏ ra thông thuộc rõ ràng sự kiện như một phóng viên lành nghề. Nếu các phóng viên ngày nay xếp đặt sự kiện lại để gây tác động mạnh vào độc giả với những tình tiết lôi cuốn thì họ cũng biết thêm vào bài ca những câu dí dỏm, những nhận xét tâm lý về phản ứng, thái độ nhân vật như vậy. Họ thuật chuyện bên Nhật đã bố trí như thế nào (có cả giờ giấc nữa), sự thờ ơ của quân binh Tây trong đồn ra làm sao và sau khi đồn bị chiếm, tên quan ba Tây (có cả tên) lạy van, viên chỉ huy quân đội Thiên hoàng kiêu hãnh... nhất nhì hình như không sót một chi tiết cùn con nào cả. Chúng tôi say mê theo dõi tình tiết câu chuyện cũng như một vài người khác thích thú trong những đoạn Nguyệt Nga than khóc Vân Tiên, hồi hộp với đoạn Thạch Sanh chém ch้าง, hay thương cảm dùm Cô Thông Tầm bạc mệnh.

Những người hát dạo này giống như những người troubadour

thời Trung cổ ở Âu châu, được sản sinh và nuôi dưỡng cùng bởi nhu cầu muôn thẫu hiều tin tức, bởi dư vang của những hội hè ngoài trời. Có khác chăng là điều kiện sinh sống thuộc địa khiến những tin tức thầm lén ngoài vòng kiềm soát của chính quyền phải đi qua những người hát dạo của chúng ta; đẳng khác, lối sống thành phố xa lạ, rời rạc, không đủ lắp mõi khắc khoải thiếu-thốn sinh hoạt tập thể của đồng quê, khiến chị bán tôm cá, anh thợ mộc, cô bán hàng... phải tụ tập lê la nghe ca hát, tất cả nuôi dưỡng một lối sinh hoạt via hè đang dần dần rụi, nên gượng gạo, tang thương như thân xác của người diễn trò.

Cho nên, khích động của bài chòi hát trong thời gần đây không phải ở những văn điệu văn chương mà là phản ứng của một thứ tình thần quê hương, xứ sở, địa phương thân thuộc (1), chống đối lại đời sống máy móc tàn nhẫn của đời ngoại trại, mang ý nghĩa ái quốc và bảo thủ lẩn lộn. Văn điệu lục bát và biến thể của các bài ca thật là vụng dại và non nớt. Những chữ đệm có công làm cho đủ chữ, đủ nghĩa trong câu, có khi thêm cho cây nhịp đủ thì giờ đánh lên, giữ gìn hơi thở người hô. Tiếng nhịp tạo thành một âm thanh ngân mà gọn sắc, trồi lên trong đêm tịch mịch.

Hình như không có một quy luật nào để định nhịp phách trên các chữ, nhưng có một giới hạn nào đó trên âm thanh như trong một bản nhạc. Bởi vì, thường cứ 2 chữ người ta gõ một nhịp, nhưng nếu phải 3, 4 chữ thì người ta hô mau hơn để thúc lại, và một chữ thì kéo dài hơi ra.

*Dương Lê xưa / kết bạn / (với) Lưu Bình /, .*

*Ưu đồng / công lạc / tử sinh / một lòng /.*

*Dương Lê / chiêm đăng / bảng rồng /,*

*Ra làm / quan trước / chạnh lòng / cố — / tri →*

*Lưu Bình / dương lúc / hàn vi /,*

• • • • • • • • • • •

---

(1) Xem phụ lục.

Đề tài như ta đã nói ở trên, là những câu chuyện thời sự địa phương, thời sự nước nhà, thế giới, hay đề tài cõi điền... Tất nhiên, các tác giả vô danh đó cũng đem lại không khí thương cảm đối với người đàn bà bạc mệnh, chút hào hùng của tên cướp, cũng tỏ lộ mối băn khoăn bất lực trước đổi thay, biến động... So sánh với những bản văn khác của các đề tài cõi điền, ta thấy thoáng một chút khác biệt về nhân sinh quan. Hãy xem trong bản văn hát chèo, Dương Lễ đindh đặc, quyết đoán bao nhiêu thì Châu Long khép nép ngoan ngoãn đổi với chồng, dè dặt, thận trọng đổi mình bấy nhiêu :

DƯƠNG LỄ : ... Nàng phải đi nuôi bạn thay anh ; công đức ấy xem bằng non Thái.

CHÂU LONG : Dạ dám thưa : chàng dại đi dặm liễu đường cù, thiếp chẳng quản công phu khó nhọc. Vâng lời chàng đi nuôi bạn học ; đi làm sao, về lại làm sao ? Sợ lòng chàng quên tử trí cao, dạ như bể, dò sao cho xiết ? (1).

Còn các nhân vật bài chòi tuy vẫn ép mình trong khuôn khổ, nhưng tình cảm có chiều hướng vượt ra, hành động không che dấu được tính tình phóng khoáng, ý muôn cởi bỏ ràng buộc:

Ra về nghĩ tối khóc than :

« — Không ai thay mặt (đè) nuôi chàng một khi. »

Châu Long nghe nói vân vi ;

« — Lạy xin phu tướng cho (em) đi nuôi chàng.

Cuối đầu em lạy phu lang,

Dem vàng tối đó nuôi chàng hiền vinh ».

Nhưng một sinh hoạt được ưa thích như vậy tất có lúc phải rời bỏ tình trạng lẻ tẻ để tập hợp lại thành những tờ chúc lớn lao hơn. Bên cạnh hát bội và cải lương, bài chòi cũng lập thành ban, có bầu bì, đào kép, bài bản hẳn hòi. Bản « Thăng Sinh » (2) ở An Thái, trước khi hát, cũng phải làm gà vịt, đốt vàng bạc cúng

---

(1) NGUYỄN THÚC KHIÊM, Khảo về hát tuồng và hát chèo, Nam Phong tập XXV, số 144, 465.

(2) Bằng chứng của quan niệm « Xướng ca vô loại ».

tồ. Những tay hát bài chòi cũ, bây giờ mỗi khi nhắc lại, còn hanh diện khoe rằng trước 1945, các ban «Bình định mìn» và «miệt trong» (Khánh, Thuận) hát hò rất được nhiều người coi, một ngày một đêm có thể được «công đút» (bao giàn) từ 20-22\$ (độ 20.000\$ bây giờ).

Sự phát triển đó có lẽ là do khích động của hát bội. Ta biết xứ Bình định nhờ truyền thống Đào duy Từ, Đào Tấn nên vẫn là một trung tâm của loại kịch nghệ cõi diền này. Giả thuyết dựa trên căn cứ Bài chòi luôn luôn đứng ở thế phụ thuộc đối với Hát bội: ông Tồ Bài chòi lấy ở Hát bội, có lối hát gọi là *Hát Thứ Lễ* trong đó bài chòi được trình diễn phụ vào hát Bội.

Nhưng nhận xét đó không làm ta lầm lạc về tình trạng kém phồn thịnh của các ban bài chòi ở sinh hoạt kịch nghệ địa phương. Hát bội là một thứ sinh hoạt văn nghệ cao cấp, của trưởng giả, được vua quan ưa thích nên văn từ hoa mỹ, tình ý thiết tha, diễn xuất tinh vi, tể nhị, khiến cho dân chúng ủa nhau đi coi rồi trút lên đầu mọi tội lỗi, cho

*Hát bội làm tội người ta,  
Dàn ông bỏ vợ, dàn bà bỏ con.*

Các ban bài chòi dản dị hơn về tồi chúc, nồng cạn hơn về trình độ văn chương của các bài bản, nhưng cũng hấp dẫn dân chúng lắm. Trong lối hát *An* (hát ở đình hay là hát ở các đám cúng vái), nó cũng thường thay thế hát bội. Các đám hát cúng đình không có gì đáng nói vì nó ghép với một sinh hoạt có thể coi như là «chính thức» của làng xã, đã được nhiều người xét đến. Trò chơi bài chòi mang hình thức tục như đã phân tích ở trên.

Riêng trong địa vị ở các đám cúng vái bài chòi mang một hình thức quan trọng hơn nhiều. đám cúng vái được tổ chức lúc người ta thực hiện được một cuộc hẹn ước với thần thánh, ông bà, được tai qua nạn khôi, đạt đến một ước ao... Vì thế ta mới thấy có chữ hát *An*, mang một ý nghĩa phán xét, trang nghiêm.

Nhưng với mức sống thấp kém mà bỗng chốc hạ vài con heo, vật con bò, cho làng xóm «chúng» ăn, thật là uồng phí, và ít ai đòi thọ nỗi. Người được mời cũng chẳng muốn ăn không, nên phải đến dự với con cá, mớ trứng... và nhặt là tiền. Thành thử, trong ý nghĩa kinh tế, sinh hoạt đó mang tính cách cho vay rõ rệt. Bởi vì, người tò chức đám cúng, nhờ nơi tiền «đi đám» sẽ thu lại được một số vốn, và lại là con nợ của khách. Sau này, khi người khách đến ăn tò chức đám tiệc; thì người chủ hôm nay phải đem tiền đi đám lại, với giá cao hơn giá đã nhận. Cái vòng cho vay lần quẩn đó giúp người thôn quê tò chức được đám tiệc: dựng vợ gả chồng cho con cái, tang ma, làm chay... Thậm chí, có kẻ muôn vừa được một số tiền mặt, vừa trả nợ miệng và lấy uy tín với xóm làng (*nha ông X làm đám*), nên cũng vật heo ra làm đám. Đó là tiền thân của lối tò chức hụi (huê, họ). Bên cạnh khía cạnh kinh tế, chú ý thêm về sự phối hợp của khía cạnh nghi lễ, hội hè, ta thấy một «đám» có vẻ như là một thứ *potlatch* (1) trong những điều kiện địa phương.

Lối ca bài chòi ăn sâu vào sinh hoạt dân chúng như vậy không trách những nhà chính trị khôn ngoan, tìm cách nâng đỡ làm một khí cụ tuyên truyền. Còn nhớ khoảng tháng 9-1954, một đêm tối trời, chúng tôi nằm trên nhà trạm của Ty Công An Tỉnh ở Phù Mỹ, lắng nghe một người đàn bà hô bài chòi kè rõ trận đánh An khê với sự tan rã của Chiến đoàn Lưu động 100, cùng những tình tiết của Hội nghị Genève... Đêm vắng lặng sau những ngày đình chiến lại càng có vẻ mông mênh hơn mà tiếng ca của người đàn bà quyện với tiếng xào xác của lá dừa, l่าน khuất theo với bóng mờ của cây cối, dạng người, dưới ánh sao, khích động hoàn cảnh riêng, tạo ra một nỗi nhớ tiếc, chán ngán, như

---

(1) G. DAVY, *La Foi Jurée, Etude Sociologique du Problème du Contrat*, F. Alcan, 1922. Nhất là trong các định nghĩa của Boas, trang 154, L 58, của Frazer 159, bài điêm của M. MAUSS 166, 167; trang 162 có cho biết *Potlatch* là từ ngữ *chinook* tương đương với chữ «cho», «tặng vật».

báo hiệu một thứ thanh bình mỏng manh và như tuyệt vọng với một thời an lạc không có lại được nữa. Xúc cảm có vẻ như lạch lạc, nhưng... chút kinh nghiệm riêng tư đó, có thể làm bước đầu hiệu quả của bài chòi đối với những người khác cùng xứ.

Cho nên thừa hưởng đường lối cũ, những người chống đối đặt ra những bài chòi tố cộng :

*Thuế gì thuế đánh ngọt cây;  
Xâu gì xâu lại bỏ thây trên rừng ?*

(Thuế nông nghiệp và Dân công)

*Đá ong đậm nhở bắt quỳ,  
Tay đánh miệng chửi, bối vỉ bao vòng.*

(Đấu tố)

Những năm tạm yên 1955 — 1959, trò chơi bài chòi xuất hiện lại ở các phố chợ nhỏ trong vùng. Nhưng ý nghĩa bài bạc lẩn lướt ý nghĩa giải trí, cho nên người ta lấy số thay vào tên con bài để cho mau kết thúc. Thế rồi lô tô tờ chức với số đông con bạc tham dự nên lại lẩn lướt bài chòi và phổ phuờng ngày Tết đầy giọng è a của lối mãi võ bán thuốc: « Cái con gì ra... là con ba mươi chín.. cái con gì ra... »

Chiến tranh lại tràn lan. Chỉ có tiếng khóc than đứt quãng với tiếng bom rơi, đạn réo thổi. Ngoài ra không còn gì nữa cả.



# PHỤ LỤC I

## 1.— CÔ THÔNG TẦM

*Cảm thương cho thím Thông Tầm (1),  
Chồng đau bệnh trương xuống nằm nhè thương.  
Vợ chồng là nghĩa cang thường,  
Lên xe tôi xuống nhà thương thăm chồng.  
Con thơ có mẹ ấm bồng,  
Lên xe tôi xuống thăm chồng thế nao.  
Vợ chồng là nghĩa tương giao,  
Tôi mới bước vào thấy mặt chồng tôi.  
Hai hàng nước mắt sụt sùi,  
Xin anh ở lại em lui về nhà.  
Kéo mà con dài khóc la,  
Nửa đêm giờ tý canh ba lơ dang.*

---

(1) Thông Tầm là một viên Thông-sự (Thư ký) của sở nuôì tắm ở tỉnh thành Bình định, tên là Trần-ngọc-Dư. Ông Dư đau, nằm bệnh-viện Qui-nhơn, bà vợ xuống Qui-nhơn thăm chồng rồi đi xe kéo từ Qui-nhơn về Bình-định, dọc đường (đến cầu Bà Di) thì bị cướp đồng mưu với tên kéo xe, giết bà để đoạt nữ trang của Bà, rồi chôn xác Bà ở một noi thuộc làng Phong-niên « xuống » Qui nhơn (a), trên quốc lộ số 1, qua tháp Bà Di (Thị Thiện của Đại Nam Nhất Thống Chí, Tour d'Argent của người Pháp) độ vài trăm thước thì đến một cầu nhỏ bắt qua một lạch nước nhỏ là nơi xảy ra thảm kịch cướp bóc. Chuyện dân dã đã được tường thuật đầy đủ trong bài về với một chút nghệ thuật gây khích động bằng tình tiết ly kỳ (hồn cô Thông báo mộng), bằng ngôn ngữ trực tiếp đưa ra những hình ảnh linh động, diễn tả hết nỗi thương tâm đã khiến cho người ta phải đặt tên cho địa điểm xảy ra án mạng là Cầu Thông Tầm.

(a) *BÙI VĂN LĂNG, Địa dư nông học tỉnh Bình-định, in lần 4, Hanoi, Trung Bắc Tân Văn, 1938, 18.*

Hay đâu mưu mẹo nô toan,  
 Hiềm mai (?) nó giết, nó trang (?) lột đồ.  
 Không ai cho tiếng tri hô,  
 Một mình vắng vẻ lột đồ lạnh tanh  
 Cúi đầu lạy hết các anh,  
 Đề cho cái tử huờn sanh trọn đời ..  
 Giậm chân xuồng đất kêu trời,  
 Trời đâu không thấy hồn dời âm bang.  
 Giết rồi lại bỏ suối vàng (1),  
 Vớt lên cắp táng tại làng Phong niên (2).  
 Cô Thông thiệt đứng gái hiền,  
 Nửa đêm hiện hồn lên tinh kêu cùng Cụ (3) hay.  
 Cụ tư suống Sứ ngày mai,  
 Sức Phong niên hương chúc, hào mực quật rày lên coi.  
 Thầy Thông xem thấy hắn hỏi,  
 Thoa dầu đánh dấm vô coi rõ ràng.  
 Trong tay còn chiếc nhẫn vàng,  
 Thầy Thông thấy vậy hai hàng lụy rơi,  
 Giậm chân xuồng đất kêu trời,  
 Trời đâu không thấy hồn dời âm gian (4).  
 Hai tay vuốt mặt cho nàng,  
 Em an phàn mô anh toan lên chùa (5).

(1) Một lối chơi chữ vụng về: tên phu xe kéo cùng đồng bọn sau khi giết người đã dấu xác dưới chân cầu, bên bờ eon lạch.

(2) Tên làng ở địa điểm xảy ra án mạng.

(3) Viên Tông-đốc Bình-Phú bấy giờ là ông Nguyễn-dinh-Hiển. Có người nói rằng Tông-đốc Nguyễn-dinh-Hiển được bà Dư báo mộng cho biết là bà bị cướp giết và chôn ở Phong-niên; viên Tông-đốc liền sức làng ấy tìm và quật lên khám. Nhờ đó, vụ án được phát giác.

(4) Người chồng đau khổ ngất đi.

(5) Người chồng đi tu. Đây chỉ là thêm tình tiết cho đậm nỗi thủy chung của tình chồng vợ.

## 2. — DƯ ĐÀNH

Huyện Bình khê có dảng Dư Đành,  
Ăn trộm; ăn cướp nó thành lung hoang.  
(Cho nên) trát sức về tinh, tinh sức phủ quan,  
Lính tập, lính giản (?), dân làng đều canh.  
Kè từ ngày tróc nã Dư Đành,  
Xem trong gian đảng đã xong một bồ.  
Danh Hựu bắt tại Bình khê,  
Trong nhà Bác Ngự đem về tống lao.  
Đông giêng bắtặng Danh Cao,  
Dư Đành, Danh Nhĩ phá bao trật hoài.  
Ngờ may lại xuống (hang đá) Phủ Tài,  
Chú đạo (?), Thầy xá làm vài mươi dân.  
Đuốc, dây, dáo, rựa rắn rắn,  
Bắtặng Danh Phi mười phẵn chắc tay.  
Dư Đành còn ngủ chưa hay,  
Kiền kiền bảy thước cán ngay yết hầu.  
Dư Đành sức mạnh quá trâu,  
Giết mình vùng vây, súng đâm bắn vào.  
Dư Đành biết liệu làm sao,  
Bó tay chịu tội lẽ nào nhỡ quan (?).  
Anh hùng chờ nệ than van,  
Lâm cơn nước bí biết toán ngã nào (1).

---

(1) Câu kết tỏ lộ một chút tiếc thương đồng tình đối với kẻ sống ngoài vòng cương tỏa. Không lấy làm lạ rằng ở địa phương còn truyền tụng câu chuyện Dư Đành đòi quá ra đón đường một người đàn bà đi chợ sớm, ăn cả gánh than của người này; khi bị Tây bắt dày di Phi châu (Côn đảo ?), nhân dịp tàu ghé Nhật, bèn nhảy úm xuống bể bơi trốn về (xem thêm phụ lục II).

### 3. — NHỰT VỚI TÂY

Kê từ tàu Nhựt xuất chinh,  
Đông dương lại lẩy, nhựt trình (nó) dăng qua.  
Còn hăm lẩy nước lang sa,  
Có không chưa thẩy, ai mà cung thất kinh.  
Đương khi không nói chuyện tình lình,  
Nói rằng Nhựt bồn qua mình đánh Tây (1).  
Nội trong 14 tháng đây (?),  
Tờ tư súc cẩm tinh nầy sạch trơn.  
Từ Hải phỏng cho chí Quy nhơn,  
Canh tuần nghiêm ngặt tính hơn mấy ngày.  
Thủ giữ canh gác tàu bay,  
Truyền cẩm xe máy, xe tay tắt đèn.  
Phố phường đóng cửa, gài then,  
Trụ điện tháo bóng nhả đèn mở dây.  
Nhà tranh cẩm đốt đèn cầy,  
Nhà ngồi ở tối, lầu Tây ở thăm.  
Đồn súng đá khoét hộc đào hầm,  
Làm cho Nam Việt sợ thăm xiết bao.  
Nhà quê đồ đặc bào hao,  
Bạc tiền bỏ ống đem ra rào moi chôn.  
Cũng nghe cái tiếng họ đồn,  
Cửa tiễn dự trữ đề đồn mang theo.  
Đó là ba cậu nhà nghèo,  
Nhà giàu bán lúa, bán heo, bán bò.  
Cơm khô trút đồ vô vò,  
Cửa đem ra gò moi dập, la dông.  
Ở đây ăn lẽ không xong,  
Sợ Nhựt nó tới vợ chồng còn chi.

---

(1) Điều này chứng tỏ rằng những lời tuyên truyền của Nhật và những đảng phái thân Nhật đã có kết quả và dân chúng cũng không dấu ý tưởng chống Pháp.

Chi bằng kiẽm ngõ trốn đi,  
 Chừng nào yên ổn mình thì hồi gia.  
 Kẻ thời sơ chết khóc la,  
 Của tiền đêm gởi cửa nhà lo niêm.  
 Mướn xe cứ việc đi đêm,  
 Chừng nào nhà nước họ yên mình về.  
 Ở đây sợ nỗi đêm khuya,  
 Nhật đêm bom tới nó lia thìn lình.  
 Sợ e thiệt hại thân mình,  
 Ất là bỏ mạng già đình tanh hoành.  
 Phản Lang sa sợ Nhật hung anh,  
 Bắt lính khổ đở khổ xanh từng đàn.  
 Ra đi đạn xách súng mang,  
 Lên xe con khóc vợ than li bì.  
 « — Em ơi, phen này sanh tử kề chí,  
 Khuyên em ở lại anh đi lên dang.  
 Lính sang đá phỏng thủ Nha trang,  
 Khổ đở ra hàng canh gác ngày đêm.  
 Bên Tây tính thế không êm,  
 Sức bắt lính mỏi ra thêm đau tài.  
 Làm Quy nhơn lính tráng hết ai,  
 Trại trong không có, đồn ngoài cũng không.  
 Kéo lính đi, cai đội rất đông,  
 Tây tà rút hết không ông nào còn.  
 Ra đi cũng sợ hao mòn,  
 Sợ bom bị tử, vợ con biết gì.  
 Làm Quy nhơn Nam việt (1) sầu bi,  
 Kẻ bỏ xuống biển người đi lên rừng.  
 Nhà quê than khóc tung bùng,  
 Kẻ sợ mất lúa gạo, người (sợ) lung bậc tiền.  
 Cùng năm (2) công chuyện không yên,

(1) Người Việt.

(2) Suốt năm.

Làm cho nhà nước ưu phiền xiết bao.  
 Sợ Nhật qua không biết chạy ngõ nào,  
 Bất từ tối chợ đào hào moi hàng.  
 Trên tre dưới ván nghinh ngang,  
 Phòng tàu Nhựt tới (1) thả dang xuồng ngồi.  
 Đó là khuất lấp thời thổi,  
 Trên tre dưới ván tô vôi bịt bùng.  
 Cực cho tội mẩy ông tù,  
 Dao hầm khoét hộc công phu mệt mè.  
 Cùng năm công chuyện ê hề,  
 Chuyện gì không thấy, thấy nhà quê mang nghèo.



## 4.— TAM HẠ NAM ĐƯỜNG

(một đoạn)

LƯU KIM ĐÍNH (nỗi lòng).— Sông Tả sang ký tịch, Lưu Kim  
 Đính ngã danh, niên kỷ vừa đôi tám xuân xanh, kinh luân đủ  
 lục thao tam lược. Thuở trước thấy ta đã dặn:

(hỗn thai)

Thấy ta thảnh mẫu Lê san,  
 Thấy cho đỡ đê nguồn cơn thăm nhè.  
 Mấy lời sư trưởng dặn ta,  
 Sông Tả sang tới đó tặc ra chiêu phu bài.  
 Trước thời lại gấp trúc mai,  
 Sau thời giải giá cứu ngài Triệu vương.  
 Bài phu tặc đè một trương,  
 Giả đò kén khách qua đường mới xong.  
 Phải duyên ta bắt làm chồng,  
 Vái cùng nguyệt, lão Tơ hồng xe dây.

(1) Tàu bay.

## CAO QUÂN BẢO.— (hô thai)

Tổng trào Cao Quân Bảo tài lành,  
Nghe cha bị bắt chán thành trốn đi.  
Thợ chầu giải giá một khi,  
Giải vây Đường quốc phen nì mới an.  
Lên yên giục ngựa băng ngàn,  
Quan san cách trở giữa đàng gấp mura.  
Cái duyên ngưng thủy trời đưa;  
Ba sinh tiền định vừa ra gầy tình.  
Ai xui gấp gỡ tình lình,  
Khiến Lưu kim Đính đem tình nhớ thương.  
Chiêu phu bài tạc đè giữa đường,  
Kén trai hào kiệt nam thanh đưa tài.  
Cao Quân Bảo đánh phá chiêu phu bài,  
Sá chi thực nữ đưa tài nam nhi,  
Chữ rắng nữ tử vu quy,  
Làm thân con gái vội chi kén chồng.  
Ta đây tức giận trong lòng,  
Phá tang bảng gái kén chồng coi chơi.

LƯU KIM ĐÍNH.— (nói lối) Chận tướng phá bài phu, thiếp binh lai vẫn tội. Người đi đâu phòng vội, đứng lại cho thiếp hỏi han (hô).

Cả kêu bờ gã đi đàng,  
Tài tình chi đó dám phá tan bảng này.  
Người đâu xiêu lạc tới đây,  
Cha mẹ khó thở, tên họ rày khó phân.

• • • • • • • •



## PHỤ LỤC II

### NÓI THƠ MIỀN NAM

Cũng cùng một lối hát霸道 lè loi, ta thấy Miền nam có lối « nói thơ » (1). Chúng tôi trích dẫn sau đây những đoạn THƠ SÁU TRỌNG cũng đã nổi danh một thời.

Bản của nhà Phạm văn Cường 1955 có ghi tên soạn giả Nguyễn bá Thời thuật một câu chuyện tỏ rõ mối khủng hoảng xã hội Nam Việt, thời Pháp vừa đặt yên nền cai trị, có lẽ vào đầu thế kỷ. Đó là một loại chuyện Tư-Hồng-thất-bại của Miền nam, nép dưới dâng hưng hahn của một anh chồng đau khổ không có dịp để làm trai thời loạn một cách hào hùng thì cũng phải tuyệt vọng phản ứng lại trong những lời giải quyết riêng tư khiết nảy sinh một lối sống giang hồ mã thương đặc biệt còn lưu dấu cho người ta nề sợ một cách khinh khi. Hiện tượng du côn, anh chị ở Miền nam là con đẻ của chế độ ngoại trị, thoát sinh từ sự phản uất không đường hướng lý tưởng dẫn dắt của những cá nhân chịu thân phận bị bức hiếp dưới uy quyền của tiền bạc, thế lực ngoại nhân. Sáu Trọng là một nạn nhân của cái xã hội đốn-mạt-hóa dân thuộc địa đó.

Sáu Trọng vào đời hiền lành, dễ thương :

*Du nhàn thành thị sớm trưa,  
Có chàng Sáu Trọng tuổi vừa mười lăm.  
Bỏ đi tính đã mấy năm,  
Nghĩ lại chạnh lòng thương cảnh nhớ quê.  
Bấy lâu cách mặt ủ ê,  
Nay mới trở về thăm viếng mẫu thân.*

Cuộc tình duyên với Hai Đầu ban đầu cũng thật là đầm ấm thiết tha.

*Đầu thề chúng có cao xanh,  
Nguyên cùng thiên địa lấy anh trọn đời.*

Thế nhưng khi dấn thân vào cuộc đời thành thị thì cuộc sống huy hoắc của xứ Bến thành buộc người chồng bỏ nghề bồi Tây làm bồi tàu và khiến người vợ ăn không ngồi rồi sanh lòng lang chay. Sáu Trọng bỏ đi Châu đốc, còn Hai Đầu đi theo con đường vạch sẵn của thân phận những kẻ làm chỗ yên nghỉ cho đám người đi tìm tiền bạc, danh vọng nơi viễn xứ. Từ đó, cách biệt thực rõ ràng giữa những kẻ gia nhập hàng ngũ thống trị và tên dân thuộc địa :

*Ngày nay dặng chỗ hiền vinh,  
Mang rắng thăng Trọng dám nhìn tới ta.*

Nỗi lòng thiết tha của người chồng chân thành, bạc phước dù có phân trần cho mấy nứa làm sao cho người Chủ tinh Trà vinh mang cái kiêu ngạo của kẻ chiếm đoạt phải thông cảm để chịu trao lại vợ người một khi đã chiếm được nước người rồi ? Cả một hệ thống uy quyền được đặt ra đâu phải để bọn dân mất nước khinh khi được. Cho nên, Sáu Trọng có bị giải qua Biện lý cuộc rồi bỏ tù ba tháng về tội đập phá nhà Ký lục Be Be (?) thì cũng là chuyện dĩ nhiên. Chỉ có đáng thương là con người hiền lành chơn chất kia đã đổi tính theo chiều hướng tự hủy : nỗi phẫn uất phải có nơi tiết lộ, nếu không nhầm được vào đối tượng gây phản ứng thì cũng quay trở về phá phách bản thân hay những gì gần cận, gia đình, tập thể bị áp bức chẳng hạn.

*Cũng bởi nhạc gia chẳng ngay,  
Cầm côn không vững mực ngay không gìn.  
Muốn con nǎm bảy đổi chồng,  
Mà đem mà gả bạc phong cho nhiều.  
Lấy hơi rè mới làm kiêu,  
Âu ta tới đó đốt thiêu cửa nhà.*

Bởi vậy, Hai Đầu có thuê du côn giết Sáu Trọng để Sáu Trọng rốt lại đám chết Hai Đầu thì đó cũng chỉ là kết quả của phản ứng tự hủy trên giữa đám dân nô lệ không

chỗng đổi nỗi cường quyền ngoại trị, quay trở về thanh toán lẫn nhau thôi.

Lúc này Hai Đầu trên lầu,  
Đuôi thang Sáu Trọng mẩy hẵu xuống thang.  
Mẩy thang chờ chêt vô doan,  
Tao không măc nợ đói can cớ năo.  
Mẩy không nhớ thuở tù lao,  
Tao làm ba thang ràng ràng mới đây.  
Chớ nên lấp lửng tối rày,  
Bồi tao lấy chđi đánh ngay trên đầu.  
Thật chàng tích giận đã lâu,  
Ngày nay nghe mảng xiết bao lửa hùng.  
Nói rồi xách măc lại gồn,  
Chém chơi một măc ngã lăn nằm dài.  
Tiếp theo một măc ngang tai,  
Thọc luôn một măc trúng ngay cửa đì.

Xã hội được luật pháp bảo vệ không có luân lý thì đám người sống bên lề xã hội phải giữ gìn một thứ luân lý riêng cho họ. Tay anh chị Năm Tỵ trọng nghĩa khí hơn bạc vàng, không chịu lãnh trăm bạc để giết Sáu Trọng; đám dọn bàn gộp nhóp tiền bạc nuôi tù Sáu Trọng.

Sáu Trọng nước mắt nhò se,  
Ôn anh em bạn tôi đà đài ơn.  
Dọn bàn nghe nói thiệt hơn,  
Lấy năm đồng bạc cho em về tau.  
Sáu Trọng mặt ủ dầu dầu.  
Ôn chư huynh đệ thuở nào mà khuây.  
Dọn bàn mới nói lời nầy,  
Làm ơn há dẽ trông rày trả ơn.

*Anh em tử tế thời hơn,  
Cùng nhau huynh đệ keo sơn dời dời.*

Một khuôn mẫu anh hùng cá nhân được đề cao

*Trọng rằng: «Chẳng phải thất phu,  
Đãu lâm chi tử lao tù sá bao».*

Cho nên trước giờ lên máy chém, Sáu Trọng vẫn giữ được bình tĩnh

. . . . . . . . .  
*Tử già cõi tri,  
Anh em ở lại vĩnh vi trọn bờ.  
Anh hùng sống ở thác vè,  
Nên hư cũng tiếng theo lề lối xưa.*

Lời thơ của toàn tập thực là thô kệch, nhưng khi đám trưởng giả bản xứ, kè đầu hàng đi ca tụng vinh quang của mẫu quốc, người chống đối nhưng ngập chìm trong mớ phượng tiện hưởng thụ ít ỏi được vứt cho, thì tiếng nói vung về kia đã giải bày được với tất cả chân thành thực tại bi đát của con đường dân tộc hủy diệt. Phương cách truyền bá lại thực cũng thô sơ, nhưng do đó mà được đưa vào chiều sâu của xứ sở, khiến tác phẩm có một giá trị vượt thường. Nói thơ, bài chòi chắc sẽ không trở lại dưới tiếng bom đạn cùng sức quyến rũ của các phượng tiện truyền thanh truyền hình nhưng cũng đã làm tròn nhiệm vụ văn hóa của mình, nên hẳn có quyền yên nghỉ.

7 - 1962  
11 - 1966



# CÔ NHÂN VÀ CÁC TỤC-LỆ VỀ NGÀY XUÂN

■ PHẠM VĂN SƠN

**N**HỮNG dân tộc có ý thức văn-minh, những dân tộc tranh đấu nhiều cho cuộc sống thường thường yêu đời hơn mọi dân tộc nào khác. Người ta đã nghĩ ra nhiều cuộc vui, nhiều tập tục đặc biệt để làm thỏa mãn cuộc sống đến mức tối đa về vật chất cũng như về tinh thần.

Người ta giải trí cho bỏ những ngày làm vất-vả, mệt nhọc và cũng tìm cách cởi mở những thắc-mắc lo âu trong tâm hồn. Đó là hai việc song hành bởi nếu đầu óc còn chứa ít nhiều ưu phiền thì ăn chơi vui sướng làm sao được.

Xét về các cổ tục, các cuộc vui xuân của tiền-nhân, chúng ta không thể không thấy quan-niệm của ông cha chúng ta là như vậy.

Đọc sách cũ, người ta thường nhắc câu « *Cố nhân bình chúc* » tức là người xưa đốt đuốc đi chơi đó ngày giờ từ sáng đến chiều quá ngắn. Tại đây ta nên nghĩ rằng Cố nhân ham vui không phải là vì quá phóng-tung lâng-mạn mà vì đã quá mệt mỏi sau những năm tháng tranh đua mệt nhọc cho sự no yên của nhà, của nước.

Cao-bá-Quát cũng như Nguyễn-công-Trú đã từng biểu lộ ý-khiển này qua câu :

*Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đáy  
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù  
Nghề chơi cũng làm công phu...*

Còn lại nhiều người nbn thấy ngày giờ đi vùn vụt cũng hoảng hốt, tinh ba vạn sáu ngàn có sòng trọn vẹn cũng chẳng được là bao, huống-hồ «Nhân sinh thất thập cổ lai hề»:

*Chơi xuân kéo hết xuân đi  
Chỉ già sòng-sóc nó thì theo san..*

Hôm nay, một ngày xuân nhạt, mọi người chúng ta tung bừng đón xuân vui-vẻ không khỏi có chút bối rối. Chúng ta hãy suy ngẫm những cổ tục về ngày xuân, về các trò vui trong ngày xuân để tìm hiểu ý nghĩa của nó.

Nước ta là một xứ nông-nghiệp, lúa gạo, ngô, khoai, đậu đỗ đứng hàng đầu thực-phẩm. Người dân phải chăm lo cấy cày, cuốc xới mồi được no đủ. Vì thế, chính quyền bao giờ cũng phải khuyến khích nhân-dân chăm chỉ việc canh-tác. Đúng ngày lập xuân, xưa kia bao giờ nhà vua cũng cất người đồng-trưởng cầm roi vút vào người con thõng ngưu (trâu đất) theo ý-nghĩa trên đây rồi mồi cùng các quan bước vào cung đình để yên-âm. Trong lúc này từ nơi kinh kỳ ra ngoài dân đã người ta đốt pháo mừng xuân. Pháo là các ống lệnh chứa thuốc nổ bên trong, thường đốt ở ngoài sân hay ngoài ngõ (không như ngày nay pháo làm bằng giấy đốt quẩn thuốc nổ bên trong). Người ta đốt pháo ngoài mục đích cho những ngày xuân đầu năm được rộn-ràng nào nhiệt, vui cửa vui nhà còn ngụ ý xua đuổi tà ma và những sự đen đúa của năm cũ cũng như người ta trồng cây *nêu* ngoài sân, vạch những hình cung tên bằng vôi dưới đất. Người ta cũng tin rằng vào dịp đầu năm ma quỷ cũng được phóng thích để trở về dương-gian quấy đảo loài người nên phải tìm cách ngăn-chặn. Tiếng những cái khánh đất, chuông đất nung buộc trên ngọn nêu kêu leng-keng khi có gió thổi nhắc nhở chúng uy quyền của thần Phật, hình cung tên có mảnh lực của các vũ khí không thua gì những đạo bùa các thầy pháp dán ngoài cổng ngõ.

Ngày 23 tháng chạp, nhà nào của chúng ta cũng làm lê cúng táo công và tiễn đưa táo công lên thiên-đình không ngoài mục đích cầu xin táo thần phù hộ cho mình. Ta thờ táo thần có lẽ là do lúc này xã-hội Việt-

Nam đã chấm dứt đời sống du-mục và bước sang giai đoạn định-cư bởi ta đã biết trồng lúa, làm rẫy. Ta đã tổ chức thành gia-dình nhỏ và cho rằng mỗi gia đình phải chịu ảnh-hưởng của một ông vua báép. Vua báép có thể mang lại sự thịnh-vượng và sự che-chở cho gia-dình ta. Tục này đến ngày nay còn tồn tại nhất là ở các miền quê.

Ta thờ cúng tổ tiên rất siêng-năng, dĩ nhiên ta cho rằng vào dịp Tết, việc làm cỗ bàn long trọng để dâng lên bàn thờ là cần thiết vô cùng. Đây là cơ hội để con cháu nhớ ơn ông bà cha mẹ, những người đã khuất bởi chúng ta cho rằng người chết chưa là hết. Trong cái thế-giới vô hình người chết vẫn luôn quắn với con cháu là những người sống để chăm nom, phù hộ. Lòng tri ân tiên-tổ đã buộc ta rất thành kính và còn khoảng thời gian nào lòng ta có thể thảnh thoảng để không-cảm với các tiên-linh?

Truyền thuyết về bánh chưng, bánh dày, nhắc rằng người Việt vào những ngày tết Nguyên-Đán đã làm hai thứ bánh này cúng ông bà. Bánh chưng bọc lá xanh, hình vuông tượng trưng cho Đất. Bánh dày hình tròn mặt nổi vòng lên màu trắng tượng trưng cho Trời. Sáng kiến này nói lên công ơn cho ông bà rộng lớn như Trời như Đất. Vua Hùng trong khi chấm giải về các món ăn cúng ông bà trong những ngày tết của 22 người con đã chấp nhận hai thứ bánh này do ý-nghĩa kể trên và đã chối bỏ các cao lương mĩ-vị khác như gân nai, tay gấu, nem công, chả phượng v.v... Người Đồng-Phương, như ta thấy trong mọi hành động đều chú trọng vào phần tinh thần nhiều hơn cả.

Do không đi sâu vào khoa-học, ta có nhiều tập-tục mê-tín, dự đoán coi rằng nhiều hiện tượng trong trời đất như mưa, nắng, sấm-sét và mọi sự ở thế gian này đều thuộc uy quyền của các thần thánh (đất có Thổ công, sông có Hà-bá, Thủy-thần, núi có Sơn-thần...) khiến ta phải kính sợ nếu không sẽ gặp tai họa. Theo ý niệm này mùa thu, mùa đông là hai mùa làm cho cỏ cây tiêu-sái, vạn-vật gần như ngừng sinh-hoạt. Vậy phải kiêng động thổ, tránh cày bừa, cuốc sói nhất là vào ngày tết là khoảng thời gian thần đất vắng mặt ở hạ giới.

Ta có tục xông đất. Xông đất cũng có hiệu quả cho sự rủi

may trong một năm. Ta kiêng người đầu tiên bước chân vào nhà ta ngày mồng một Tết nếu người ấy có đại tang, nếu người ấy đang ở vận xấu và tư đức hèn kém. Thói thường ta vận động cho được người đang ăn nên làm ra tối nhà chúng ta ngay sau khi tiếng pháo giao thừa vừa dứt vì từ giờ phút này năm mới bắt đầu.

Trước đây ở vài địa-phương người ta tổ-chức một phiên chợ Tết như chợ Đồng ở tỉnh Hà-nam, chợ Phủ-giầy ở tỉnh Nam-Định (B.V.) cho mọi người đến trút cái đèn đui trong năm kề cả cái khò dài, ngược lại còn có tin-tưởng đón hạnh phúc cùng cái khôn ngoan về với mình. Người ta lại mang các đồ vật, hàng hóa ra chợ này, bán đất báu rẻ miễn là bán cho được.

Ở Nghệ-Tĩnh cũng có tục tương-tự. Người ta đem đồ ra bán vào ngày 1 đầu năm, kề cả kẹo bánh, từ mờ mờ sáng. Hàng bán cũng không cần được lãi. Người ta rao: « Ai mua đại ra mua! Ai mua đại thì mua! » và không đợi trả lời. Dĩ nhiên người bán có một sự mè-tín thì người mua cũng có sự mè-tín trái lại, nghĩa là mua không phải là mua đại về để hứng lấy cái không may mà mua được cái gì đầu năm mang về nhà là đón được cái may.

Bỏ qua những tập tục mè-tín, dị-doan mà dân tộc chúng ta còn khá nhiều không ngoài nguyên nhân chúng ta đã có một đời sống cổ-cựu, ít văn-minh, chúng ta có nhiều cuộc vui vào ngày xuân và những tập-tục thực-tế tỏ ra ông cha chúng ta cũng có óc tổ-chức và suy xét rất cao xa và hợp-lý. Chúng tôi xin kề ra đây một số để chứng-minh cho ý-niệm đó, đồng thời xin nhắc rằng những tập-tục các trò chơi này có rất nhiều dân-tộc tính có thể làm cho chúng ta hãnh diện là đằng khác nữa.

*Mùa xuân là mùa của tình yêu!*

Chữ « Xuân » của Trung quốc còn có nghĩa là trai gái vừa lòng nhau, yêu thương nhau. Vậy trong khi cỏ cây nảy mầm xanh non, sinh hoa, sinh trái, mặt trời đem lại cho thế-gian ánh sáng đậm ấm, con người đều muốn đều không cũng phát triển mạnh nguồn

sinh-lực. Tình yêu nhất là đối với cái tuổi còn non trẻ cũng phải đưa ra một trạng thái, một hiện tượng sinh-dộng.

Ở thôn-quê Việt-nam quanh năm tới ngày con người bị cột chặt với đồng ruộng cũng chờ có ngày xuân là ngày có nhiều hội hè đình đám cho trai gái gặp gỡ nhau, tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân. Lễ giáo phong kiến nghiêm chỉnh là như vậy mà trong dịp này cũng làm ngơ trước nguyên-tắc « *Nam nữ thụ thụ bắt thân* » rồi trai gái rủ nhau đi chơi xa, hết làng này qua làng khác tạo nên cái quang cảnh tưng bừng :

*Dập dù tài tài gái nhàn  
Ngựa xe như nước, áo quần như nem...*

Trong dịp này trai gái không cứ là quen biết nhau sẵn, chỉ cần vừa mắt là đủ trở nên thân mật, truyện trò đùa rôm rả do và công khai.

*Đại-Việt sử-ký toàn thư* ghi chép phong tục nước ta vào ngày đầu Xuân có nhắc đến trò đánh đu (Đu ngô bay đu tiên) là lối đánh đu không phải chỉ có một người hoặc nam đánh đu cặp với nam, nữ cặp nữ. Nữ thi-sĩ Hồ-xuân-Hương đã chẳng có bài vịnh trò đánh đu nam cặp với nữ đó sao ?

*.. Trai đu gối hạc khom khom cát  
Gái uốn lưng ong ngừa ngừa lòng!  
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới  
Hai hàng chan ngọc ruồi song song...*

Để mở cuộc giao-tình, trai gái mượn các lối hát: hát *Dâm* (lối hát ở Hà-tĩnh) hát *Quan-hợ* (Bắc-ninh, Bắc-giang) để dạm ý nhau và cũng để thử tài nhau nữa, trước khi « đi sâu vào đại-sự ». Ngoài ra còn lối hát *Đúm*, hát *Ví* có tính cách dông dài hơn để thỏa mãn hơn về mặt phong tình, lãng-mạn. Hát *Quan-hợ* có đặc-biệt hơn là có tục khi đói bên trai gái phục tài, mến nhau thì tình luôn chuyện kết bạn, giao ước với nhau rằng sẽ hát với nhau mãi mãi. (Theo Toán-Ánh, tác giả *Phong lưu đồng ruộng*, kết bạn với nhau

phải nhẫn một ngày hối ở làng bạn gái, chàng trai mang đồ lễ đến định lễ thắn và ra mắt quan viên trong làng. Buổi lễ thắn đó có đốt pháo, ăn uống linh đình như một ngày lễ cưới. Như thế họ bên gái công nhận bên trai kết bạn với con mình sau đó bọn quan viên bên gái cũng sang yết thắn ở làng bêu trai cũng lại chè chén vui vẻ).

Đặc biệt hơn nữa trai gái hát *Quan-hợ* với nhau có thể chỉ do nghệ-sĩ-tính mà thôi nghĩa là không bó buộc đi tới hôn nhân. Ngoài ra để trả nên những đôi bạn tình thắn, có khi người trai người gái đã có vợ có chồng rồi mà vẫn giao kết với nhau như thường.

Những cuộc vui chung của trai gái còn nhiều thứ khác nữa ngoài việc tiếng anh cát trước tiếng nàng cát sau. Đó là trò kéo co (kéo dây tập thể), một bên là con trai, một bên là con gái. Bên nào thua thì phải uống nước, bên nào được thì uống rượu.

Trò bắt trạch cũng là một trò rất cổ xưa, ngày nay thường không còn tồn tại; một trai một gái choàng cổ ôm nhau còn tay kia thò vào chum sâu khoảng tím trach ở trong đáy chum (Sách *Chuyển đổi Bắc-kỳ năm Ất hợi* của Trương-Vinh-Ký có ghi chép).

Trò thi thố cờ, thi lược gà sao cho cờ thật ngon thật dẻo, và gà phải thật béo, chín tái mà không nức nở, đầu cánh phải sắp đặt có mỹ thuật, để tế thắn được thịnh hành ở làng Thủ-khối tỉnh Phú-thọ Bắc-Việt. Lại còn trò thi dệt vải, đánh cờ người lấy giải (giải là một vuông lụa đỏ và vài chục đồng bạc theo giá tiền mấy chục năm trước đây).

Đáng chú ý cuộc cờ đòi hỏi người chơi cờ phải nhiều mưu trí và khôn lanh mới thắng được địch thủ. Theo thông-lệ của bàn cờ giải phải đánh thử trước rồi mới đặt vào chung kết. Có nhiều khi được giải lại là một vài con gái mười bảy mười tám mà thua cờ là các ông già sáu bảy mươi từ những làng xa tới.

Tại các miền Thượng (Mường, Thái, Thủ v.v...) trai gái được tự do giao thiệp với nhau nhiều hơn nếu so với tình trạng miền Kinh. Trong những ngày đầu xuân có tục « tung cờ ». Trò chơi này bắt buộc phải

có một bên nam, một bên nữ. Còn là một quả cầu ngoài bọc vải màu trong nhồi trầu hay rơm cho nhẹ, một đầu có kết tua. Trên bài cò, bên trai cũng như bên gái sắp bằng chữ nhất cách nhau mươi thước. Hai bên tung cầu qua lại, bên này tung thì bên kia phải bắt cho bằng được rồi tung trả lại. Nếu ai bắt trượt phải gán cho người tung một vật mình đang đeo trên người. Có người thua quá chỉ còn có một cái quần dính vào thân thể mà thôi. Tàn cuộc, người thắng trả lại đồ vật cho kẻ bại và bắt kẻ bại trận phải uống rượu phạt.

• Tại Phú-Qui (Nghệ-an), Lang-chánh (Thanh-hóa) Bảo-lạc (Cao-bằng) đồng-bào Mường còn tổ chức đi chơi hang Ré (ở Lang-chánh) và mang theo thực phẩm để lě thắn. Gái trai xúng-xính áo quần lịch-sự thổi « Khen » hát Đúm, tung « Còn » uống rượu rồi tung cắp tìm nơi thanh vắng tình tự và dính-ước trăm năm

Qua các cuộc vui này ai cũng nhận thấy cuộc sống phóng khoáng phù hợp với thiên-nhiên và đem lại hạnh phúc cho con người nhiều hơn và cũng hợp cả với chủ trương nhân đạo nữa...

*Ngày Tết vui chẳng riêng ai.*

Nếu nam nữ thanh niên được cởi mở, được giải phóng để sống gần tạo vật, thông cảm với luật âm-dương hòa hợp cho thuận lě thiên-nhiên thì đám thiếu nhi cùng các cụ già cũng chờ mong ngày tết để thụ hưởng những cuộc vui dành riêng cho mình.

Trong dịp này các thiếu nhi họp nhau tung đám trước ngày tết thành phuờng súc-sắc; súc sê (từ Nghệ-tĩnh trở vào gọi là phuờng sắc bùa) gồm độ mười lăm người vào giờ giao thừa đi chúc tết các người trong họ và các chỗ quen biết. Nhà nào cũng đã sẵn phong bao bằng giấy đỏ gói một số tiền để tặng các em nhỏ trong khi đó ở miền Kinh có phuờng múa lân đi từng nhà múa cũng ngụ ý mừng tết và chúc tết. Người ta cũng tặng tiền như với, những phuờng súc-sắc, súc sê.

Các cụ già thì có tiệc yên lão. Tục này có từ thời cổ xưa, thời mà chế-độ nhân-lão chánh trị còn thịnh. Tại kinh-sư cũng như ở các tỉnh, vua quan lựa một ngày xuân vào khoảng trung tuần tháng hai

trích tiền kho đặt tiệc ở một công sở rồi mời các cụ già tại địa phương xa gần đến dự on mua mòc. Ra về các cụ còn được tặng tiền và lụa tùy theo tuổi già nhiều ít (đây là các lão nhiêu tuổi từ 60 trở lên). Ai già yếu quá không đi hưởng hoàng ân được, thì các quan đưa tiền bạc, vóc lụa đến tận nhà. Tục này không còn nữa kể từ thời Pháp-thuộc.

Ngoài những trò vui hay thú chơi cho từng lớp người vào dịp Tết Nguyên-dán, còn nhiều cuộc liên-hoan công cộng. Tí-dụ tổ chức đi săn, tổ chức đánh cá ở các đầm hồ mở rộng cho nhiều gia đình trong xóm làng mục đích cầu vui hơn là cầu lợi và còn có ý xem rủi may cho mỗi người, nghĩa là ai bắt được nhiều cá, săn được nhiều chim muông người đó có thể sẽ hên suốt năm. Làng Ngư-xá (thuộc tỉnh Hà-đông), làng Phù-lưu (thuộc tỉnh Hà-tĩnh) đến ngày hội thì già trẻ, trai gái và ra sông ngòi hay ngoài đồng chǎng lưới, úp nõm bắt cá. Bắt được bao nhiêu làm cỗ tế thần còn lại bao nhiêu chia cho mỗi người hoặc nhiều hoặc ít. Tại Lang-Chánh (Thanh-hóa) cũng có tục này gọi là Tết cơm cá vào tháng ba. Món ăn đặc biệt trong dịp này là lạng thịt những con cá lớn nhất trộn với muối và gạo nếp đã ngâm sẵn bằng nước lá sả rồi đổ lên như đỗ xôi (vì đồng bào Lang-Chánh là Muồng nên không dùng gạo tẻ như đồng bào Kinh chúng ta).

Những cuộc vui kể trên đây đã biểu lộ một phần nào ý nghĩa lịch sử của Tết Nguyên-dán, ý nghĩa nhân đạo (1) và tình thần hòa-hợp với đời sống phóng khoáng của thiên-nhiên; Tết còn bao gồm cả lòng tin người đổi với quý thần và sự hiểu thảo đổi với tổ-tiên; Tết lại có ý nghĩa đoàn kết xã-hội giữa mọi tầng lớp nhân dân khiếu chúng ta thấy nhờ có các tục lệ này xã hội Việt-nam đã thành một khối vững chắc, từng có hiệu lực chống trả với các biến chuyển, những giông tố từ bên ngoài xô tới qua bốn ngàn năm lịch-sử.

(1) Trong ngày Tết chúng ta còn kiêng làm các việc dữ, chửi nhau, đánh nhau, nói xấu nhau, hờn giận nhau và giữ tâm hồn cho thanh thoa. Vì lẽ này, ca dao có câu: «*Giận đến chết*

*ngày Tết cũng vui* ». Lòng nhân trong ngày Xuân còn tràn cả đến súc vật. Ba ngày Tết kiêng nhất là việc sát sinh, đánh chó chưởi mèo. Những nhà khá giả sau ba ngày Tết còn làm tết trâu. Người ta làm bánh, nấu chè cúng thần bảo-hộ cho gia-súc. Xong lễ người ta lấy bánh trái mỗi thứ đút vào miệng trâu hoặc bỏ lắn vào cổ trâu ăn hoặc treo bánh vào sừng con vật.Ở xứ Mường ta dâng cúng ngay cho con vật, trải chiếu trước chuồng trâu bò cảm ơn chúng đã giúp mình suốt năm và cầu xin chúng tiếp tục giúp mình trong năm tới...

*Người Việt-Nam có tình cảm cù !*

*Người Việt-Nam có tình thần tranh đấu !*

*Người Việt-Nam thông minh !*

Và điểm nào nữa mà ta với người ngoại-quốc còn có thể đồng-ý với nhau nữa sau các nhận xét này ?

— Thưa tình thần cầu tiến !

Thật vậy, nếu dân tộc này thiểu số các điểm quan trọng kể trên lại do vị-trí bất lợi bên khói Hán-tộc không lồ nhiều tham vọng đế-quốc và lân quốc Chiêm-thành hiếu-chiến từ đầu Công-nguyên, thì nay còn gì nữa ?

Hầu hết mọi gia đình trong dịp Tết Nguyên-dáu tức Tết-cá, cái Tết bao gồm nhiều ý nghĩa thiêng liêng và quan trọng có ảnh hưởng cho đời sống cá-nhân và quốc-gia, cha con chồng vợ đều khuyến cáo nhau cố làm ăn, sinh sống sao cho năm tới bằng năm bằng mười năm cũ. Ngay những lời chúc tụng đầu năm, đã như vậy để nhắc nhau gột rửa cái hụt hèn, cái thoái hóa cho nó chìm sâu vào dĩ-vãng. Lời chúc tụng đã phản ánh nguyện vọng thiết tha cho năm tới có ý nghĩa như là làm lại cuộc đời theo phương hướng sáng sủa hơn, con đường rộng rãi quang đãng hơn.

Ý chí cải thiện, cầu tiến được thực thi ngay từ trong những việc nhỏ hàng ngày, bắt đầu luôn từ lúc tiếng trống giao thừa vừa chấm dứt. Lúc này nhà cửa đã quét dọn sạch sẽ, được tô

điểm bằng những giòng chữ lớn hoặc bay bướm cho có nhiều mỹ thuật, hoặc có những ý tưởng cao cả, nghiêm trang nói lên những hy-vọng lớn lao của chủ-nhân. Những châu cúc vàng thêm màu sắc vui tươi cũng làm cho tâm hồn thêm phần sáng-khoái.

Chủ-nhân là văn-gia thi-sĩ ư?

Cái đề tài chính là kiểm điểm công việc đã qua, đã gặp trong năm cũ và các việc tết đẹp sẽ làm trong những ngày sắp đến cho có sự tiến bộ. Người ta khai bút như vậy với tất cả mọi ý nghĩ tốt lành, từ tinh thần đến hình thức. Thậm chí đến các thày thư-lại cũng cố đóng cái dấu sao cho rõ, cho tròn và ông quan khai án trước đây cũng lựa ngày lành tháng giờ tốt.

Chủ-nhân là nhà nông?

Người ta không quên chúc thóc đầy bịch, ruộng đất天堂 cánh cò bay, tiền bạc như nước chảy.

Chủ nhán là nhà buôn?

Người ta chúc: *Nhất bán vạn lời*,

Với gia đình nào thích con đàu cháu đồng, câu chúc của bà con thân hữu là «*Sinh năm để bày được vuông tròn*». Tóm lại người ta ước ao năm mới sẽ có kèm theo sự đổi mới, tức là sự tiến bộ bằng năm bằng mươi năm cũ. Người ta còn ước vọng sự tiến bộ ấy phải được thực hiện rất sớm trên các phương-tiện tăng phú, tăng-quý, tăng-phúc, tăng-thọ v.v.. Người học trò phải thi đậu, cô gái trẻ phải sớm có chồng, cụ già thêm sức khỏe, người làm thăng chức. Lời cầu chúc sao cho hợp với lòng mong đợi của người được chúc mới là hay, là quý..

Dân ta có nhiều cuộc giải trí lành mạnh, những cuộc vui xuân đầy ý nghĩa để nâng cao tinh thần đạo đức, thương vō không thua gì các cuộc vui hay các trò chơi của nhiều dân tộc khác từ Đông qua Tây. Những cuộc giải trí này là của đại-chung, trái lại cái xã hội phú hèo, phong kiến chỉ ưa đánh tài bàn, tổ tôm (tổ tôm điểm) đánh xóc đĩa, nghe hát à-đào. Việc chơi cờ bạc này có khi đã làm cho người

ta mắc công mắc nợ, đáng phải bài trừ nhưng trước đây nó được công khai dung dưỡng.

Nhân nói đến cái trò vui công cộng, chúng ta không thể quên cái trò liếm chảo, leo cột mõ dưới thời Pháp-thuộc đã làm con người mất hết nhân-cách vào những ngày kỷ niệm cách-mạng 14-7 của « nhà nước Bảo-hộ ». Phải chăng trò vui này cũng phản-ảnh phần nào cái bộ mặt nhợ nhem của đám quan lại thời đế-quốc ? Rồi chính một nhân-vật của giới này đã tiếp-nhận ý nghĩa của nó qua câu đối viếng viên Tông-Đốc Thái-bình họ Phạm từng nổi tiếng giỏi làm chúc-tử ca ngợi quan Tây như sau :

*Vai nhợ tê cho làng cỏ-lao,  
Đít-cua thời vắng mặt danh thần!...*

Những trò giải trí của bình dân trong ngày xuân không nhiều lắm, thực ra các trò như bơi trôi, đánh vật, hát tuồng, hát chèo, hát ả-dao, ca vũ, đánh phết cũng có thể bày ra vào những tháng khác để cả làng liên hoan (tháng tám dân quê cũng rảnh rồi nên cũng hay bày trò vui để thưòng thức với nhau). Người dân quê vốn ít được giải-trí đã cắt công từ làng này qua làng khác, phủ này qua huyện khác, có khi cách nhau hàng mấy chục cây số cũng tìm đến, đủ hiểu sự thèm khát của bà con dân quê như thế nào.

Hầu hết đình đám hội hè ngày xuân không đều thiếu món thi « Vật », nhất là ở tỉnh Vĩnh-Yên. Vật là môn chính cũng như ở Bắc-Ninh có hội là phải có cây đu và ca hát cho trai thanh gái lịch. (Theo *Phong-lưu đồng ruộng* của Toan-Ánh).

Vật là môn đứng đầu hàng. Võ sĩ ai nấy đều phải sở trường môn này, được tập luyện nhiều cho dẻo dai lại phải có sức khỏe. Tuy nhiên võ sĩ muốn thắng địch không phải khỏe, dẻo dai mà đủ, còn cần có những thể hiểm; miếng hay mới lạ được đổi-phương. Nguyên-tắc của trò vật cũng như nghề võ là phải dù địch thủ vào thế yếu thì làm ngã địch rất nhẹ nhàng, nghĩa là nhẹ địch\_có chỗ sơ-hở thì khẽ gẩy địch cũng nhào. Do đó ta thấy các đồ-vật hạng « ruồi » thắng những tay đồ-vật hạng nặng là thường.

Muốn đấu roi (Trung-bình-tiên) xưa kia rất thịnh hành & Bắc-Việt nhưng gần đây môn này được phổ biến hơn từ Thanh-hóa trở vào. Choi trung-bình-tiên gọi nôm na hơn là đánh gậy. Phải có hai người đấu với nhau. Gậy dài trên ba thước đấu có quấn giề lầm với tráng để đánh dấu vào mình đối-phương. Ai bị nhiều dấu tráng túc là bị trúng đòn nhiều là thua.

Môn « vật cù » giống môn bóng rổ ngày nay của Tây-phương. Người chơi cũng chia ra hai toán không quản bùn lấy lấm-lắp, tranh nhau quả cầu bằng gốc tre sơn để ném lên rõ của phe đối-lập thường treo trên một ngọn tre cao vút.

Môn « đánh phết » là môn thể-thao rất sở-trưởng của dân làng Phù-đổng (tỉnh Bắc-ninh) và làng Hiền-quan (tỉnh Phú-thọ) cũng tương-tự khúc côn cầu (Hockey) ngày nay. Người chơi cũng chia ra hai phe: mỗi phe cầm một cái gậy tre đấu uốn cong để đẩy trái cầu bằng gốc tre vào lỗ đối-phương canh giữ,

Người ta còn tổ chức các cuộc kéo dây, chạy thi, bắn nỏ, bắn bia bằng súng kíp. Cuộc thi bắn bằng súng kíp chỉ có ở trên các bản Mường như làng Đồng-lạc, châu Lang-Chánh (tỉnh Thanh-hóa). Các làng & ven sông bay có cuộc thi bơi trại. Thuyền dùng vào việc bơi trại là những con thuyền ghép bằng ván gỗ hình thoi rất nhẹ nhàng và dài năm bảy thước là ít. Tay chèo mỗi bên sườn thuyền cuộn tối năm bảy người, đầu quấn khăn đỗ, khỗ đóng ngang lưng. Mỗi người cầm một tay chèo đẩy, chèo nhanh như máy mà tiến lên. Mỗi lần thi có tối một hai chục chiếc. Người đứng hai bờ sông vỗ tay reo khuyển khích. Trên mặt sông người dự thi cuồng reo ầm ĩ trong chiếc thuyền đua nhau lao trên mặt nước như tên lửa gây nhiều sự hứng thú và vui vẻ như các cuộc đua xe máy, đua ngựa & đê thành.

Giải thưởng cũng tùy theo khả năng của làng. Người ta thường chú ý đến phần danh-dụ hơn là thích ăn thua về tiền bạc. (Xưa kia giải thưởng thường là một vài quan tiền, vài vuông lúa hay nhiều điều, có khi là một cây ô v.v... khán giả đứng ngoài

dánh cá với nhau tiền trăm bạc chục như đánh cá ngựa ngày nay.

Lại có những trò chơi mà người ta bày đặt ra để thử tài thông minh hay sự mau trí khôn cũng được dân chúng rất hưởng ứng và hoan nghênh.

Xin kể cuộc thi thổi cơm hay thổi xôi.

Có hai lối thi: thi cá-nhân và thi tập thể. Người dự thi phải chạy cho nhanh đến giếng nước để lấy nước hay cướp cho được một lọ nước đã mức săn. Việc tiếp là kéo lửa bằng nòng tre hay giang rồi thì giã thóc ra gạo. Cuối cùng mới là việc nấu cơm. (Tục này & làng Thị-cẩm tỉnh Hà-dông), Ở nơi khác (làng Chuông cũng thuộc Hà-dông) người ta còn bày ra nhiều sự oái-oăm hơn là nấu cơm trên mặt nước, ăn mía lấy bã làm cùi. Người dự thi ngồi trên chiếc thuyền thúng có mấy chiếc que diêm nhất định và một bó rơm bồi ra chỗ có đóng chiếc cọc tre ngoài ao. Các cọc này nhô đầu lên khỏi mặt nước chừng nửa gang làm đòn rau. Người thi thổi cơm phải vừa làm sao cho thuyền khỏi trôi, lại vừa phải vo gạo, nhóm lửa. Đây là cuộc thi dành cho đàn ông. Còn cuộc thi dành cho đàn bà gồm mấy việc sau đây: ăn mía để lấy bã làm cùi, phải ăn bay đồ một đúra nhô chưa biết đi, phải chăn một con cóc buộc ở sát bếp sao cho nó không nhảy ra ngoài vách vôi đã vẽ theo hình tròn trên mặt đất, gần chỗ thổi nấu...

Tại làng Tích-son (Hưng-hóa) làng Yên-dổ (Hà-nam) có cuộc thi đuối lợn, đuối cuốc trong ngày Tết vào mồng hai. Người ta được báo trước rồi đồ hết ra ngoài đồng. Ban tổ chức thả một con lợn khỏe mạnh để người ta đuối bắt. Còn tục săn chim cuốc thì già trẻ lớn bé nai nịt gọn gàng chờ tiếng cồng nồi lên là chạy ra ngoài đồng để đuối bắt. Giống chim cuốc như ta đã biết, lùi rất nhanh & các ven hồ bờ ruộng hay & các bụi rậm; chúng ua kiểng ăn & chỗ vắng người, yên tĩnh nhưng khi nghe thấy tiếng huyên náo và bị đuối thì rời trí ngay và ngã lăn ra, người ta mới bắt được.

Với trò bắt heo, đuối cuốc, người ta cũng có sự mê tín là

bắt được heo hay cuốc, dân làng năm mới sẽ được nhiều may mắn. Trên thực tế trò này khuyến khích sự tháo vát, sự lanh lẹ. Nhưng bắt được cũng còn tùy & may rủi nữa...

Còn lại một ít làng còn giữ tục rước cái « nôn-nutherford » trong các hội hè tháng giêng (làng Khúc-lạc và Di-nậu tại tỉnh Phú Thọ Bắc Việt). Nôn-nutherford là cái gì? Xin thưa là khúc gỗ đeo thành hình sinh-thực-kí của đàn ông và đàn bà Sau cuộc rước long trọng, người ta ra công tranh cướp, giành giật lấy của quý này hy vọng được may mắn, chửa đẻ hay nuôì tằm tốt tay v.v...

Tục này đối với chúng ta ngày nay có vẻ kỳ dị nhưng không phải là khó hiểu. Nôn-nutherford tượng trưng cho sự sinh-sản thì còn gì diễn-bình hơn là cái sinh-thực-kí của con người? Người ta tôn thờ nó để cầu nguyện cho được may mắn, sinh sôi nảy nở nhiều. Vì nguyện-vọng này còn được hiện lên trên cái bức hình vẽ một cách thô sơ, màu sắc lõe loẹt bao khắp chợ từ thành-thị đến thôn quê. Nào tranh gà, tranh lợn, tranh báu dừa, tranh cóc dạy học, tranh đám cưới chuột v.v... thảy đều gợi lên ý niệm sản xuất và nói lên dân-tộc-tính đặc biệt là tính chất vui tươi của dân tộc.

Trên đây là những cuộc vui của đai chúng, những tục lệ cổ truyền và tết trong mùa xuân. Nếu gạt bỏ những yếu tố mê tín, ta thấy rõ ràng ý-nghĩa lành mạnh của cổ-nhân mặc dầu những tục lệ, những trò chơi này đã là những sản phẩm của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

Dân tộc của chúng ta quan niệm những ngày đầu năm phải là những ngày mồ mòn cho sự mới mẻ, tiến bộ, vui-vẻ, đoàn-kết, đẹp-de, khỏe mạnh hơn những năm trước. Rồi người ta đã dùng những biện pháp thực-tế hay ảo tưởng để hy-vọng cho thân mình, cho nhà mình, cho làng mình và cả nước mình sẽ thịnh vượng, tốt lành hơn trước. Người ta cũng bái ông bà, rước sách thần linh hay làm những gì kỳ cục đi chăng nữa cũng chỉ là cầu cạnh sức mạnh huyền-bí giúp cho mình toại nguyện, đặc biệt là trong việc tổ chức các trò vui đã tỏ ra một tinh-thần lạc quan để con người được cởi

mở, yêu thương, bớt thù thêm bạn. Hơn thế nữa, quan niệm về Tết của dân tộc chúng ta còn chống với triết-lý Phật, Lão coi đời là sông mê bể khổ sống thêm nhiều chỉ là nỗi tiếc những chuỗi ngày phiền não. (Lão Trang dạy con người *vô vi, vô dục*, thúc đẩy chúng ta xa rời cuộc sống. Với quan niệm này con người luôn luôn tiếc, luôn luôn tranh đấu và tin tưởng vào tương-lai. Chắc chắn rằng do ý chí vui sống, cương quyết tranh đấu, tinh thần đoàn-kết ấy dân tộc chúng ta đã tạo được một sức mạnh đầy đủ cho chúng ta chống trả với thời cuộc qua bao nhiêu thế hệ tới ngày nay. Còn nói một cách chặt hẹp, nếu ngày Tết chỉ là ngày ăn chơi, chúc tụng nhau thì cái Tết Việt-Nam còn mang nhiều chất vui tươi vào đời sống hơn là cái Tết của người Tàu hay của người Tây Phương và một số tập-tục cổ-truyền đáng nên giữ lại hầu duy trì lấy quốc hồn, quốc túy của dân-tộc.

*Phụ lục:* Chúng tôi xin biên chép thêm ra đây một vài tập tục cổ về ngày xưa kể từ thế kỷ thứ XI là khoảng thời gian quốc gia Việt-Nam đã tiến vào về độc lập và chính-trị, văn-hóa, xã-hội v.v... Dân ta dưới đời Lý, Trần có nhiều phong tục rất là thuần-phác, không khí tôn-giáo dưới hai triều-dai này bao trùm khắp cung-đình ra tới ngoài dân-giã. Nho giáo cũng bắt đầu thẩm nhuần vào các tầng lớp xã-hội. Khắp nơi được an cư lạc nghiệp.

Ngày 30 Tết (tháng chạp) dân đốt pháo. Pháo ngày xưa chưa có làm bằng giấy bọc thuốc nổ như ngày nay mà là những ống lệnh chứa thuốc nổ và có ngòi. Người ta đốt pháo ở ngoài cổng, ngoài ngõ hay ngoài sân rồi sửa soạn giết gà giết lợn làm cỗ cúng ông bà luôn ba ngày liền.

Mồng 5 Tết trong cung vua có bày tiệc khai hạ. Từ quan đến dân đều đi lễ chùa, viếng đền đài, vườn hoa và phong cảnh trong địa phương.

Tháng hai quan cho dựng xuân-dài mướn phường chèo đèn hát xướng ca múa cho mọi người cùng dự. Ngoài ra có đặt các trò chơi công cộng như đánh vật, chơi gà và đánh cầu lầy giải thưởng.

Đúng ngày lập xuân, vua cắt người tông-trưởng cầm roi vút vào con trâu đất (ihô nguru) do mục đích khuyến nông rồi vua quan vui vẻ bước vào cung ăn yến.

Theo sách *An-nam chí-lược* (tác giả là Lê-Tắc, người đời Trần): «... Ngày mồng ba Tết, vua ngự ra gác Đại-hưng xem các Thái Tử và nội thị đá cầu. Kẻ nào đá liên tiếp không rơi là thắng. Quả cầu tròn làm bằng gỗ, to bằng nắm tay con nít, chung quanh quấn lụa.

Các quan lớn thì đánh cầu bằng tay trên ngựa — không ngồi mòn đá cầu tức là đá kiệu. Ngày nay lúc đó rất thịnh hành trong hàng quý-tộc và có lẽ trong cả dân gian nữa.

Người ta kể chuyện đời Lê có một ông quan đá cầu chúc họa Trịnh với lời hứa mỗi một quả cầu là một năm họ. Ông ta đứng trên thuyền đá đến mấy trăm quả chưa mồi chân. »

Môn đánh cầu bằng tay trên ngựa cũng là một trò chơi đặc biệt của vua quan khá phổ biến & Đông-Phương xưa kia (với ta thì trò chơi này có từ đời Lý. Theo sách *Lý-thuởng-Kiết* của Hoàng-xuân-Hàn, ta có thể nghĩ rằng ta nhập cảng trào này của vua quan xứ Chiêm-Thành). Người chơi chia ra hai phe. Ai nấy đều cầm cái trượng (gậy dài bằng gỗ và dẹp bàn) đánh quả cầu cho nó chạy vào cửa của đối-phương là thắng. Lối chơi « Gôn » của Tây-Phương có phong cách của Đông-Phương chẳng? Về hình thức tuy có khác chút ít nhưng đại-để thì giống nhau, và ngồi trên ngựa mà đánh cầu ta thấy có phần đẹp mắt hơn.



## Tin mừng

Được hổng thiếp báo tin: Chị Trương thị Lê Thủy,  
Giáo sư Trung học Kiều Mẫu Thủ Đức đã vâng mệnh song  
thân thành hôn cùng anh Bửu Quế ngày 21-1-1967.  
Nhân dịp này thành thật chúc tân lang và tân giai nhân  
trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Nhã  
Phạm văn Quảng — Trần ngọc Ban  
Nguyễn văn Tâm

# TẾT LÀO...

## Ở... XỨ LÀO

• • • • • • • • PHẠM TRỌNG-NHÂN

**N**HỞ ở định-mệnh hay tại vì định-mệnh, tôi đã may mắn hay không may mắn có dịp sống nhiều loại Tết. Có Tết Việt-Nam ở Việt-Nam, có Tết tha-hương trong xứ-sở, có Tết Việt-Nam ở xứ người, và sau hết là Tết người ở xứ người... Trong loại này, đối với tôi, có lẽ Tết Lào ở xứ Lào là thú-vị và thi-vị nhất... Thi-vị, và tể-nhị, xét về nội-dung cũng như hình-thức, qua nhǎn-tuyển tâm-lý, chánh-trí, tôn-giáo, hay tín-ngưỡng...

Muốn thấu-hiểu những khía cạnh đó về Tết Lào, trước hết cần phải biết đại-cương về lịch Lào và các lễ chánh ở xứ Lào.



Tại Lào, có ba loại lịch: dương-lịch, âm-lịch, và lịch Lào. Dương-lịch và âm-lịch thì ai nấy đã đều biết rõ. Riêng về lịch Lào qui-định thật phức-tạp: tháng tính theo tuần trăng, còn năm lại căn-cứ vào liên-quan giữa mặt trời và trái đất xoay vần. Chúng ta không cần biết rõ chi-tiết, mà chỉ nên nhớ là ngày đầu năm Lào thường trùng vào một ngày khoảng hạ-tuần tháng 11 hay thượng-tuần tháng chạp dương-lịch. Tuy vậy, Tết Lào không nhằm tháng chạp dương-lịch, mà lại nhằm khoảng trung-tuần tháng 4 dương-lịch: về điểm này, chúng ta sẽ cùng nghiên-cứu và thường-thức sau.

Có cả thảy 11 lễ quan-trọng trong một năm, đa số đều có tánh-cách tôn-giáo. Có một lễ tính theo liên-quan giữa mặt trời và trái đất, là lễ Tết, (tiếng Lào kêu PIMAY, nhâm tháng 4 dương-lịch). Còn 10 lễ khác đều tính theo tuần trăng, trong số có 9 lễ nhâm đúng ngày trăng tròn: Có lẽ là do mĩ-ý thuở ban đầu, người ta muốn dân-chúng được trẩy hội dưới ánh trăng, di-chuyễn dễ-dàng từ làng này qua làng khác.

9 lễ nhâm đúng ngày trăng tròn là:

— Đêm trăng tròn tháng giêng (1): lễ THAT IN HANG tại Ban That, tỉnh Savannakhet.

— Đêm trăng tròn tháng hai: lễ THAT SIKHOTABOUN tại Thakhek, tỉnh Khammouane.

— Đêm trăng tròn tháng ba: lễ MAKHABOUCÀ kỷ-niệm lời dạy trước các môn-sinh, ba tháng trước khi đức Phật qui-thăng Nát-bàn. Ngoài ra, tại tỉnh Champassak có hội Vat-Phou.

— Đêm trăng tròn tháng sáu: lễ VISAKHABOUCÀ, kỷ-niệm ngày đức Phật qui-thăng Nát-bàn. Riêng tại Vientiane tổ-chức lễ BOUN BANGFAY bắn pháo cầu mưa, đè mùa màng được dồi-dào tươi tốt.

— Đêm trăng tròn tháng bảy: lễ BOUN BOUPHA PETAPHALI, thờ cúng tổ tiên.

— Đêm trăng tròn tháng tám: lễ KHAO PHANSA, vào mùa cẩm phòng trùng với đầu mùa mưa.

— Đêm cuối tuần trăng tháng chín, (đêm thứ 14 kè từ khi trăng tròn) lễ HO KHAO PADAP DIN, các linh-hồn xấu số, vô chủ, nhận tặng phẩm.

— Đêm trăng tròn tháng 10: lễ HO KHAO SALAK, gần

---

(1) Các tháng này đều tính theo lịch Lào, đầu năm Lào nhâm khoảng tháng chạp dương-lịch.

giống như trên, nhưng tặng phẩm được chia rát thăm giữa các vỉ sú-sái.

— Đêm trăng tròn tháng 11: lễ OK PHANSA, ra múa cẩm phong, trùng với cuối mùa mưa. Tại Vientiane, có lễ nước, thi thuyền kết bông thắp đèn, và đua thuyền giữa các tay chèo danh tiếng trong hàng tỉnh.

— Đêm trăng tròn tháng 12 (hạ tuần tháng 11 dương-lịch): lễ THAT LUANG. Tại Vientiane, lễ được tổ-chức cực-kỳ long-trọng, vì vừa kỷ-niệm ngày thành-lập thành-phố Vientiane, vừa kỷ-niệm ngày xây tháp That-Luang thế-kỷ thứ XVI dưới triều Vua Setthathirath. Có rước đèn, hội chợ, suốt trong một tuần lễ. Thường năm nào Việt-Nam cũng có gửi trưng bày sản-phẩm và trình-diễn văn-nghệ.



Như đã ghi ở trên, Tết Lào nhầm khoảng trung tuần tháng 4 dương-lịch, từ ngày 6 tháng 5 tới ngày 5 tháng 6 theo lịch Lào. Tết này, người Lào còn gọi chữ là PIMAY, và gọi nôm là « Tết tháng năm ». Nói rõ hơn và ngược lại, ngày đầu năm theo lịch Lào nhầm tháng chạp dương-lịch, nhưng Tết Lào lại được diễn ra năm tháng sau, nghĩa là tháng tư dương-lịch. Và đó là một đặc-biệt thi-vị của Tết Lào, mà chúng ta không khỏi ngạc-nhiên.

Người Lào bản tính hồn-nhiên dung-dị, giải-thích như sau. Đầu năm Lào, đêm bắt đầu dài hơn ngày: ăn Tết, thật chẳng khác nào vô-tinh đi sâu vào tối-tăm vô-tận, làm ta liên-tưởng tới khò-ải buồn-sầu. Trái lại, kè từ tháng năm lịch Lào, nghĩa là tháng tư dương-lịch, ngày bắt đầu dài hơn đêm: các nhà thiên-văn-học quyết-định ăn Tết vào dịp này, như để tiễn tới ánh hào-quang, đồng nghĩa với vui-tươi may-mắn.

Bởi vậy, cái vui tươi đó được diễn-tả, bộc-lộ, tận-hưởng trên toàn-quốc, từ dân cho chí vua, thật say xưa nồng-nhiệt

Dường như có một sợi dây vô-hình thông cảm, giữa hết thảy các tầng lớp dân-chúng và trời đất có cây đồi mới.

Lễ Tết PIMAY diễn ra trong ba (hay bốn) ngày liên-tiếp. Ngày đầu kêu MU SANG KHAN PAY, là ngày thần năm cũ ra đi, đại-khai có thể so-sánh với Tết ta Vua Táo về chầu Trời. Ngày thứ hai (có năm được nhân hai, nghĩa là cộng thêm một ngày nữa) kêu MU NAO, là ngày trung-gian, bắc cầu giữa hai năm cũ mới. Ngày thứ ba (hay thứ tư, nếu ngày thứ hai được nhân hai, tùy năm) kêu MU SANG KHAN KHUNE, là ngày thần năm mới tới nơi nhận chức. Xem như vậy thì hai vị thần không gặp nhau, và không có «lễ bàn giao», vì đã có ngày trung-gian cách bức.

Trước ngày Tết, nhà ai nấy được cọ rửa sạch-sẽ, thu gọn gọn-gàng. Công việc được thực-hiện với rất nhiều công-phu và trọng-thề, vì ai nấy tin như vậy sẽ trút bỏ được những bụi bặm tối tăm cũ, đê đón tiếp những gì gọi là tinh-khiết và sáng-sủa sẽ tới nơi.

Ngày Tết, dân-chúng nô-nức mang y-phục mới và đẹp rủ nhau đi chùa, dự lễ tưới nước các tượng Phật để ai nấy mát-mẻ. Nước trong đê ở chậu, có tần hoa hay pha chất thơm; và nhà chùa đã cho chuyền tượng sẵn ra sân để trên một chiếc kiệu hay chiếc kè, dưới một tấm lều bằng vải. Các ngày sau, có thể tượng sẽ được rước tuần-hành trong khu xóm, và dân-chúng hân-hoan thi đua tưới nước. Ai nấy cung-kính nghiêng mình trước tượng Phật từ-bi, và cầu khấn sẽ may mắn, giàu có, khỏe mạnh. Nói tóm lại, cũng như tại Việt-Nam, chúng ta đi cầu Phúc, Lộc, Thọ.

Trong ngày Tết, họ hàng thân-thuộc đi thăm viếng và chúc tụng lẫn nhau. Ai nấy hân-hoan, tươi-tinh, tin và mong rằng hân-hoan và tươi tinh đó sẽ tiếp-tục lâu dài. Tại nhiều gia-dình quyền-quý, người ta còn long-trọng tồ-chức lễ Baci để cầu chúc ai nấy được làm ăn may mắn, sức khỏe rồi rào...: chúng ta sẽ có dịp nói rõ về tục-lệ khà-ái này, có tánh-cách vừa xã-giao, vừa tôn-giáo.

Những ngày sau là dành cho các trò vui chơi công-cộng. Các thanh-niên (phoubaop) và thanh-nữ (phousao) cưỡi đùa tưới nước vào nhau, như mặc-nhiên cầu chúc cho ai nấy trút hết bụi bặm, và được mát mẻ. Tưới nước như vậy không chỉ riêng giữa thanh-niên thanh-nữ Lào, mà còn nhầm cả các người lớn tuổi, thô-dân hay ngoại-quốc... Bởi vậy người ngoại-quốc tới thăm viếng xứ Lào vào dịp Tết, cần phải hiểu rõ tục-lệ này: được một nàng Phousao dễ thương tưới nước mà không lấy thế làm vinh-dự và không biết cảm ơn, có thể gây mầm ngộ-nhận đáng tiếc. Hơn nữa, ngay nhǎn-tiền, các cô còn có thể hợp-lực cùng các trai làng, tưới nước vào khách cho đến khi khách chịu thua, ăn-năn hay biết thường-thức cử-chỉ đẹp đẽ của các cô. Đôi khi, các thanh-niên thanh-nữ tinh-nghịch hơn, không những chỉ tưới nước, mà còn lấy dây trói buộc gốc cây đồi tiền thường, hay cho kiến đốt, hoặc xé áo quần.

Tục-lệ này không phải được toàn-thể mọi người, nhất là ngoại-quốc, thường-thức tán-thành. Vì vậy, có nhiều người dành ở nhà, không ra phố, hay có thì cũng tránh những nơi có thể bị tưới nước, hoặc đi có che dù cầm-thận, và đắp xe lên kính kĩ-càng.

Tại các sân chùa hay trên bãi cát bên bờ Cửu-Long-giang, người ta thi nhau đắp các tháp cát, trên ngọn có trưng những tấm giấy in hình các con vật trong năm. Và ai nấy cầu Trời Phật cho được sống lâu, tiền bạc dồi-dào, như các hạt cát hằng-hà sa số...



Nhưng có lẽ tại Luang-Prabang, Tết được cử-hành hân-hoan long-trọng nhất. Luang-Prabang là nơi nhà Vua và Hoàng-Gia ở; còn Vientiane chỉ là thủ-đô hành-chánh và chánh-trị.

Ngoài những cuộc vui kè trên được diễn ra tại bất cứ nơi đâu trên Vương-Quốc, Luang-Prabang còn có những nghi-lễ và tập-quán đặc-biệt. Cho nên có thể nói là chưa ăn Tết tại Luang-Prabang

thật cũng như chưa biết rõ tục-lễ Tết của xứ Lào.

Tết tại Luang-Prabang tiếp-diễn luôn trong hai tuần-lễ. Đoàn voi của nhà Vua diễn hành ngoài phố. Trong khi dân-chúng nô-nức ra chợ mua đồ ăn thức dùng: mua càng nhiều, đè dùng hay đem tặng, ấy là có thè hy-vọng sẽ phong-lưu giàu có. Người ta còn mua các sinh-vật rồi đem phỏng-thích: mua cá mang trả về giòng sông, hay mua chim đem thả bay trong nắng mới, mà cầu nguyện được nhiều phúc lộc, hay mơ mộng nhìn cá lặn chim bay mà tưởng tượng tới những nơi nào huyền-diệu, không có trên thế-gian này. Ta hãy ngắm một thiếu nữ Lào, áo xiêm diêm-dúa, nhẹ nhàng thò tay vào lồng lấy từng chiếc bồ câu đè thả bay trong gió nhẹ; chim bồ ngỡ với nền tự-do mới có một cách không ngờ, trước khi bay lên một cành cây gần cạnh, rồi say sura liều-linh bay xa, đè rồi không trở lại... Khung cảnh nên thơ chẳng khác nào bức tranh thiếu nữ Việt-Nam, bến-lên đang xin thẻ, kín-đáo lô-âu hỏi thăm về việc tình-duyên...

Trong Hoàng-cung, lễ Baci được tổ-chức đè cầu phúc cho cả Hoàng-gia và các viên-chức cũng như toàn dân-chúng... Rồi nhà Vua cùng với một số tùy-tùng đi dự-lễ tầy trần các tượng Phật, tại các chùa Viçoun, Xieng Thong, Vat Mai và Sangkhalok. Đọc đờng, nhà Vua, và cả đoàn tùy-tùng có thè được dân-chúng cung-kính hoan-hôn tưới nước thơm... Có một lần, hình như một Hoàng-tử đã «được» dân-chúng xé áo...

Lễ tầy trần tượng Phật tại Vat Mai long-trọng nhất. Tượng Phra Bang được đưa từ trên bệ xuống một chiếc kiệu đè ở sân chùa. Một ống nước hình rồng, phun nước, tên gọi Hang Lin, đầu rồng đặt ngay trên pho tượng: dân-chúng tới đồ nước vào đuôi rồng cho nước từ từ chảy trên tượng Phật.

Ngoài ra, còn đám rước, ông và bà thần POU GNEU GNA GNEU là tổ tiên của hết thảy mọi người Lào, tuần-hành nhảy múa, đầu mang mặt nạ, mình bận áo vải thô, theo điệu của âm-nhạc cồng-xà, hòa nhịp rộn r(TM)ua với một đầu sú-tử. Và cả người

lần sư-tử quỳ chúc thọ nhà Vua, nhân-danh hết thảy các người Lào quá-khứ, hiện-tại và tương-lai... Nói tóm lại, đại-cương chẳng khác nào múa lân của ta ở Saigon, ngày Tết đến...

Rồi sau hết, ngày 9 và ngày 15, tại Hoàng-cung, nhà Vua mở tiệc khoản đãi các vì sư-sãi được trói nước phép cầu phước.



Năm vừa qua là lần đầu tôi ăn Tết Lào ở xứ Lào. Vì thực ra, khi còn là sinh-viên, tôi đã từng có dịp ăn Tết Lào ở Pháp. Và tôi xác-nhận là ăn Tết Lào ở xứ Lào thật thi-vi và thú-vị: lễ có tánh-cách vừa tôn-giáo, vừa dân-tộc, có ảnh-hưởng cả đến chánh-trị, thật tế-nhị vô cùng.

Trước hết, là sự liên-quan hòa-diệu giữa lòng người với cảnh trời: lòng người vui khiến cảnh trời thêm tươi; và cảnh trời tươi khiến lòng người thêm hồn hở. Có thể nói: Tết Lào, ấy là linh-hồn của dân-tộc Lào; và nếu không có Tết, nguồn sinh-lực tất sẽ suy-sụp, và lòng tin cũng do đó suy-vi... Và từ Thượng tới Hạ Lào, đại-cương, đâu đâu cũng đều một phong-tục, một nghi-lễ...

Nhà Vua và thần-dân bắc cầu giao-cảm, không phải trong hiện tại chật hẹp, mà còn cả trong quá-khứ xa-xôi, và tương-lai không bờ bến. Khi đoàn sư-tử múa chúc thọ nhà Vua, ấy là nhân-danh toàn-thể dân-tộc, kè cả những người đã khuất núi và những kẻ hậu-sinh... Rồi đến khi nhà Vua mở tiệc nơi Hoàng-cung khoản-đãi các vì sư-sãi và trói nước phép cầu phước cho người đồng-bối, ấy cũng lại là đối với toàn-thể quốc-gia và quốc-dân, vì chúng ta không nên quên Phật-giáo là quốc-giáo, tại Lào.

Người dân Lào bản tính hồn-nhiên giản-dị, lại vị-tha và hiếu-khách. Cho nên nhân dịp Tết, người ta càng dễ cùng nhau thông-cảm trong hân-hoan, mời nhau vui chơi ăn uống..., không phân-biệt giai-cấp hay tuổi-tác, mặc dù chỉ quen sơ, hay một đời khi không hề quen biết. Mà nhịp cầu mòc nối đầu tiên nhiều

khi chỉ là một vụ tưới nước, làm ướt cả áo quần ; và khách được tưới nước, ví dụ như trong lòng có tiếc bộ quần áo mới, thì bè mặt ra vẻ hân-hoan, hồn-hở.

Trên đây có nói: không phân-biệt giai-cấp, hay tuổi-tác. Mà thực đúng như vậy. Người dân tưới nước vào nhà Vua hay Ông Thái-tử ; người lính tron xé áo hay tưới nước chủ tướng của mình, thật là dân-chủ .. Không ai cho như vậy là mình hỗn-xược, hay bị cắp dưới hỗn xược đối với mình.



Một buổi sáng, tôi nhận được điệp-văn của Bộ Ngoại-Giao cho biết, đại ý: « các nhân-viên ngoại-giao ngoại-quốc và vợ có mặt tại Luang-Prabang nhân dịp Pimay, sẽ được Nhà Vua tiếp-kiến vào buổi tối. Ngoài ra, một chương-trình đã được sắp đặt để giải-trí các tân khách ; viếng thăm thác nước, đi chùa, xem rước, v.v.. Nên mang y-phục thè-thao để đi chơi rừng, và dạ-phục để dự tiệc trong Hoàng-cung ».

Lời lẽ trầm-lặng, thanh-bình, không có vẻ gì sot-sắng. Và tôi thiền-nghĩ: có thè đi cũng được, mà không đi cũng được. Vì không phải là Nhà Vua mòi, mà cũng không phải là nghi-lễ thường-xuyên... (Đối với quốc-tế và ngoại-giao-đoàn, Bộ Ngoại-Giao Vương-quốc Ai-Lao đã thông-báo Tết dương-lịch là Tết chánh-thức, và ngoại-giao-đoàn chỉ chúc Thọ Nhà Vua vào dịp này mà thôi).

Nhưng khi lên tới Luang-Prabang, không ai ngạc-nhiên là Đại-sứ các nước bạn đều có mặt đông đủ, đa số có bà vợ cùng đi. Ngoài các Đại-sứ, người ta còn thấy một số nhân-viên ngoại-giao khác và tùy-viên quân-lực... Và ta nhận-chân diềm tẽ-nhị sau đây: Nhà Vua không muốn phiền-hà các nhà ngoại-giao phải di-chuyển bận-rộn trong việc nghỉ lễ, nhưng các nhà ngoại-giao tôn-kính Nhà Vua, nên trừ trường-hợp bắt khả-kháng, vẫn lên Luang-Prabang chúc thọ...

(Cũng như một lần khác, Nhà Vua công-du, phi-cơ cất cánh từ 5 giờ sáng. Bộ Ngoại-Giao thông-báo : Nhà Vua không muốn phiền các Đại-sứ tiễn đưa vì giờ quá sớm. Nhưng sau, các Đại-sứ vẫn ra phi-trường, chào tiễn. Có ở xứ Lào, có được chiêm-ngưỡng Nhà Vua qua các cuộc kinh-lý, cử-chỉ tươi vui, hồn-nhiên, dung-dị mà vẫn tôn-nghiêm, đối với thần-dân chẳng khác nào người cha gia-dình đứng trước đàn con thân mến ; hay được trực-tiếp yết-kiến Quốc-Vương và Hoàng-Hậu ; mới hiều được một phần nào lòng dân Lào tôn-kính và sùng-bái Nhà Vua đến mức nào. Không một cử-chỉ lỗi-diệu, không một tuyên-bố lộng-ngôn, ái đến đâu cũng chỉ lấy nụ cười im-lặng nhưng thành-thực và hùng-hỗn bao nhiêu, để chinh-phục lòng người...)

Chúng tôi tới phi-trường Luang-Prabang, rồi về khách-sạn. Ngay buổi tối, đi dự một buổi dạ-hội do Tòa Tỉnh-trường khoản đãi. Có khiêu-vũ Tây-phương, có nhảy múa và ca hát những cõi-diệu xa xưa. Khung cảnh thật giản-dị, thanh-bình, mà hấp-dẫn biêt bao : các nàng « phousao » xiêm-y có thêu chỉ vàng, tóc kết thành búi cao trên đỉnh đầu, chiếc trâm và sợi dây vàng kết hoa trắng nổi bật trên màu tóc đen huyền, đi lại, nói cười, hồn-nhiên, vui-vẻ.. Thỉnh thoảng lại có một vài cô, có lẽ là do thịnh-tình và chỉ dẫn của ông Tỉnh-trường, tới mời một vài quan-khách cùng biều-diễn vũ-diệu Lamvong...

Sáng hôm sau, ngày Tết chánh, chúng tôi đi thăm thác nước Nam-Dong, cách thủ-phủ Luang-Prabang chừng 35 cây số, đi toàn đường rừng và núi. Tắm, bơi, lội, hay đứng thu hình dưới dòng thác chảy. Rồi ăn cơm trưa, và lại nhảy múa Lamvong. Trong số các quan khách, có đủ cả từ Tòng-trường, Tướng lanh, cho đến các thanh-niên nam-nữ, cùng hòa nhịp sống, vô-tư, vui-vẻ. Tôi đang nói chuyện với một vài anh bạn, thì có tiếng cười to nói lớn, làm tôi ngoảnh lại. Thiếu-tướng chỉ-huy quân-khu Luang-Prabang vừa bị các nàng thôn-nữ xé áo. Không những áo ngoài, mà cả tới chiếc áo lót mình ! Thiếu-tướng lắc đầu, cười, rồi chạy xuống phía dưới đồi, uống rượu...

Tôi chưa kịp « trấn-tinh tâm-thần », thì từ phía sau, có tiếng thiếu-nữ thất-thanh gọi đích danh. Tôi quay lại, và bị ngay một bàn tay xinh đẹp bôi nhọ nồi lên hai má. Theo sau đó, là một chuỗi cười khả-ái của các người đẹp, mà hai vai « chánh-phạm » là một bà bác-sĩ và một bà nghị-sĩ... Rồi ai nấy, xa gần cùng họa tiếng cười theo.

Một bà nói :

— Có lẽ lần đầu Ông Đại-sứ bị bôi nhọ nồi...

Tôi chưa kịp trả lời, thì bà kia đã tiếp theo :

— Nhọ nồi còn là khá... Có thể còn bị xé áo...

Tôi nói :

— Tôi đã đề-phòng, mặc áo kaki rất dày...

Một bà thứ ba góp lời :

— Dù kaki dày đến đâu cũng vẫn bị như thường...

Rồi bà nghiến hai hàm răng, làm hiệu là nếu không xé nồi thì sẽ cắn áo cho rách mới nghe...

Tất cả những cử-chỉ đó tịnh không cho ta ý-niệm bị phá vì đều đượm vẻ thân-tình, triu-mến.

Trên đường về, chúng tôi bị tưới nước. Vì sĩ-quan hướng dẫn lên kính xe để tránh « nạn ».

Tới Luang-Prabang, chúng tôi đi xem rước. Không những đi xem rước, mà còn hòa mình với đám rước. Sau, tôi được biết ông Đại-sứ Anh bị xé rách áo, như ông Thiếu-tướng hồi ban sáng...



Buổi tối, chúng tôi mang lể-phục, vào Hoàng-cung, chúc Thọ nhà Vua, và dự tiệc.

Trong sân, các đèn màu ẩn-hiện mắc trên cành cây, nằm

trong búi cỏ. Chúng tôi vào phòng chính trong điện, đứng chờ theo Nha Nghi-Lễ xếp đặt. Quốc-Vương và Hoàng-Hậu cùng với Đông-cung Thái-tử và Công-chúa tiến bước chào mừng vị tân khách ngoại quốc đứng hàng đầu. Đổi với các văn-võ bá-quan ngồi xóm trên gót chân, cúi đầu chấp tay chào, nhà Vua thân tinh cầm tay từng người mời đứng dậy. Rồi chúng 200 vị cả chủ lẫn khách, ra ngoài thềm gạch lớn, hóng mát và thường-thức đám rước rồng từ trên núi Phousi ở phía trước từ từ xuống, tiến về phía Hoàng-cung. Lúc đó khoảng 8 giờ tối. Mấy trăm ngọn đèn rung-rinh theo nhịp phách, và rồng dài lớn có điểm các ngọn đèn màu ở đầu, ở lưng, ở đuôi, nhẹ-nhàng uyển-chuyển như trong một khung-cảnh thần-tiên thơ-mộng...

Rồng đến phía trước điện, quỳ chúc thọ Hoàng-gia và chào quan-khách. Nhà Vua cảm ơn, ra hiệu cho rồng được rút lui. Các thường dân đứng ở sườn núi hay ngoài đường phía trước Hoàng-cung, hò reo, vui-vẻ đợi chờ...

Nhà Vua tiến về phía tòa nhà ở phía tay trái. Có tới gần hai ngàn người đã ngồi sẵn trên các dãy ghế, thấy nhà Vua ra, đều đứng dậy chấp tay cuối đầu chào. Chúng tôi đi theo sau Hoàng-gia, cùng tiến về phía khán đài: các chỗ đã được dành sẵn, có ghi tên theo chức vị...

Cuộc trình diễn bắt đầu. Các đoàn-kịch, các điệu dân-ca, các màn vũ cờ hay đấu võ. Nhưng huy-hoàng huyền-ảo nhất là cảnh diễn lại một đoạn thần-thoại trong kinh Phật, với sự tham-dự của lối hai chục nam nghệ-sĩ và tám chục cô vũ-nữ. Các cô vũ-nữ xinh tươi, với những chiếc trâm cài lóng-lánh, chiếc xiêm có thêu chỉ vàng, với nụ cười vô-tư, tiến thoái theo điệu nhạc xưa từ mấy ngàn năm cũ... Các cô tiến tới khán đài danh-dự dâng hoa lên Hoàng-Hậu... Trong một bầu trời sao sáng, có gió thổi triền miên, và các ngọn đèn điện mờ đùi các màu ở hai bên sân khấu.

Chúng 11 giờ khuya, phần văn-nghệ bế-mạc.

Nhà Vua mời các quan-khách dùng tiệc, uống rượu. Đồ ăn thức uống bày la-liệt trong cung, và cả ngoài sân, dưới các vòm cây, bên bụi cỏ. Món « Khaopoun » quốc-túy được các quan-khác thưởng-thức nhất. Món tựa như « thang » của ta ngày Tết; nhưng dùng ít nước canh hơn, và có nhiều mùi vị trái ngược hòa lẫn với nhau. Ấy là chưa kể mỗi tỉnh ở Lào lại có một lối làm « Khaopoun » riêng, nhưng theo nhận-xét chung thì « Khaopoun » tại thủ-phủ Luang-Prabang ngon hơn hết...

Tiệc tàn vào lối nửa đêm. Và ai nấy bắt đầu khiêu-vũ. Quốc-Vương và Hoàng-Hậu ra về. Nhưng các Hoàng-tử ở lại, cùng góp vui với quan-khách cho đến sáng...



Trên đây có nói tới lễ Baci tò-chức trong Hoàng-cung, nhân dịp Tết. Thần dân cầu phước cho Nhà Vua, và Nhà Vua ban phước cho hết thảy mọi người, cùng là cầu cho được dân-an quốc-thái.

Thực ra, lễ Baci không phải chỉ tò-chức riêng ở nơi cung cấm, và cũng không phải chỉ nhân dịp Tết. Các gia-đình quý-en-quý cũng tò-chức lễ Baci, nhân dịp đẻ con trai, sinh con gái, mừng tiễn người thân sắp ra đi hay đón người thân mới trở về... Tò-chức tại nơi quyền-quý, lễ kêu là « Baci ». Tò-chức tại các nơi thường-dân, lễ kêu là « Soukhouan ». Nhưng nội-dung lễ không ngoài mục-dịch cầu an, ban phước, gặp may...

Baci hay Soukhouan là một lễ có tánh-cách đặc-biệt Lào, vì không có thấy tại Thái-Lan hay Cambodge, mặc dù ba nước này có nhiều phong-tục có vẻ giống nhau. Baci hay Soukhouan là những cơ-hội rất thuận-tiện, ý-nghĩa và nên thơ, lại có đượm một phần nào tín-ngưỡng, để người dân Lào chất phác, qua những tiếng cười rộn rã và giữa các bông hoa cành lá dịu thơm, cùng chứng tỏ lòng quảng-đại và biều-lộ ý-niệm tha-thiết yêu đời. Dù quyền-quý giàu sang, hay bình-thường thanh-bạch, nhưng đã ngồi dự-lễ Baci hay Soukhouan, là người dân Lào tự-nhiên như có cảm-giác phóng-

khoảng tin-tưởng, khiếu những quan-niệm về giao-cấp, ngôi-thứ, giàu nghèo, nếu không xóa bỏ được hoàn-toàn thì sẽ ra cũng giảm đi nhiều lắm. Có người bạn Lào thi-sĩ còn bình-luận với tôi: Baci hay Soukhouan còn là những dịp thuận-tiện để thanh-niên nam-nữ làm quen với nhau, dưới con mắt giám-sát khoan-hồng nếu không phải là khuyết-khích của các bà mẹ hiền từ. Và đã có biết bao nhiêu cuộc tình-duyên bắt nguồn từ những lễ Baci hay Soukhouan.. để rồi sinh con đẻ cái, vuông-tròn, đong-dỏ.. Đó là những khoe mắt nhỉn đời kèm theo những nụ cười tin-tưởng; những mầm tha-thứ hay quên-lãng về những xích-mích nhỏ nhoi không đáng kể; để vạn sự nhất nhât đều hướng về và tròng cậy vào phép nhiệm-mẫu của các đấng thiên-thần và đức Phật từ-bi...

Soukhouan có nghĩa là tiếp-đón linh-hồn, vì linh-hồn thường ham sống đời phóng-khoáng, không chịu ở trong khuôn-khổ chật-hẹp của thân-thề người ta.

Bắt cứ người bạn Lào nào cũng có thè kè cho chúng ta nghe câu chuyện sau đây.

« Hai người cùng vượt qua một khoảng rừng rậm. Một người mệt mỏi; nằm ngủ dưới bóng cây. Một lúc sau, người còn thức thấy có con dế từ đầu bạn di ra. Dế bò quanh các gốc cây, lần theo bờ suối, rồi một lúc sau trở về chỗ cũ. Lúc đó, người bạn đang ngủ bỗng tỉnh giấc, vươn vai kêu: ngủ thật ngon giấc! Tôi nằm mê, thấy rừng rậm và tăm mát bên giòng suối... »

Đó đó, người Lào tin rằng linh-hồn thường hay di-chuyen, lang-thang, và ta phải luôn luôn kêu gọi về với thân-lì. Trê con đau ốm là vì linh-hồn đi vắng, nên cha mẹ làm lễ Soukhouan để gọi hồn về. Không phải toàn thân-thề có một linh-hồn chung, mà mỗi bộ phận, mỗi cơ-thể, có một linh-hồn riêng. Vì vậy, nên có những Baci hay Soukhouan mà người chủ lễ đọc rất lâu, rất dài, vì kêu gọi tên từng bộ-phận, từng cơ-thể..

Ngày giờ đã được chọn. Các mâm bạc có đế để chồng lên nhau, mâm dưới cùng to rộng nhất, và kích thước các mâm trên cứ tuần-tự rút bớt dần cho tới ngọn. Trên các mâm bạc, có bày những lá tết thành hình đều đặn, hoa buộc với nhau đủ các màu. Lại có cả hương, nến, cơm, trứng luộc, kẹo, bánh, v.v... và các sợi dây trắng treo rủ theo với lá, hoa ..

Các bà con bè bạn ngồi xung quanh, xếp chân bằng tròn về phía trước hay gập hai chân ra phía sau, trên thảm màu đỏ hoa hay chiếu trải ngay dưới đất.

Người chủ lễ thường là một vị có tuổi, tóc bạc, đã theo dõi Phật-học nhưng không được đến chốn đến nơi, đọc kinh thỉnh các vị thần, gọi hồn, rồi cầu-xin, chúc-tụng...

Ví dụ: thỉnh các vị thần, như sau.

« *Thần các ngọn núi, các giải sông, giòng suối*

*Hãy phù hộ cho chúng tôi*

*Hãy nghe lời chúng tôi cầu-khấn*

*Và nhận những lễ vật chúng tôi tâm-thành dâng-tặng nơi đây...»*

Hoặc gọi hồn đang vor-vàn lạc đường, ở bờ sông sườn núi:

« *Hôm nay là ngày lành tháng tốt, nhà Vua thắng trận trở về thành.*

Chúng tôi đã chọn ngày này để dâng lễ vật: trứng luộc, khoai lang, củ đậu, bánh dừa, thịt gà, gạo mới. Lại còn có cả rượu ngon và nhiều món cao-lượng khác.

Giờ này thật thuận-tiện và chúng tôi mời hồn sớm trở về.

Dù hồn có lặn dưới sông sâu, lạc trong sương sớm, lội giữa giòng suối chảy, bay bồng trong tầng mây cao.

Mời hồn hãy sớm trở về, băng ngang đường quang mà chúng tôi đã dọn.

Hòn hấy găng: lời nếu nước nồng, bơi nếu sông sâu; ví như có gấp rừng rậm, xin đừng lạc lối; có gấp nhà mát, xin đừng đứng bước nghỉ chân;

Chờ cả sợ loài ma quỷ; hãy can đảm mà đi;

Hãy sớm trở về nơi đây, với bà con, thân thuộc,

Nhà cao làm bằng gỗ trơn và đẹp, do cả đoàn voi đã chuyên chờ về.

Cha, mẹ, chú, bác, cô, dì, cậu, may, anh, em, đang chờ đợi, với cả tình thương vô bờ bến.

Hãy thường thức các món ăn ngon này.

Hãy ở lại mà đừng đi đâu nữa...»

Rồi sau đó, là những lời cầu chúc, chân-thành, sôt-sảng.

Vì chủ lẽ và một số người khác trong ban tề-chức, nghĩa là trong gia-đinh, lần lượt chống tay lê chân tiến tới từng người ngồi quanh các mâm lẽ vật. Người hành lẽ trao cho người chịu lẽ một bó hoa, hoặc một quả trứng, hay một bát gạo, củ khoai v.v... Hai người chấp tay sá chào nhau trước khi trao hay nhận thực-phẩm, và trao hay nhận thực-phẩm xong, người chịu lẽ một bàn tay đè dọc ngang vàng trán, còn tay kia đưa ra đè người hành lẽ buộc một sợi dây trắng, vừa buộc vừa khấn-khứa, cầu xin, chúc tụng. Trong khi ấy, các người xung quanh cõ-găng với tay đè có thè trực-tiếp hay gián-tiếp chạm tới khuỷu tay người chịu lẽ, hy-vọng các lời cầu chúc kia cõng sẽ vọng tới mình được hưởng-thụ một phần nào. Buộc hay nhận sợi dây trắng vào cổ tay xong, hai người lại sá chào cảm ơn nhau, và người chủ lẽ tiếp tục hành-trình, buộc dây cho người khách khác...

Tuy không có luật lệ nào hữu-định, nhưng thường khi trong thực-tế, nam buộc dây cho nữ, và ngược lại. Hơn nữa, người ta thường buộc dây cho phái nữ và cho thượng khách nhiều hơn. Cũng vì lẽ đó, sau lẽ Baci hay Soukhouan ra về, mà

không có được một sợi dây ở cổ tay, người ta như có cảm tưởng không vui. Và cũng theo lý-luận đó, người ta có thể kêu-hãnh một phần nào khi nhận được nhiều dây hơn các bạn.

Lẽ thi các sợi dây đó, người nhận phải giữ nguyên vẹn trong ba ngày ba đêm. Xong, mới được gỡ ra, chó không được cắt bằng dao hay kéo; rồi đem cắt ở một chỗ cao ráo, để cầu may.

Trong thực-tế, nhiều khi ta không thể giữ hết thảy các sợi dây cầu may đó, nếu nhận được quá nhiều hay gặp trường hợp có nhiều buồn lẽ liên-tiếp. Ta có thể gỡ các sợi dây, cắt đi, và chỉ giữ lại một sợi tượng-trưng.

Trên đây có nói tới người hành lễ cầu chúc trước khi và trong lúc buộc dây cho người chịu lễ. Lời cầu chúc đó lầm kẽ thật hồn-nhiên, và thật nên thơ.

Chúng ta hãy thường-thức một đoạn như sau:

« Cầu chúc sao cho cơ-thể được cứng rắn như gỗ trên rừng, như hàm sư-tử, như cặp ngà voi,

« Hãy sống một ngàn năm, một vạn năm. Và hãy giàu có, tiền như rừng, bạc như bè: nhiều ngựa, nhiều voi, nhiều đồ ăn, thức uống.

« Nếu đau yếu, sẽ khỏi ngay tức thì,

« Nếu bị ràng buộc, sẽ tự khắc tự-do; nếu ở đẳng cấp thấp, sẽ thăng tiến; nếu hiềm hoi, sẽ có con...

« Sẽ phú, sẽ quý, như trong lòng mong muôn,

« Sẽ rất thắn-thể, danh-tiếng vang lừng, muôn gì được nấy.. không thiếu một thứ gì:

« Sức khỏe, sống lâu, hạnh-phúc, đời đời... »

Và để chấm hết câu chuyện Tết, mặc dù đây là Tết Lào ở xứ Lào, tôi cũng mạn phép cầu chúc các bạn thực-hiện được những điều như vậy, nhân dịp Tết Việt-Nam, ở Việt-Nam...



# LỄ TẾT CỦA NGƯỜI QUẢNG - ĐÔNG

TẠI

## TRUNG-HOA VÀ VIỆT-NAM

Nguyên-tác : TĂNG-HẬU

Chủ-bút Viễn-Đông Nhạc-Báo

Bản dịch : THÔI TIÊU-NHIÊN

Ký-giả báo Hoa-văn,

Giáo-sư Việt-văn

Lời chua thêm : LÊ-THỌ-XUÂN

Mỗi lần Tết đến là mỗi lần người Trung-hoa ở Trung-quốc cũng như người Trung-hoa ở Việt-nam đều « Ăn Lễ » tưng-bừng. Tưng-bừng thì như nhau nhưng mỗi địa-phương mỗi có những điềm dị-dồng: ở Hoa-Nam khác ở Hoa-Bắc, rồi ở Việt-nam lại khác ở Hoa-Nam thêm ít nhiều nữa.

Chúng tôi vốn sanh-trưởng tại Quảng-đông, từ nhỏ đã « ăn » nhiều Lễ Tết trên đất Trung-hoa, lớn lên sang Việt-nam lại « ăn » nhiều Lễ Tết như ngày nay.

Bởi thế, ngày nay (1), chúng tôi xin ghi-chép vài lê-tục về Tết — Tết của người Trung-hoa ở Quảng-đông và Việt-nam —

(1) Tháng 12-1966.

dè đặc-giả chư-tôn thấy có chỗ giống nhau mà cũng có chỗ khác nhau.

Qua nhiều biến-cố lịch-sử về các triều-đại ở Trung-nguyên (Nam Bắc Huỳnh-hà), phong-tục « Ăn Tết » của người Quảng-đông có nhiều biến-đồi; vì những phong-tục này một phần do dân-chúng từ Bắc-phương « mang » theo xuống miền Nam, rồi một phần « hòa » với cỗ-lệ lưu-truyền của cư-dân sờ-tại là các giống Miêu, Dao, Đồng, Đản...

Rồi, từ xưa, người Quảng-đông có những lễ-tục « Ăn Tết » đại-dè như sau.

# 1

## TỰC « HỘI LỬA »

Mỗi năm, vào ngày Ba Mươi Tết, mỗi gia-dinh đều sẵn-sàng những món cần-thiết để Mừng Xuân.

Sau khi cúng Ông Táo, cả nhà cùng dùng một bữa cơm chiểu ngon-lành, gọi là « Bữa cơm Đoàn-niên » (1).

Ăn cơm xong thì trời đã tối. Mọi người tụ-hợp lại trước cửa cái, đem mẩy bô rơm chất đống lại rồi đốt. Khi lửa đã bùng cháy lên thì vị niêm-trưởng hướng-dẫn tất-cả lão-ấu nam-nữ trong gia-dinh, theo thứ-tự, bước qua đám lửa cháy kia mà vào nhà. Đoạn đóng cửa lại thật chặt và từ đó đến sáng, có ai đến gọi cửa cũng nhất-định không mở.

Tục này lưu-truyền đã nhiều đời, người ta cho là một cuộc hỏa-hợp rất hay:

1.— Từ thượng-cố, người giống Miêu, Dao, Đồng, Đản... quen sống giữa núi cao rừng rậm, nên có lệ đốt một đống lửa

(1) Ý-nghĩa: Gia-dinh sum-hợp để mừng Tân-Niên.

trước cửa đê được sự ấm-áp, đồng-thời tránh được nạn cọp rình sồi chực và rắn độc rết to...

2.— Người Trung-nguyên tràn xuống Quảng-đông thì có thành-kiện là lửa tượng-trưng sự hưng-vượng, sự ấm-áp đồng-thời thiêu-hủy tất cả các vết xấu-xa, những chướng ngại-vật...

« Người cũ » và « người mới » thỏa-hợp nhau, đồng hóa với nhau, cùng chung nhận rằng: Bước ngang qua đám lửa trong đêm « Trừ-tịch » thì cả một Năm Mới sẽ được tiêu-trừ xú-uế, tật-bịnh, tai-nàn và sẽ được thịnh-vượng, sáng tươi, ấm-áp.

Cho nên người Quảng-đông dầu ở chốn thị-thành hay dầu ở miền sơn-lâm hoặc vùng duyên-hải, vốn từ Trung-nguyên xuống hoặc vốn « gốc-rễ » đã ngàn đời, cả thảy đều không vong-bồn, cả thảy đều một lòng một dạ bảo-tồn phong-tục cõi-truyền « Hợ Lửa ».

## 2

---

### LỄ THẦN và BÁI TỒ - TIỀN.

Việc quan-trọng nhứt trong ngày Tết là Lễ Thần và Bái Tồ-Tiền.

Trên tất-cả các bàn Thiên-thần (2), Táo-thần, Môn-thần, Tài-thần, Thồ-thần... cùng với bàn thờ Tồ-Tiền đều có bày la-liệt nhang-dèn, bánh-trái.

Trời chưa kịp sáng thì cả nhà đã thức dậy, mở cồng trống,

---

(2) Theo người Trung-hoa thì Thiên-thần là Hạo-Thiên Thượng-Đế, mặt trời, mặt trăng, các vì sao (nhựt, nguyệt, tinh-thần) và vài vị thần khác.

rồi một phuông pháo được đốt nổ vang, gọi là tục « Đốt Pháo Khai-Môn » (3).

Kế đó, do gia-trưởng lãnh-đạo, mọi người trước lễ Thần sau lễ Tò-Tiên. Lúc này, trong nhà trang-trí đàng-hoàng, nhứt là giữa gian phòng chính thì đặt một cái bàn « bát-tiên », hình vuông, bốn phía có bao mấy bức màn đỏ-au và thêu kim-tuyến rực-rỡ; trên bàn có lư hương, đỉnh trầm, lục-bình, kính-tọa (4), lại có hộp mứt kẹo và dĩa trái cây: sự trang-trí này là « thè-diện toàn-gia », không có kh้อง được.

---

(3) Truyền rằng thuở xưa có một con quỷ dữ tên Sơn-Tháo, gặp ngày đầu năm hay đến khuấy-phá mọi người. Mà quỷ Sơn-Tháo rất nhát gan, hễ nghe tiếng nổ thì sợ. Người ta biết vậy nên gần đến ngày Tết thì ai nấy đều lo cưa sắn ống tre tươi — hay ống nứa hoặc ống lồ-ồ —, hai đầu có hai mắt và có khoan lỗ nhỏ trên ống tre này. Đêm « Trù-tịch », người ta đốt trước nhà một đống lửa. Đoạn người ta đổ nước đầy ống tre, nhét nút kín rồi quăng vào giữa đống lửa. Lửa cháy, nước sôi, ống tre phát nổ một tiếng chát-chúa. Nghe tiếng nổ, quỷ Sơn-Tháo hoảng chạy...

Về sau, khi có thuốc pháo, người ta vẫn pháo bằng nhiều lớp dây tre rút thật chặt, giùi ngòi, đem đốt. Pháo tre nổ lớn hơn ống tre; quỷ càng sợ hơn, càng chạy xa hơn.

Vì thế, đêm « Trù-tịch », vào lúc Giao-thừa, hết năm cũ qua năm mới, người ta hay đốt một cây pháo tre trước nhà để đuổi tà tống quái, và cũng gọi là « Tiếng Pháo Giao-Thừa » hay « Tiếng Pháo Nghinh-Xuân ».

Lúc tôi còn nhỏ, ngày cuối năm, tiên-nghiêm tôi bắt tôi viết lại trên giấy hồng-đơn một đôi liễn không biết có tự thời nào — đâu chữ tôi viết nguệch-ngoạc — để dán trên cột cửa ngõ, mà về đầu là:

« *Bộc-trước nhứt thính trù cựu-tuế* »  
(Pháo tre một tiếng trù năm cũ).

(4) Kính-tọa là tấm kiếng ráp trên cái giá chạm-trổ, có khi còn phủ lên bằng một dải nhiều điều.

Sáng sớm, sau khi dùng bữa cơm « Khai-Niên » — theo lệ là ăn chay — thì hàng phu-nữ dắt trẻ em đi cúng chùa-miếu, lễ Thánh-Thần để cầu-nguyện « Tân-Niên Vạn-Phước », còn những thanh-niên thì đến Từ-đường của dòng-họ mình để có mặt trong cuộc lễ Bái-Tồ, rồi nhận những cam quýt đem về, gọi là lấy niềm may-mắn suốt năm.

Tục-lệ này từ Trung-nguyên truyền sang.

### 3

#### MỪNG TUỔI (BÁI - NIÊN).

Khi đã Lễ Thần Bái Tồ xong, người già-trưởng có phận-sự dẫn-dắt đám con cháu nhỏ trong gia-đình đến nhà bà-con để Mừng Tuổi.

Người lớn thì trao đổi nhau những lời chúc-tụng không ngoài ý-ý nghĩa « thiêm định phát tài », tức là thêm con thêm cháu, tấn-lợi-tấn-tài. Còn kẻ nhỏ thì theo phong-tục phải thi-lễ khấu-bái « Mừng Tuổi » trước bực trưởng-thượng.

Họ đi từ nhà này sang nhà nọ. Họ được dài rượu trà, bánh trái, cơm nước. Phần trẻ nhỏ thì nhứt-định phải được « lì-xì » chút-ít bạc-tiền gói trong giấy đỏ, gọi là « Lộc Tết Quà Xuân ».

### 4

#### THI ĐUA.

Đã lo tròn phận-sự Lễ Thần, Bái Tồ, Mừng Tuổi, thì ở nông-thôn, tháng Giêng là tháng ăn chơi.

Trò chơi ở thôn-quê thì :

Có chỗ, những đứa bé tụ-hop ngoài đồng ruộng, chia ra làng nào xóm nấy, lấy đất chơi nhau và tránh-né. Giây lát sau,

dám thanh thiếu-niên cũng gia-nhập trại-chiến. Lỗ đầu phun máu là chuyện rất thường.

Cũng có chỗ không chơi đất mà dùng sào dài đấu nhau; có bị sưng mình sứt trán thì ráo chịu, chờ chẳng bao giờ có bót trinh quan.

Lại có chỗ cũng làng mà chia làm hai khối để thi nhau đốt pháo; « khối-viên » phải lò tiếp-tế mau lẹ, đầy-đủ; hễ khối nào ngưng tiếng pháo trước thì là... « bại trận quy-hàng ». Lắm khi tiếng pháo nổ luôn mấy ngày liền, đinh tai nhức óc cả làng. Mà vui!

Đó là cốt-tục của thô-dân với ý-nghĩa phẫn-đầu, đua-tranh. Lại truyền rằng nếu năm nào không bày những trò chơi « từ đời ông đến đời cha, qua đời con tiếp đời cháu » như thế thì năm ấy không hân, làm ăn không khá.

## 5

---

### TRÒ CHƠI « XÍ-CÔ ».

Đây là trò chơi đặc-biệt của phq-nữ Trung-hoa trong những ngày Tết. Trò chơi thì lạ thì vui nhưng tiếng gọi thì nghe không thanh không nhã. Xin lỗi quý độc-giả: hai chữ « Xí-Cô » nghĩa là « Cô Phòng Xí » hay « Cô Cầu Tiêu » !

Nhơn lúc nhàn-rỗi trong những ngày Xuân, họ không chơi đất, đấu roi hay thi nổ pháo như em trai, như anh lớn, nhiều phụ-nữ rủ nhau « Nghinh Xí-Cô », là « rước Cô Phòng Xí ».

Mời quý độc-giả đón xem họ sắp-đặt :

Họ dùng một chiếc đũa dài đè nằm trên bàn, rồi lấy một cái sọ dừa hoặc nửa trái bầu khô úp lên, làm cái đầu; đoạn, họ đem một cái áo màu trùm lên chiếc đũa: cái ngẫu-tượng đó gọi là « Cô Cầu Xí ».

Bây giờ mời quý độc-giả xem họ diễn trò :

Vài ba chị cùng nắm chặt chiếc đũa có áo màu phủ kín mà đứng đứng lên. Họ đưa nhau hát dju-dàng những bài « Hô Thần » của người dân quê. Họ hát đi, họ lặp lại, họ lặp lại nữa... Chẳng bao lâu, họ như run-rẩy, họ như lảo đảo, họ không hát nữa : Xí-Cô đã giáng-hạ...

Mấy chị đứng xung-quanh thay nhau xin Cô mách-bảo cho nào về tình-duyên, nào về họa-phước... Người « vai chánh » trong việc « phò » chiếc Đũa Thần đã chìm hẳn vào trạng-thái hôn-thụy, sẽ thay người khuất mặt mà trả lời với một giọng eo-éo... ghê hồn !

Cái ngẫu-tượng kia — Xí-Cô — tức là cái sọ dừa trọc-lốc hay nửa trái bầu khô trọi-lủi ấy có khi cũng nghiêng qua ngã lại, có khi cũng gục-gặc như bảo « Phải », có khi cũng lúc-lắc như răng « Không », phụ thêm câu trả lời vẫn-tắt của người « vai-chánh » có khi cũng nghiêm-nghị khắt-khe, có khi cũng bông-đùa trót-nhả, khiến mấy chị đứng xung-quanh có khi tái mặt kinh hồn, có khi phát cười ð như... pháo Tết (5).

## 6

---

### THẦN-NHÂN TỈ VÕ.

Lối chơi này đồng-loại « Lên Đồng » như trên nhưng thuộc của nam-phái.

Người ta tụ tại một sân rộng trước Tứ-đường. Phía trong,

---

(5) Xí-Cô : có lẽ đây là một vị thần mà người Hoa Bắc gọi là « Tử-Cô » 虱子, Cô (áo) tía. Tương-truyền rằng có một phụ-nữ họ Hà tên Mi, trong thời Võ Tắc-Thiên (khoảng cuối thế-kỷ thứ 7), vì uất-hận mà chết trong cầu-xí ngày rằm tháng Giêng, nên được Thượng-Đế phong làm « Xí-Thần ». Thế-phân vẽ hình Cô để cầu hỏi việc vi-lai quá-khứ. Lại truyền rằng khi Cô nhập-dồng, Cô hay đòi mặc áo màu tía, nên người ta gọi Cô là « Tử-Cô » để khỏi gọi « Xí-Cô » hay « Xí-Thần ».

trước bàn thờ, một đám trai-trẻ nhỏ thì 8, 9 tuổi, lớn thì 15, 17 tuổi nằm ngủ hay nằm yên như ngủ. Tư-bè phảng-lặng. Đứng giữa những người nằm ngủ đó, một thanh-niên tay cầm một nắm nhang khói lèn nghi-ngút và tỏa nặng mùi thơm, miệng đọc kinh nhỏ khi to không ngót những câu thần-chú «bắt hồn»...

Khi thấy họ đã «bị nhập», họ đã «lên» thì những người lớn bao quanh lần-lượt đỡ họ ra sân. Trong trạng-thái hôn-mê bất-tĩnh, phải dùu-dở mới đi-đứng được, họ bỗng hươi tay bung chon, biểu-diễn võ-nghệ một cách tinh-thông tuyệt-diệu. Họ lại múa được kiềm, loạn được côn; họ lại đao-thương đổi-dịch nhau kịch-liệt mà không hề bị một thương-tích nào. Trong lúc ấy thì ở vòng ngoài, tiếng trống chiêng inh ỏi, tiếng cồng vỗ vang-rân, thật là vô-cùng náo-nhiệt.

Và, cũng thật là vô-cùng mầu-nhiệm! Các em bé đó bình-thường có biết tí nghẽ võ nào đâu, thế mà trong khi «Lên Đồng», họ lại tỏ ra bản-lãnh tuyệt-luân, họ lại trò nhiều «miếng» xuất-sắc phi-thường trông chẳng kém thề Sát-thủ-giản của Tân-Thúc-Bảo nhà Đường hay thề Đà-đao của Quan Văn-Trường thời Hán.

Cũng ở vòng ngoài, các võ-sư «đại-ky-tài» đứng chứng-kien đều phải lắc đầu le lưỡi!...

## 7

### VÀI VIỆC CŨ-KIÊNG TRONG NGÀY TẾT.

Người Quảng-đông, ở bên Trung-hoa hay ở tại Việt-nam, đều có nhiều điều kiêng-cữ trong mấy ngày Xuân.

Mà đặc-biệt nhứt là cữ thấy cây chòi trong ngày Tết. Hễ đến Tết thì người Quảng-đông tất phải đem giấu hết mấy cây chòi — bắt-cứ là thứ chòi nào — cho thật kín: rác-rến dẫu chất thành đống cũng nhứt-quyết không đem chòi ra mà quét trong Tết Nguyên-Đán.

Ngày Đầu Năm, người Quảng-đông còn cữ việc làm bẽ đỡ-đạc, cữ thốt ra lời-lẽ không may-mắn và rất kỵ lúc ra cửa mà tai nghe mắt thấy những chuyện không may không tốt.



## TẠI VIỆT-NAM.

Qua cư-ngụ tại Việt-nam, vì thời-tiết và hoàn-cảnh ở hải-ngoại, người Quảng-đông không thể giữ được y-hết những lễ-tục cõi-truyền như ở cõi-quốc.

Cõi-tục một phần bị tinh-giảm, một phần bị sửa-chữa cho đơn-giản. Những cuộc thi đua, Nghinh Xí-Cô, lên đồng diễn võ, đều không có ở Việt-nam, nhưng những việc Lễ Thần, Bái Tồ, Đốt pháo khai-môn, Mừng tuổi người lớn thì vẫn triệt-đè bảo-tồn.

Ngoài ra, ở Việt-nam, người Quảng-đông còn giữ kỹ hai tục xưa của Trung-nguyên trong buổi Tân-Xuân là Yết-phù tống-quái và Cung-thỉnh Môn-thần, hai tục xưa mà chúng tôi thấy người Việt-nam cũng dùng đúng theo.

i.— Để cho trọn năm, tà-quái không dám leo-hánh đến nhà thì ngày Đầu Xuân phải dán trước cửa một lá bùa «gạch ngang sò dọc», dưới lại thêm năm chữ «*Khương Thái-Công tại thủ*» (*Khương Thái-Công ở tại đây*).

Tương-truyền bùa này của Khương Thái-Công vẽ ra để ếm quỷ. Nội lá bùa cũng đã đú lắm rồi, nhưng người ta quá cẩn-thận thêm tên «tác-giả» dưới lá bùa để loài ma lũ quỷ biết chữ một khi thấy rõ thì càng sợ, càng co giò chạy cho thật xa. Quý độc-giả hẳn đã biết Khương Thái-Công tức Khương Thượng, Khương Tử-Nha, tức Lữ Vọng hay Thái-Công Vọng là người đã nhơn danh Thượng-Đế mà Phong-Thần cho các vị Linh-Thần ở khắp trên trời, dưới đất, đáy biển, đầu non... Ngoài việc đứng Phong-Thần, Khương Thái-Công bao giờ cũng

«thủ» săn một ngọn roi «Đá-Thần» (Đá-thần-tiên: roi đá-thần) nên các vị Thần đều sợ. Và Thần thì chuyên trị quỷ mà Thần còn khiếp-sợ Khương Thái-Công nên cố-nhiên hễ nghe thấy tên Khương Thái-Công ở tại đâu, ở tại nhà nào thì quỷ tránh xa đó muôn dặm, sao dám bén-mảng lại gần... (6).

2.— Cũng trong ngày Tết, người ta có tục treo «Bùa Đào» (Đào-phù) trước cửa.

Theo sách *Kinh-Sở tuế-thời ký* và *Ngọc-chúc bửu-diền* thì cây đào do «ngũ-hành kết-tinh, áp tà-khí, chế bách-quỷ..., ma-quái đều sợ». Vậy nên người ta chọn hai mảnh ván gỗ đào rồi vẽ lên hai hình Thần-nhân, treo ngay ở cửa cái trong mấy Ngày Xuân, để trị tà-ma. Đó là hai Môn-thần: một vị tên Thần-Đồ, một vị tên Uất-Lũy. Hai vị Thần này, về thời thượng-cổ, ở trên Độ-sóc-sơ giữa Đông-hải, thường ngồi dưới bóng cội đào to và chuyên-môn trừ yêu bắt quỷ không cho khuấy-phá dân lành (7).

Mãi đến sau thời Đường, người ta truyền rằng vì Ngụy Trung thừa lệnh Ngọc-Hoàng trảm giao-long mà Lý Thế-Dân, (Đường Thái-Tông) đã hứa cứu lại không cứu được, và cũng vì Đường Thái-Tông háo-sát, trải nhiều năm chiến-trận, giết-hại vô-số binh-dân, nên đêm đêm vong-hồn giao-long và vô-số binh-dân đó đua nhau đến kéo vua Đường mà đòi thường-mạng. Vua Đường mới nhờ Trần Huyền-Trang sang Thiên-trúc thỉnh-kinh về cầu-siêu và mỗi tối phải triệu Tần Quỳnh (mặt vàng như nghệ) và Uất-trì Cung (mặt đen hơn lợ) — cả hai đều là đại-tướng và đều cầm giản — vào gác cửa cung; các oan-hồn không dám vào, vua mới ngủ yên giấc. Do đó, người ta họa hình Tần Quỳnh và Uất-trì Cung ở cửa nhà cũng như ở cửa chùa — vì dám «quỷ chùa» còn ghê-gớm dữ-tợt hơn lũ quỷ thường — đè ma-quỷ xa-lánh.

Và, do đó, người ta làm hai «Môn-thần Đường-trào» này với hai «Môn-thần Thương-cổ» kia, rồi tưởng lầm Tần Quỳnh và Uất-trì ra Thần-Đồ và Uất-Lũy (8).

TẮNG-HẬU

(6) Đồng-bào Việt-nam ta gọi bùa này là bùa « Tú-tung ngũ-hoàn », và 5 ngang 4 dọc, mà ta thường thấy dán trước cửa người Trung-hoa, dán trong ngày Tết và để suốt năm.

Đồng-bào ta có nhiều người « đương » (dán) bùa « Tú-tung ngũ-hoàn » này bằng nan tre và cột dính trên ngõa nêu, để trừ tà, trong những ngày Đầu Năm: chiều 29 hay 30 Tết thì nấu chè cùng dựng nêu, đến ngày Mồng Bảy thì hặt nêu, gọi là « Khai-hạ ».

Bởi thế đồng-quê ta có câu hát:

*Cu kêu ba tiếng cu kêu,  
Trong mian tới Tết dựng nêu ăn chè.*

(7) Đúng ra thì là « Thân-Thư và Uất-Luật ». — Hai vị thần này có lẽ riêng đối với tôi thật là « quen-biết » quá nhiều; vì:

Thuở nhỏ, tôi đọc truyện hai thần trong sách viết bằng chữ quõng-ngữ (quen là sách nào) thì thấy chép là « Thân-Thư, Uất-Lũy ».

Chừng biết chút-dỉnh chữ Hán, thấy ở nhiều cửa cái tại thôn-quê có dán cả năm này qua tháng nọ hai tấm giấy bồng-đơn khá lớn, hình vuông (dán một góc nhọn day lên trên), và trên mỗi tấm đề tên một vị thần này Phản nhều người ta đọc « Thân-Trà, Uất-Lũy ». Rồi có người đọc « Thân-Đồ, Uất-Lũy ». Rồi có người đọc « Thân-Đồ, Uất-Lũy ». Cũng có người đọc « Thân-Dư, Uất-Lũy ». Lại có sách bảo đọc « Thân-Đồ, Uất-Luật ».

Biết đọc nhiều hơn chút nữa thì tôi rõ hai ông tên là « Đồ-Dư và Uất-Lũy ».

Và sau cùng lại phải đọc ra « Thân-Thư, Uất-Luật ». Thủ lần mới:

= 1.— Thị ra sách *Phong-tục-thông* (viết vào khoảng cuối thế kỷ thứ 2, thời Huỳnh-cân, Đồng Trác) chép: « Thưòng-cố chỉ thời hữu thần đồ dữ uất lũy côn dẽ nhí nhាន nǎng chắp quỷ... ». Vì sách xưa không có chấm câu, khiển người ta hiểu lầm: chữ « dữ » ở đây là tên Thần mà cho chữ « dữ » nghĩa là « cùng », là « với ».

Thành ra theo nguyên-tác thì: « Thời thương-cổ có thần tên Đồ-Đứ, Uất-Lũy, hai người là anh em, hay bắt quỷ... », mà hiểu ra « Thời thương-cổ có Thần-Đồ CÙNG Uất-Lũy... ». Rồi kể truyền người hép — và người Việt-nam ta cũng hiểu theo — tên hai vị là « Thần-Đồ và Uất-Lũy ».

= 2.— Mà sao lại Đồ, lại Trà, lại Dư? — Thì ra:

a) Chữ « Dư » 余 là « ta » cũng có âm là « Đồ ».

b) Chữ « Trà » 茶 (10 nét) ngày nay thì hồi xưa viết là « Đồ » 茶 (11 nét, thêm cái ngang nhô-xíu trên chữ mộc); từ đời Đường mới dùng chữ « Trà » mà thay chữ « Đồ ».

c) « Đồ » 茶 là thứ rau dâng, mà cũng chỉ về Trà. Bởi với người Trung-hoa: trà hái sớm ấy là « Đồ » mà hái muộn ấy là « Minh » 名. (Cụ Huỳnh-Thúc-Khang lấy biệt-hiệu là « Minh-Viên »).

= 3.— Chữ « Đồ » này cũng có âm là « Thư », nên trong Nam quen đọc là « Thư ».

= 4.— Chữ « Thần » 神 là « ông thần » cũng có âm là « Thành » 申, 伸.

= 5.— Chữ « Lũy » 爰 cũng có âm là « Luật » 律.

Toàn là Tàu cả!

Mà đã học chữ của Tàu, sách của Tàu thì ta theo tự-dạng của chữ Tàu mà đọc « 神茶 爰 爰 Thần-Đồ Thành-Lũy »; nhưng đúng hơn thì ta nên đọc theo sách dạy của Tàu là « Thành-Thư, Thành-Luật » (讀如仲舒教律 đọc như Thành Thư Thành Luật).

Bởi hai vị thần này thường ngồi & gốc cây đào để đón bát quỷ — vì gần cội đào & Đệ-sóc-sơn có « quỷ-môn », chỗ muôn quỷ ra vào — nên chư-quỷ hễ thấy bóng cây đào, thấy dạng lá đào thì mau-mau tránh thật xa.

Biết vậy, trước hết, người ta bê cành đào vào ngày Đầu Năm, treo trước cửa để nhát quỷ.

Về sau, người ta lấy ván gỗ đào và vẽ lên hình-tượng hai Thần — chắc với nét mặt « đáng khiếp lâm » — cho quý sờ hơn, gọi là « Bùa Đào » (Đào-phù).

Ở Việt-nam ta không có gỗ đào — loại Đào Thần — nên người ta tạm dùng giấy hồng-đơn viết to đậm-danh của nhị-vị, thay cho « Đào-phù ».

Và, ngày cuối năm, trước cửa lại dựng Nêu bằng cây tre cao ráo hết nhánh-nhóe, chỉ chừa một túp lá trên ngọn phất-phor trước gió Xuân, thay cho « Đào-phù » trong những ngày Tết.

Cho nên, tiếp theo về « Bộc-trước nhất thịnh trìn cựu-tuế », thì là câu :

« Đào-phù vạn hộ cánh Tân-Xuân.

( [Hết thấy] Bùa Đào [phất-phor trước] muôn nhà [thì là] thêm [một] Xuân Mới. )

Trong *Gia-định-thành thông-chí*, ông Trịnh-Hoài-Đức bảo không rõ vì đâu mà người Đồng-nai có tục « Dụng Nêu ».

Nhưng, trong *Đại-nam quốc-đại tục-vi*, ông Huỳnh-Tịnh-Của có giải-thích : « LÊN NÊU. — Trồng một cây tre trước nhà trong mấy ngày Tết, cho biết là năm mới, cũng nhắc tích cây bàn đào của bà Tây-vương-mẫu, là chỗ quý ở, thường có hai con quỷ lớn kêu là Thần đao, Uất lũy, hay bắt các quỷ xấu mà ăn; cũng kêu là cây đào phù, nghĩa là bùa đào. »

Mà tại sao lại dùng Cành Tre thay Cành Đào?

Ta có thể nghĩ như sau :

1.— Vì tại Việt nam ta không có thứ đào như loại đào & Đỗ-sóc-sơn, loại Bàn-đào của bà Tây-vương-mẫu.

2.— Vì ở Trung-hoa có loại tre gọi « Đào-chi », tức « Đào-chi-trúc » 桃枝竹 (chữ « chi » là « cành »); loại tre này đem chè nan dùng chiếu được, gọi là « miệt-tịch » (chiếu tre); chữ « miệt »

chỉ loại « đào-chi-trúc » này. (Cách nay vài mươi năm, người Trung-hoa có đem qua nước ta một thứ chiếu bện bằng nan tre nhỏ rát, nằm rất êm, rất mát — nhất là lót để nằm hút thuốc phiện — có lẽ là thứ « miệt-tịch » nói đây.

Tôi đưa bài này nhờ ông Ô Tăng-Hậu xét lại cả bản dịch lần lời chua, để ông chỉ bảo lại những chỗ chưa ổn. Nhờ vậy, ông vừa dạy tôi thêm một điều :

Chiếu tre thì gọi Văn-hoa là « miệt-tịch » (do loại tre « đào-chi »), còn thông-thường thì gọi « trúc-tịch » và cũng quen gọi bằng một danh-từ mà tôi chưa từng biết là « Đào-sanh ». (Thứ « Sanh » (chiếc chiếu này thì thời Tống, Ngụy gọi là « diệm », có lẽ như loại « chiếc đệm » & Việt-Nam ta).

Và, vì ở Trung-hoa lại có một loại tre khác tên « Đào-trúc » 桃絲竹 (chữ « ti » là « sợi tơ, nan vót ») quen gọi tắt là « Đào-trúc ».

Phải chăng nhơn đó mà không Đào thì mượn Tre vậy?

(8) Đồng-bảo Việt-nam ta không lầm Tân Quỳnh và Uất-trì ra Thần-Đồ, Uất-Lũy — tức Thân-Thư và Uất-Luật — mà ta gọi hai Môn-Thần tri « quý chùa » là Ông Thiện (mặt vàng-bạch, hiền-lành) và Ông Ác (mặt lợ-nồi, hung-tợn).



# LỄ TẾT NGUYÊN - ĐÁN

## CHÔL - CHNĂM - THMÂY

### của đồng-bào MIỀN

\* CHÂU-GIANG-TƯ

■ NÓI đến xứ Chùa Tháp, người ta liền hình-dung đến kỵ-quan Đề-Thiên Đề-Thích, Biển Hồ, « Cầu Saigon »..., hay những đèn tháp, chùa chiêng, (Wach) với kỹ-thuật kiến-trúc rập khuôn mang một sắc-thái trầm lắng co-hồ như phảng-phất những gì huyền ảo... Người ta cũng không quên trong những ngày xa xưa, xuôi thuyền dọc theo bờ sông Cửu-Long, dưới tàn cây « thốt-lốt », hàng cây dừa cao nghệu rủ bóng xuống mặt nước phảng lờ và càng thảm thảm hơn nữa qua giao-thoại bình-dân được phổ cập trong câu hát tâm-tinh mà ít người miền Nam nào không thuộc lòng :

« Nam Vang đi để khéo về,

Trai đi có vợ, gái mà có con...

Người Miền nhìn chung đều mang sắc-thái bình dị, có lẽ ảnh hưởng nơi tập-tục tôn-giáo mà phần đông đều theo đạo Phật phái Tiểu Thủa. Ngôi chùa nổi tiếng tại kinh đô Chùa Tháp gọi tên là « PA-LOUN » (theo âm Việt) vẫn được du khách nhắc nhở đến... Cũng như những hình ảnh đặc-biệt của những chiếc áo cà-sa vàng chói của sư-sãi và trang phục cổ-truyền đồng bào Miền mặc trong các ngày lễ tôn-giáo. Hình ảnh nói trên chúng ta có thể nhìn thấy

tại miền Nam nước nhà khi đóng vai-trò du-khách và lần lượt ta ghé thăm các tỉnh vùng hạ lưu sông Cửu-Long như Vĩnh-Bình (Trà-Vinh), Ba-Xuyên (Sóc-Trăng), Châu-Đốc, Cần-Thơ, Bạc-Liêu, Rạch-Giá v.v... qua các tập thê Việt gốc Miên mà sinh-hoạt của cộng đồng vẫn giữ nề nếp cỗ-truyền và sắc-thái cá biệt thường do các vị Đại-Đức « Mekon hay Amoukou » lãnh-đạo tinh thần.

Do đó, đồng bào rất chú trọng đến các ngày lễ tôn-giáo thường được ổn-định rõ ràng trong Miên lịch bằng năm — Ngày các lễ nhỏ tại gia, có những lễ lớn tổ chức trọng thể tại Chùa thí-dụ như các lễ :

- Visak-Bôchêa (rằm tháng 4)
- Chêl-Wasa (lễ cấm phòng sư sãi)
- Phchum-Bânh hay Đôn Ta (cúng ông bà)
- Ork-Ombok
- He-Ka-Thinh
- He-Fka... v.v...

và nhất là lễ Tết Nguyên-đán được gọi là :

### « CHÔL - CHNÄM - THMÄY ».

mà hằng năm đồng bào đều tổ chức rất linh đình, tận hưởng suốt 3 ngày trường.

### ■ ĂN TẾT THÁNG BA :

Quen với khí tiết mùa Xuân, tiễn đưa năm cũ, tiếp đón năm mới và tận hưởng mấy ngày Tết đầu tháng giêng, chúng ta có thể ngạc nhiên với sự kiện trái ngược nêu trên. Sự thật như trên đã nói, chịu ảnh hưởng của đạo Phật tiểu-thừa, Miên lịch căn cứ nơi sự kiện tuổi của Đức Phật lúc sanh tiền và cũng là một cách để kính cẩn nhắc nhở công đức của Đức Phật, vì trong thâm tâm mọi người đều quan-niệm ngày này chính là ngày « CHIU TUỔI » của tất cả mọi tín hữu. Vì thế ngày Tết còn được gọi giản-dị là

ngày lě chiu tuổi. Phật lịch Miên ấn-dịnh săn ngày giờ vào Tết (thí dụ như năm 1966 tức Phật-lịch 2.509, ngày Tết sẽ nhầm đêm 13/4/1966 tức là 23/3 Âm-lịch Bính Ngọ. Theo tập tục, người ta kẽ trong tháng này: từ mùng một đến rằm là « KOTT » và từ 16 về sau là « RÖCH ». Vào đêm 13 rạng 14 tức là 8 rạng 9 RÖCH vào lúc 21g45 là giờ vào Tết, và cứ tận hưỡng suốt thời gian 3 ngày tròn. Trong dịp này nếu tại xứ Chùa Tháp tung bừng tở mở thì đồng bào Việt gốc Miên của chúng ta bao giờ tổ chức cũng linh-dinh và trọn vẹn tận hưỡng.

### ■ CHUẨN BỊ RẤT KỸ LUỒNG:

Đã có lịch minh định săn và tuần tự theo thời-gian, kẽ-tiếp nhau các lě lệc trước đã được cử hành, nên lě tết chiu tuổi như được báo trước cho mọi gia đình nhờ đó, người ta bắt đầu chuẩn bị sớm. Lě tất nhiên trước nhất là chùa chiền, nhà cửa. Người ta lo quét trước, phát quang cỗ rác sạch sẽ từ phia, lau chùi mọi nơi nhất là các nơi thờ phượng có tính-cách tôn kính thường được các cấp chức-sắc chăm sóc tỉ-mỉ để tỏ lòng tôn kính. Nhìn chung là cả một sự lột xác vì toàn thể đã có vẻ đẹp và mới mẻ rực rỡ.

Nhà nhà ai cũng không quên lo chuẩn-bị làm bánh trái thường dùng như bánh ích, bánh tết, bánh phèo. Cũng cần nên chú ý là người ta phải lo săn hai thứ bánh trái, hoa quả vì một để kính dâng các sư-sãi theo lě-tục và một để ăn uống tại nhà, dài dằng bà con, thân thuộc, và cả người bạn già đình lân cận. Các người đàn ông thì lo tìm củi kinh để sử dụng trong mấy ngày này. Một khác các bà mẹ cũng còn phải lo may sắm cho chính mình, con cháu trang phục mới như áo cỗ đứng, có bâu, nút thắt chỉ màu cho các bậc phụ lão, các loại « Co ma » đặc biệt, cũng như các loại « chăn-hum » (Sampot) quý giá — Nói tóm, là suốt năm làm lụng, buôn bán tần tảo để dành chi-dụng cho ba ngày tết chiu tuổi.

### ■ NGÀY CHÍNH LỄ TUNG BỪNG:

Bắt đầu từ ngày vào Tết tức là ngày đầu Tết, cũng là ngày

chánh, toàn thể tín hữu đều áo chăn tha thươn màu mè sặc sỡ, tay bằng quả bánh trái, hoa quả lũ lượt đến chùa. Dĩ nhiên nơi này phủ màu trang nghiêm, khói hương nghi ngút vì dù đông nhưng mọi người kính cẩn trang lạng tuyệt đối Thường thì các vị sư cả chủ lễ. Đông bào trước nhất mang hoa quả và nước hoa đến làm lễ «tắm Phật». Tuần tự ai đến trước làm trước, có khi từng cá nhân, từng gia đình hoặc cũng có thể họp lại cùng làm lễ một lúc.

Hồi kinh ngân nga thánh thót chúc mừng Đức Phật, đồng bào lũ lượt tiếp tục lễ Phật và trai tăng.. và cứ như thế kéo dài suốt buổi sáng.

Qua buổi chiều dành cho việc thăm viếng, chúc tụng lẫn nhau, hội hàng đinh đám hả hê vui vẻ. Do đó các cuộc vui chơi được tổ chức rình rang. Có khi phân biệt từng khu vực, xóm làng đổi diện nhau mòi qua lại, ăn thua được cuộc bằng tiền bạc, đồ vật hay bò, hoặc xe bò... qua các cuộc bắn chém, kéo dây, thả boule, v.v... cũng có người thắn dò hả hê vui, cũng có người vận đen ủ rũ sạch túi..

Đặc-biệt là việc tổ chức vũ «Lâm-Thon». Nhà khá giả bỏ tiền ra thuê nguyên mệt ban về diễn tại chùa hay khu vực của mình, nếu không thì mò tới xem tại nhà hát.. Cũng có thể người ta tổ chức nhảy «Lâm-Thon» tại đám tiệc mà tiếng nhạc ngũ âm khi tấu lên nghe đậm đà kích thích thực khách một cách say cuồng. Người người mòi lẫn nhau, tự do ầm cúng xoay quanh như trên piste vũ-trường dưới ánh đèn huyền ảo. Các cuộc vui như thế thường được kéo dài đến suốt đêm... Và ngay cả bạn hữu người Việt lân cận hay quen biết thường đều được mòi tham-dự một cách thân mật và thoải mái, mà có lẽ nếu đã có một dịp thường-thức, chung vui, thì thật khó mà quên được...

Và cứ như thế mà kéo dài cuộc lễ và trò vui cho đến ngày thứ 3 mới chấm dứt. Công cuộc xuất hành làm ăn lại tuần-hoàn trong cương-vị cũ. Nhưng có khác là mỗi người đều biết là mình đã tiếp nhận thêm tuổi, nhờ đó mà già dặn hơn lên, để dễ thành-công trọn vẹn hơn trong các nghiệp-vụ.

Mỗi người năm lấy vận may trong niềm tin yêu đó để rồi  
bắt tay vào việc, hướng trọn về một cái lề tết:

« CHÔL - CHNĀM - THMĀY »

khác & sang năm...

Mùa Xuân Bính Ngọ 67.

(trọn vẹn mừng Chế Tâm)

XI-1-1967

CHÂU-GIANG TỬ



CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)

C O G I D O

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180 000\$00

Trụ sở 17, Bến Chương-Dương, SAIGON

Nhà máy An-Hảo — BIÊN-HÒA

Văn-phòng Thương-Mại 3, Võ Di-Nguy, SAIGON

Điện-thoại : 25.659

▽

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy in

Giấy viết

Giấy bìa

Giấy gói

Giấy Duplicateur

Giấy Bristol

Carton DUPLEX

Carton gris

Carton paille

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

# mùa lễ **TẾT** TRÊN CAO NGUYÊN

\* NGUYỄN-VĂN-NHÌMIỀM

**T**ẠI các tỉnh Darlac, Pleiku và Phú Bồn, đồng bào Thượng Rhadé và Jarai có những tiếng HRUÊ chỉ ngày, MLAN chỉ tháng, THUN chỉ năm. Lại cũng có những tiếng YĂN chỉ mùa, YĂN-BHANG chỉ mùa tạnh ráo (khoảng thời-gian từ tháng 2 đến tháng 4 dương-lịch), YĂN HOJAN chỉ mùa mưa (khoảng thời-gian từ tháng 5 đến tháng 11 dương lịch). Còn khoảng thời-gian ở giữa YĂN HOJAN và YĂN BHANG (tháng 12 và tháng 1 dương-lịch) được gọi là YĂN PUIH. PUIH do tiếng ANGIN PUIH là gió cuốn đi nên có thể dịch YĂN PUIH là mùa gió.

Trong những tiếng kè trên có tiếng MLAN ngoài ý nghĩa chỉ tháng, còn có nghĩa chính chỉ mặt trăng.

Như vậy đồng-bào Thượng Rhadé đã xem sự tròn khuyết tuẫn hoàn của mặt trăng để tính tháng và xem thời tiết để tính mùa.

Mỗi năm có 3 mùa, bắt đầu từ mùa tạnh ráo, gió xuân về, trời cao-nguyên trong vắt không gợn một chút mây, nắng vàng ấm, cây cối đậm chồi nẩy lộc hoa rừng đua sắc đua hương, đến mùa mưa trời vẫn mây đen, mưa xối xả xuống núi rừng, ngoài ruộng, rẫy lúa cỏ vươn cao trông thấy, rồi đến mùa gió bắc lạnh-lèo thổi về, lá rừng đỏ vàng theo gió cuốn đi, trên dãi nương lúa nặng chịu những hạt vàng, đồng bào Thượng đem gửi ra tuốt lúa, xong là hết một năm.

Cách tính thời gian nói trên không riêng gì của bộ-lạc Rhadé mà còn của các bộ-lạc Thượng khác trên Cao-nghuyên nữa.

Tuy nhiên vì chưa có lịch, nên đồng-bào Thượng không ấn-dịnh rõ ngày nào là ngày đầu năm và cũng không có tục-lệ ăn Tết Nguyên-Đán vào ngày nhất định như đồng-bào Kinh mà lại có cả một mùa lễ Tết linh đình.

Trong những lễ Tết của đồng-bào Thượng Rhadé và Jarai có 3 loại lễ Tết sau đây là quan-trọng hơn cả :

- 1.— Lễ ăn cơm mới (Huă êsêî mrâo).
- 2.— Lễ uống mừng năm mới (Mnăm Thun).
- 3.— Lễ Bỏ mả (Mnăm lui Msat)

## 1 ■ LỄ ĂN CƠM MỚI (Huă êsêî Mrâo).

Khoảng tháng 10 dương-lịch mùa gió sắp đến lúa bắt đầu chín. Có nơi chín sớm, có nơi còn xanh.

Mỗi gia-đình đem gùi ra tuốt lấy một vài gùi lúa chín sớm, đem về phơi, giã lấy gạo tồ-chức lễ Huă êsêî mrâo.

Tùy theo sự giàu nghèo người ta giết gà, giết heo hay giết dê.

Lễ vật được đặt ở giữa nhà gồm một hay hai chõe rượu cǎn cột chặt vào một chiếc cọc, thịt và cơm đ𝐞 trên lá hay trên bát đĩa.

Gia chủ hoặc thày cúng khăn áo chỉnh tề ngồi sòm trước lễ vật hai bàn tay chắp lại miệng khăn như sau:

« *Lạy Thần Mtão Kla, Thần H'Bia Klu, Thần Aê Du, Thần Aê Diê, đã ban cho chúng con hạt giống, nào lúa, nào kê, nào vừng.*

*Chúng con cung thỉnh chư vị thần từ phía đông giải Ngân-Hà nơi nguồn gốc của lúa, của vừng, của kê. Xin chư vị thần*

*giáng lâm chứng giám lúa Hdrô đã già, lúa Bla đã chín. Xin chư-vị thần thường-thức lễ vật gồm trứng gà, gạo Bla mới.*

*Lạy thần Aê Mghi ở dưới đất, thần Aê Mghän ở trên trời, chư thần coi sóc hạt giống nào kê, nào vừng, nào lúa, xin cho chúng con mỗi năm đầy gửi đầy vựa.*

*Chúng con tuốt một bông lúa được đầy một nắm tay, tuốt một bó lúa được đầy một gùi. Xin chư thần đem lúa tròng những trái bắp đến làng phía tây, đem lúa tròng những bắp vào đến làng phía đông, đồ lúa tràn trề đầy gửi, đầy vựa, nào lúa cũ, nào lúa mới, chồng chất lên nhau, lúa đồ tràn tới nóc, ú đầy khắp nơi. Xin chư thần đừng bao giờ đè cạn lúa trong vựa, lúa cũ, lúa mới luôn luôn chồng chất lên nhau.*

*Chúng con kêu gọi chư vị thần suối nhỏ chảy trong các khe, chư vị thần sông lớn chảy trên sườn núi, hết thảy chư vị thần sông suối về hướng thịt gà, lúa mới, lúa đầu tiên.*

*Trên đây là những lời khấn của chúng con, xin hết. »*

Lễ xong lần lượt mọi người uống rượu cần, bắt đầu từ ông bà, cha mẹ, khách khứa, họ hàng rồi đến con cháu. Người ta vừa uống vừa ăn cho đến bao giờ chóe rượu cần đã nhạt, thịt gà, thịt heo, thịt đê, cơm mới không còn mới thôi.

Lễ ăn cơm mới được tổ-chức lần lượt hết nhà này đến nhà khác suốt mùa lúa chín chừng nào hết mùa gặt thì thôi.

Các bộ-lạc Thượng đã theo Thiên-chúa-giáo như đồng-bào Bahnar ở Kontum không còn cúng như trên nhưng cũng vẫn duy-trì tục uống rượu cần, giết gà, heo, dê như cũ.

Riêng những đồng bào đã theo đạo Tin-Lành thì đã bỏ uống rượu, nhưng lễ cơm mới vẫn được tổ chức trọng thể, không cúng thần, chỉ cầu nguyện tạ ơn Chúa và uống nước ngọt thôi.

Trong những dịp lễ ăn cơm mới, từng đoàn con trai, từng đoàn con gái rủ nhau túm năm, tụm ba đi từ nhà này sang nhà khác uống rượu, ăn thịt, ăn cơm, mặt đỏ tưng bừng nô đùa vui vẻ.

## 2 ■ LỄ MNĂM THUN.

Đồng bào Thượng Rhadé có câu ca dao :

- Leh đã êngoh, doh puôt, khuôt êa hlím hjan.
- Phung anak ÉDÉ-GA khăng huă blăm, mnăm thun, bõng un kbao.
- Hết lạnh rồi, lúa tuốt xong, nước mưa nguồn đã cạn.
- Đồng bào Thượng thường ăn lễ lớn, uống mừng một năm, giết trâu giết heo.

Nhưng lễ MNĂM THUN không phải là lễ của toàn thể mọi gia đình như lễ ăn cơm mới. Chỉ những gia đình Rhadé giàu có mới giết trâu heo, tổ chức lễ này để cầu cho gia đình mạnh khỏe và làm ăn thịnh vượng. Tùy theo nhà giàu có, tùy theo số khách khứa họ hàng được mời đến dự, gia chủ giết một, hay hai ba trâu. Số trâu bò heo càng nhiều chừng nào, càng đánh giá tầm quan trọng của buổi lễ.

### A.— Trồng cột Blang Kbão.

Gần đến ngày lễ MNĂM THUN gia chủ cử người vào rừng chặt cây tre, cây gòn (blang) về làm một cột Blang kbão. Cột Blang kbão giống như cây nêu của đồng bào Kinh nhưng ý nghĩa và sự hữu dụng của nó khác hẳn.

Một cột Blang trồng ở giữa cao 5-6 thước tây. Trên cùng là bàn thờ ông bà giống như một chiếc kiệu nhỏ của đồng bào Kinh. Linh hồn ông bà sẽ về ngự trị trên chiếc kiệu đó.

Đọc thân cột có cảm những lưỡi dao tượng trưng cánh tay Thần và 1 hình mặt trăng lưỡi lิềm tượng trưng sức mạnh của Thần Linh.

Xung quanh cột blang có cầm 8 cành tre cao ngắt đầu mỗi cành tre có 1 sợi dây tre có những tua bông treo lơ lửng và buông rũ xuống. Những dây tre ấy theo gió đung đưa gợi ý chào mừng vong linh của Ông Bà về dự lễ.

Xung quanh chân cột blang là 4 cột blang ngắn để buộc trâu. Trên mỗi cột đều có vẽ những hình tượng trưng đàn chim bay, hoa knia, phên đan v.v.... bằng nước vôi hòa với máu trâu.

Theo tục lệ cột blang phải xong trước buổi lễ 1 ngày. Khi dựng cột gia chủ phải tồ chức lễ mời ông bà về ngự trị trên cột blang. Cột blang kbao ở bộ lạc Churu, Koho gọi là cột knong. Khi dựng cột thầy cúng phải vừa khấn vừa múa chạy xung quanh knong.

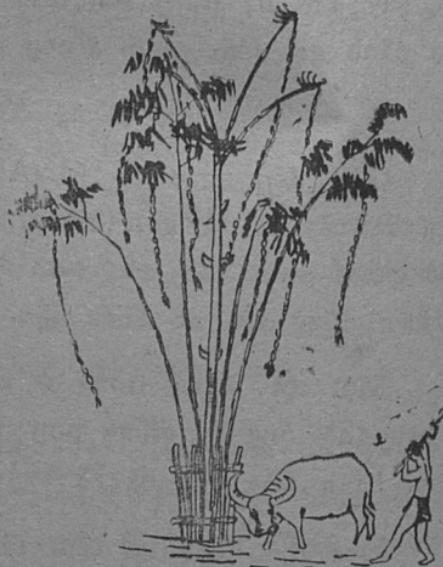
Mỗi cột blang kbao buộc một con trâu. Nếu giết ba trâu thì phải trồng ba cột blang kbao.

### B.— Lễ chém trâu.

Đến giờ hành lễ mọi người đứng vây tròn xung quanh cột blang kbao. Chiêng trống công nồi lên những điệu nhạc dồn dập như thúc dục người ta ra trận. Một thanh niên được lựa chọn để chém trâu.

Anh chạy theo con trâu vòng quanh cột blang tay, cầm con dao kgă, vừa chạy vừa múa dao lừa lúc thuận tiện anh chém đứt khuỷu chân trái sau của con trâu. Bị đau con trâu chạy lồng lộn bằng 3 chân mau hơn. Anh lại chạy theo, vừa chạy vừa múa dao và lừa lúc thuận tiện chém nốt khuỷu chân bên phải của con trâu. Con vật ngã khuỷu hai khuỷu chân sau xuống đất lết quanh cột blang.

Người thanh niên thay kgă,



Lễ chém trâu

bây giờ anh cầm trong tay 1 chiếc dáo dài. Anh vừa chạy theo trâu vừa múa dáo theo nhịp điệu chiêng trống cồng trong khi mọi người reo hò vang trời dậy đất. Đúng lúc thuận tiện anh đậm mạnh chiếc dáo vào sườn con trâu. Anh phải tính làm sao cho mũi dáo đầu tiên ấy trúng ngay tim con vật, làm con vật chết ngay tức khắc, như vậy mới được dân làng khen là tài giỏi.

Con trâu vừa chết những thanh niên lực lưỡng nhào ra phanh thây con trâu sau khi thây khua iêo yang đã hứng được 1 ít máu trâu vào trong 1 chiếc bát đồng có đựng rượu.

#### C.— Lễ rửa chân.

Thịt trâu được đem đến nơi hành lễ. Tại đó đã có 7 chén rượu cột vào 7 chiếc cột chôn ở giữa sân. Người ta đe thịt trâu trên tàu lá.

Gia chủ ngồi trước nơi hành lễ tay phải cầm một chiếc cần rượu, chân phải đặt trên một lưỡi búa có ý nghĩa cầu cho được mạnh như lưỡi búa. Thầy khua iêo yang tay trái cầm bát rượu hòa máu trâu, tay phải cầm một miếng bông gòn. Thầy nhúng bông gòn vào bát, bôi lên chân gia chủ.

Nếu gia chủ là một vị có uy quyền cai quản dân chúng, thắn cúng sẽ khấn như sau :

« *Hỡi chư vị thần linh, chúng tôi cung thỉnh chư vị thần ở trên trời, chư vị thần ở dưới đất, chư vị thần ở hướng Đông, ở hướng Tây, ở hướng bắc lạc Bih, ở hướng bắc lạc M'Nông hãy đến hưởng những lễ vật trong buổi này. Kính xin chư vị thần linh che chở, bảo vệ cho chủ nhân của chúng tôi, người mà chúng tôi coi như cha mẹ đã sinh đẻ ra chúng tôi. Kính xin chư vị thần linh ban cho chủ nhân của chúng tôi được nhiều sức mạnh, được sống hạnh phúc và trường thọ.* »

*Chúng tôi cũng kính xin chư vị thần cây cối, thần cây đa Hra, thần cây Anguê, thần các vị thuốc ban phước lành cho chủ nhân của chúng tôi. Hãy ban cho chủ nhân của chúng tôi đi tới đâu cũng được mọi sự sung sướng, chiểu phái trải ra, lễ tiệc*

*phải linh đình, đồng anh em, đồng bè bạn, được tất cả mọi người giúp đỡ.*

*Tren đây là những lời cầu nguyện của chúng tôi. Xin hồn,*

**C.— Lễ đeo vòng và uống rượu.**

Sau lễ rửa chân, thầy cúng cầm một chiếc vòng đồng đeo vào tay chủ miêng khấn :

*« Hỡi chư vị thần linh, trên đây là vòng, dưới đây là rượu. Rượu đựng trong những chén buộc chặt vào cọc. Vòng sẽ được đeo vào tay chủ nhân của chúng tôi. Kính xin chư vị thần linh ban cho chủ nhân của chúng tôi được sức mạnh, được mọi sự sung sướng, đầy đủ, được trường thọ như chiếc vòng này đã được làm dấu, đã được cúng trước chư vị thần linh và đã được đeo vào tay chủ nhân của chúng tôi. »*

Sau lễ đeo vòng gia chủ uống rượu cần ăn thịt nướng.

Buổi lễ coi như xong, mọi người bắt đầu uống rượu cần, ăn thịt nướng, ăn trứng gà, cơm lam v.v... Trong khi đó chiêng trống cồng vang rền từng hồi, từng nhịp như muốn đưa âm thanh vươn lên cao, tỏa ra xa bao trùm lấy những mái nhà sàn và rừng núi.

Nhiều người đến dự cũng mang theo rượu cần của họ. Người ta túm tụm xung quanh hàng trăm chén rượu, những chiếc đầu chau vào nhau. Nơi đây kẻ lôi người kéo, nơi kia kẻ múc người mồi. Những thanh niên thiếu nữ chạy đi chạy lại khiêng nước đồ vào những chiếc nồi đồng thật lớn để người ta múc thêm vào chén rượu. Tiếng cười nói ồn ào xen với tiếng trống tiếng nhạc cồng thật là một buổi lễ tung bừng nào nhiệt.

Người ta cứ ăn cứ uống kỳ cho đến no đến say, mắt lờ đờ mặt đỏ gay, mãi đến khi trời tối mịt và buổi lễ mới chấm dứt.

Ở những bộ lạc Jéh và Koho dân làng thường tổ chức lễ chém trâu tập thể. Năm 1964 dân làng Jéh ở Daksut cũ chém 12 trâu. Trước chiến tranh trâu còn nhiều, có năm họ chém tới 27 con, và có khi lên tới cả 40 con.

Những lễ chém trâu tập thể như vậy thường linh đình hơn,

và đã hấp dẫn rất đông dân làng các vùng lân cận đến tham dự.

Vài ngày sau buổi lễ, đồng bào Churu còn có tục lệ cúng tiễn ông bà ở cột knong. Sau đó cây knong cũng như cây blang kbao được đề tự nhiên. Nếu nó không chết mùa mưa đến cột gòn đậm rẽ, nảy mầm và một cây gòn mới đã mọc. Những người đi rừng, trông thấy những cây gòn mọc trên sườn đồi biết được rằng đã có một thời có một Buôn sinh sống ở đây.

Cứ như thế, từ gia đình giàu có này đến gia đình giàu có khác, từ làng này đến làng khác, lễ MNĂM THUN được tổ chức suốt mùa tạnh ráo, chừng nào mưa xuống mới thôi.

### 3 ■ LỄ BỎ MÀ.

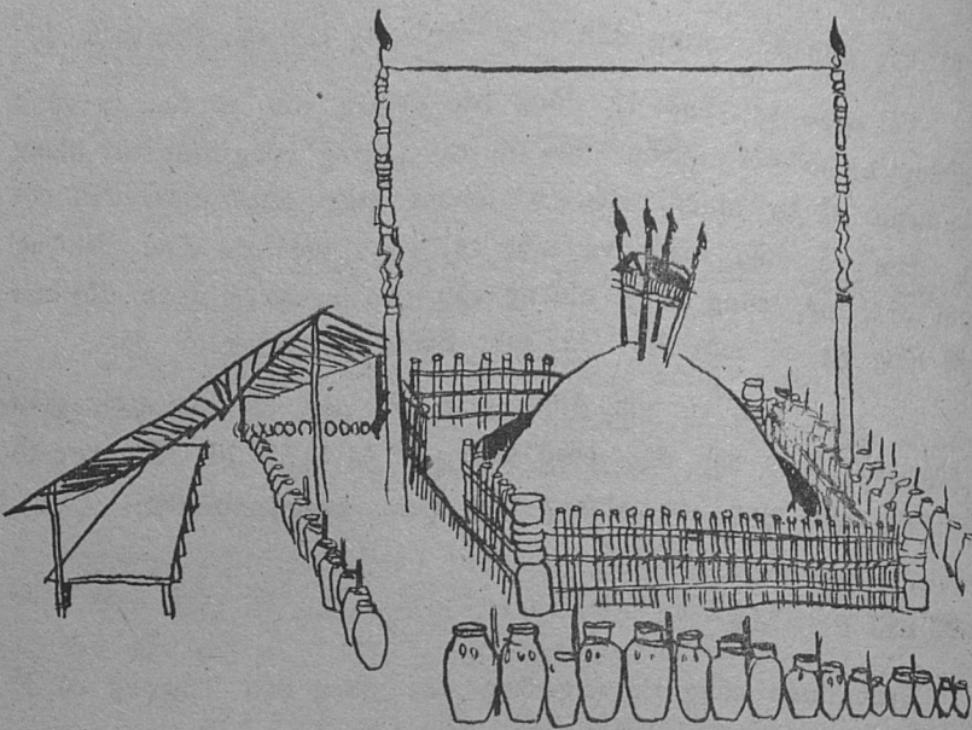
Trong nếp sống tín ngưỡng của đồng bào Thượng có lễ bỏ mà là quan trọng nhất.

Đồng bào Kinh có tục lệ gìn giữ vĩnh viễn mồ mà của tổ tiên. Đồng bào Thượng trái lại chỉ gìn giữ một thời gian rồi làm lễ bỏ mà.

Đồng bào tin tưởng rằng người ta chết là do những ác thần gây ra. Người chết nằm trong mà như nằm trong nhà tù. Cần phải làm lễ bỏ mà linh đình để mua chuộc chư vị thần linh tổ chức tòa án phán xét linh hồn người chết, giải phóng cho linh hồn người chết được về Buôn của những người đã khuất và được tự do đi lại ở trên trời.

Từ ngày làm lễ an táng đến ngày lễ bỏ mà, thời gian có thể dài hay ngắn, kéo dài từ 1 đến 7 năm tùy theo sự giàu nghèo của gia đình. Trong buổi lễ an táng tang chủ húra sẽ đem cơm ra mà và giữ gìn mà trong một thời gian. Hết hạn đã húra họ tổ chức lễ bỏ mà.

Lễ bỏ mà luôn luôn được tổ chức trong mùa tạnh ráo. Gặt hái xong, họ chuẩn bị thóc gạo để nuôi quan khách, ủ men chuẩn bị rượu đủ cho khách uống.



### LỄ BỎ MẢ

**A.— Lễ báo cho người chết và công cuộc chuẩn bị làm lễ bỏ mả.**

Hai ngày trước ngày lễ bỏ mả người ta làm lễ báo cho người chết. Lễ vật gồm một chõe rượu và cơm canh. Gia chủ khấn tin cho người chết biết kè từ ngày hôm nay họ bắt đầu đem dao, đem kgă vào rừng lấy vật liệu về làm nhà chòi, nhà cúng cơm, cột gong kut, cột gong klap và hàng rào mả.

Sau lễ đó họ chia nhau thành nhiều toán, toán đi cắt tranh, toán đi chặt tre nứa, toán đi lấy cây, toán đi chặt vầu làm ống múc nước, toán đi lấy củi, toán giã gạo v.v...

Mọi việc phải xong suôi từ chiều hôm trước ngày lê bỏ mả.

Mả đã được rào bằng những khúc cây rừng có quét vôi trắng chôn dựng đứng ken sát lại với nhau. Bốn cột gong kut đã được tạc những hình cái nồi, cái giế, được vẽ những hình

tượng trưng con mồi, đàn chim bay, hoa kuiă (một loại cây tựa soái rừng quả nhỏ bằng 2 ngón chân cái), bằng nước vôi hòa với máu trâu, bây giờ được chôn xuống 4 góc mả. Những nhà giàu còn tạc thêm tượng hình người, hình khỉ, hình voi đặt lên trên đầu cọc.

Hai cột gong kiao cao có khi tới 5 — 6 thước cũng đã được tạc hình quả bầu, cái giế, đầu con châu chấu, cái nồi, cái chỏ, đồ ôi, cái bát v.v... và cũng đã được vẽ những hình tượng trưng như ở cột gong kut. Hai cột này được trồng ở hai bên mả theo hướng Đông Tây của áo quan. Một sợi dây bằng da trâu giăng ngang mả buộc vào hai cột.

Nhà cúng cơm bằng phên đan có vẽ những hình tượng trưng như ở cột gong kut và gong kiao. Nhà đặt trên 4 chiếc cọc cao chừng 1 mét 6 ở giữa mả.

Những nhà nghèo chỉ tạc 1 cột gong kiao dựng giữa mả và đặt nhà cúng cơm lên trên. Hình ảnh ấy làm liên tưởng đến kiểu kiến trúc chùa 1 cột của đồng bào Kinh.

Trên mả là liệt những chõe ghè, nồi niêu, bát đĩa, chai ly, áo vải v.v... Đó là phần gia tài chia cho người chết. Bốn xung quanh mả là bốn hàng chõe rượu cần được buộc vào bốn hàng cọc đóng thẳng tắp.

Đêm hôm đó tất cả gia đình người chết và những người đến giúp việc đều ở lại trong chiếc nhà chờ dựng tạm ở ngay nghĩa địa. Họ đốt những đống củi để lấy ánh sáng và chuẩn bị «Mlam Mut», đêm nhập lễ.

### B.— *Mlam Mut* hay là *đêm nhập lễ*.

Cuộc chuẩn bị lúc chiều coi như đã xong, đêm hôm nay là đêm nhập lễ.

Tang chủ giết 1 con trâu, sửa soạn 5, 6 chõe rượu để làm lễ, và đặt cơm cúng vào trong nhà cúng cơm.

Xong lễ mọi người xúm lại uống rượu cần, ăn thịt trâu.

Chiêng trống cồng và dàn sáo đing tut của các thiếu nữ Rhadé được trỗi lên. Trong đêm khuya tiếng âm vang đến tận những Buôn làng xa thẳm như báo tin, như mồi mọc, như thúc giục mọi người đến dự lễ bỏ mả.

Từ những Buôn làng xa xôi ấy, ngay lúc trời còn tối đèn như mực người ta đã ơi ơi gọi nhau.

*O' oi nao be ta ! O' oi nao tân be !*

*Mau lén, mau lén đi dự lễ.*

Trong đêm tối những ngọn đuốc bập bùng nổ đuôi nhau ẩn hiện trong lùm như cây những con trăn lửa từ nhiều ngả trườn về nghĩa địa.

Bất cứ buổi lễ bỏ mả nào cũng đều hấp dẫn rất đông người đến dự, con số lên tới hàng trăm, hàng ngàn có khi tới 2.000 người.

Nghĩa địa mọi hôm im lìm vắng vẻ, hôm nay nhộn nhịp, náo nhiệt khác thường. Những người đến dự đều mang theo lễ vật. Vai họ oằn xuống dưới sức nặng của những chõe rượu, những gùi cơm lam v.v... Số chõe rượu trong buổi lễ vì thế lên đến hàng trăm, có khi đến 300 chõe. Con số chiêng trống cồng cũng lên tới hàng chục bộ.

Tang chủ cũng lại quả cho họ mỗi người một vài khúc mía, một vài khúc cơm lam hoặc một vài củ khoai.

Người nào người nấy hôm nay đều mặc quần áo mới, màu đỏ màu đen chói chang dưới ánh nắng mùa hè. Các bà già và các cô thiếu nữ duyên dáng đeo đầy kiềng bạc, vòng bạc lớn ở cổ, ở cổ tay cổ chân.

**C.— Chính lễ bỏ mả.**

Khoảng 2 giờ chiều lễ chính thức bắt đầu. Tang chủ đứng trước mả và lê vật vừa khóc vừa khấn lớn tiếng, giọng è a buồn

thảm. Thân nhân đứng vây xung quanh khóc lóc, kè kè thảm thiết như khóc người mới chết. Trong khi đó nhạc chiêng trống cồng vẫn rộn ràng lấn át cả tiếng khấn lẵn tiếng khóc.

Tang chủ khấn như sau :

« Lạy thần xác chết, hôm nay áo quan đã làm rồi, đã đóng lại rồi, đã buộc lại rồi, đã chôn giấu rồi, các kút cũng đã được tạc rồi, chúng tôi đem cơm đến đây cho thần ăn, đem rượu đến đây cho thần uống, bởi vì từ nay chúng tôi sẽ bỏ thần, chúng tôi sẽ quay lưng lại thần.

Đặt đở ở dưới, đặt đèn ở trên, thần ở trong áo quan, thần ở trong mả, nhà cửa thần ở giữa rường tranh, ở giữa rường sậy, thần ở một miền đất khác, thần uống những giòng nước khác.

Xin thần đừng kêu gọi, đừng lại gần, đừng thương yêu con, đừng thương yêu cháu của thần nữa.

Từ nay chúng tôi sẽ không còn mang cơm, sẽ không còn mang nước, chúng tôi sẽ bỏ mả và không còn săn sóc mả nữa.

Nếu thần muốn ăn cơm xin thần hỏi thần những vì sao, nếu thần muốn ăn thịt gà, xin thần hỏi thần mặt trăng, nếu thần muốn ăn thịt, ăn cá, xin thần hỏi thần cai quản trên trời, một vị thần khác sẽ săn sóc thần, một vị thần khác sẽ trông nom thần.

Thần đã chết thật rồi, đã tan rã thật rồi, thần là chim ố ở trong rường râm, thần là chim tiang Hèo sống ở phương nam.

Chúng tôi đã sửa sang mả rồi, đã tạc những cột kút, cột kia, đã vẽ những hình vẽ bằng máu trâu, máu bò rồi.

Thôi! Từ nay, thế là hết! Thôi! Từ nay, thế là hết! như lá m'nung đã lìa cành, lá Mteli đã tàn úa.

Từ nay không còn đào lỗ, không còn làm nhà chòi, không còn thần, không còn khóc nữa. Sẽ không còn đem cua, đem tôm, đem cơm, đem rau đến mả nữa. Sẽ không còn dề tang, sẽ

*không còn kiêng cữ nữa. Chóe rượu cúng Ngok-bù đã đặt xuống mả rồi, cây chuối, cây khoai đã được trồng lên mả rồi, con gà (tương trưng cho linh hồn thứ ba của người chết: chim Tlang-hêa) đã được thả bay đi rồi, chúng tôi đã quên thăn rồi, đã bỏ thăn rồi.*

*Tôi chăm dứt lời khấn của tôi.*

*Lạy thần xác chết!* »

*Khấn xong tang chủ thả một con gà. Mọi người không ai được nhìn theo, mặc cho con gà bay vào rừng rậm. Từ nay nó sẽ là gà rừng, sẽ không được trở về trong Buôn, người ta sẽ xua đuổi nó vì tin rằng nó sẽ đưa bệnh dịch đến cho gà nhà.*

*Người ta đặt cơm cúng lên nhà đè cơm, chôn chóe rượu cúng Ngok bù và trồng một cây chuối, một cây khoai môn lên trên mả.*

*Đồng bào Thượng Jarai ở Phú-bôn còn có tục cho thanh niên nhảy múa quanh mả đè làm vui lòng vong linh người chết.*

*Buổi lễ chính thức như vậy đã hoàn toàn xong. Mọi người bắt đầu vào tiệc.*

*Hàng ngàn người xúm xít quanh những chóe rượu cần. Những người có uy quyền, những người già lão uống trước, sau mới đến thanh thiếu niên và trẻ con.*

*Mỗi lần rượu trong chóe voi đi họ lại múc nước lᾶ trong những chiếc nồi đồng lớn đồ đầy vào chóe. Nhiều toán thanh niên nam nữ thay phiên nhau chạy đi chạy lại vác những ống tre, ống vầu, gùi trái bầu, khiêng nồi đồng đi lấy nước.*

*Những xâu thịt nướng, những gói thịt trâu thui, những gói lòng, gói tiết luộc, những gói cháo gạo giã, những gói trứng gà luộc, những ống cơm lam v.v.... bày la liệt xung quanh những chóe rượu.*

Mọi người vừa uống vừa ăn, vừa lôi kéo mời mọc nhau, vừa cười nói ồn ào. Nhiều người có tài cất giọng ngâm những bài thơ kè chuyện cổ tích, chuyện anh hùng ca.

Hàng trăm chiếc cồng cũng được đánh lên. Nhạc rền inh ỏi nhịp nhàng một điệu lẩn át cả tiếng cười nói, tiếng la hét, tiếng than khóc ở bên mả.

Chẳng bao lâu họ đã say be bét. Nhiều ông già bà lão cũng loạn choạng đứng dậy nắm tay nhau nhảy múa la hét như những bọn thanh niên.

Quang cảnh trở nên hỗn độn. Nhiều người quá say nằm lăn xuống đất mà ngủ.

Đêm đến họ đốt lên những đống lửa thật to. Ánh sáng đỏ hồng rực rỡ cả một góc trời. Người tinh rượu nỗi tiếp kè rượu say cứ ăn cứ uống, cứ la hét, cứ ca hát, nhảy múa đánh chiêng trống cồng suốt đêm cho đến mãi trưa ngày hôm sau mới ai về nhà nấy.

Tang chủ và gia đình, tất cả đều mệt mỏi nhưng hoàn toàn thỏa mãn tâm hồn.

Cũng như lễ MNĂM THUN, lễ bỏ mả được tổ chức như thế liên tiếp từ Buôn này sang Buôn khác suốt mùa Blang.



Trên đây là những lễ Tết cổ truyền của đồng bào Thượng ở Cao-nguyên.

Từ năm 1954 trở lại đây đồng bào Kinh lên Cao-nguyên mỗi ngày mỗi đông. Nhiều làng của đồng bào Kinh đã ở xen lẫn với những Buôn của đồng bào Thượng. Số học sinh, quân nhân, công chức Thượng cũng gia tăng gấp bội ở các thành phố quận lỵ.

Lễ đến đồng bào Kinh sang các Buôn mời những đồng

bào Thượng quen biết đến làng mình uống rượu ăn cơm. Họ sinh Kinh cũng mời học sinh Thượng bạn mình về nhà ăn mèo, ăn bánh. Những công chức quân nhân Thượng cũng ăn mặc quần áo mới, đến chúc Tết bạn hữu người Kinh. Gia đình họ cũng mua sắm bánh mứt, rượu gà về ăn uống.

Tập tục ăn Tết Nguyên-Đán dần dần đã bắt đầu ảnh hưởng đến đồng bào Thượng. Do đó trong ngôn ngữ của đồng bào Thượng Jarai và Rhadé đã có thêm một tiếng mới «Bong Tit» đúng với ý nghĩa tiếng «ăn Tết» của đồng bào Kinh.

### Tài liệu tham khảo :

— ALBERT MAURICE et G.M. PROUX, *L'âme du riz*, *Bulletin de la société des études indochinoises*, Tome XXIX, Saigon, 1945.

— Docteur BERNARD Y. JOUIN, *La Mort et la tombe. L'abandon de la tombe*, Université de Paris, 1949.

— Mục sư PHẠM-XUÂN-TÍN, *Phong tục đồng bào Thượng*, nhà in Văn-hóa, Saigon, 1957.



### Chúc mừng

Nhận được hồng thiếp báo tin : bạn Trịnh viết Thái, Giáo sư Trung Học Tổng Phuộc Hiệp Vĩnh-Long, đã dẹp duyên cùng cô Lê thị Xuân Lai Hôn lễ cử hành hồi 17 giờ ngày 21-1-1967 tức 11 tháng chạp Bính Ngọ, tại Thánh đường St Thomas, Saigon. Thành thật chúc Thái — Lai sống hạnh phúc lâu bền.

Nguyễn Nhã — Trần Minh Chính  
Nguyễn Trọng Bối — Trần Đức Thường  
Đinh ăn Hảo

# XUÂN

## qua các nẻo đường

# SƠN - CƯỚC

ĐỖ - VĂN - TÚ

**V**UI chung với niềm vui cổ truyền của toàn dân với « NÊU CAO, PHÁO NỔ, BÁNH CHƯNG XANH, THỊT MỒI, DƯA HÀNH, CÂU ĐỐI ĐỎ » hay « BÁNH TẾT, DƯA HỒNG, LA VE, CỦ KIỆU ». Ngày Xuân qua các nẻo đường Sơn-Cước cũng hoa đào nở khắp rừng xanh, mai vàng tưng bừng nở, oanh lúu lo ca, chim đua nhau hót, những hoa rừng rộn rãnh khúc nhạc yêu đương trong những dịp hội hè, té lê, hát xướng, múa ca sau những mùa lúa đã gặt xong, và bên Buôn, Bản lại vọng lên những câu hát tình tú, thiết tha gợi cảm cùng những ngày vui say, ăn uống tung bừng nhảy múa mà ta gọi là những ngày TẾT với nhiều tập tục đặc biệt sắc thái địa phương của người dân quanh năm sống ở núi rừng cõi quạnh.

Nhân ngày hội đầu Xuân, xin mời quý vị đi một vòng « TRƯỜNG-SƠN » thân mến để cùng chung vui với người bạn thiêng thần thiêng nhất MỘT MÙA XUÂN DÂN TỘC KẾT ĐOÀN.

### ■ TẾT TRONG CÁC BẢN THÁI.

Người Thái ở vùng Thượng Du Bắc-Việt thuộc các Tỉnh Sơn-La, Lai-Châu đón Xuân với rừng đào mọc hai bên bờ Suối, hay xa xa trên một ngọn đồi nhìn xuống tướng chừng những tấm thảm hoa vẫn mịn màng trải suốt đến tận chân trời xa tắp, có những giòng suối kết tụ những cánh đào rơi tạo nên từng bè hoa lớn nhỏ bồng bềnh trên mặt nước, trôi qua khe đá, lấp trốn vào rừng già sâu thẳm.

Bắt đầu mùa Tết của người Thái là TẾT CƠM MỚI (soong-mip). Khi lúa ngoài đồng chín vàng, ông Cai Tông Thái (quân Mươn) họp dân lại ở Khu Rừng Cẩm của Thủ Thần (pi-mươn), lấy lúa ngoài đồng về nấu xôi, giết trâu làm lễ cúng do thầy Mo Mường (pu mo mươn) đứng chủ lễ, người dân trong Bản ăn uống linh đình ba ngày liền rồi mới gặt lúa về nhà. Tiếp theo là Tết uống rượu (kin lao mao), tất cả dân làng đến tụ họp ở nhà Cai-Tông, ăn uống, vui chơi, với những tiếng « khèn » theo lời ca điệu múa uyển chuyển nhịp nhàng của các sơn nữ, vào dịp này mọi người đều say sura túy lúy, rồi đến Tết ăn tiền (kim tiên) vào đầu tháng chạp, lễ để cầu trời đất, tổ tiên phù hộ cho được an khang, phát đạt. Điểm đặc biệt có Tết ông Táo của người Thái trùng hợp với Tết cúng ông Táo của miền Xuôi vào ngày 23 tháng chạp, lễ vật gồm có, 1 con gà, 1 mâm xôi, 1 ghê rượu, ít vàng bạc giấy, hoa quả đem vào bếp cúng rồi ra núi tìm đá về bắc lại bếp khác.

Tết chính là Tết Nguyên-Đán (Nen buon tiên) kéo dài đến hết trung tuần tháng giêng, mọi người mặc xiêm y mới nhất, đẹp nhất, và mổ trâu, heo, gà, bánh ăn uống mơ say linh đình, đặc biệt trong đêm giao thừa sau khi làm lễ cúng tổ tiên thần thánh, là bắn súng hỏa mai để đuổi tà ma và đốt pháo đón mừng Chúa Xuân. Trong khi đó, các cô gái mang ống buồng ra suối lấy nước « ĐẦU NIÊN » về dùng lấy bén. Trong dịp Xuân, những trò chơi cũng tiếp diễn với những hình thức và sắc thái đặc biệt khác nhau như múa xòe, múa quạt, hoặc đánh bài, sóc đĩa. Trò chơi hấp dẫn và lôi cuốn các em thanh, nữ tú là « Tung Cầu » còn được gọi là « Ngày hội còng ». Cuộc vui được chia làm hai phe, một bên Nam một bên Nữ, giữa là những người thổi khèn đánh trống, bên nam tay cầm quả cầu với giải ngũ sắc, nhám tung về phía cô nào mà mình để ý, cô đó cũng có tình ý với mình cố bắt trái cầu và ném trả lại, mỗi lần ném trúng như vậy là những trận cười ròn rã với hàng tràng pháo tay tán thường. Cuộc vui tiếp diễn cho đến khi mệt mỏi, từng cặp bên nhau thủ thỉ tâm tình chuyện tương lai.

Sau ngày rằm tháng giêng là Tết ăn bánh (pin pang) dân làng

trò tài làm bánh, nhất là các cô Sơn-Nữ được dịp tỏ ra là nội trợ đảm đang, đúng ngày giờ hạn định, các loại bánh được đem đến nhà Cai Tông thi, ai làm ngon nhất, khéo và đẹp mắt nhất sẽ được thưởng và được dân trong Bản hoan nghênh nồng nhiệt. Đây lại là một dịp để ăn uống, rượu chè, múa hát tung bừng thỏa thích trước khi trở lại mực sống bình thường.

## ■ NGƯỜI MÁN VỚI CHỢ TẾT TAM LỘNG.

TAM LỘNG là tên của một xã thuộc tỉnh Vĩnh-Yên, những ngày thường trong năm, chợ Tam Lộng là trung-tâm trao đổi hàng hóa giữa đồng bào Kinh Thượng, đến ngày 25 tháng chạp, phiên chợ Tết này biến thành chợ cưới của những lứa tuổi đôi mươi với những mối tình thăm kín ấp ủ hàng năm được dịp công khai bộc lộ và thừa nhận bởi các bậc phụ huynh, bô lão. Chợ cưới này còn được các thôn bản lân cận thuộc giồng Mán Lan-Tiên & các tỉnh Thái-nguyên, Tuyên-Quang về tham dự, có những người phải rủ nhau đi từ ngày hôm trước, và chợ chỉ họp trong ngày 25 mà thôi. Có được ngắm các cô Sơn-Nữ trong ngày tröm hoa khoe sắc thắm này, mới thấy được cái đẹp hoàn nhiên của những bông hoa rừng biệt nói này. Cô nào cũng xiêm y mới đẹp lộng lẫy, yếm màu sắc sờ chân tay và cổ đều đeo vòng bạc, cườm sà tích lèng keng tranh đua với tiếng cười, giọng nói, lắp lánh thi ánh với những khoe mắt sáng ngời tình tứ hưu duyên. Có những cô nàng phải tự dệt lấy xiêm y để mặc hôm chợ. Cưới để tỏ ra đảm đang khéo léo.

Còn các chàng trai thì biếu ngang trong những bộ trang phục thời danh với dáng điệu mạnh khỏe quắc thước, lanh lợi, nụ cười luôn luôn nở trên môi để chào đón người bạn trăm năm, có những chàng phải tần tiện hàng năm để có đủ tiền mua tặng người yêu những kỷ vật đáng giá.

Trong khi gặp nhau, hai bên trai gái chuyện trò vui vẻ mời mọc nhau ăn uống, hẹn hò nguyện sẽ nên lứa nên duyên, thành vợ thành chồng, dẫu bạc răng long cho đến khi trời chiếu xé bóng mới chia tay. Các cụ bô lão theo con cái ra về sau khi đã thỏa thuận với

nha nhung chi tiec ve lanh vat, ngay giac cuoi hoi va ruou chet say bi ti.

Cac co cuu giuong Man nay mong cho Tet Tam Leng hon la nhung tro Choi Xuan hay nhung ngay te le khac.

## ■ TẾT CỦA NGƯỜI NÙNG VỚI HÁT « HỘI CHÈ ».

Hàng nam cũ đến khi có gió heo may thổi về, trời lạnh quá là người Nùng bàn tinh và sửa soạn ăn Tết. Người Nùng ăn Tết giống người Kinh cũng bánh chưng và bánh lớn. Đến 25 tháng Chạp là ngày lễ THUỐNG CÚNG (Xuống công), lễ này không cần già thịt, mà chỉ có bánh chưng, bánh lớn, hoa quả, mía cam, tuy không phải tuyệt đối nhưng không một ai dùng chuối trong lễ này.

Sau khi cúng giao thừa, vào khoảng 4, 5 giờ sáng mỗi gia đình có một người mang thùng xuống sông hay Suối đem theo ba cây hương, một sấp tiền vàng. Trước khi gánh nước phải thắp hương khấn vái tứ phương và đốt tiền vàng và khi gánh nước về phải bỏ một cánh hoa vào thùng nước mà người Nùng gọi là gánh nước « HOA HỒNG ».

Ngày k'êng cũ nhất của người Nùng là ngày mồng 3 vì ngày này là ngày đuối « bần quí » tức quí nghèo. Sáng mồng ba giờ nào nhà nấy quét nhà vừa hô « BẦN QUÍ XUẤT, PHÚ QUÍ NHẬP » tức là quí nghèo ra, quí giàu vào, ý nghĩa của cuộc quét « bần quí » là những tàn tích xui xẻo năm cũ đều bị đuối đi hết, năm mới may mắn đến.

Nhân dịp xuân về, người Nùng tổ chức hát « HỘI CHÈ » để đón mừng xuân mới, những vai trò hoàn toàn do nam giới đảm nhiệm gồm có :

- 1 hội chè Lang
- 2 hội chè Nương (nam giả gái)
- 1 đánh tiếng
- 1 đánh mõ
- 1 đánh tầm
- 2 thổi kèn.

Hai « Hội chè nương » cầm hai cái quạt phe phẩy múa theo nhịp trống, mõ, tăm, kèn và ca hát, mỗi lần « hội chè lang » hát xong là « hội chè nương », hát đáp lại — Nội dung các bài ca trong « Hội chè » hoàn toàn tả cái đẹp của mùa Xuân, ca tụng chúa xuân đem lại niềm vui cho toàn dân. Tổ chức văn nghệ này qui tụ các thanh niên nam nữ các thôn làng lân cận và rất được các cô gái ái mộ si mê như các nam tài tử mà bạc bây giờ vậy. Vì hai hội chè nương là hai chàng trai hóa trang nên mỗi khi mān hát các cô tìm cách để được chuyện trò ca tụng, làm quen. Cuộc vui kéo dài 5, 6 đêm cùng với các đầm mục khác như cờ bạc, rượu chè, bài lá kéo dài cho đến trung tuần tháng giêng mới mān dần và trở lại bình thường.

## **TẾT CỦA NGƯỜI MƯỜNG.**

Sắc dân Mường có khoảng 7, 8 chục ngàn người chiếm trọn tỉnh Hòa-Bình thuộc miền Trung Du Bắc-Phản, ở về phía Tây Bắc Hà-nội 71 cây số, 1 số khác cư trú quận Lạc-Thủy (Hà-Nam) 2 quận Hồi-Xuân (Quan-hóa) và Vùng Đèo Khé (Phú-thọ). Hiện có khoảng gần 1 ngàn người sống & hai ấp Đời Mới An-Lập và Đặng Xoài, quận Xuân Lộc, tỉnh Long-Khánh. Trước đây người Mường sống dưới chế độ phong kiến, bao gồm 2 giai cấp Quan Lang và Âu Mệ (binh dân).

Hàng năm dựa theo âm lịch, nhưng tính kém đi 1 ngày, cứ vào dịp cuối năm, dân Mường lại sửa soạn ăn Tết. Từ trung tuần tháng chạp đã rục rịch sắm sửa thực phẩm, mang mặc để đón Xuân. Tục thường xuân của người Mường có phần giống người Bắc. Tuy nhiên có một vài sắc thái đặc biệt như sau.

### **ĐÊM 30, GIỜ PHÚT NGHIÊM TRỌNG.**

Đêm 30, mọi người phải ăn mặc sạch sẽ, dọn lě, trước là cúng chay Đức Phật, sau dọn bánh trái, rượu, thịt để cúng tổ tiên. Đêm nay, mọi người đều thức để mừng tổ tiên về sum họp, ăn Tết cùng con cháu. Đúng nửa đêm, giờ giao thừa sẽ có đốt pháo hoặc bắn « tụ » (súng thần công) tục gọi là bắn « chàng tịch ». Cũng trong

đêm nay, người ta thường thức canh chừng xem « con vật nào thức trước » (căn cứ vào sự cử động hoặc tiếng kêu của gia súc). Mỗi con vật thức trước được coi là đêm báo để suy đoán tình trạng năm mới: trâu thức năm đó sẽ được mùa; mèo: rừng rú sẽ nhiều cọp béo; chó sẽ có nạn trộm cướp.

## NHỮNG CUỘC VUI ĐẦU XUÂN.

*Xắc bùa* — Sau mỗi năm thanh bình an lạc hoặc phong dâng hòa cốt, thì vào dịp đầu năm mới, người ta còn được nghe âm thanh trầm bổng của nhiều tiếng cồng (chiêng) hòa kẹp. Đó là tiếng xác bùa (danh chiêng có nhịp điệu). Nhóm người « xác bùa » chia làm hai bè: bè con, giọng hiệu lệnh (chừng 3 người đánh chiêng nhỏ) bè mẹ đánh đáp theo đều (gồm nhiều người đánh những chiêng lớn).

Một người trong bè mẹ mang thiêng lớn nhất, có thể tùy ý đánh dồn để gây thêm dư âm cho bè này. Ban « xác bùa » có thể tiếp tục giọng họa tạo nên một âm thanh nhịp nhàng, sôi động, một thứ âm thanh thuần túy, đặc biệt của ngày Tết, có thể gọi đó là tiếng vọng của cuộc đói, an lạc và ấm no của người Mường. Tôi muốn nhấn mạnh điểm này là để phân biệt các nhạc khí khác: ống tiêu, ống笛, nhị hò, đàn kèn chỉ dùng trong dịp tết lễ.

## RĂNG THƯỜNG.

Nếu ban « xác bùa » lưu động trong làng hoặc từ làng này qua làng khác rất có thể sẽ bị bắt buộc phải « răng thường » có nghĩa là ca ví. Người « răng thường » là một người thành thuộc về hát ví, đã từng luyện hát đối đáp, không những thuộc nhiều bài hát ví (mẫu) danh tiếng mà lại còn có khẩu khiếu, ứng đối và sáng tác nên những bài mới lạ thích nghi theo từng trường hợp. Người này cất tiếng hát với giọng ca ngân dài: « thương thuyết » hoi lại thương nồng thương khồng ô tööng phảng lặng & tööng lảng yên, yên tắt yên mường, yên vua lê vừa lành chúa » (thường thiết si lại thương nồng, thương khồng & tööng phảng lặng & tööng lảng yên, yên đất yên mường yên vua lại vừa lành chúa). Bài « răng thường » có nhiều đoạn pha hình thức « nói lời » với nội

đúng ca tụng cảnh thanh bình, nói lý do và giới thiệu đoàn « xác bùa » cùng khen ngợi già chủ làm ăn thịnh vượng, sau hết đến phần « bồ bát » (kết thúc bản ca) là đoạn chúc Tết, nếu hợp lý, già chủ có thể tặng tiền, gạo hoặc bánh chưng. Tiếng hát vừa dứt lại điểm thêm tiếng chiêng « xác bùa » vang lên. Nếu sau một hồi tiếng chiêng ngân mà mâm quà chưa thấy bung ra ấy là bởi trong lúc « rangling thường », đã có một thày « thường » bên già chủ vẫn chú tâm theo dõi để bát đổi đáp Việc nhận quà tặng trở thành gay go và khó khăn, nhưng đoàn « xác bùa » đã quyết tâm đoạt cho bằng được để giữ tiếng và lấy may đầu năm. Thầy « thường » của đoàn cùng với một số tay em phụ tá, thay phiên nhau hát đổi lại cho ăn ý: ví von, ra đòn sao cho địch thủ hết đường đáp lại là thắng.

### CÓT CÒN (ném đúm).

Cũng trong dịp đầu xuân, người ta còn thấy từng toán thanh niên ăn vận khăn đóng áo dài rủ nhau tới những Mường (làng) mà họ để ý từ lâu. Có các cô thiếu nữ xinh đẹp để « cót còn » (ném đúm). Trái « còn » làm bằng vải nhiều màu khâu thành hình vuông như cái bánh chưng nhỏ, có cạnh chừng 5cm, trong đó nhồi cát. Mỗi (cạnh) góc trái « còn » có kẽ tua chỉ ngũ sắc, chính giữa có giây cầm để vung lấy đà mồi khi tung trái còn đi. Thường thường các cô gái đẹp, như bầy tiên nữ, có thói quen đầu xuân, vẫn bay nhởn nhơ rủ nhau ra đầu thôn nơi thảm cỏ xanh mướt để chờ đón các chàng trai tới « cót còn » cầu duyên. Bên các nàng thiếu nữ, sau phút do dự đã lên tiếng mời gọi khách: Năm mới, mời các chị cót còn bôl động mận ụn mạng tán tôi vây » (năm mới, thì các chú cót còn chơi với chị em chúng tôi nào). Bên thanh niên nhận lời. Trái còn giáo đầu được tung lên, về nên những bóng cầu ái ân muôn sắc vì chính đây là một dịp giao cảm thuận lợi, để khi đêm (Xuân) về, từng cặp, họ sẽ cùng nhau dan díu yêu đương. Để rồi từ đó, những mối tình thơ mộng nhất và cao đẹp nhất đã nảy nở trong những đêm huyền diệu buổi đầu xuân. Trở về với hiện tại, chúng ta hãy trông, sau phút giáo đầu, hai bên đã gieo « còn » nhầm trúng theo người mình lựa chọn. Để tránh gây hiểu lầm và khỏi bị chê cười, mỗi người phải hết sức nhanh nhẹn và khéo léo

trong dáng điệu thanh nhã, cờ bất chước cho bằng được trái « con » tung về phía mình. Từ những cặp ưng ý, sẽ vang lên trong nàng ấm, giọng cười dòn dã trong trẻo, những lời ngợi khen, tiếp theo tiếng thở thè, du dương đầy khiêm nhượng.

## UỐNG RƯỢU CẦN THI, ĐÚT BÁNH CHƯNG.

Đêm về, tùng cặp, mỗi nàng sẽ mời chàng tối nhà bà con nhau cậy nào đó để tiếp đãi cho được tự nhiên, tránh cắp mắt nghiêm khắc của cha mẹ.

Họ sẽ thi nhau uống rượu ngọt như rượu nếp bỏ trong vỏ có cẩm cần trúc. Trong bữa ăn, nếu chàng trai làm khách, tỏ ra đê dặt và ít tự nhiên, chính nàng sẽ tự tay gấp thức ăn hoặc bánh chưng đút cho chàng.

## BỘ MỆNG.

Cơm nước xong, mọi người trong nhà đã đi ngủ, chỉ có chàng với nàng vẫn còn thức, tối ngồi bên nhau, cạnh bếp lửa hồng than nổ reo vui lách tách, vừa để sưởi ấm, vừa để hút thuốc lào chung một điếu cày tò lợ sự tâm đồng ý hợp. Sau vài giây say khói thuốc, khều thêm than, rồi kê cái đầu, người tựa gối, họ bắt đầu « bộ mệnh ». Bộ mệnh chính là lời bày tỏ nỗi niềm tâm sự bằng thơ với giọng ngâm dịu dàng lúc thăm thì, lúc nhỏ nhẹ trong đêm. Chàng trai mở lời hoa nguyệt trước: « tếu chi pâu vị lý chi pâu rắng... pôóng hoii! (điều chí bậu ví, lý chí bậu sàng, bông ơi!). Giờ phút này, đài uyên ương đã là hiện thân của nàng Nghê Nga và chàng Hai Mối, là hai trong ba nhân vật bắt hủ của tình sử người Mường. Cuộc chuya trò, của đài bên tuy thân mệt nhưng hoàn toàn trong sạch và đứng đắn cứ thế kéo dài lâu đêm tối tờ mờ sáng họ mới chia tay. Đây là bước đầu cuộc tình duyên của một cặp trai gái nguyên thề kết tóc xe tor. Và kể từ đó, kỷ niệm thuở ban đầu đã khắc ghi trong tâm hồn họ, để sau này họ có dịp ôn lại (*trong mai sau*) vào mỗi độ Xuân về.

## NGÀY 7 THÁNG GIÊNG : KHAI HẠ (mở cuộc vui).

Ngày 7 tháng giêng : cả Mường ra miếu cúng « tháng vắng » (thành hoàng). Kể từ đây các cuộc vui Xuân, những buổi hội hè, đình đám hay lễ Chùa (Mỗi Mường có riêng một ngôi chùa lớn). Những cuộc bắn bia hay đua ngựa được mở ra và có thể tiếp diễn trên hai tháng đầu xuân.

## ■ CÁC SẮC DÂN TÊU, PACOK (QUẢNG-TRỊ THÙA-THIÊN) MỪNG HỘI ADZA VÀ AYA.

Hàng năm sau mùa gặt hái, đồng bò tổ chức ngày hội ăn uống linh đình để mừng kết quả mùa màng thu hoạch xong và chuẩn bị làm rẫy mới, sắc dân Têu Quảng-Trị có lễ Adza, người Pacok Thùa-Thiên có hội Aya. Trong dịp này tung bùng náo nhiệt, giết trâu, cúng heo cùng các trò vui ca hát giữa nam nữ, các cụ già đánh chén rún rẩy chiếc phèn la và thi nhau đánh nhịp « chiêng » chè rù bằng đồng. Tại các nhà làng thì trang hoàng lộng lẫy cờ phướn rợp trời, & những gia đình giàu có, trịnh trọng bày những chiếc ché bằng sành quý giá lâu đời cùng với đồ đồng như xanh, nồi bung, nồi bảy — những chiếc áo xưa như rồng năm móng của các quan lại thiền triều được các bô lão mang ra mặc một cách long trọng, ihanh thiểu niêm nam nữ bận áo mới có cườm & hai hàng nút trông rất xinh đẹp, và những chiếc « Sách » người Lào gọi là Phá-xà-Lùng được các cô mang ra chưng diện ba ngày Tết.

## ■ SẮC DÂN HRÉ (QUẢNG-NGÃI) VỚI HỘI NHẢY KẸP.

Những ngày lễ Tết của người Thượng Hrέ kéo dài 1, 2 tháng, nhà giàu nấu 20, 40 nồi bánh tét, ủ hàng trăm ché rượu cần, hạ hàng 2, 3 con trâu bò để bì con trong thôn ấp. Tất cả dàn trong làng tập trung ăn Tết ở nhà Tù Trưởng (Kà Rá) rồi lần lượt đến các nhà khác, dàn ông bao giờ trong nhà hết bánh, hết rượu mới thôi, vừa ăn uống, vừa ca hát nhảy múa; dàn ông vừa đánh « chính »

vừa nhảy, đàn bà con gái đeo ống buuong, lấy hai tay vỗ vào hai đầu thành những tiếng bập bùng, một bên nam, một bên nữ vừa đi vừa uốn éo theo nhịp trống, miệng ca nhịp nhàng tạo nên một khúc nhạc u buồn, maz dài đam mê. Ở mệ, địa điểm khác, các thanh niên nam nữ có trò chơi: hấp dẫn và đẹp mắt hơn đó là điều « nhảy kẹp ». Dụng cụ gồm có hai đòn nhảy là hai ống trę hoặc nứa già đỡ hai thước, mắt được chuốt sạch sẽ và phoi khô để khi đập vào nhau kêu cho lớn tiếng. Hai người một nam một nữ ngồi điều khiển hai đòn, cứ hai tiếng đập xuống đất, rồi hai đòn đập vào nhau theo nhịp chiêng trống: khi nhảy hai người nam nữ quay mặt vào nhau, trong lúc hai ống buuong đập hai tiếng xuống đất thì cặp trai gái bước hai bước vào trong và khi vừa bước ra ngoài thì hai ống đập vào nhau cái « cỗp ». Cặp nào nhảy đúng nhịp trống như cặp lân đang dồn nhau, có lúc hai người cùng nhảy về một phía, có khi giữa lúc tiếng « cỗp » đập vào nhau thì hai người ở hai bên ống buuong, trông thật là ngoạn mục. Sự nhịp nhàng uyển chuyển của đôi trai tài gái sắc không những làm cho chính họ thích thú mà còn làm cho mọi người xung quanh tán thưởng say sưa với những nhịp vỗ tay đều đều. Từng cặp lại từng cặp thay phiên nhau biểu diễn liên tục quên cả ngày giờ, vì đây không những là một trò chơi giải trí, biểu diễn nghệ thuật cho bà con mua vui mà còn là dịp để tỏ tình mây mưa gắn bó. Thé là sau ngày hội hè ăn uống vui chơi, giòng HRÉ theo chẽ độ mẫu hế, cô gái nào để ý đến chàng trai lối xóm liền nhò lái sang nhà trai dọ hỏi để chờ ngày nệp sinh lě và chọn ngày lành tháng tốt tạo hạnh phúc lứa đai.

### TÍNH TUỔI BẰNG LÁ BÁNH TẾT.

Người Hré cũng dùng bánh tet để ăn Tết như người Kinh. Nhưng đặc biệt là không có nhân — khi gói bánh, ngoài số bánh để dài khách và bà con, hế trong nhà có bao nhiêu người thì gói bấy nhiêu « bánh cũ » nữa. Bánh cũ của ai, người này ăn chứ không mồi khách — Lá bóc & bánh cũ ra bao giờ cũng đem buộc lại, lau rửa sạch sẽ, treo & mái nhà nơi cửa ra vào, mỗi người treo cách nhau và có dấu riêng, để năm này qua năm khác, cứ đếm bao nhiêu gói

lá là bấy nhiêu Tết đã ăn, bấy nhiêu tuổi đã có, khi chết đi các gói lá đó được đem ra treo ở một phần, có thể để số lá treo để biết tuổi của người quá cố.

## ■ NGƯỜI DÂN KOHO (Tuyên-Đức — Lâm-Đồng) ăn Tết bên đồng lúa.

Ngày Tết của người Koho không hẳn là ngày 1 tháng giêng âm lịch như ở miền Xuôi. Sau mùa lúa, Chánh-Tổng cùng các bô lão trong Buôn chọn ngày ăn mừng, thế là tiếng chiêng, trống nồi lèn tưng hòi, tưng hòi kế tiếp, tạo nên một âm thanh dồn dập, để thay những tràng pháo hoặc súng thầu công báo hiệu và triệu tập đồng bào đến nhà Chánh-Tổng ăn mừng mùa lúa tốt.

Tưng đồng củi, gỗ được chặt chằng giữa sàn nhà Chánh-Tổng những cây nêu (Kor dak) treo lủng lẳng, chạm trổ những hình thù thần thánh, hàng chục chục rượu cần, một con trâu, heo đã chuẩn bị sẵn sàng. Đến khi mặt trời đã khuất sau đồi thông, tiếng chiêng trống nồi lèn, rgon lửa bắt đầu bám vào các ngọn cùi khô phừng phứt cháy, thế là quanh lửa hõng tưng đoàn người ca hát nhảy múa nhịp nhàng say sưa theo tiếng trầm bổng, u buồn rộn rập. Con trâu cột bên cây nêu được hy sinh, đem nướng bên bếp lửa, mùi thịt nướng thơm lừng làm cho mọi người hăng hái, hăng mấy chục cần trúc mọc tua tủa trên những chõe rượu ngọt đậm sẵn sàng. Mọi người vừa nhảy vừa ca theo nhịp vỗ tay đều đều, nhảy chán rồi vào uống rượu cần với thịt nướng, vừa ăn uống vừa chuyện trò vui đùa, cởi mở. Cuộc vui tiếp diễn, càng về khuya, sương càng lạnh, ngọn lửa gần tàn, cho đến khi rượu đã nhạt, thịt đã hết, người người say mềm, tiếng trống, tiếng đồng la uể oải, tiếng nói tiếng cười thưa dần, êm dần trả lại cho đêm rừng thêm u tịch mịch. Ngày hôm sau, mọi người lại qua ăn Tết ở các nhà khác, cứ thế cuộc vui ca hát nhảy múa bên đồng lúa kéo dài cả tháng trời.

## TẾT CỦA NGƯỜI BAHNAR.

Hàng năm cứ bắt đầu đốt rẫy, ngày gặt hái và dịp để cho đồng bào Bahnar (tỉnh Kontum) giết trâu, mổ heo, uống rượu cần linh đình ngày này qua ngày khác, các cuộc vui ăn uống hát sướng nhảy múa tựu trung cũng giao giöng các sắc dân khác, ngoài ra đồng bào Bahnar Alakong còn có các lễ sau đây:

- Lễ tạ mả vào tháng 1 và 2 âm lịch.
- Lễ Mi Rab, khi trời bắt đầu mưa.
- Lễ Mi-Dak-Mat-Aton để cầu hồn người chết.
- Lễ Puc-Sodu để xua đuổi các hung thần.
- Lễ Nùng — Chàm để cầu mưa gió thuận hòa.
- Lễ Koh-Sa-Kopo-Tahal để cầu bình an vào tháng 6 dương lịch.
- Lễ Et-Tojur-Sa sau mùa gặt hái.

Mỗi lễ đều có sát sinh để tế thần, những con vật hy sinh thường là trâu, bò, heo, gà v.v... thời gian h nh lễ có khi kéo dài đến 3, 4 ngày. Âm nhạc dùng trong các ngày tế lễ, bài hè gồm có các nhạc khí cổ truyền như cồng, ma la, trống, khèn v.v..



Trên đây là những tục lệ cổ truyền của ngày xuân thanh bình xa xưa hoặc lẫn khuất trong tiếng súng giao thưa của cuộc chiến tranh đang tàn phá quê hương.

Xuân đến ngày hôm nay, pháo Tết còn số xen với tiếng rít của máy bay phản lực hòa với hỏa tiễn bay phá tung hậu cứ địch, để mong đem lại một cuộc sống thanh bình an lạc cho xứ sở trong tương lai, để những ngày xuân năm tới, những tập tục cổ truyền của dân tộc lại trở về với miền đất thân yêu.

# THƯƠNG XUÂN

trên cao-nguyên với

## RƯỢU CẦN

### của ĐỒNG - BÀO THƯỢNG

NGUYỄN - TRẮC - DĨ

**T**RONG lúc mọi gia-đình đang chuẩn-bị đón xuân với đủ thứ kẹo, mứt, bánh chưng, bánh gai, bánh tết, trái cây v.v... và không quên rượu, thì trên Cao-nguyên, đồng-bào Thượng có nơi đã đón xuân, có vùng đang chuẩn-bị cho ngày lễ lớn đầu năm. Rượu Cần nắm giữ vai trò chính làm vui cho ngày Tết.

Rượu, Đông Tây, Kim Cồ, gấp nhau ở rượu. Các tay tờ rượu đã thường-thức hương--vị Mai-quế-lộ, Whisky, Champagne, Vodka, đế..., giờ xin mời quý khách thường-xuân với rượu Cần của đồng-bào Thượng. Chắc chắn quý-vị được hài-lòng, say sưa với mùi vị thích-khầu, độc-đáo của từng vùng sơn-cước.

Trước hết, xin giới thiệu cùng quý độc giả những ngày Tết đầu năm của từng bộ-tộc Thượng, rồi vui đâu mời dừng lại đó.

Đồng bào Thượng cũng bái quanh năm, nhưng tựu chung hàng năm vào tháng giêng, hai âm-lich. Bộ-lạc nào cũng có tổ-chức những ngày lễ lớn, phần đông gọi là «Lễ mừng lúa».

Cuối tháng 11, 12 Âm-lich thu hoạch xong vụ mùa. Lúa về là bắt đầu sửa-soạn «Mừng Lúa» để tạ ơn Nhang, ơn Thần

lúa, Thần núi, Thần sông đã phù-hộ cho được nhiều lúa và trong năm được bình-an.

Ngày lễ thường không có ngày nhất định và mạnh nà nào, nhà ấy tổ-chức, cả làng chung vui. Lần lượt hết nhà nọ tới nhà kia, thành ra có thè nói : những tháng Chạp, Giêng, Hai âm-lịch, có khi sang tới tháng Ba Â.L. là Mùa Tết của Đồng-bào Thượng mới đúng.

— Đồng-bào Vân-Kiều, Tồi-Ôi (Quảng-Trị), Teu, Pacoh (Thừa-Thiên), K'Tu (Quảng-Nam — Quảng-Tín) mừng lễ A-Dza từ tháng 11 Â.L.

— Đồng-bào Hré, Kré, Khét, Takua (Quảng-Ngãi) ăn Mừng Lúa vào tháng Giêng Â.L.

— Đồng-bào Bonam vùng An-Lão (Bình-Định), mừng Xuân bằng một cuộc lễ « Đâm-trâu Xây-cột » thật trọng thè.

— Đồng-bào Krem vùng Vĩnh-Thạnh (Bình-Định) tổ-chức lễ « Khấn đồ đầu năm mới » cũng vào tháng Giêng ta.

— Vùng người Chăm-Hrui (Vân-Canh — Bình-Định) và người Hroi (Phú-Yên) ăn Tết gần đồng thời gian với Tết Nguyên-dán của ta.

— Đồng-bào Bahnar Roh, Tolo, Alakong... (An-Túc — Bình-Định) mừng lúa ăn nhỏ nhưng lễ Tạ-Mả lại được tổ-chức trọng thè vào tháng Giêng, Hai Â.L.

— Người Sédang, Dié (Dakto, Daksut, Toum'rong) coi ngày « Tết Giọt Nước » quan-trọng nhất, tổ-chức vào tháng 2 Â.L.

— Người Djarai (Pleiku, Phú-Bồn) tổ-chức Tết Bong-Tor-Kuh-Thun thật linh-đình vào tháng Giêng.

— Người Rhadé (Darlac) tổ-chức lễ Estrat (Lễ Mǎn Mùa) và mừng Xuân bằng lễ « Soi Yang-Choroh » thật lớn.

— Người Kaho, Churu, Cil (Đồng-Nai-Thượng) ăn Tết

Lir-Bong (Mừng lúa về) vào khoảng đầu tháng 2 Â.L.

— Người Roglai (Khánh - Hòa, Ninh-Bình-Thuận) gọi lễ Mừng Lúa là « Lễ Ăn-Bùi ».

— Người Stieng (Phước-Long, Bình-Long) ăn « lễ Mừng Lúa Trúng » vào khoảng tháng Giêng.



Bất cứ ở đâu và trong bộ-tộc nào, rượu cần là thứ không thể thiếu trong ngày Tết. Các vò rượu ngon nhất đều được dành đến ngày lễ trọng vừa kè hoặc khi thù-tiếp thượng-khách.

## A. CÁC THÚ RƯỢU.

Rượu cần có nhiều thứ được chế-tạo bằng thô-sản địa-phương như lúa; bo-bo, khoai-mì, bắp, đậu xanh hoặc trắng. Cách chế-tạo mỗi thứ một khác, đại lược như sau :

— **Rượu Thóc** : Thóc mới, đem về rửa sạch, ngâm vào nước, trộn với men rồi cho vào hũ. Lúc uống, đồ nước vào cho đầy rồi uống. Loại rượu thóc ngâm này thịnh-hành ở vùng Vĩnh-Thạnh (Bình-Định), một vài nơi khác cũng thấy làm rượu thóc, nhưng thường thóc được giã sơ qua và nấu chín đè nguội rồi mới trộn với men làm rượu. Loại rượu thóc ngâm này chưa và nếu không quen rất khó uống.

— **Rượu Cơm** : Đây là thứ rượu thịnh-hành nhất tại bất cứ nơi nào cũng thấy có. Thóc được giã cho long chấu, sàng, sảy qua loa rồi đem nấu thành cơm, giải ra cho nguội và ráo nước. Thường cơm được đè giải chừng một đêm, hôm sau đem bóp với men và cho vào ghè. Có nơi không bóp hoặc trộn cơm với men mà cho từng lớp cơm và men vào ghè, cứ một lớp cơm lại một lớp men mỏng. Thường thường chỉ cho cơm rượu đến lưng ghè mà thôi, đoạn dùng lá chuối

hoặc thứ lá cây nào lớn đè phủ lên trên. Cơm rượu được vài ba hôm sẽ nở lên gần đầy ghè, và từ 5 bữa trở đi là đã có thể đem dùng được, nhưng muốn ngon và hết chua phải để lâu. Rượu càng để lâu càng tốt, càng ngọt và càng quý. Có nơi đồng-bào còn đem chôn để có thể dành được lâu. Tuy nhiên, Rượu cơm có vùng thật ngon, có vùng uống đáng, đó là tùy cách lựa thóc và chế men của từng vùng và từng người chế.

Phương-pháp chế rượu cơm của đồng-bào Churu. Kaho (Tuyên-Đức — Lâm-Đồng) có phần kỹ hơn. Cơm thối chín đem ra giã rồi lấy men trộn cho đều với cơm, sau đó, cho tất cả vào một cái gùi, đoạn lấy lá bít lại, để từ 1 tới 2 ngày cho men thật ngấm với cơm rồi mới rỡ ra trộn với cám trước khi cho vào ghè. Miệng ghè lại được trám kỹ bằng một thứ tro đặc-biệt nhào với nước có chất dinh.

— **Rượu Bo-bo — Kê** : Thịnh-hành ở vùng của đồng-bào Sédang, Dié, Hré, Bahnar. Cách chế-tạo cũng giống như làm rượu cơm, nấu chia, trộn với men, ở vào ghè. Rượu kê của đồng-bào Sédang và Dié vùng Dakto, Daksut, Toum'Rong (Kontum) được tiếng là tuyệt hảo, các thương-lái kháo nhau rằng : Không kém rượu Champagne. Sự so sánh có phần quá đáng, nhưng dù sao cũng nói lên cái đặc-biệt của thứ rượu địa-phương này.

— Rượu cần cồn được chế bằng gạo nếp, bắp, khoai mì, khoai lang, đậu xanh, đỗ trắng, tùy theo thò-sản từng địa-phương. Cách thức chế-tạo cũng giống như cách làm rượu cơm ở trên. Tuy nhiên, ở vùng Bình-Định làm rượu khoai, mì thường không luộc chín hẳn, đồng-bào cho rằng, để nửa sống, nửa chín rượu sẽ được ngọt hơn.

— Ngoài những thứ rượu thông dụng trên, đồng-bào Teu, Vân-Kiều, Pacoh, K'Tu vùng Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Tín lại có các thứ rượu đặc-biệt :

— **Rượu Núra** : Lấy nước ở trong các cây nứa non ngâm với vỏ cây chuồn, để chừng 1 tuần thì uống được.

— Rượu Mây : Lấy nước ở ruột cây mây tượng biển chế; pha lẫn với nước và hòa với men làm rượu.

— Rượu Đoác : Lấy nước ở buồng cây Đoác biển chế như làm rượu mây.

Các thứ rượu vừa kể, mỗi thứ có một hương-vị riêng, ngọt và có mùi nứa, đoác, mây, nhưng cũng không thích khẩu cho lắm.

## B. CÁCH CHẾ MEN.

Hiện nay đồng-bào thường dùng men ở chợ đem về chế rượu, nhưng trước khi các thương-lái đem men lên vùng Thượng thì đồng-bào vẫn tự chế lấy men để dùng.

— Đồng-bào Hré (Quảng-Ngãi) dùng rễ cây « Kơ-xi-blo » (cây giày men) để làm men. « Kơ-xi-blo » là một loại thảo bò trên mặt đất, lá tựa như lá trầu. Rễ Kơ-xi-blo được cạo sạch, lột lấy vỏ ngoài, còn bỏ ruột, đem phơi khô, giã nhỏ, trộn lẫn với giềng hoặc gừng và bột gạo rồi nấm lại thành từng bánh.

— Đồng-bào Bahnar vùng An-Túc (Bình-Định, gọi rễ cây men là Hiam, biến chế cho thêm gừng, ớt, trộn với gạo rồi viên thành từng viên nhỏ.

— Đồng-bào Rhadé dùng lá và củ gừng dại gọi là Kuach-Eya tán nhỏ trộn với gạo ngâm rồi viên thành từng viên nhỏ đem phơi khô làm men.

— Người Churu và Kaho dùng các thứ cây Dong Gak, Dong-Me, Dong-Krané và Dong-Se làm men.

Dong Me là một loại cỏ, thân cao từ 1 thước đến thước rưỡi, lá nhỏ như lá me rèng, hoa trắng. Rễ Dong-Me rửa sạch, sao cho vàng dùng làm men.

Dong-Se thuộc loại cây giày leo, có bông trắng và to, giày và hoa đều dùng làm men được cả.

Dong Gak là loại cỏ, thân cao, lá dài, đầu lá hơi tròn, có

hoa-trắng. Hoa và rễ Dong-Gak được đồng bào lấy đem phơi khô, tán nhỏ làm men. Rễ Dong-Gak tuy làm men được, nhưng ít khi đồng bào dùng nguyên rễ không, phải trộn thêm bột Hoa dè rượu khỏi bị đắng.

Dong Krané cũng giống Dong-Gak nhưng hoa màu ngà vàng, rễ, cây và lá Dong Krané phơi khô, tán nhỏ đều dùng làm men được cả.

Các loại cây trên, sau khi đã tán nhỏ phải trộn chung với gạo rồi nấm lại, ủ bằng vải hoặc lá chuối, để chưng một tuần lě cho lên mốc. Nếu mốc xanh thì rượu sẽ ngon và dè được lâu, mốc vàng, rượu sẽ chua mất ngon.

Cách chế men và làm rượu của đồng-bào Thượng giản dị như vậy nên tửu độ thường nhẹ, nhưng nếu uống nhiều, những người tửu-lượng kém cũng không chịu thấu đến hai tuần rượu.

## C. NGHỊ-THỨC UỐNG RƯỢU:

Uống rượu cần là một thú tiêu-khiền đặc-biệt của đồng-bào Thượng. Trong những tháng nhàn rỗi, dù không phải ngày Tết, năm, ba người hàng xóm sang chơi, chủ nhà hào phóng, sẵn rượu cũng có thè vác luôn một ghè ra đai. Hết ghè rượu, còn vui chuyện, cả chủ lẫn khách lại kéo sang thăm nhà khác và tiếp-tục khật khureng bên những vò rượu quanh bếp lửa, chuyện nở như pháo, cười như phá. Những bữa rượu bắt thường này đôi khi cũng lôi kéo cả buôn nhập cuộc và cũng vui không kém ngày Tết.

Trong những ngày lễ hoặc trong những dịp có khách lạ tới thăm mà dùng tới rượu cần dè dãi thì nghi-thức uống rượu lại là cả một vấn đề trọng-tр trọng, phiền toái.

Đồng-bào Thượng cho rằng rượu cần không phải do người sáng chế mà do chính Yang (Trời) đã sai thần-linh xuống dậy cách chế-tạo. Ngay trong huyền-thoại về nguồn-gốc, người Rhadé đã kể như sau :

« Thời khai-sơn phá-thạch, thần Tạo-hóa (Yang) thấy người Rhadé không biết làm ăn gì cả, thời cơm cũng không biết, nấu rượu cũng chẳng hay, hạt ngũ cốc thì cho là đáng không ăn, chỉ dùng cám làm thức ăn nhạt nhẽo. Thần Tạo-hóa liền phái con là Thần Y-Rim xuống khai-sáng cho người Rhadé. »

« Gặp người Rhadé, Thần Y-Rim nói: Yang phái ta xuống đây dè dậy các người thời cơm, làm rượu. Từ đó, ngày này qua ngày khác, Thần Y-Rim cố gắng dậy cho người Rhadé biết nấu cơm, thời xôi dè ăn.

« Khi người Rhadé đã biết thời cơm, nấu xôi, Thần lại dậy họ lấy gạo ngâm vào nước và dẫn họ vào rừng kiếm lá và củ gừng đại (Kuâeh Eya) đem về tán nhỏ, trộn với gạo ngâm và viên thành từng viên nhỏ đem phơi làm men, đoạn thời cơm, trộn với men làm cốt rượu (Cua Eba). Đem cốt rượu đó bỏ vào ghè, chừng năm ngày sau lấy lá cây đậy lại, khi uống đồ nước vào ghè cho đầy, đoạn cẩm một ống trúc nhỏ vào mà uống.

« Thần Y-Rim còn căn dặn: khi nào các người muốn có sức mạnh hay muốn vui vẻ dè phá rừng, làm rẫy, dựng nhà thì các người cứ uống rượu này cho nhiều, yếu sẽ thành khỏe, buồn trở nên vui. »

Lòng tin đã dè ra rất nhiều nghi thức uống rượu rất phết tạp và tùy theo từng vùng, từng bộ-lạc, nghi thức uống rượu ngày Tết, ngày lễ hoặc dãi khách mỗi nơi một khác. Nếu kè cho hết cần có cả vài trăm trang sách.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ có thể mời độc giả du-xuân tại một Buôn Thượng của người Bonam vùng An-Lão — Bình-Định.

Dù khách đến thăm một nhà nào trong buôn, chỉ trong chốc lát khách sẽ được cả buôn đồ tới đón tiếp. Khi chủ nhà bưng ghè rượu ra, lập tức mấy nhà lân cận cũng bê rượu tới dãi khách, một vài người khác đi lấy nước.

Các ghè rượu được buộc vào những cây cột cầm từ mặt sàn xuống đất. Chủ nhà lần lượt mở lá bit miệng ghè ra, đoạn cầm những chiếc cần lút xuống tận đáy ghè. Cần rượu làm bằng thân cây long-bong khô đã được rút lõi. Các ghè rượu đã sửa-soạn xong, chủ nhà múc nước đồ đầy đến miệng ghè. Nước bao giờ cũng phải đồ đầy miệng ghè; nếu đồ voi là không quý khách.

Các ghè rượu đã sửa-soạn xong, chủ nhà thay mặt tất cả những người có mặt mời khách, chúc khách mọi sự bình-an và được như ý trong thời gian thăm buôn. Sau đó, chủ nhà một tay phải cầm cần, tay trái đặt lên miệng vò, mắt ngước lên trời đọc lời chúc theo cõi-tục :

« Mách ỏ rạ, mách tồ ỏ rạ, quết am ỏ rạ », (Có nghĩa: anh em vui vẻ ăn uống, cùng cầu, cùng xin anh em thương yêu, xin trời cho, trời giúp.)

Đọc xong lời chúc, chủ nhà trịnh trọng đặt một chiếc cần vào tay khách và tự lấy một chiếc khác, uống một hớp trước rồi mời khách nâng cần. Khách uống xong, những người chung quanh mới cầm cần đê uống.

Nếu khách không có tửu lượng cao thì trong tuần rượu nhấp giọng này chờ có uống nhiều, những tay sâu rượu cũng chờ thấy rượu ngọt và quá nhẹ mà coi thường. Sang tuần thứ hai khách sẽ thăm.

Mỗi người nhấp giọng qua đợt một, chủ nhà sẽ lại lấy nước đồ cho đầy vò và lại mời khách. Lần này, chủ nhà cầm sẵn một tô nước, khách uống đến đâu lại đồ cho đầy tối đó. Khách không còn cách nào khác hơn là cổ mà uống cho tô nước trên tay chủ nhà cạn mới thôi, mới thực-bụng với chủ. Những người khác thấy khách còn kham được nữa, rất có thể sẽ nhảy vào, mỗi người chuốc khách một bát. Đè đáp lại, khách cũng sẽ mời lại những người đã mời mình như vậy và chắc chắn không bao giờ bị từ chối.

Rượu cần tuy nhẹ hơn các loại rượu khác, nhưng với cách chuốc rượu chí-tinh như vậy, dù là sâu rượu, khách cũng vẫn có thể ngã l้า. Nếu đã say, không thể kham nổi nữa, khách hãy nói thật, chủ nhà sẽ thông cảm chấm dứt cuộc vui.



Một năm đồng-bào Thượng có cả 3, 4 tháng thảnh thoảng sau mùa gặt hái, đó là các tháng Một, Chạp, Giêng, Hai, Â.L. Trong những tháng này, lễ lạt, tất nhất liên-miên và rượu cần đã mang xuân bắt tận đến cho đồng-bào Thượng. Quanh vò rượu, luôn luôn có những cuộc múa hát tung bừng, chiêng trống inh ôi và những tràng cười giòn tan, thanh thoát.



## NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Số Vốn 200.000.000\$

Trụ-sở Chính: 17, Bến Chương-Dương — SAIGON

ĐIỆN THOẠI SỐ 90.491 — 90.495

Chi  
Nhánh

- CHOLON 75-77-79, Tông-Đốc-Phương Đ.T. 37.345
- GA SAIGON Công-Trường Diên-Hồng Đ.T. 25.072
- CẦN THƠ Số 1, Lê-văn-Duyệt
- BAXUYÊN 44, Góc Gia-Long/Nguyễn-Huỳnh-Đức
- LONGXUYÊN 1, Đại-lộ Đồng-Khánh
- PHANTHIẾT 1, Nguyễn-văn-Thành
- NHATRANG 29, Yersin
- ĐÀNẴNG 52, đường Độc-Lập
- RẠCH GIÁ 1, Công-Trường Thủ-Tướng Thinh
  
- MỞ TRƯƠNG MỤC TIẾT KIỆM TẠI TRỤ SỞ VÀ CÁC CHI-NHÁNH
- ĐẢM-NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG
- CÓ ĐẠI DIỆN KHẨP HOÀN CẦU.

# PHONG - TỤC

## TẾT

### NGUYÊN - ĐÁN

### của miền thượng ở BẮC - VIỆT

■ KIỀN - GIANG

**N**GUYÊN - ĐÁN là một cái tết chung của những nước bên Á-Đông cùng theo Nông-Lịch tức Âm-Lịch. Tục-lệ này có từ đời cổ mà lúc bấy giờ kêu là tết sạ (蜡 祭), như trong *Kinh Lễ* đã chép: Một hôm đức Khổng-Tử cùng với học trò là thầy Tử-Cống đến coi lễ sạ, Ngài hỏi Tử-Cống rằng nhà ngươi có thầy vui không? Tử-Cống thưa: Tú (tên Tử-Cống) này chỉ thầy cả nước như điện như cuồng, chứ còn vui ở chỗ nào thì con không được biết rõ.

Đức Khổng dậy rằng: « Đây là một ngày cho dân được hưởng ơn huệ, để bù đắp lại những nỗi vất vả của một trăm ngày, nhà ngươi đã hiểu sao được cái ý nghĩa đó ».

Bởi vì nhà nông cả năm đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn, ngày nay nông-vụ hoàn thành, lại gặp tiết xuân êm ả, người ta cũng nhân dịp đó để mở hội hè tết lê, yến ẩm thoa thuỷ cho bỏ những lúc.

Nước Việt-Nam ta về tục ăn tết Nguyên-đán, ngoài Bắc cũng như trong Nam đều có khác nhau là do khí hậu nóng lạnh không đều, nhưng về ý-nghĩa nghĩa xuân thì đâu cũng thế. Duy có tục-lệ ăn tết của đồng bào Thượng ở nơi cõi thâm-sơn, vì sự đốt rẫy làm nương, ngày nay ở thung-lũng này, ngày mai ở thung-lũng khác, thì không chú ý mấy đến xuân. Còn những bài

nào giáp với trung-châu thì tháng đầu xuân cũng mở hội hè tết lễ và có lâm chuyện ly kỳ, có khi kéo dài hàng tháng.

## ◎ TỤC CHƠI TRÂU.

Tỷ như xã Bạch-Lưu ở về vùng Thượng thuộc tỉnh Sơn-Tây, mỗi năm dân làng nuôi săn 20 con trâu, trước ngày 18 tháng giêng người ta dựng đàn đóng rạp ở ngoài đồng ruộng, trước khi làm lễ tế thần, họ lấy ống nứa đút vào mõm trâu rồi đổ rượu vào cho nó uống. Khi thấy chúng đã háng say, họ mới xua chúng vào trong róng. Cái róng độ một sào đất ở trước cửa đàn, chung quanh đóng bằng tre đục thiêt chắc để trâu húc nhau, hẽ con nào thua thì đem giết thịt để tế thần, còn những con khác sẽ làm thịt sau để dân làng hưởng.

## ◎ TỤC CƯỚP QUẢ CẦU.

Xã Châu-Lương thuộc huyện Cẩm-Khê, cứ ngày mồng 4 tháng giêng, dân cũng lập đàn ở giữa cánh đồng, rồi rước thần vị ra đó để tế. Giữa nền đàn có khoét 3 cái lỗ tròn, một lỗ ở giữa, hai lỗ ở hai bên. Trước khi làm lễ, họ lấy một quả cầu bằng mây đan tròn đặt ở lỗ giữa, già trẻ trong làng chia làm hai phái đứng chực hai bên để nghe hiệu lệnh. Khi nào nghe thấy một vị bô lão áo mũ tề-chinh đứng ở trong đàn xướng lên những câu : Trịch cầu quả hèle, lưỡng bạn cựng tranh, dân au quốc thái, thọ khảo khang ninh (擧鬚頸兮, 兩伴共爭, 民安國泰, 壽考康寧) : Ném quả cầu hèle đổi bên cùng tranh, dân yên, nước thịnh, thọ khảo khang ninh.

Vìn kỳ lão vừa xướng dứt câu thì những già trẻ đứng ở hai bên chạy ừa cả vào, xô đẩy lẫn nhau tranh cướp quả cầu, bên nào cướp được thì đặt lên trên miệng lỗ bên ấy, gọi là buổi lễ đoạt cầu (cướp quả cầu).

Lễ đoạt cầu này mấy chục năm trước có một ký giả ở Hà-Nội đã lên tận nơi xem xét, trả về khen ngợi là cuộc nganghinh xuân rất có ý nhị, khiến cho người coi cảm thấy tình thần thượng võ của Hai Bà Trưng hay còn phảng phất ở vùng sông núi Cẩm-Khê.

Còn như các bạn ở Đà-Giang Thất-Khê và những dân-tộc mán lèo, phần nhiều cũng giống như vùng thương của huyện Bạch-Hạc, tết đến cũng chẳng trống nêu, tết lê không dùng vàng mã.

Thổ dân ở huyện Mỹ-Lương Bất-Bạt thuộc tỉnh Sơn-Tây lại lấy tháng Tý (11) làm tháng đầu năm, mồng 2 gọi là ngày sóc, còn ngày mồng 1 gọi là ngày hối túc là ngày trọng, tết nhất tết lê đều theo ngày đó, còn lịch của triều-dinh phát chỉ để dùng vào việc quan.

Những khi tết thầu có giết thịt heo thì đem heo ra đập chết rồi dắt cổ để thuỷ, như ta thuỷ bò, thuỷ dê, thuỷ cháy hết lông rồi đem đóng cỗ. Rượu tết thì đầu tháng chạp đã nấu cơm nếp trên lán với trầu và lá kim-anh, già nhô bóp đều rồi bỏ vào trong cái vò hay cái chĩnh bằng sành, gắn kín miệng lại, đến ngày hội-đám mới dùng sừng trâu đong nước, đỗ cho vừa cũ, rồi quấy cho đều, đợi khi lặng xuống chất lấy nước trong, đựng vào một cái hũ lớn, chung quanh miệng hũ, cầm săn một số cần trúc, bà con dự tiệc mỗi người ngâm lấy một cần để hút, ai uống không kịp sẽ phải phạt bù.

### ● TRÒ BẮT HEO.

Xã Tích-Sơn thuộc huyện Tam-Dương thờ 7 vị thần trên núi Lô-Dinh, hàng năm cứ ngày mồng 1 tháng chạp họ đã lựa chọn lấy 4 con heo của nhà đàn anh trong xã, rồi chọn lấy nơi khô ráo sạch-sẽ làm chuồng để nuôi, chỉ cho ăn bằng cháo gạo. Và trong tháng chạp, người làng đều phải ăn chay tắm gội sạch-sẽ, đến ngày mồng 2 tháng giêng, vào quang nửa đêm, thì thả heo ra cho dân làng đuổi, ai bắt được trước thì xéo ngay lấy một miếng thịt mồng của nó đem vào làm lễ tiến diện rồi thưởng cho người chiếm giải, còn thừa sẽ đem đóng cỗ làm lễ sau.

### ● TỤC KÉO GIÂY.

Ngày mồng 3 tết xong, thì người trong làng, cha con anh em chia làm 2 tốp đông tây. Cha đứng bên đông thì con đứng bên tây; anh đứng bên tây thì em đứng bên đông, tức là chia thành 2 giáp rồi đem một đoạn giây song dài hơn 10 trượng (40 mét), mỗi giáp bím lấy một đầu để kéo. Kéo luôn 3 lần, giáp nào kéo giáp kia

sang được 3, 4 bước tức là bên ấy thắng cuộc. Bên đông thắng nhiều thì năm ấy được mùa, trái lại, bên tây thắng nhiều thì năm ấy mùa màng sẽ bị thất bát (sút kém). Đó là một cuộc du xuân để chiêm-nghiệm nông-vụ trong một năm vậy.

Trên đây là lược thuật về tục ăn tết của đồng bào Thượng & Bắc và Trung, tiếc vì hoàn cảnh lúc này không đủ tài liệu để tham khảo kỹ.



## CÔNG - TY THỦY - TINH VIỆT - NAM

Công-Ty nặc danh vốn 100.000.000 \$ VN



CHUYÊN SẢN XUẤT VÉ, LỌ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT  
VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

- Trụ-Sở Chánh : 46, Bến Chương-Dương — SAIGON
- Trụ-Sở Thương-Mại : 159, Nguyễn-Công-Trứ — SAIGON  
Điện-thoại : 22.172
- Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI  
(Saigon)  
Điện-thoại : 93.149

# bó i đầu năm

---

\* HỒ - HỮU - TƯỜNG

A.— Dân tộc Việt Nam ta có những kho tàng quý giá vô ngàn. Ông cha đã lâm công phu mới tạo được, mới gìn cho đến... «ngày nay con cháu lấy làm choi». Hiện hiện, có bức địa đồ, mà xé rách nát mãi. Thi sĩ Tân Đà không buồn làm sao được?

Vào thế kỷ thứ mười ba, quân Mông Nguyên vạn thảng, vồ ngựa giẫm nát cỏ, từ cao nguyên trung bộ Á châu đến trung bộ Âu châu, cướp kinh đô thứ hai của đế quốc La Mã là Constantinople, rầm rộ kéo đến ngưỡng cửa Ai Cập của Phi Châu, chà đạp đế quốc Ba Tư và Ấn Độ, chinh phục nhà Tống, diệt nước Kim, tạo lập một đế quốc không lồ, cõi kim chưa từng có. Ngày nay, «đế quốc đó của cộng sản», về phần địa vực, còn nhỏ hơn nhiều, thêm rạn nứt bên trong. Thị bảo rằng oanh liệt, xưa Mông Cổ, nay cộng sản, ai oanh oanh liệt liệt hơn?

Thế mà...

Thế mà quân Mông Nguyên kéo sang qua xâm lăng đất Việt. Đợt đầu vào năm 1257. Nhờ lòng trời (giúp đỡ dân Việt bằng cách bùa bình tật làm cho chúng không chịu nổi chướng khí) hiệp với sức người, mà đợt xâm lăng ấy bị phá tan, mà đạo binh kiêu hùng ấy bại trận, mà chúng ngậm đắng nuốt cay, mà thêm vào số vạn thằng một trận thảm bại đầu tiên.

Thuở ấy có người thấy xa, thấy quân Mông Nguyên vì vạn thằng mà kiêu hùng, lẽ nào chịu nuốt hận của một cơn thảm bại? Người bèn đề hết tâm trí, nghiên cứu tất cả các loại binh thư, từ Âm phù kinh của Hoàng đế cùng các biến thể do Khương Thượng, Phạm Lãi, Trương Lương, Khồng Minh, cho đến đủ bốn mươi ba chương binh pháp (xin nhấn mạnh nơi con số bốn mươi ba, vì hậu thế chỉ còn giữ được «thập tam thiên») của Tôn Võ, suốt hơn hai mươi năm. Người rút hết tinh hoa của tiền nhân, thêm kinh nghiệm và suy tư riêng của nòi Việt, mà đúc kết thành hai tác phẩm.

Việc tìm kiếm quả thành sự thật. Hai mươi sáu năm sau, quả nhiên, quân Mông Nguyên lại kéo sang. Bấy giờ, người mới đem hai tài liệu ấy ra mà dạy dỗ sĩ tốt. Và hai lượt danh tướng Thoát Hoan của Mông Cổ thảy chạy dài.

Lần này các sử gia không ghi được sự giúp sức của Trời. Âu là ta phải kết luận rằng, chỉ có nhờ sức và tài của người mà thôi. Sức người, ấy là công phu và cố gắng của toàn dân. Còn tài? Tài ấy nhờ hai bộ *Binh thư yếu lược* và *Vạn kiếp bí truyền* mà người Việt thuở ấy rèn tập mà có được. Quả thật là kho tàng quý giá vô ngăn, bởi vì nhờ binh pháp của Trần Quốc Tuấn, mà người Việt ngăn làn sóng vạn thằng của Mông Nguyên. Thủ hỏi, có dân tộc nào có thể trưng ra một binh pháp tài tình như vậy chăng?

Thế mà, của báu ông cha xưa để lại, «ngày nay con cháu lấy làm chơi»... cho đến đỗi, ông Nguyễn Huyền Anh, trong quyển *Việt Nam danh nhân tự diễn*, (tr. 337, cột 2, dòng 19) bảo rằng «... tuy đã thất truyền, nên hiện tại khó lòng mà lường được giá trị nội dung».



Thật ra, chưa hẳn là hai tác phẩm của Hưng Đạo đại vương đã hoàn toàn thất truyền. Đề chứng minh rằng *Binh thư yếu lược* còn truyền đến ngày nay, tôi xin trích đăng những dòng

dầu của tác phẩm ấy, thuộc về loại « bối dầu năm », trích từ thiên Thiên tượng: 天象 (1).

I.— « Chiếm nguyên đán thiên sắc vân khí bí pháp. Nguyên đán chánh nguyệt, sơ nhất nhạt, ty thời, đăng lâu bí chiếm tú phuơng. Hữu hoảng vân khí, hòa cốc đại thực. Bạch vân khí, hữu bình khói. Nhược độ xuất kỳ phuơng hạ, tắc thị hữu phuơng bình khói. Tú phuơng vọng vô vân, nhi độc kiến xích bạch nhị sắc tương liên, xích vi huyết, bạch vi kim, sở giáng phuơng hạ tắc khởi loạn. Thanh sắc phong tai, Hắc sắc thùy tai. Chủ quốc cảnh bị ».

占元旦天色雲氣秘法。元旦正月初一日子辰，登樓秘占四方。有黃雲氣和穀大熟白雲氣有，兵起若獨出其方下則是方有兵起四方望無雲而獨見赤白二色相連。赤為血。白為金所降方下則起亂。青色風灾黑色水灾主國警備。

Đối với các bạn đọc không rành hán tự, tôi xin tạm dịch như sau.

« Phép bí mật để xem khí trời và sắc mây trong tiết Nguyên đán. Tiết Nguyên đán, đúng tháng giêng, ngày mồng một, giờ tý, lên lầu mà bí mật xem bốn phuơng. Nếu thấy khí mây màu vàng, thì năm ấy lúa trúng mùa lớn. Nếu thấy khí mây có sắc trắng, thì năm ấy có binh dậy. Nếu một vàng mây hiện ra một mình dưới một phuơng trời nào, thì ở phuơng ấy có binh dậy. Nếu trong bốn phuơng không có mây, mà chỉ thấy hai sắc đỏ trắng liền nhau, thì sắc đỏ tượng trưng cho máu, sắc trắng tượng trưng cho chất kim (gươm đao): hai sắc trắng đỏ hạ xuống phuơng nào, thì phuơng ấy bắt đầu loạn. Sắc xanh là điểm có nạn gió bão. Sắc đen là điểm có nạn mưa lụt. Nước nào có điểm ấy phải phòng bị. »

---

(1) Bản microfilm tại Viện Khảo Cố Sài gòn, số A/476.

Trước chúng ta, gần bảy trăm năm, có biết bao kẻ, thử giờ *Binh Thú Yếu Lược* mà đọc mấy dòng đầu, vội vã xếp sách lại và buột miệng nói :

« Ông già này làm cầm thật ! Ngày Tết, mồng một tháng giêng, trời tối đen như mực, chỉ có sao mà không có trăng, đầu có leo lên lầu mà xem khí sắc của trời và mây, làm sao mà thấy mây sắc trăng, sắc vàng, sắc xanh, sắc đỏ ? »

Suốt bảy trăm năm, đã có bao nhiêu người có thành kiến rằng ông già Trần Quốc Tuấn là một ông già làm cầm, nên chi, bộ *Binh Thú Yếu Lược* chẳng ai thèm đọc, chẳng ai thèm gìn làm báu của nước nhà.



Tôi cũng thuộc về hạng « già làm cầm ». Ai dì thuở nhỏ học khoa học, trong phòng làm việc toàn là sách khoa học cao cấp, vị tất những ông hiện nay vỗ ngực xưng mình là khoa học và nhơn danh khoa học để chửi tôi là phản khoa học, lại đọc nỗi năm mươi trang mà ngáp không chảy nước mắt. Tôi lại thích đủ loại văn phản khoa học của ông già Trần Quốc Tuấn, để tìm hiểu những chỗ mà thế nhân gọi là « làm cầm ». Đây xin chép một đoạn nữa.

#### « Thiên thời hành văn pháp :

*Phàm văn giả son khí dã, nhân xúc thạch nhì khởi, vị chi thành văn giả. Cầm thư văn : « Tướng đương chánh đán, tỳ thời, đăng lâu vọng chiêm. Tứ phương quang lăng, nhi độc trung thiên sở hiện thanh văn, thiên hạ cơ cản. Bách văn quốc tang chi sự. Xích văn lưu huyết, thiên hạ khởi binh, di địch động tái. Hắc văn lạo thùy tai. Hoàng văn cát triệu. Như rợ tử tái phong trần, xích mãn son xuyên, tất giáng vũ dã ».*

## 『天時行雲法』：

凡雲者山氣也；因觸石而起謂之成雲者。禁書云：『將當正旦子辰；登樓望占四方光朗，而獨中天所現青雲，天下飢謹。白雲國喪之事。赤雲流血，天下起兵，夷狄動塞。黑雲水災。雲黃吉兆。若四塞風塵，赤滿山川，必降雨也。』

Xin miễn dịch Và xin kè thêm bao nhiêu phép bí mật để bói đầu năm. Như phép « Nguyên đán lôi thịnh » (ở miền Nam này, làm gì có tiếng sấm vào dịp tết để mà nghe ?) Như phép « bát phong bí chỉ pháp lệ » trong ấy ông già làm cầm nêu ra nào « hồng sắc ác phong », « huỳnh sắc phong », « hắc sắc phong », « sát tắc phong », « thần linh ác phong », « bại binh phong », « ác noãn phong », « thủy ác phong ». (Làm gì mà thấy được màu sắc của gió, để đếm được tám thứ gió ?) và vân vân.

Đọc năm « làm cầm » của Trần Quốc Tuấn, thét rồi cũng hóa ra làm cầm theo, nên thử dịch những bài thi của ngài ra văn Nôm cho người bây giờ đọc mà ngâm nga chơi.

### DỊCH NÔM :

#### 1.— Hồng sắc ác phong

*Hốt nhiên thiên địa biến thành hồng  
Hiển sĩ tao phùng lụy tiết trung  
Hẹn chí bắt quá nhất bách nhặt  
Nhất quốc lưỡng xú tĩnh tranh hùng*

#### 1.— Gió sắc hồng

*Bỗng dung trời đất hóa ra hồng :  
Hiển sĩ chẳng ngờ gặp ngực gông  
Hẹn tới không ngoài trăm bưa ấy,  
Nước chia hai cõi quyết tranh hùng.*

## 2.— Huỳnh sắc phong

Bạo nhiên thiêng địa biến thành huỳnh  
Tắt hữu trung thần phi đạo vong  
Hẹn chí bất quá tam tuần nhặt  
Tú phuơng tịnh khởi động yêu cuồng

## 2.— Gió sắc vàng

Bỗng dung trời đất hóa ra vàng  
Tắt có trung thần phải chết oan  
Hẹn tới không ngoài ba tuần nhặt  
Bốn phuơng yêu quái khởi làm ngang.

## 3.— Hắc sắc phong

Hắc phong hốt khởi nhặt thời hành  
Nhặt nguyệt tinh thần ám bắt minh  
Hẹn chí bất quá tam bách nhặt  
Man di tắt động khởi đao binh

## 3.— Gió sắc đen

Gió đen bỗng thòi giữa trời quang  
Trời đất sao trăng phải tối ngang  
Hẹn tới trong vòng mười tháng nữa.  
Giặc man tặc khởi cuộc xâm lăng

## 4.— Sát tặc phong

Trận thương tùy thời thuận ngã tung  
Minh điều chiết thụ khởi kinh phong  
Tam quân cắp tiến tung phong lệnh  
Giao chiến chi thời đại hữu công

## 4.— Gió giết giặc

Giữa trận tùy thời ta hãy theo.  
Nhành rung, cây gãy, gió hò reo :  
Ba quân gấp tiến theo chiều gió,  
Thời ấy giao chinh thắng lợi nhiều.

## 5.— Thần linh ác phong

Trú trung đê ngũ hiện thần phong,  
Khước trại bả thương tất đại hung  
Tiền đồ bất quá thập lý địa,  
Tất phong lô thương phục bình hùng

## 5.— Gió dữ theo lệnh của thần

Giữa ngày nỗi ngọn gió thần phong.  
Nhô trại, căm thương tất gấp hung,  
Trước mắt không hơn mười dặm đất.  
Phải phong bên địch phục bình hùng.

## 6.— Bài bình phong

Bài bình túc kiến bài bình phong  
Ức diện dương trần tất đại phong  
Tam quân truyền lệnh thâu bình mả  
Giao chiến chi thời tất tồn vong

## 6.— Gió làm bại binh

Ra binh đã thấy gió thua binh,  
Các bụi bay mù, thật hãi kinh.  
Truyền lệnh ba quân về chốn cũ,  
Thời này giao chiến át hao mình.

## 7.— Ác noãn phong

Hốt khởi cuồng phong thích hiện nhân  
Viêm nhiên sī tốt hạn lưu thân  
Kỳ trung bách nhật đương đại chiến  
Huyết địa lưu tinh tất loạn phân

## 7.— Gió ấm ác hại

Bỗng trận cuồng phong thi đì nướng người,  
Nóng ran: sī tốt đâm mồ hôi,  
Trong vòng ba tháng, phong chinh chiến,  
Thấy máu ba quân tan loạn rồi.

## 8.— Thủy ác phong

Phé nhân tâm cốt hiện thủy phong  
Thuyền kiều thủy trận tất vô công  
Tâm quân truyền lệnh vô nhẫn trước  
Đề phòng tả hữu phục binh công

## 8.— Gió mưa ác hại

Lạnh thấu xương người ấy thủy phong,  
Thuyền, cầu, thủy trận: chẳng nên dũng  
Quân đầu được lệnh, khôn thi tho,  
Binh phục bên đường phải khá phong.

Phép xem gió đà như thế, mà hãy còn chín phép nhìn  
da trồi, gọi là «chiếm cứu tiên bí pháp». Xin tạm dịch:

### 1.— Bích sắc thiên

Đệ nhất bích thiên xuất loạn nùng,  
Để vương điện thương vẫn quần công  
Hiện chi bất quá thập lục nhật,  
Tất nhiên biên tái động tây nhung

### 1.— Bích sắc thiên

Thứ nhất trời xanh thăm lạ lùng  
Vua căn lên điện hỏi quan cùng:  
Hiện điểm như vậy, mười lăm bưa  
Biên tái át phong có giặc nhung

### 2.— Hồng sắc thiên

Tự nhiên thiên địa biến sinh hồng  
Hiền sĩ tao phùng lụy tiết trung  
Nhược vô tự phạm cuồng phong khởi  
Bách nhật yên trần lưỡng quốc đồng

## 2.— Hồng sắc thiên

Tự nhiên trời đất biến ra hồng,  
Hiền sĩ chẳng ngờ gấp ngực gông.  
Vì bằng chẳng có cuồng phong tối,  
Hai nước trăm ngày khởi chiến phong.

## 3.— Hoàng sắc thiên

Cư nhiên thiên địa biến thâm hoàng  
Tất sát trung thần phi đạo vong  
Huyết lưu địa thương tâm bách nhạt,  
Yên Tần lưỡng xứ động yêu cuồng

## 3.— Hoàng sắc thiên

Bỗng nhiên trời đất hóa ra vàng  
Ất có trung thần phải chết oan  
Đầy đất, máu lan mườn tháng đủ  
Yên Tần yêu quái nồi làm càn

## 4.— Hắc sắc thiên

Cư nhiên thiên địa biến hôn mê,  
Chủ hữu âm mưu tác địch khi,  
Hẹn chí bất quá tam thập nhạt,  
Quyết nhiên tịch trắc mặc hồ nghi

## 4. - Hắc sắc thiên

Bỗng nhiên trời đất hóa đen sì.  
Chắc có gian thần mưu loạn chi.  
Hẹn tối không ngoài bến chục bến.  
Tự nhiên giảm bớt, chờ hồ nghi.

## 5.— Hư kinh thiên

Thảo mộc điểu hòa bắt động thịnh  
Cư nhiên hốt khởi nhược lôi minh  
Kinh trung bắt ngoại tam tuần nhạt  
Tứ phương công khởi động đao binh

### **5.— Hư kinh thiên**

*Cây cỏ điêu hòa lặng lẽ bao !  
 Tiếng vang như sấm tự trời cao.  
 Kinh hoàng không quá ba tuần nhặt.  
 Cùng khởi bốn phương việc kiếm đao*

### **6. Khải môn thiên**

*Tuần phương Ngọc nữ khai thiên môn  
 Cao hưởng nghiêm thanh đại khởi vãng  
 Hiệp bách nhặt trung hữu tiên tǎn  
 Hốt nhiên tái thương định phong trần  
 Quốc trung thiên khai hung long lịnh  
 Đề vương tiễn bái thương tướng quân*

### **6. Khải môn thiên**

*Một tuần vang dội tiếng nghiêm thanh :  
 Ngọc Nữ phương trời mở rộng thênh.  
 Tiếng vọng xuống trần nghe rõ sấm,  
 Trăm ngày không tới ắt ra binh.  
 Bỗng dung phá giặc ngoài biên cảnh  
 Hung lịnh trời ban xuống nước mình.  
 Đề khiến ba quân tuân tướng lịnh.  
 Đang dần bái tướng mới thân chính.*

### **7.— Thiên giáng binh khí**

*Thiên hình binh khí tời đao sang  
 Giáng hạ thiên biến tặc diệt vong  
 Tướng tất tướng binh tung thủ chiến,  
 Tứ phương bất biều tất lai hàng.*

### **7.— Giáng binh khí thiên**

*Mây trời hình dạng giống cưa dao :  
 Thòng xuống chân trời giặc phải hao.  
 Hướng ấy tướng binh đồng quyết chiến.  
 Bốn phương tâm só tất hàng đầu.*

## 8.— Thiên khí bất điểu

Hạ hành đông lệnh bắc phiên tàng,  
Đông hành hạ lệnh nam chinh khởi  
Thu hành xuân linh ứng đông thảo  
Xuân tác thu linh quyết tây chinh

## 8.— Khí bất điểu thiên

Hạ hành đông linh bắc phiên ần  
Đông hành hạ linh ắt chinh nam  
Thu hành xuân linh giặc đông dây  
Xuân hành thu linh giặc tây tràn.

## 9.— Càn thiên sinh biến

Huyết nhiễm định định danh viết biến  
Âm dương sự biến chủ nan tri  
Tư thiên ngô thực ngôn sai mậu  
Phản ngoại nhi ngôn chiết vật sai

## 9.— Càn thiên sinh biến

Nhựt nguyệt máu hướm sắc đỏ gay,  
Âm dương có biến chủ không hay  
Tư thiên bày tỏ điểu sai quấy.  
Lời nói bên ngoài phải xét suy.

Nếu phải trích dẫn những lối xem trời, trăng, mây, sao, gió của Trần Quốc Tuấn, giữ thật vững cái nguyên tắc «nói có sách», mặc dầu «mách chưa có đủ chứng», thì ít nữa cũng vài ngàn trang. Âu là dừng nơi đây mà bước sang qua địa hạt khác.

**B.—** Ông đồ Nguyễn Thành Long, đêm ba mươi rạng mặt mồng một nầy, từ đầu hôm đến bấy giờ, chưa có ngủ. Cái đồng hồ con ngựa treo nơi cột nhà, đánh mười một tiếng. Ông lấy giấy, viết, nghiên mực ra, trải một miếng giấy hồng đơn to ra mà chiếm một quả Kỳ môn đòn giáp, để xem năm nay trong xứ sẽ xảy ra việc chi.

Đứa con trai đầu lòng của ông, là hương hào Nguyễn Thành Hưng, chuẩn bị đè chốc nữa, khi chuông đồng hồ đánh mười hai giờ sẽ cúng giao thừa, thấy cha đặt địa bàn, trí các sao, nói:

— Thưa cha, Kỳ Môn độn giáp có tính được vài trăm năm chẳng ?

— Có thè được. Nhưng không xác cho lắm. Muốn cho xác, phải dựa theo Thái Ất thìn kinh. Cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm chiếm một quẻ « bói đầu năm », cho mỗi năm, liên tiếp mấy trăm năm, cho hết một vòng « Thái ất » là cụ làm được bài sám lưu lại cho đến bây giờ... Nhưng bây giờ, có mấy ai nhẫn耐 như Trạng Trình, làm lại hơn năm trăm quẻ « bói đầu năm » để viết sám ?

Đứa con trai út của ông đồ, là cậu học trò Nguyễn Thành Phương, lem nhem ba chữ nho cho khỏi thiện tiếng cha làm thầy, con bán sách, có một lối « bói đầu năm » khác. Chàng viết lên giấy ba chữ Nhật Nguyệt Minh và đếm nét:

— Nhật, bốn nét. Nguyệt, bốn nét. Minh, tám nét. Con số là 48. Trừ đi 384, còn lại 64.

Phương lấy cuốn Gia Cát thasn toán ra mà tìm quẻ 64. Và đọc quẻ.

Hương hào Hưng thấy em làm vậy nói :

— Đáng lẽ, mày phải ráng mà đặt một bài thơ chữ, rồi viết lên giấy, gọi là khai bút, đưa cho cha xem mà đoán cái quẻ đầu năm của mày.

Phương đáp :

— Em làm sao mà đặt nổi một bài thơ chữ. Thị mượn thơ làm sẵn của Khòng Minh đe lại. Em chép ra, ấy cũng là « khai bút » vậy.

**C.—** Bà hương hào Hưng sắp bánh mứt vào dĩa xong, đặt vào mâm, thấy chưa đúng mườì hai giờ, nên lại tủ sách lấy ra cuốn *Truyện Kiều*, hai tay cầm sách mà khấn. Khấn xong, bà giờ sách ra, nhắm mắt lại, lấy ngón trỏ chỉ vào một trang, mở mắt ra mà đọc:

*Chàng Vương quen mặt ra chào  
Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa...*

Còn thím Phương, thấy chị bạn dân «bói Kiều», cũng bắt chước lấy quyền *Lục Vân Tiên* ra mà bói. Thím bói được câu.

*Đêm năm thấy một ông Tiên  
Đem cho liều thuốc mắt liền sáng ra*

nên thím tin rằng năm nay thím sẽ hanh thông lắm.

**D.—** Tiếng đồng hồ gỗ đúng mườì hai giờ. Chú An, người ở ban cửa ông đồ, theo làm chân tay cho ông từ lúc đê chòm, có một lối «bói đầu năm» khác. Chú ngồi trong bóng tối, nơi gốc cây xoài, lắng tai nghe con gì kêu trước hơn hết, sau tiếng chuông đồng hồ gỗ mườì hai giờ khuya.

Tùy theo «con gì ra đời», là chú An đoán rằng năm ấy sẽ làm ăn dễ dàng hay khó khăn.

Nhưng thím nấu ăn chưa vội bói đầu năm. Thím chờ mùng ba, luộc gà đê cúng tồ ra nghè, thím sẽ «coi chọn gà» ra thè nào. Thím tin rằng bói chọn gà là chắc hơn cả.

Còn con Bảy, vừa bung mâm bánh mứt đặt xong đê cho ông đồ khấn vái trời đất, thì nó ra bê một nhánh lộc mà bói..



Lúc tôi hồi nhỏ, tôi thấy chung quanh tôi, ở nơi làng quê mùa, người ta bói đầu năm như vậy.

Năm nay, 1966, tôi không biết phải bói bằng khoa nào để đoán được số phận mình, số phận của toàn dân tộc. Hay là phải leo lên tầng thượng của một cái «bình định» mười tám mà xem sắc của trời, của mây, của gió, như Hưng Đạo đại vương đã dạy trong *Binh Thư Yếu Lược*?

HỒ HỮU TƯỜNG



# ĐẠI - NAM Bảo Hiểm Công Ty

Số 4, Tôn-thất-Thiệp — SAIGON

ĐT. 20.240 ; 22.935

(lầu nhất VIỆT NAM NGÂN HÀNG)

Là Công ty bảo hiểm mà quý Doanh nhân, Thương gia, Công kỹ nghệ già VIỆT NAM hoàn toàn tin cậy giao phó trách nhiệm bảo hiểm tất cả các nghiệp vụ xuất nhập cảng, cơ sở kỹ nghệ, công xưởng, tai nạn lao động, cá nhân tai nạn, trách nhiệm dân sự v.v...

Đại Nam Bảo Hiểm Công Ty phục vụ hữu hiệu giải Doanh thương, đèn bồi mau chóng, tiếp đón nồng hậu:

Bảo hiểm :

XE CỘ  
HÀNG HẢI  
VẬN TẢI  
TAI NẠN LAO ĐỘNG  
HỎA HOẠN  
TAI NẠN CÁ NHÂN

# GIAI THOẠI

## VỀ THƠ KHAI - BÚT

BẢNG SƠN

---

**T**HẾO tập-quán của các dân-tộc Á-Đông cùng chung cái Tết Nguyên-Đán, hầu hết cùng chung một quan-niệm là « Vạn sự khởi ư Xuân » (Muôn việc khởi đầu tự mùa Xuân).

Mỗi khi gặp tiết Xuân sang, vì muốn chiêm nghiệm điểm hay điểm dở của những mùa hạ, mùa thu, mùa đông sắp tới nó sẽ ra sao? Nhà nông thì chọn giờ động thổ vác cuốc ra đồng cuốc một vỉ lát lấy lệ; người làm thợ thì mài săn cưa, đục, làm thử một vật gì chẳng hạn; nhà thương mại thì chọn ngày giờ tốt để mở cửa hàng và hẹn người tốt vía đến thăm xông.

Riêng có nhà nho thì lại sinh ra lâm chuyện hơn cả, nghĩa là ngoài cái thông-lệ viết câu đối đỏ dán ngay lên cột, lại còn có cả Ca-Trù, hoặc thơ Tự-Thơ, Tự-Trào để trào-phúng mình, hoặc mượn câu văn trào-phúng thiên hạ như bài « Nhập thế cục bất khai vô văn-tự », mà cái văn-tự ấy ông sợ người đời đòi không thường-thức nổi nên mới quay lại để hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay? Chua chát hơn nữa là những bài thơ nghe nó chúc nhau, chúc nhau bán chức mua quan thì ông quyết đi buôn lọng, vừa bán, vừa la cũng đất hàng. Chúc nhau sinh năm để bảy thì ông lại bảo: phở phuờng chật hẹp, bồng trống nhau lên nó ô non.

Nói tóm lại, hễ ai nêu đến lối thơ trào-phúng cũng đều đặt ông Tú-Xương đứng lên hàng đầu, trên cả Ba-Giai, Tú-Xuất. Bởi vì văn thơ của ông, bất-luận một tác-phẩm nào đó cũng chưa đựng một mẩu mai-mỉa trào-phúng, chứ chẳng riêng gì thơ xuân, nên mới giữ được lá cờ vô-địch của Tao-Đàn trào-phúng mà tự bấy đến nay, hơn sáu thế-kỷ, cũng chưa có ai tranh giành được vậy.

Nhưng nói riêng về giai-thoại của những văn thơ Khai-bút, cũng thuộc loại thơ trào-phúng, trào-phúng một cách thanh-tao, vui-vẻ, hợp với khí-hậu êm dịu của mùa Xuân, thì trong thời ấy lại cũng có một cụ đồ mà cụ Tú-Xương thường phải thán-phục là bậc thi-huynh (tức là đàn anh về thơ). Cái đàn anh đây không phải vì tuổi, vì cụ đồ lớn hơn cụ Tú mười mấy tuổi đầu, mà nó chỉ vì cái mới « thanh-khí tương-tầm », vì hai bên cùng sở trường và sở-thích về lối thơ trào-phúng mà trước kia đã cùng lao-đao về nghiệp lều-chồng. Cái lao-đao ấy đâu phải là học đã-toi cơm nhưng chưa chín, mà nó chỉ tại ở cái giọng văn trào-phúng, trào-phúng chẳng biết nể một ai. Đối với lối văn trường ốc mà cả hai ông chẳng chịu thay đổi thì chỉ có hông đầu nước, nên vẫn luôn-luôn cười gượng ngâm câu « Thi không ăn ớt thè mà cay ». Vì cái cay ấy, mà nó đưa hai ông đến chỗ « vong-niên chí hữu » (người bạn quên kề tuổi).

Hơn nữa, trong thời-gian ấy, học văn cũng đã bắt đầu canh-tân, thê mà hai ông vẫn cứ thủ-cựu : Chữ tây không biết, quốc-ngữ cũng cho là chữ đây muỗng, học để làm chi ? Đầu có nghe lóm thuộc lòng mấy tiếng « cúng-hỉ » « mét-xì » thử hỏi xuất-dương sao được ? Bởi thế hai ông càng cay, càng cay thì lại càng đi sâu vào lối thơ trào-phúng.

Nhưng lối thơ trào-phúng của hai ông nó lại có điểm khác nhau đặc-biệt. Hoặc giả nó vì hoàn cảnh gia-đinh của hai nhà thơ nó chẳng giống nhau. Bởi vì gia-đinh cụ Tú thì bà Tú quanh năm buôn-bán ở mom sông, còn 5 cậu bé nhỏ tuổi, chẳng biết làm thơ, thành ra ông bị cô-lập. Cô-lập nên ông thường đem câu thơ chua-chát để mai-mỉa đời.

Còn Cụ đồ Tiếu họ Đàm, vừa kể trên đây, thì ta « cỗ danh tự nghĩa » (Nhìn vào danh là biết nghĩa) biết cụ có tính vui vẻ chừng nào? Nhất là cụ lại có riêng một cái diễm-phúc của gia đình. Gia đình gồm có 3 mạng, cụ với bà lớn, bà bé, mà cả ba cũng đều am một giọng thơ, giọng thơ trào-phúng, trào-phúng thanh-tao mà thâm-thía, nhưng không trào-phúng người đời. Lúc thì ông đem thân-thể của ông ra để tự trào, rồi bà lớn lại họa theo vẫn để bốn-cot ông và nói một cách xa-xô nhẹ nhàng đến cả bà bé. Bà bé cũng đáng là tay địch thủ, cũng lại họa vẫn để ché biếm ông và cũng đem câu bóng bảy để đùa bà lớn quanh năm ngày tháng, lấy thế làm vui, thực là một đại gia đình của thơ trào-phúng vậy.

Thế rồi, một năm nhàn gắp ngày tết Nguyên-Đán, nhà thơ vốn dĩ thanh-bạch, những món vật-chất: bánh chưng, giò, chả, dầu chảng đầy-đủ như ai, nhà thì lại hiềm trẻ con, cũng không tồn tiền để mua tranh pháo. May sao, hai bà lại có hoa tay, khéo nghề thêu dệt, nên cũng dành dụm được số tiền nhỏ, sắm-sửa một mâm đậm bạc để cúng gia-tiên.

Còn ông thì cũng mua bút mực mới để viết bài thơ Khai-Bút vào mảnh hoa-tiên, đợi khi cúng xong, ngả cỗ xuống rồi thì mới ngâm nga trong khi chén thù, chén tạc để khỏi phụ cảnh tân Xuân.

### Thơ rắng :

Năm mươi tư tuổi thường mình già?  
Đời vẫn khen mình trẻ tựa hoa.  
Hội mở vẫn-mình đầu đã hói.  
Chữ nhìn quắc-ngũ mắt hơi nhò.  
Nghe nghe thỉnh-thoảng vài câu thông.  
Ngọt giọng ngâm-nga mấy chén khà.  
Nghĩ cái mình ta ghê gớm lợ!  
Buổi đời tranh cạnh thế mà ta...

Bài thơ trên đây ông đã dùng thê tự-thợ tự-trào, đem mình ra làm cái bung-xung để cho hai bà châm chích, nên khi đọc xong câu thứ 6 rồi thì ông dừng lại, đỡ lấy chén rượu bà bé vừa rót thêm đầy, uống một hơi cạn, rồi mới ngâm tiếp hai câu cuối cùng, là câu cực kỳ ngao-nghe !

Bà lớn thấy ông ngâm xong rồi lại mỉm cười, đưa mắt nhìn hai chị em, bình như có vẻ thách họa ? Thì cũng mỉm cười đáp lại ngâm luôn bài họa như sau :

### Họa (bà lớn)

*Chưa già, ông cứ tăng ông già?  
Còn kém tôi đây một tuổi hoa.  
Nói chuyện mua hồn, tai vẫn thính,  
Khuyên đi bảo trẻ, mắt kêu nhè?  
Vẫn thương giá đáng ba đồng kẽm,  
Danh lợi coi như một tiếng khà!  
Chuốc chén mừng câu « xuân bắt lão »,  
Có chàng dù nó khéo hơn ta...*

Bà lớn khi ngâm bài này cũng lại làm theo thái-độ của ông, cũng ngâm xong câu thứ 6 thì ngừng hẳn lại một lát, rồi mới đưa mắt nhìn ông để ngâm lên câu thứ 7, và nhìn sang phía bà bé để ngâm lên câu thứ tám rồi mới vỗ tay cả cười!!!

Về phần ông đồ, đã có mục đích làm bia đỡ đạn, chẳng nói làm chi, riêng phần bà bé trong khi bất ý chẳng ngờ, bị ngay một đòn côn não, giá vào tay khác thì đã đỡ mặt tía tai nhưng cô vẫn giữ trọn vẻ ôn-hòa để xin đáp lại mối thịnh-tình của bà lớn đã chiếu cố.

### Họa rằng :

*Vui thú non quê chẳng biết già.  
Mùi đời ông cứ thoáng như hoa.  
Ngâm câu kinh sú đương đầu hỏi ?  
Hỏi chữ a, b, tăng mắt nhè?*

*Rượu bùa nay còn, ừ chén đã,  
 Gạo ngày mai hết, chỉ cười khà!  
 Chết ông như thế ông còn thọ.  
 Khôn khéo phần ai chưa đến ta???*

Đọc 3 bài thơ Khai-bút của gia-dinh ông đồ Tiều trên đây, chắc hẳn các bạn cũng đồng ý với tôi là bài của cô bé quả thực tài tình. Nhất là câu thứ 5, 6: Rượu bùa nay còn, ừ chén đã, gạo ngày mai hết chỉ cười khà. Cái cười khà ấy chẳng những chỉ riêng một ông đồ Tiều, mà đến trăm ngàn ông dài lưng tốn vải khác, đã chẳng có tài làm nên công chuyện lại hay ngâm hào với cười trừ.

Đặc-biệt là câu thứ 8, cô ta đã trả lời bà lớn một cách êm đềm. Cô nói chén rượu tôi vừa chúc thọ cũng theo lễ tương kính như tân để giúp thêm phần hào hứng, đâu dám tranh khéo hơn ai, mà bị lại chẳng thông cảm?

Coi đó ta thấy cái gia-dinh thơ này quả là kỳ-phùng địch thủ, và cũng chưa từng thấy có gia-dinh nào lại có một cái thanh phúc như vậy.

Thế rồi, ngay đêm Xuân ấy, vào quang cảnh 3, tiếng pháo mừng Xuân đã ngọt, bốn bên im lặng như tờ, biết đâu trong gia-dinh ấy lại còn có cuộc xướng họa cực kỳ thú vị mà ai nghe thấy ắt cũng vỡ bụng vì cười!

Nguyên vì, gia-cảnh ông đồ chỉ có 3 gian nhà lá. Gian giữa bà lớn đóng dinh, gian bên tả thì ông đặt làm phòng sách, gian bên hữu là phòng của bà bé ngồi ngoại, nhưng cạnh đã khuỷa bà vẫn còn ngồi khâu vá, chẳng biết vô tình bay là hữu ý, bà đã buột miệng ngâm câu:

*Bây giờ sông lặng nước yên  
 Sao kia nhớ bền chóng thuỷn lại chơi...*

Giữa lúc ấy thì phòng bên tả ông cũng còn thức, nghe lọt câu trên, vội vàng ngó vào gian giữa, nghe tiếng bà lớn vẫn ngày khò khò, ông mới khen khẽ họa vẫn đọc tiếp:

*Sao thì nhè bền ai ơi ?  
Cách đồn quan phủ không xuôi được đờ..*

Chẳng ngờ ông vừa ngâm xong, thì ở gian giữa nghe có tiếng cười khúc khích, nghĩa là bà lớn vẫn thức, rồi ngâm tiếp vận như sau:

*Sóng kia ai cầm, ai "do"?  
Có xuôi thì nộp thuế đờ mà xuôi...*

Thở là vỡ chuyện, nhưng ông vẫn biết bà lớn đâu phải là người có tánh Hoạn-Thư chẳng qua muôn mươi việc đó làm cái đê-tài để cho từ thơ phong-phú. Nên ông cũng lại nói vẫn:

*Chẳng buồn chẳng bán thì thôi!  
Nợ quan hết vốn còn xuôi nỗi gờ? ? ?*

Ông vừa ngâm xong câu đó, bà lớn vỗ tay cả cười, lập tức đốt đèn mồi ông ra ngay gian giữa và sang phòng bên kéo cô hai vào, rồi đem mâm rượu còn sót lúc ban ngày ra, 3 người cùng nhau thủ-tắc và cùng xướng họa làm vui, cho mãi đến khi sáu bát thì cũng vừa lúc có một nhả nho tay cầm chiếc ô, chân dậm đạp giày Gia-Định đẩy cửa bước vào ? ? ?

*Thuật-giả: BẮNG SƠN*



## BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

*SƠ KỶ NIỆM 10 NĂM.*

Với sự có mặt của tất cả những cây bút  
khảo luận, văn nghệ đã được bạn đọc  
tin yêu trong 10 năm qua.

**184 TRANG**

**GIÁ 50\$**

# NHỮNG LỄ HỘI Ở HÀ - TIỀN TRONG BA THÁNG MÙA XUÂN

---

■ ĐÔNG HỒ

**H**À - TIỀN là miền duyên-hải ở về cực tây đất Lục-tỉnh, giáp giới với nước Xiêm-la và nước Cao-miên. Hà-tiên là một cõi đất biên dinh tuyệt tái, nguyên là địa-bàn của giòng họ Mạc: Mạc Cửu và con là Mạc Thiên-Tích khai thác kinh doanh trong thế-kỷ thứ XVIII. Họ Mạc đến đây, chiêu thương lập ấp, biến một noi hoang vu, trở thành một phu-đầu phồn vinh, biến một chốn man dã thành một nước văn-hiến văn-chương. Hồi hai thế-kỷ trước, Hà-tiên nghiêm nhiên là một tiều-quốc độc-lập, tự-chủ, có võ-công có văn-hiến, nổi tiếng phong-lưu tài-vận. Hà-tiên cũng nghiêm-nhiên là một hải-cảng, một thương-phụ sầm uất, chẳng những giao thiệp với các nước hải ngoại quanh miền Nam hải, mà còn giao thiệp với các nước Tây phương tiếp nối thời kỳ dọ dẫm qua Đông-phương, tiếp nối theo con đường tơ-lụa, con đường hương-liệu, đã bắt đầu từ ba bốn thế-kỷ trước đó.

Hà-tiên là đất lịch-sử, cõi nhất của miền Lục-tỉnh.

Như chúng ta đã biết, Hà-tiên nguyên là đất khai thác của đám người di cư tị nạn chính-trị Mãn Thanh từ Hoa-nam Trung-Quốc đến định cư. Người Tàu đến đâu là tồ chức ngay tại địa-

phương đó đủ hết nhu-cầu sinh-hoạt cho họ. Họ gìn giữ nếp sống truyền-thống, cỗ hũu của họ rất chặt-chẽ bền-bỉ, cũng như gìn giữ tâm lý tâm hồn của họ. Huống chi, thuở đám người Trung-hoa mới đến định cư ở Hà-tiên, thì người Việt-tộc nam tiến, từ Đàng-trong, từ Đàng-ngoài chưa đến kịp miền Tây Lục-tỉnh. Người Tàu họ đã đến chiếm đó trước sáu rồi. Đất miền Tây, mà Hà-tiên là trung tâm, kề như là giang-san riêng biệt của người Hoa-nam. Họ nghiêm-nhiên là chủ-nhân-ông thời đó.

Trải qua gần ba thế-kỷ, mặc dầu trung-gian có chịu ảnh-hưởng sâu đậm, trực tiếp với người Việt-tộc, trên mọi phương diện chính-trị, văn-hóa, tôn-giáo, và chịu ảnh-hưởng ít nhiều gián-tiếp với hai dân-tộc láng giềng là dân-tộc Thái và dân-tộc Miên, nhưng mà nếp sống của người Tàu nơi đây hãy còn thấy rõ-ràng. Thấy rõ hơn hết là trong những dịp hội hè Tết nhất, tang tế thờ cũng.



Loạt bài này, chúng ta ghi sơ lược một vài nét khác biệt về các hội lễ lớn, trong dịp Tết và trong ba tháng mùa xuân. Chúng ta tuân tự kiêm điềm theo thời-lệnh :

- 1.— Lễ Táo-quân
- 2.— Lễ tuế-trừ
- 3.— Lễ giao-thừa
- 4.— Lễ Nguyên-dán
- 5.— Lễ Thượng-nguyên
- 6.— Lễ Tảo-mộ



## 1.— LỄ TÁO-QUÂN.

Chúng ta bắt đầu về lễ Táo-quân.

Ở Hà-tiên, việc thờ Táo-quân không giống như các nơi khác.

Các nơi khác thờ Táo-quân thường thờ tại nhà bếp. Trên chỗ khuôn bếp, có kệ thờ, có treo bức tượng Táo-quân, áo mao như một vị quan triều, mà mặt của Táo-quân thì thợ vẽ có ý vẽ đen đen, tượng trưng Táo-quân là vị Thần bếp, cho nên mặt mũi lợ lem. Mà dầu cho mặt Táo-quân không vẽ đen, rồi cũng phải đen, vì tượng Táo-quân treo thường trực ngay trên dàn bếp như vậy, mỗi ngày khói cùi bụi than bám vào, làm sao mà sắc diện Táo-quân không đen-đủi.

Ở Hà-tiên thì việc thờ Táo-quân được cẩn thận và trọng vọng hơn. Không thờ bức tượng, không thờ tại nhà bếp. Một điều đó đủ tỏ lòng tôn kính đối với Táo-quân rồi.

Thường thì nhà nào, gian giữa phía trước, cũng dành thờ Thần thờ Phật. Bàn thờ tồ tông thì lại đặt về bên tả, bên hữu. Thờ Thần, phần nhiều thờ Quan-công. Thờ Phật, phần nhiều thờ Quan-âm. Bàn thờ Thần Phật này đặt ngay giữa nhà.

Ở Hà-tiên, phần nhiều nhà nhỏ hay lớn, nhà lá hay nhà gạch, đều cất ba căn. Cho nên, việc đặt bàn thờ Thần thờ Phật ở giữa nhà cũng tiện lắm. Bàn thờ Thần thờ Phật đặt tại căn giữa, dựa lưng vào tấm vách ngăn. Bức vách ngăn này thường lui sâu vào phía sau hàng cột cái, để chừa cho phần trước nhà rộng hơn phần sau nhà một ít.

Ngay sau tấm vách ngăn này, ngoét ra hướng nhà sau, dành cho chỗ thờ Táo-quân.

Phía trước bức vách ngăn, thờ Thần, thờ Phật, thi có đặt bàn thờ, tủ thờ hẵn-hòi. Phía lưng bức vách ngăn, thờ Táo-quân, tuy cũng chiếm căn giữa nhà cẩn-thận, mà không khi nào có đặt bàn thờ. Mà chỉ đặt một tấm ván hình chữ nhật, dài độ thước rưỡi, hai thước, rộng độ năm tấc, sáu tấc. Tấm ván đặt cao khỏi đầu người một vó. Mặt ván, cạnh ván có khi bào gọt chạm trổ nữa, như mà không khi nào có chun, mà làm cách đóng giá vào vách, gác lên, theo kiểu «con xôn» hoặc là treo

bằng hai sợi dây đánh bằng mây, bằng kẽm chắc chắn, đủ sức chịu đựng một trọng-lượng kha khá.

Việc bàn thờ Táo-quân treo cao và không có chun này là có dụng ý và có một công dụng thực tế. Luôn luôn phía dưới, trước bàn thờ Táo-quân, nhà nào cũng có kê bộ ván ngựa nhỏ thấp. Bởi việc kê bộ phản này mà bắt buộc bàn thờ Táo-quân không có chun, để chỗ cho bộ ván ngựa kê được sát vào vách, không vướng lối đi. Và bàn thờ Táo-quân phải treo cao lên vì khi đã kê bộ ván này dưới chỗ bàn thờ; thì bàn thờ phải treo cao, là để cho việc đứng ngồi trên ván khỏi vướng, khỏi đụng đầu. Còn một việc thiết dụng hơn nữa là để tiện cho việc giáng mùng, ngủ ngay tại bộ ván ngựa đó.

Bàn thờ Táo-quân và bộ ván ngựa nhỏ này có nhiều công dụng. Ban ngày, bộ ván để nằm ngồi, ăn trầu uống nước, tiếp bè bạn thân, ban đêm là chỗ nằm ngủ như chiếc đì-văng bây giờ. Khi trong nhà có người bình-hoạn đau yếu, thì nằm tại chỗ đó cho thầy lang chẩn mạch, cho người nhà săn sóc. Như vậy được rộng rãi sáng sủa hơn trong buồng gói, trong phòng ngủ. Tiện hơn hết là, buổi sáng buổi chiều, nhảy lên đó cắm nhang cho Táo-quân, lại khi có cúng kiêng thì bộ ván đó là chỗ đứng đặt phầm vật, rót rượu, rót trà, khỏi cần đến ghế. Rồi phủ phục ngay tại bộ ván để mà vái lạy Táo-quân rất thân mật.

Tiện hơn nữa, là dành cho các người hay chữ trong nhà. Bộ ván đó là án thư, nằm đọc sách, mà bàn thờ treo của Táo-quân là tủ chè, là kệ sách tạm tạm. Đè lên đó, bình trà bộ chén, gác lên đó những chồng sách đang đọc dở. Mỗi khi đọc xong, với tay quăng lên đó. Mỗi khi muốn đọc, đưa tay lên đó, quơ xuống, vừa vừa tăm tay với. Giống như đì-văng có kệ sách, lối trang trí hiện thời.

Bác tôi, Hữu-lân tiên-sinh, thuở sinh-tiền, rất thích chỗ bàn thờ Táo-quân và bộ ván nhỏ này. Trên bàn thờ, nghiêm nhiên là một giá sách chất cao, và Bác nằm đọc sách luôn tại

bộ ván trước bàn thờ. Bao nhiêu sách ngũ kinh tứ thư, bách  
gia chư tử, tiêu-thuyết ngoại-thư chất đầy trên kệ thờ, vì Bác  
đọc xong, không cất trả vào tủ, tiện tay cứ chất đống lên đó.  
Có người bạn đến chơi, nhìn lên bàn thờ nói đùa rằng:

— Ông Táo nhà họ Lâm này hay chữ hơn các ông Táo  
nhà khác !

Bác lấy làm thích, thường nhắc đi nhắc lại câu nói đùa  
đó làm vui. Và chồng sách của «ông Táo hay chữ» cứ càng  
ngày càng chất cao hơn thêm.



Đọc sách quanh năm cũng mỏi. Cũng đến ngày ông Táo  
phải nghỉ đọc sách, và phải nghỉ đến việc triều-thiên là phần  
vụ của ông. Đó là ngày 23 tháng chạp, ngày Táo-quân chầu  
trời. Bấy giờ bao nhiêu sách vở thánh hiền phải dọn dẹp đi.  
Lau quét bàn thờ, sửa sang chun đèn lư hương bình hoa. Bức  
giấy thờ viết từ năm ngoái đã cũ rồi. Bây giờ phải thay vào  
tờ hồng-đơn mới đỏ tươi. Hàng chữ triện nét ngang, khuôn  
giẹp, màu mực xạ đen nhánh viết đè lên nền giấy hồng đơn  
roi kim ánh. Bức giấy dán lên: một dòng chữ thờ tôn-  
kính: *Đông trù tư mạng Táo-phủ thần-quân*. Kèm thêm hai bên  
tả hữu, đôi câu đối:

*Công bình hữu đức nồng tư hỏa  
Chánh trực vô tư khả đạt thiên*

Câu trên nghĩa rằng: Công-đức của Táo quân đã cung-cấp than  
lửa, đem đến cho mọi gia-đình ấm-áp no đủ. Táo-quân phân  
phát công bình; không nhà nào hơn nhà nào kém. Táo-quân  
đối với nhà nghèo cũng như đối với nhà giàu, đồng nhất thề:  
Than củi, lửa đun, bếp nhà nào mà không thôi chín cơm, nấu  
chín cá.

Câu dưới nghĩa rằng: Táo-quân chánh trực công-minh, ghi chép những hành động của nhân gian, báo cáo lên Thiên-đinh, vẫn giữ vô tư, không thiên vị nhà nào. Táo-quân không vì nhà cúng kiêng nhiều lễ vật mà nói tốt, cũng không vì nhà ít lễ vật mà nói xấu.

Đó là việc dọn bàn thờ Táo-quân ở nhà trên. Còn ở nhà bếp, cũng không phải là bỏ quên mà không đọn dẹp... Trước đó, từ đầu tháng chạp, mọi nhà đã lo nhồi đất sét cho nhuyễn, nặn ba bốn cái lò mới, nhỏ lớn đủ cỡ, hợp dụng. Chợ búa ngày trước ít có bán những lò bếp như bây giờ. Mà người Hà-tiên vốn tiết kiệm, người Hà-tiên vốn khéo tay, nhà nào cũng có thè đắp lò bếp được cả. Tự nặn lấy bếp gia dụng, được vừa ý hơn, và được bền bỉ hơn..

Tuy nói là bền chắc, bền chắc cách nào, dùng nấu nướng suốt năm, cũng hỏng, cũng nứt, cũng gãy đầu. gãy cõi, không thì cũng nứt nẻ đen xấu. Luôn luôn, đến cuối năm, là phải thay «ông lò» mới. Ngày 23 tháng chạp đó, ở nhà trên cúng tiễn Táo-quân, thì ở nhà bếp thay những «ông lò» mới lên khuôn bếp, đã quét tước sạch sẽ. Những bếp lò cũ không dùng nữa thì đem ra gởi ở gốc da, bụi tre sau vườn, không dám quăng bỏ bừa bãi vì sợ tội với Táo-quân. Việc gởi «Ông Táo» ở gốc cây cũng như việc gởi «ông Bình-vôi» vậy.



Lễ cúng tiễn Táo-quân vào đêm 23 rạng ngày 24 tháng chạp. Lễ vật thông thường là: hương đăng hoa quả, tự nhiên không thè thiểu. Có nhà cúng thêm chè đậu, chè bán. Phần nhiều giữ tục lè cõi truyền thì cúng món mì xoa nấu đường. Tiếng Tiều chau: Xoa là sợi chỉ. Mì-xoa là thứ mì sợi nhỏ, dài lòng thông cuộn quanh như con nhợ. Ở Saigon đây, tôi nghe gọi thứ mì này là mì chỉ. Nhưng mà mì chỉ ngày nay tinh chế hơn nhiều; sợi mì nhỏ mịn và trắng trong hơn, cuộn từng cuộn nhỏ như con chỉ tàu, đè sấp lớp trong hộp giấy, có buộc sợi chỉ đǒ trên

mỗi con mì, trình bày trông khéo hơn nhiều. Còn thứ mì-xoà ngày xưa bán ở các hàng xén người Tàu, sợi to thô, vị mặn mặn. Mì luộc chín, nấu với nước đường, có nêm thêm ít cương trấp, tức là nước gừng dã, vắt vào nước đường. Chén mì xoà cúng Táo-quân trông thanh thanh, sợi mì nhạt nhạt, mặn mặn, nước ngọt ngọt, điểm chút cay cay thơm thơm, cũng có một mùi vị đặc biệt của Hà-tiên.

Mì xoà, tuy tiếng là nấu để cúng Táo-quân, năm ba bát nhỏ mà thôi. Thực sự thì nhà nào cũng nấu nhiều. Vì tiện dịp, cúng ở bàn Thần bàn Phật, bàn Trời, bàn Tò tiên. Đêm 23 tháng chạp này cúng kiêng xong rồi thì hôm sau, các đồ thờ, tế khí đều đem xuống hết, lo việc dọn bàn thờ ăn Tết. Việc chính là việc lo đánh bóng các bộ đồ thờ bằng đồng: chun đèn, lư hương. Có nhà nhiều đến năm sáu bộ lư to lớn. Mọi người trong nhà, ngày đêm bỏ công hết vào việc dọn bàn thờ, chùi lư đồng. Nhưng mà tiết mục chun dọn bàn thờ, đón rước Tò tiên ăn Tết này, sẽ kè về sau.



Bây giờ kè tiếp cho xong việc cúng Táo-quân.

Đại loại việc cúng tiễn Táo-quân, bằng món mì xoà nấu đường, phô-thông là như trên đó. Có khi gấp trường hợp đặc biệt. Nhà nào có con nít «bán cho ông Táo» mà đến tuổi trả lễ, thì phải tết Táo-quân đặc biệt hơn.

Ở Hà-tiên có tục lệ «bán con nít cho ông Táo». Nhà nào hiếm hoi, hoặc nhà nào sanh con trai èo uột khó nuôi, thì có cách, khi mới sanh, đem ký bán cho ông Táo nuôi giùm. Nhờ đức tin-tưởng, mà cha mẹ an tâm. Bấy giờ thì vai-trò của ông Táo chẳng những phụ-trách việc lứa cùi nhà bếp mà còn phụ-trách việc chăm nom săn sóc sức khỏe và trí thức cho trẻ con nữa. Tin tưởng rằng đứa con nít nào được ông Táo nuôi chẳng những được mạnh giỏi tráng kiện mà trí-thức cũng sáng-sủa minh-mẫn, học hành tấn tới hơn.

Rồi hè đến năm đứa nhỏ được ba tuổi thì cúng trả lễ một lần, đến năm bảy tuổi, cũng trả lễ thêm một lần nữa. Cho đến đứa nhỏ lên mười, thì mới cúng xin chuộc về. Vì đến tuổi đó kẽ như là đến tuổi đứa nhỏ đã mạnh giỏi được rồi, hết bệnh hoạn, hết ương yếu, cha mẹ tự nuôi được rồi, mà không cần đến sự phù hộ thiêng liêng của Táo-quân nữa.

Gặp những năm cúng trả lễ 3 tuổi, 7 tuổi, thì ngoài món mì-xoá nấu đường, còn biện thêm món tam sanh. Tam sanh tức là ba con vật hi-sinh. Hi-sinh là vật cúng tế thần thánh nguyên đã có từ thời thượng-cổ. Tam sanh gồm có: một miếng thịt heo, tượng trưng cho loại thú, một cái trứng gà, tượng trưng cho loại cầm, một con tôm tượng trưng cho loài thủy tộc. Có nhà bày vẽ lễ ngũ sanh. Ngũ sanh thì: ba món trên đó, còn làm thêm một con cá và một con cua. Các món đó, đều luộc chín mà thôi, không cần nấu nướng gì hết. Đó là cúng trả lễ hai giai-đoạn đầu.

Đến khi đứa con trai mà Tết sắp đến đó được 10 tuổi, đã chắc chắn trưởng thành, tự cha mẹ nuôi lấy được rồi, thì mới làm lễ chuộc con về.

Lễ chuộc con này thì, quan trọng hơn nhiều. Nhà nào dư dã thì thay miếng thịt bằng nguyên cả một con heo, cái trứng thay bằng cả một con gà hay một con vịt. Số tôm cua cúng nhiều gia bội. Đã có thịt heo thì phải có mâm xôi nữa cho đủ bộ xôi thịt. Hương đăng trà quả long trọng tươm tất như những ngày đại lễ trong gia đình.

Cha mẹ lễ tạ ơn Táo-quân, xin chuộc con về. Đứa con trai, thay quần áo mới, cũng lễ giã từ ông Táo nuôi, mà về luôn với cha mẹ ruột.

Việc ký bán con cho Táo-quân nuôi làm con đỡ đầu này, tôi thấy bán con trai, mà không thấy bán con gái. Tôi biết chắc vì tôi và một người cháu trai nữa là anh Trúc-Hà, khi nhỏ

cũng được bán cho ông Táo nuôi đến 10 tuổi; mà hai chị tôi thì không thấy có việc cho làm con ông Táo.

Đó là do ở tục trọng nam khinh nữ của người Tàu. Sanh con gái, có nuôi được hay không nuôi được, cũng không lấy làm quan hệ chi. Con trai được yêu quý hơn, cho nên phải lo lắng chăm nom đặc-biệt hơn.

Đến đây, chúng ta thấy rằng Táo-quân ở Hà-tiên, ngoài việc làm Thần than-củi bếp-nước, còn là Thần hộ-mạng cho đám nhi đồng nữa. Vì thế mà Táo-quân ở Hà-tiên được tôn kính, được thờ phụng trọng hơn là phải.

Theo những lề tục như vậy, chúng ta thấy ở Hà-tiên không có truyền thuyết « một bà Táo và hai ông Táo », lễ cúng Táo-quân không có « hia đai mũ mảng », cũng không có « cò bay ngựa chạy » như ở các miền khác.



Tiên đây, chép một thi-thoại về Táo-quân. Đoạn trên, chúng ta có thấy câu đối thờ Táo-quân, ý tán tụng đức công-bình, lòng chánh-trực vô-tư của vị Thần này. Nhưng mà, không phải ai ai cũng đều bằng lòng Táo-quân cả đâu.

Mỗi năm, lần nào trong dịp cúng Táo-quân, tôi cũng được Bác tôi, Hữu-Lân tiên-sinh, kề cho nghe một thi-thoại vui vui:

Có một chàng thư-sinh nghèo, quanh năm thiểu thốn. Đến hôm 23 tháng chạp, tiễn Táo-quân triều thiên, không có tiền mua sắm lễ vật. Muốn chứng tỏ cho Táo-quân thấy rõ cảnh nghèo túng của chàng, nhân thè « trả thù » Táo-quân. Chàng múc một gáo nước lã và vào bếp lấy ra một que củi khói, gác ngang lên bàn thờ Táo-quân. Gáo nước lã thay cho chén trà chén rượu, que củi khói thay cho nén hương, cây nhang. Lẽ mẽ thật là dưới mức đạm bạc nữa. Xong, chàng thư-sinh viết một bài thơ tút tuyệt, khấn rồi đốt đi:

*Nhất chươn thủy nhất chi yền  
Táo quân thường tấu cửu trùng thiên  
Ngọc hoàng nhược vần nhân gian sự  
Vạn sự nhân gian chỉ vị tiền*

Nghĩa rằng: Một gáo nước lã và một que củi khói. Đó là lẽ tiễn ngài vua Bếp lên chầu Trời. Nếu Ngọc-hoàng có hỏi chuyện nhân-gian như sao, thì xin ngài Táo-quân đừng giấu giếm mà tâu ngay thẳng rằng: Muôn việc ở thế gian này đều lấy đồng tiền mà giải quyết cả. Ý rằng người đời chỉ biết có tiền mà thôi; ngoài ra, không có ân-tình, không có nhân-nghĩa gì hết.

Nếu muốn dịch thành văn vần, thì dịch dài hơn một chút, cho vui lòng:

*Nước lã một gáo, củi khói một que  
Táo-quân lên đó, nói cho nghe Ngọc-hoàng  
Trời mà phán hỏi chuyện nhân gian  
Tâu rằng: muôn việc nhân gian  
Chỉ có tiền bạc là hơn nhất đời*

Ấy muôn việc ở đời, đời xưa cũng như đời nay, thực-tế chán-chường và bẽ-bàng như thế đó.



Táo-quân bảy giờ, lên chầu Trời, muốn báo cáo với Thiên-dinh chuyện thế-gian, tưởng phải mệt hơn nhiều. Vì ở xã-hội chúng ta ngày nay, gia-dình nào cũng có không biết bao nhiêu chuyện rắc-rối, khó-khăn bao nhiêu điều bê bối ngày ngà. Táo-quân ngày nay có lành lợi, có tài giỏi, có khả-năng hơn Táo-quân ngày xưa hay không mà hòng kiềm soát cho nòi chuyện nhân-gian. Huống chi, ở thế hệ ngày nay, bao nhiêu chuyện xảy ra, đâu có hiền lành, đâu có chậm-chạp như thời xưa nữa.

Ngày xưa, nếu có chuyện rắc-rối làm tồn thương danh-giáo gia-phong cũng chỉ xảy ra ở phạm vi trong vườn sau, trong xó bếp, trong bờ ruộng vườn cà, mà ngày nay thì luôn

xảy ra ở rạp xi-nê, ở dăng-xinh, ở phòng-trà, ở tiệm-kem, ở ngoài phố tà tà, ở giữa chợ Bến-thành đông đúc, và ở biết bao nhiêu nơi chốn khác. Xe Honda, xe Solex, xe Vespa đèo nhau phóng như gió, chạy như bay, lại còn tài tráo-trò, quanh-co nhiều néo. Táo-quân nào mà theo dõi, mà coi chừng cho kịp những đứa «con nuôi tinh thần» khả ái đó. Huống chi Táo-quân ngày nay còn bận-biụt bao nhiêu phiền vụ, bao nhiêu sinh kế, mang bách chó có đâu nhàn rỗi, suốt ngày thung dung nằm đọc sách như thời xưa. Nhưng suy đi còn nghĩ lại, Táo-quân ngày nay đâu có phải ủ-lý chậm-chạp nặng-nề, như gạch nung như đất nặn ngày xưa nữa. Mà Táo-quân ngày nay, hầu hết đều là bếp gaz lò điện, thì chân tay tắt cưng nhanh nhẹn, tai mắt tắt cưng lạnh lẽo hơn Táo-quân ngày xưa nhiều lắm, thì chắc rằng Táo-quân ở Thành có đủ khả-năng, có đủ trực giác, có đủ tài-trí, có mưu cơ đáp ứng kịp với thời-thế trong xã-hội mới, và kiềm soát nỗi những đứa con thế-hệ. Chúng ta tất đủ lòng tin cậy mà bán chắc mà gửi gắm chúng nó cho Táo-quân lắm.

Nếu ở Sài-gòn đây cũng bắt chước phong-tục Hà-tiên, bán con cho Táo-quân nuôi, chẳng những báu những đứa con trai mà càng nên báu cả những đứa con gái. Bởi vì những đứa con «ái nữ» thiên kim tiểu thư bây giờ cũng trân trọng, cũng quý báu như ngọc như vàng có kém gì con trai, có khi còn được kiều dưỡng hơn con trai nữa. Và phải đợi cho đến trên 25 tuổi mới sẽ thuộc về. Vì lẽ, những đứa con «hồng nhan thư sinh» bây giờ, chẳng những cần phải chăm nuôi thận thè, săn sóc vật-chất chúng nó, mà còn phải chăm nom đạo-đức, nuôi dưỡng tinh-thần chúng nó. Còn cần phải giáo-dục tâm-hồn cho những đứa con thời đại đó, tể nhị hơn, kỹ lưỡng hơn nhiều. Tể nhị kỹ lưỡng còn hơn sự giáo dưỡng những đứa con «bạch diện thư sinh» nữa.

Thế hệ thanh niên, đang khùng hoảng nhất là con gái thời nay, nhiều hay ít đứa nào cũng đang trong cơn bệnh hoạn. Là một thứ bệnh thế-hệ, bệnh thời-đại rất nặng. Phải nuôi dưỡng

săn-sóc chúng nó như nuôi dưỡng săn-sóc người bệnh mà là bệnh tinh-thần, bệnh tâm-hồn, bệnh sinh lý, thêm bệnh ngoan-cố, bệnh tự-tôn, bệnh kiêu-ngạo, bệnh tự-ái nữa, thì chỉ có việc bán đứt cho Táo-quân đem chúng nó vào xó bếp, đè cho tay chân đen đúi mặt nũi lẹ lem, may nhờ «công tư hỏa, đức đạt thiên» của Táo-quân mà chữa cho lành mạnh lại.

Thiết nghĩ, bệnh không phải hoàn-toàn do thể-hệ gây ra đè tự chuốc bệnh vào thân mà nguyên-nhân bệnh-căn còn do xã-hội, do thời-thế, do cảnh-ngộ, do hoàn-cảnh nữa. Thể-hệ đang sắp chết đuối giữa giòng nước lũ, chỉ đợi một chiếc phù-phao thiêng-liêng ném xuống cho kịp lúc, ném cho đúng tầm tay với, cho níu được.

Mấy dòng kết luận hời hợt này, chép phỏng theo bài sớ Táo-quân, may được gởi đến Hội Bảo-vệ Nhân-phẩm phụ-nữ, Hội Bảo-vệ Luân-lý, Hội Bảo-vệ Văn-hóa dân-tộc và gởi đến cho gia-dinh nào có những đứa con đang bệnh hoạn khó nuôi.

**ĐÓNG-HỒ**

**ĐÃ PHÁT-HÀNH :**

# **ZEN VÀ DƯỠNG-SINH**

do Ông THÁI-KHẮC-LÊ biên-soạn

nói về lý-thuyết và cách thực-hành phép ăn chay bí-truyền của các vō-sī Nhu-Đạo và các vị Thiền-sư Nhật-Bản, có công-năng cải-tạo sinh-lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí-nhó, chữa lành tất cả các bệnh nan-y như đau tim, bón, mất ngủ, đi tinh, áp-huyết cao, ung-thư, ho lao, phong cùi, suyễn, bại, điên-cuồng, bị phóng-xạ nguyễn-tử v.v...

Sách tái-bản có sáu-chữ và bò-túc nên dày đến 285 trang

**Giá bán : 85\$00**

*Thu-tù xin gởi về:*

Ông PHẠM-CHÂU hoặc: Ông TÔN-THẤT-HẠNH  
Thư-viện Đại-Học HUẾ 6, Thoại-ngọc-Hầu — GIA-ĐỊNH

# QUAN THU'Ọ'NG THU'Ọ'NG XUÂN

PHÙ-LANG TRƯƠNG-BÁ-PHÁT



**T**HÁNG bảy năm Nhâm-Thân 1812, Gia-Long hạ lệnh cho Tả-quân Lê-văn-Duyệt trấn nhậm Gia-Định tới năm Bình-Tí 1816.

Quyền lực rộng, oai nghi lớn, Tả-quân Duyệt thực hành đúng vương-quyền của nhà Nguyễn & trong xứ và trên Cam-bốt.

Trong việc cai-trị miền Nam có Trương-Tấn-Bửu làm phó (*Hoàng-Việt*, tr. 329).

Bắt đầu lúc Tả-quân trấn nhậm, mối bang-giao giữa Việt và Xiêm còn ở điểm chêt.

Năm Gia-Long thứ 12 (Quí-Dậu 1813, sau tháng hai trước tháng sáu) vua Gia-Long xuống chiếu cho Tả-quân Duyệt, quan Hiệp-Trấn Ngô-Nhân-Tịnh đem chiến-thuyễn hơn 13.000 quân-sĩ đỗ đầu Quốc-Vương Cam-bốt là Nặc-Ông-Chân và gia-quyền đã chạy sang nước ta vì bị các em dùng thế lực quân Xiêm tranh giành ngôi trô vđ nước. Chiếu truyền ban Nặc-Ông-Chân 3.500 lượng bạc, 5.000 quan tiền, 10.000 hộc gạo.

Lệnh truyền xây cất lại thành Nam-Vang và Chư-ởng-cơ Nguyễn-văn-Thoại hay là Thoại-Ngọc-Hầu với hơn 1.000 binh đóng giữ Nam-Vang cùng bảo-hộ nước Cam-bốt (*Nhu Viễn* tr. 77, 79).

Quân ta đãp hai thành, dựng đài An-Biên; trên đài có xây một căn nhà gọi là Nhu-Viễn-đuờng, để làm nơi cho Phiên-Vương bái vọng (*Bản triều bạn.. tr. 21*).

Phiên-Vương hay gọi khác là vua Cam-bốt Nặc-Ông-Chân.

Sách không nói hướng chính của căn nhà ấy, song tác-giả đoán chừng là nó phải day mặt về phía Tây-Nam, chiều đổi chiều lại vị-trí của Kinh-thành Huế, vì khi vọng bái Vua Cam-bốt phải day mặt về hướng Đông-Bắc. « Phiên-Vương dâng 88 con voi, Duyệt thấy rằng Phiên-quốc đang trong lúc xây dựng lại đất nước, kho-tàng hays còn trống rỗng, nên xin chu trích một số bạc & kho ra để hoàn lại giá 88 con voi ấy ». (*Bản triều bạn.. tr. 21*).

Thời-gian cai-trị miền Đông-Nai lần đầu, Tả-quân Duyệt làm cho Nặc-Ông-Chân phải một phen hồi hộp nhơn vụ Tết Nguyên-Đán.

Số là ngoài lễ cỗng hàng năm, Vua Cam-bốt còn phái xuông chầu nhơn dịp Tết Nguyên-Đán.

Năm ấy, Vua Miên xuông dự lễ; thay vì ở trong thành Phan-Yên lại ra Sài-Côn thị [tức Chợ Lớn ngày nay] để nghỉ đêm. Hôm sau trống điểm caoh năm, Tả-quân và tiểu-trào hành-lễ tại Vọng-Cung lại vắng mặt Vua Cam-bốt. Tả-quân nhứt định không chờ, đến khi lễ tắt, Vua Cam-bốt mới cho người đem lè vật tiễn vào. Tả-quân chiếu diển-lệ, phạt Vua Cam-bốt phải đóng ba ngàn lượng bạc tiễn vạ mới cho về nước. (V.H.Sển, tr. 61).

Lúc bấy giờ, thành Bến-Nghé xây cất rồi từ năm Canh-Tuất 1790 (Sển, tr. 48) gọi là Qui-Thành vì theo cặp mắt của khách từ trên cao xuống, thấy nó như là con rùa lớn.

Qui-thành có cả thảy tám cửa đổi tên qua lại, khiển bạn đọc phái rồi óc. Tôi xin thông-dịch rành về tám cửa này.

Lúc xưa định phương hướng khác hơn bây giờ nên tôi cũng phải tùy theo hồi ấy.

Tả [bây giờ thì hữu] hay là hướng Đông có hai cửa: Chấn-Hanh [ở lối cuối đường đường Lê-Thánh-Tôn bây giờ] và Cẩn-Chỉ [lối đường Hùng-Thập-Tự bây giờ]. Sau đời Minh-Mạng đổi lại:

Hoài-Lai-môn và Phục-Viễn-môn.

Hữu [bây giờ thì tâ] hay là hướng Tây có hai cửa: Đoài-Duyệt [ở gần góc đường Gia-Long và Công-Lý bây giờ] và Tôn-Thuận [ở gần góc đường Hồng-Thập-Tự và Công-Lý bây giờ].

Sau Minh-Mạng xuống chiếu đổi lại:

Tuyên-Hóa-môn và Định-Biên môn.

Tiền [bây giờ thì Nam] cũng có hai cửa: Càn-Nguyên [cửa này ở ngả tư đường Tự-Do và Lê-Thánh-Tôn bây giờ] và Ly-Minh [ở gần đường Mạc-Đinh-Chi nếu đường này nối và đường Lê-Thánh-Tôn bây giờ].

Về lúc trao Minh-Mạng hạ chiếu thay lại:

Gia-Định-môn và Phan-Yên-môn.

Hậu [bây giờ thì Bắc] cũng có hai cửa: Khôn-Hậu [cửa này nay & lối gốc đường Duy-Tân và Phan-Đinh-Phùng bây giờ] và Khâm-Hiểm [gần gốc đường Mạc-Đinh-Chi và Phan-Đinh-Phùng bây giờ].

Trao Minh-Mạng, vua sửa lại:

Công-Thìn-môn và Vọng-Khuyết-môn.

Xây cất Qui-Thành theo thể cách Vauban mà đặt tên tám cửa theo Tàu, vì mượn tên trong Bát-quái mà đặt.

Tóm lại, Qui-Thành nằm trong khoảng các con đường này:

Đông, đại-lộ Cường-Đế và Đinh-Tiễn-Hoàng,

Tây, đường Công-Lý,

Bắc, đường Phan-Đinh-Phùng,

Nam, đường Lê-Thánh-Tôn.

Duy có hướng Bắc thì tường thành không tối lè đường Phan-Đinh-Phùng còn ba mặt kia tường thành đều chòm ra khỏi ba đường (Hình số III Bản đồ trong sách V.H. Sén).

Sau Mich-Mạng truyền lệnh phá hủy Qui-Thành vì Lê-văn-Khôi làm cách-mạng vô-trang & Lục-Tỉnh Nam-Kỳ, từ tháng năm năm Quý-Tị (1833), rồi Khôi rút vào thành này cố thủ, đến tháng bảy năm Ất-Mùi (1835), Qui-Thành mới bị binh Trào đoạt lại. (Trần-Trọng-Kim, tr. 187 và 188).

Bạn đọc nhóm ý đặng chẽ nằm của Qui-Thành, bây giờ tôi xin tiếp tục nói về Tả-quân.

Công-thự của Tả-quân ở lối đường Thống Nhứt và Hán Thuyên bây giờ nghĩa là gần tới dinh chủ-giáo chẽ nhà sách Liên-Châu bây giờ. Bà Tả-quân lại ở riêng ra, ngoài thành chẽ Dinh Độc-Lập bây giờ và gọi là Dinh Bà Lớn (Pétrus Ký, tr. 29).

Trước ngày 16 tháng giêng, quan Thượng ăn chay, tắm gội cùi kiêng, giữ mình cho trong sạch, ý-tưởng không cong vạy.

Đến ngày ấy, Tả-quân mặc đồ đại-trào, vào Hoàng-Cung bái lễ. [Ở trên cao ngó xuống Hoàng-Cung này có hình vuông vức, một cạnh ở vào lối lề bên trái đường Thống Nhứt, cạnh giao mặt với lối đường Nguyễn-Du chạy dài qua khỏi đường Hai Bà Trưng, hai cạnh song song khác một cạnh khỏi đường Hai Bà Trưng chạy lên lề bên trái của đường Thống Nhứt, cạnh nữa chạy từ chẽ xéo đường Nguyễn-Du lên lề trái đường Thống Nhứt].

Sau ba tiếng súng thần công, Tả-quân lên kiệu trước mặt có binh đi xa xa và sau lưng có quân theo. Có khi Tả-quân ra cửa Càn-Nguyên hay gọi là Gia-Định-môn hoặc khi khác ra cửa Ly-Minh hay gọi khác là Phan-Yên-môn, hướng về phia Chợ-Vải nghĩa là hướng Tây, quẹo lên đường Công-Lý hiện nay, tiến về phia Mồ Súng [chẽ này có tên khác là Đồng Tập Trận, hoặc là Đồng Phú-Thạnh, tên này hiện nay còn dùng như đình Phú-Thạnh, Pháp thì gọi là « Đồng của Hình Nghiều Góc » (champ du polygone, Pétrus Ký tr. 19) hoặc là Đồng Mồ Mồ (plaine des Tombeaux) vì xưa kia chẽ này minh-mông đồng trống dãy dầy Mồ Mồ, không phân biệt đặng ranh-giới].

Từng chập lính pháo-thủ bắn đại-bác, quân-sĩ chia hai mặt đánh nhau.

Tượng-binh cũng tập dượt, tần thổi có chiến-pháp, day trỏ có phương-lược.

Đây là ngày Tết, tượng-binh chỉ diễn-hành phô-trương vây thôi.

Thời-giờ của Tả-quân có hạn, Tả-quân còn phải xem xét Thủy-Xuồng và chứng-kiến một cuộc tập thủy-chiến nữa.

Tập tượng-quân theo ngày thường như vậy :

« ...Dùng voi trận thì dùng voi phá ba lũy tre; sau lũy có « quân lính có súng đứng nấp; hỏa pháo, chiêng, trống, đồng thời « hò hét khua giày làm cho voi khiếp đảm.

« Khi một chiến lũy bị voi xông phá, quân sĩ lại lui về « nấp & chiến lũy sau.

« Ở mặt lũy thứ nhất và giữa các mặt lũy khác đều có « đặt những bờ-nhin cầm gậy làm binh khí.

« Mỗi con voi trên có quản tượng, đằng sau voi có nhiều « lính cầm gậy để thúc voi phải tiến và ngăn không cho lui lại. « Khi cả ba lũy đều bị voi xông qua được, quản tượng và quân sĩ lại « hết sức hò hét quát tháo xua voi trở lại chỗ cũ và lập một trận « giả khán. Cứ như thế tập đủ ba lần liền rồi mới lệnh truyền « cho voi nghỉ... » (Tiên Đàm Nguyễn-Tường-Phượng, tr. 48).

Bây giờ trở về với Tả-quân. Người đi vòng quanh theo hào thành [không biết hồi bấy giờ là đường gì, sau Pháp kêu là đường Mọi (rue des Mois) và hiện nay là đường Phan-Đinh-Phùng] xuống xem xét Thủy-Xuồng [chắc & sở Ba Sơn bây giờ].

Mỗi cuộc, Tả-quân vỡ thành có lẽ là cửa Cảnh-Chỉ hay gọi khác là Phục-Viễn-môn.

Trong lúc những cuộc lẽ, tập trận, thường-dân đốt pháo, gác tiếng động cốt là làm ồn-ao lên để đuổi tà ma quỷ mị ra khỏi nhà họ (Pétrus Ký, tr. 16).

Ngày thường Tả-quân còn coi đá gà, còn xem hát bài huống hờ chi ngày Tết là ngày vui vẻ nên Tả-quân thường giải-trí trong các trận đá gà và hát bài.

Trường gà cũng gọi là *nha hoa*, trường hát bài cũng gọi là *nha hát*, sân bắn ná gọi là *trường ná* đều ở ngoài thành từ lối Tòa Tứ Pháp bây giờ, dinh Độc-Lập và trường học J.J. Rousseau của Pháp hiện nay (Pétrus Ký, tr. 29, 32).

Có lẽ thời Tả-quân cai trị là thời vàng son của các tay đá gà và các nghệ-sĩ hát bài.

Lúc cai-trị Lục-Tỉnh lần thứ nhứt này, có lần Tả-quân phải thâu-chinh ra Quảng-Ngãi để trừ bọn mỵ. Việc kể cũng là lạ và làm cho oai Tả-quân càng lên cao mà duy có « Bản triều bạn nghịch liệt truyện » nói đến mà thôi.

« Số là năm Gia-Long thứ 14, Ất-Hợi 1815 [tháng sáu, « Nguyễn-Triệu, Văn-Hóa Ng.S. số 45, 1959] bọn moi dữ & tính « Quảng-Ngãi lại ra quấy nhiễu dân cư nơi biên-giới. Quan trấn « thủ Phan-Tần-Huỳnh đem quân đánh với chúng bị thất-bại. Tổng- « trấn Gia-Định Lê-văn-Duyệt lại đem quân tới. Bọn moi dữ biết tin, « đều liền trốn hết. Duyệt tâu xin đắp thành Bình-Man, ngoài cấm « chông, dưới chân thành thì đào hào, phía bắc tới Gia-Tiên, giáp « phủ Thăng-Bình tỉnh Quảng-Nam; phía Nam tới Đồng Xanh, giáp « phủ Y-nhân (Đồng-Nhân) tỉnh Bình-Định, được 37.479 trượng ta, « đê sáu co-binh trấn-giữ.

« Xét ra ông Lê-văn-Duyệt tới Quảng-Ngãi là cả bốn lần « để kinh-lý các việc biên-giới. Bọn moi dữ Thạch-Bích (Đá Vách) « nghe được, liền trốn hết, không dám kháng-cự. (Bản triều... tr. 24, 25).

Thật ra, bốn tiếng « Nam tảo Bắc trù » dùng đối với Tả-quân rất đúng lắm vậy.



# TRÀNH

## TẾT

---

■ NGUYỄN BÁ LĂNG

TRƯỚC đây ở miền trung châu Bắc-Việt, mỗi dịp muôn nhà sửa soạn đón tết mừng xuân, thì từ chốn thôn quê đến nơi kề chợ lại xuất hiện một loại tranh màu gọi là tranh tết.

Tranh tết được chuẩn bị từ tháng một ta, đợi đến những ngày cuối năm mới tung ra thị trường. Vì vậy tranh tết gọi nên hình ảnh mùa xuân tươi thắm đang về.

Tranh tết, như một tập quán, đã trở thành một vật hầu như không thể thiếu sót trong những ngày năm mới năm me. Tranh nở rạng rỡ trên hè phố, góc đường, cửa đình, góc chợ, treo bày một cách dễ dãi để bán cho đủ hạng người đem về trang hoàng nhà cửa. Từ nơi cửa rộng đường xây đến nơi cổng tre vách đất hay nơi phen liếp lầu tranh đều đượm vẻ hân hoan tươi sáng ngời lên nét mực màu tranh trong những ngày giờ tràn trề hi vọng trước một năm mới, một dịp để gầy dựng lại, một dịp ôn lại năm cũ vừa đi vào kỷ niệm.

Tranh tết là một loại tranh bình dân hoàn toàn khác lạ với tranh Tây mà lại không chau chuốt như tranh Tàu, loại này cũng thường bán xen lẫn với tranh tết của ta. Tranh tết truyền thống

của ta nom dung dị hồn nhiên đến độ người khó tính sẽ đánh giá nó thấp kém. Quan điểm này đúng phần nào nếu xét các tranh in lúc sau này bởi phẩm màu cứng cỏi trên giấy nhạt trình hay giấy lộn. Trái lại nếu ai thường thức những tờ tranh in nét đen thanh đậm uốn lượn trên nền giấy điệp, giấy hoa hiên với những quệt màu thuốc bột, sắc dịu mà tươi, mới thấy cái quyền rũ và nhận ra rằng hội họa dân tộc có chân giá trị.

### *Tranh CÁC TRÒ CHƠI NGÀY XUÂN*



« Du xuân đồ, thường xuân đồ »

Tranh tết với kỹ thuật in mộc bản thô sơ, nét vẽ không cầu kỳ mà phóng túng, màu sắc lại giản dị hồn đã chỉ rõ cái xuất xứ bình dân của nó. Tranh tết phản ảnh một cách chân phuong con người bình dân trong xã hội Việt-nam với những rung cảm riêng biệt của họ. Tuy nhiên cùng một cơ cấu xã hội cùng một sinh hoạt của nông dân nước Việt, miền Nam này hầu như không biết đến tranh tết nhưng đã có mai vàng, dưa hấu trong việc tô lục chuốt hồng.

Tranh tết có một đặc điểm là không cho biết người vẽ là ai. Người vẽ tranh tết xưa không cố ý tạo ra những kiệt tác hội họa vì chính ngay những tác giả này hầu hết không ai nghĩ lại tên hiệu gì cả những tranh tết đã có những giá trị riêng biệt nhất là đã phản ảnh một cách chân phuong những rung cảm của người

bình dân và những nét sinh hoạt của xã hội Việt-nam qua những thời đại khác nhau.

Cùng với tranh tết ta cũng nên kể những tranh diễn tả tết trung-thu và những dịp hội hè khác, hoặc đề tài tôn giáo.

Riêng tranh tết đề tài đã rất phong phú, không thường trông thấy thế nào, vẽ gì thì người ta gọi tên tranh như thế. Tiêu biểu hơn hết là tranh Gà, tranh Lợn, tranh Éch, tranh Chuột, tranh Hứng Dừa, Đánh Ghen đề tài và nét vẽ rất Việt-nam, rồi đến tranh Tiên tài, Tiên Lộc, Ông Tướng, mượn đề tài Trung-hoa, thứ đến tranh lịch sử: Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, vua Đinh,... tranh điển-tích Thạch-Sanh, chùa Ba, chùa Hương v.v.. và những tranh diễn tả nếp sinh hoạt nông thôn và thành thị nhìn theo khía cạnh châm biếm ngộ nghĩnh.

Theo nội dung, tác dụng và ý nghĩa của tranh ta có thể xếp theo những loại sau đây:

1.— Tranh chúc tụng, cầu ước gồm, những tranh Bách phúc, Tam đa, tiền tài tiền lộc, tích ngọc đôi kim, hòa hợp bình an, định tài lưỡng vượng, vạn đại tử tôn, với những vật tượng trưng như quả đào (thọ) quả lựu (nhieu con cháu) con gà (kê — cát = diêm lành) gà, lợn mẹ con đầy đàm tượng trưng cho sự no đủ hạnh phúc.

2.— Tranh lịch sử, gồm những: bà Trưng cưỡi ngựa, bà Triệu cưỡi voi, Trần Hưng Đạo, Đinh Tiên Hoàng đứng trên lưng rồng, Ngô Quyền chỉ huy chiến thuyền.

3.— Tranh điển tích tôn giáo: sự tích chùa Ba, chùa Hương, Đường Tăng thỉnh kinh, Bát Tiên, Ngưu Lang Chức Nữ...

4.— Tranh kể chuyện: sự tích Thạch Sanh, chuyện Kiều, Tam quốc, Chiêu Quân cống Hồ, Hoa Tiên, Lục Vân Tiên gồm nhiều ít bức tùy truyện dài ngắn.

5.— Tranh giáo dục luân lý: Nhị Thập Tứ Hiếu và những châm ngôn.

6.— Tranh gai cảnh, tổ nữ, tranh Tứ thời trình bày theo lối cổ đồ hoặc hoa điêu, thắng cảnh, 4 bức treo thành bộ tứ bình.

7.— Tranh châm biếm, khôi hài ; thầy đồ cóc, đám cưới chuột, bưng dừa.

8.— Tranh sinh hoạt xã hội: tứ dân: sĩ, nông, công, thương, mục đồng, canh điền, các trò chơi, trường thi, phong tục cải lương, văn minh tiến bộ loại sau này thường được vẽ khôi hài ít nhiều :

9.— Tranh Trần-trạch: Môn thần; Vũ-đinh, Thiên-ất, Bát quái, tử vi, trấn trạch.

10.— Tranh thờ : Táo quân, thổ địa, tiên sư và những tranh về chư vị, ngũ hổ, tranh Phật-giáo: Quan-Âm, Di-lặc..

Loại tranh này không hẳn là tranh tết nhưng thường được trang hoàng thay mới vào những dịp Tết.

Ngoài ra vào dịp Tết người ta còn thấy những thầy đồ, thầy khóa khéo tay vẽ những tranh thủy mặc, tứ bình hay sơn thủy có đề thơ treo bầy bán kèm với những câu đối viết sẵn, những hoành phi đại tự viết trên giấy vàng sắc bạc, hoặc giấy hồng điêu sắc vàng.

Riêng về loại tranh chúc tụng, điềm may, điềm lành.

Mỗi kiểu có một nguyên lai và một ý nghĩa riêng. Một số lớn những đề tài loại này đã mượn đề tài của Trung Hoa, vì vậy giống tranh Tầu, trong bố cục và hình vẽ, tuy nhiên với khiếu thẩm mỹ và kỹ thuật của người mình nên tranh tết có những nét vẽ và màu sắc riêng dần dần xa tranh Tầu mà có tính chất của ta hơn.

Trong loại tranh này ta thấy quen thuộc nhất là những tranh tiền tài tiền lộc vẽ hai ông áo dài, đội mũ chính trong quỳ hoặc đứng đối diện nhau, một ông dâng một cuốn thư đề chữ « tiền tài », một ông dâng một trái đào đề chữ « tiền lộc ». Hai ông này thường được dán ngay nơi cửa vào, nhưng ở nơi công chính vào nhà thì người ta lại treo hình hai ông tượng. Theo người Trung

Hoa gọi là mâm thần. Diện tích như sau: vua Đường Thái Tông (627 — 650) có lần ở trong thấy oan hồn ma quỷ hiện đến ám ảnh, phải nhờ đến hai quan võ thần tín là Tần Thúc Bảo và Hồ Kính Đức bận giáp trụ cầm khí giới đứng canh ở cửa cung, mà quỷ thấy 2 ông oai phong lâm liệt không dám bén mảng đến quấy nữa. Nhà vua ngủ mới yên giấc, nhưng sợ làm mệt nhọc quá nhiều hai bầy tôm thân tín, nên vua sai vẽ hình tượng hai ông mà dựng nơi cửa cung, mà quỷ không thấy xuất hiện nữa. Từ đó dân chúng bắt chước, vẽ hình hai ông ở cửa nhà và thành tục lệ vẽ hai ông tướng canh cửa. Tuy nhiên những ông tướng canh cửa của ta trên tranh tết lại để tên là Vũ Đinh và Thiên Ất có khi ghi kỹ hơn những câu: khử bắc trừ hung, phù nguy cứu nạn. Tranh cầu chúc hay mang điểm lành còn có vẽ những chú bé ăn mặc tươm tất đầu có để trái đào ôm một con cá sau lưng có bông sen. Tranh, có thể giải nghĩa như sau: có chữ hán là ngư, gần âm thanh du là thừa đồng tử liền với hoa sen chữ hán là liên, đọc nhanh ghép hai tiếng tử cộng liền là thành đồng tiền. Vậy ý bức tranh có thể đọc như lời triết tự là dư đồng tiền

— Tranh gà: có gà trắng phát âm hán việt là kê gần tiếng cát = hình dung cho điểm may mắn tốt đẹp. Ngoài ra còn là hình ảnh gọi hòa bình và can đảm. Gà mái với đàn con ý chúc nhiều con và hạnh phúc gia đình đầm ấm.

Tranh lợn và bầy con cùng có ý nghĩa tương tự thêm điều no nê đầy đú.

— Tranh chú bé mặc áo đẹp, đeo khánh vàng, ngồi xem cá vàng bơi trong chậu pha lê, có thể đọc ra là: «phúc khánh bữu dư».

— Tranh vẽ bốn chú bé, chú thứ nhất cầm cành táo (tảo), chú thứ hai cầm sênh (sinh), chú thứ ba cầm cái triện (dấu hiệu của quan văn), chú thứ tư cầm cây long đao (dấu hiệu quan võ). Tranh này ý chúc rằng: «tảo sinh quý tử».

— Tranh vẽ một bầy con nít cầm chơi một dây bầu; ngoài ý nghĩa do chủ đề «vạn đại tử tôn» còn có ý nôm na là con cháu dài dòng đong đúc như dây bầu dây bí.

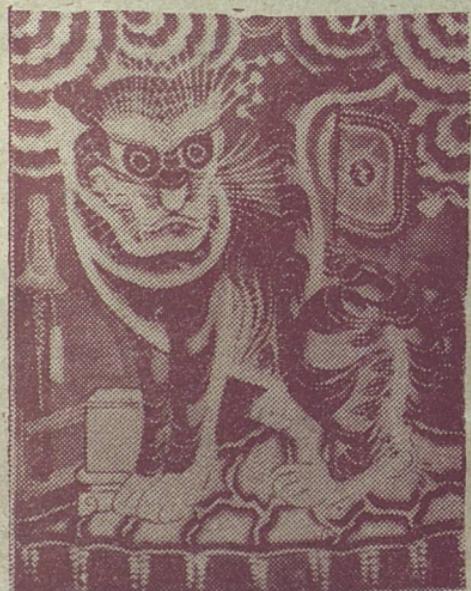
# Những bức tranh Tết xưa chụp lại



Đánh Ghen



Tổ Nữ



Hắc Hổ



Canh Nông Chi Đồ



Mục Đồng



Tranh Gà



Cóc Tây múa Kỳ Lân



« Lão oa giảng độc » Thầy Đồ Êch



Vinh Quy



Đám cưới Mèo

— Loại tranh diễn tích có một số diễn tả những câu chuyện Trung hoa như Tam-quốc, Tây du, những tranh khác diễn tả những câu chuyện hoàn toàn Việt-Nam như Thạch-sanh, Lý-thông, Tống trân, Cúc-hoa.

— Những tranh mang đề tài tôn giáo như sự tích chúa Ba chùa Hương cũng đã bước sang phạm vi có tính chất Việt Nam.

Cũng như những tranh diễn tả mọi nếp sinh hoạt của xã hội Việt Nam, thời xưa có tứ dân: sỉ, nông, công, thương. Cùng với tranh hội hè trò chơi thời cận đại hoặc những hình ảnh về cải lương phong tục. Những hình ảnh này được vẽ rí-rõm nhất là những tranh khôi hài, châm biếm hoàn toàn tính chất người bình dân V.N. Tranh đám cưới chuột là một tranh ngộ nghĩnh châm biếm vẫn đề hỏi lè. Đến như mèo kia đã nhận của đút rồi thời chuột cứ việc nhởn nhơ chẳng còn sợ hãi gì. Tranh thầy đồ ếch cũng là loại tranh khôi hài: thầy đồ ngồi oai như «cóc cụ» sập chạm chân quỳ. Trước mặt án thư đầy đủ diều dom, nghiên bút, chén trà. Bên án một tên học trò đem sách lên đọc bài, phía sau một tên không thuộc bài đang bị đánh đòn. Bên kia án thư một tên sách ấm dót nước và trưởng tràng đang chỉ bảo cho đàn em.

— Tranh đánh ghen vẽ bà vợ cả búi tóc ngược sắn đến khủng bố bà vợ bé, nhưng lũ con nít giữ lại và bà vợ bé được ông chồng tìm cách che chở. Tranh đề: «muôn vê thanh, tham vê quý».

— Tranh hưng dừa vẽ hai người đàn ông đóng khố leo cây hái trái ném xuống cho hai người đàn bà kéo vây ra đỡ. Tranh đề: «trong như ngọc, trắng như ngà» đề tả cùi dừa và nước dừa nhưng cũng còn ám chỉ đến da dẻ người đàn bà.

— Tranh sinh hoạt xã hội có nhiều chi tiết lý thú sống động vì ghi toàn những cảnh thấy tận mắt và biểu lộ vê yêu đời, yêu thái bình an lạc nhất là trong những cảnh sinh hoạt nông thôn và hội hè.

— Bức tranh «*Canh nông vụ đỗ*» vẽ tất cả những giai đoạn của một vụ lúa từ cuốc đất, tát nước, cày bừa, reo mạ, nhổ mạ, cấy

lúa, gặt hái từ nơi đồng ruộng gánh về nhà để đập, giã, xay, sàng thành thóc thành gạo cho người, cho gia-súc gồm lợn gà chó chim ăn. Tranh đề những câu « Nông già thiên hạ bản dã » (nghề nông là cǎn bản của thiên hạ) đề cao thiên chức của con nhà nông và « Giời cho thịnh vượng » tỏ lộ vẻ sung sướng của con người làm ăn chăm chỉ được Trời Phật độ trì.

— Tranh vẽ bác thợ cầy, thợ bừa ngồi nghỉ dưới gốc cây, ở trước mặt có chim đậu, trên lưng trâu hay hót trên cành, có đề câu: « Thiên hạ thái bình nhân dân an lạc », diễn tả về thảnh thoái và điều ước vọng của người dân Việt-nam.

— Tranh du xuân đồ, vẽ những cảnh vui chơi hội hè gồm có hát à-đào, đánh vật, đánh bài phu.

Có bốn câu đề vịnh :

*Thời bình mở hội xuân,  
Nô nức quyết xa gần,  
Nhạc dâng ca trong điện,  
Trò thưòng vật ngoài sân.*

— Tranh thưòng xuân đồ vẽ những cảnh vui chơi xóc đĩa, có đề :

*Bốn đồng trong chậu lầy,  
Mua bán mãi liền tay.  
Rượu chè dù thích chí,  
Thua, được lại càng say.*

Trong tranh có vợ chồng chủ sòng ngồi đêm tiễn hồ, có nhà cái, nhà con sát phạt nhau, một bà vợ đến « tóm chom » ông chồng lôi về :

*Ông Hai xóc đĩa mời vče,  
Gái này đương muốn ngứa nghẽ với ông.*

— Phương ngôn đồ là tranh vẽ diễn ý những câu luring ngôn thường thức có tính chất giáo dục và xử thế:

- Có phúc có phận
- Trọng già, già đẽ tuổi cho
- Thuyền theo lái
- Có phúc gặp Phật
- Yêu trẻ, trẻ đến nhà
- Bắc cầu mà noi (nếu đủ cầu phải thêm chó ai bắc cầu mà lội)

— Nói người ngầm đến ta

Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn v.v...

— Tranh Tô nữ vẽ bốn người đẹp xưa, tóc bồ đuôi gà, áo quần tha thoát, ngồi đánh đàn nguyệt, đàn tỳ, thổi sáo, múa sênh một cách thư thái phong lưu.

— Tranh tích chuyện làm ta tò mò theo rỗi các nhân vật trong những cổ tích liệt truyện, sống động trong các khung cảnh non nước, thành quách, thanh phong minh nguyệt, mai nở bêu sân, phù dung lắp ló đầu tường, liễu rủ đầu cầu, thông già phor phất trên lầu mái cong, tóm tại toàn những cảnh đưa ta về cõi mộng vàng xa xưa.

— Tranh thờ là loại tranh khổ lớn vẽ thần thánh, Phật, Bồ tát. Chư vị gồm có hình những đức thánh Mẫu, những Ông Hoàng, những Cậu Quận, những cô Nàng v.v... Tranh do người vẽ quá quen tay, vẽ rất nhanh mà bồ cục vẫn vững vàng, nét vẽ già dặn, tò lò cảm hứng nồng nàn, tưống tượng phong phú của họa công. Những gương mặt trong tranh thường tươi cười hơn là nghiêm trang trịnh trọng, còn màu tranh thì rực rõ, bồn nhiên, đôi khi có tô điểm thêm ngân nhũ, kim nhũ cho thêm sang, thêm quý.

— Tranh Hương chủ dán thay cho bàn thờ gia tiên, nên đã vẽ lại cách bày biện một bàn thờ tổ, kiểu xưa như thế nào, trên đầu tranh có đẽ ba chữ: Phụng-tiên đường. Cố nhiên là bàn thờ bài trí theo luật triết đẽ cân đối, nhưng tranh tĩnh vật này cũng có màu sắc đầm ấm, vui vui và rất « ta ».

Tuy là tranh bình dân nhiều bức tranh thờ trông rất đẹp và có giá trị như tranh Ngũ-hổ, nay được liệt vào hạng tiêu biểu cho nghệ thuật cổ truyền Việt-nam.

## ● MÀU SẮC.

Nói riêng về màu sắc của tranh tết thuần túy, ta nhận thấy những tranh xưa trông tươi thắm mà dịu mát, rất gợi cảm. Lý do là vì tranh xưa in bằng màu thuốc lấy ở thảo mộc ra khác với lớp tranh in gần đây, nét vẽ đã vụng cứng lại bôi phết màu kim loại trông sắc sỡ gắt gỏng.

Tranh xưa màu đen ấm cúng, êm như nhung, màu trắng ánh như xa cù, màu lá mạ gợi lên màu ruộng xanh non dưới bầu trời xuân, màu hồng mượn sắc hoa sen trong hồ mùa hè, màu nâu non và màu lục là màu thường thấy ở áo, ở thắt lưng thôn nữ hòa hợp cùng màu yếm trắng, yếm đào.

Trong một tập xuân văn nghệ, nhà văn Lê-văn-Hđe có viết:

« Tranh già lớn đồ như xôi gác, vàng như màu lúa chín, xanh như lá mạ, hay vàng như nghệ kho cá, xanh như cỏm non, đồ như ngô già, nâu như đất cày, toàn những màu sắc quen thuộc, thân mến từ bao nhiêu đời rồi. Những màu sắc ấy in sâu vào tâm não nông dân, hết thế hệ này đến thế hệ khác thành các màu sắc dân tộc rồi. Những màu sắc xanh đồ chơi rực rỡ của tranh Tây, tranh Tàu nó chướng quá, nó không mặc mạc quen thuộc như màu xanh, đồ thô kệch, điếc đạm, thát thà của tranh lợn, tranh gà. »

Theo sự khảo cứu của M. Durand trong « *Tranh bình dân Việt-nam* » (Imagerie populaire Vietnamienne) thì những nhà làm tranh phân ra 6 màu chính và 3 màu pha. Màu chính và sắc đậm lạt của mỗi màu là :

1) Màu đồ với các sắc đồ son (mào già), đồ tía (diều), đồ tim thắm (cánh quế), hồng tươi (cánh sen), hồng mát (hoa đào), phớt hồng như phấn.

2) Màu vàng có vàng thắm (vàng nghệ) và vàng nhạt (màu hoàng yến).

3) Màu trắng hay màu nguyệt bạch.

4) Xanh lục hay xanh lá cây.

- 5) xanh lam hay chàm.
- 6) Cá vàng hay hoa hiên.

Màu pha gồm có :

Màu đỏ vàng trộn với phẩm điêu thành màu son.

Màu son trộn với đen thành nâu cũng gọi là cánh quế.

Màu xanh trộn với vàng thành màu hoa lý.

Muốn trộn màu hoặc in màu thuốc khác đè lên, người ta đánh thuốc tan trong hồ tê pha loãng. Có làm thế thì in ra mới đều và giấy không bị thuốc ngấm qua như thường hợp thuốc chỉ pha nước lâ.

Do nguồn gốc màu thuốc người ta phân biệt thuốc cái và thuốc nực. Thuốc cái gồm :

- 1) Phấn trắng lấy ở vỏ sò, hồn tán ra gọi là thuốc điệp.
- 2) Xa thanh có thể là màu xanh xa cù.
- 3) Màu đen : mực tàu.
- 4) Bột vàng : kim nhũ.
- 5) Bột bạc ; ngân nhũ.

## ● IN TRANH.

---

In tranh người ta dùng hai loại mộc bản : bản in nét và bản in màu.

— In nét người ta dùng ván gỗ thị là thứ gỗ chắc mà dẻo. Dẻo để khắc những nét thật thanh, chắc để có thể in nhiều mà bản gỗ không hao mòn.

In màu người ta dùng gỗ nhẵn mặt, không nứt không làm hư màu thuốc, những gỗ vàng tâm, gỗ giổi, gỗ mõi là những loại thích hợp.

## ● NGUỒN GỐC TRANH TẾT.

Chúng ta không rõ tranh Tết có từ bao giờ nhưng có thể in rằng nó có do ảnh hưởng Trung-hoa cũng như tục ăn Tết Nguyên-Đán.

Theo « *Lịch-triều-hiến-chương* » thì nghề in theo lối mộc bản đã có từ dưới triều Lý, Trần (thế kỷ XI-XIV). Bấy giờ đã in nhiều sách mà trong sách ít ra cũng có những hình vẽ đen trắng, vậy ta có thể cho là tranh in đã có từ thời này.

Theo thuyết của những làng sản xuất tranh Tết thì nghề này nhập cảnh Việt-nam từ thế kỷ XV do trạng nguyên Lương-như-Hộc đời Hậu Lê. Trạng nguyên người làng Hồng-Liễu, huyện Trường-Tân nay là làng Thanh-Liễu, huyện Gia-Lộc, tỉnh Hải-Dương. Người được làng Đông-Hồ, phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh là làng làm tranh có tiếng thờ làm tổ-sư nghề in tranh Tết. Có lẽ tranh Tết phát triển mạnh vào dịp chùa Trịnh Giang, năm Giáp dần 1734, ra lệnh khắc bản in để in sách học như *Tứ-Thi*, *Ngũ-kinh* thay thế các sách bên Tàu mà chùa không cho nhập cảng nữa.

Tại tòa Tiên Đường chùa Đậu & Hà-Đông do một bà phi lập ra thời này những màu sắc tô trên cột kèo cũng là mẫu của các tranh Tết cổ.

Tuy nhiên tranh in từ triều vua Lê chúa Trịnh chắc không còn đến nay. Có còn lại là những đế tài tranh và họa chặng còn một số nào những bản in tồn tại ở các nơi sản-xuất tranh. Những bản in này lâu-lâu cũng khắc lại và sửa đổi ít nhiều mà thường sửa lại một cách cẩu thả do đó những tranh sau thường kém giá trị mỹ-thuật đối với những tranh trước và nếu có một sưu-tập tranh Tết gồm nhiều mồi cũ ta có thể dễ-dàng nhận ra tranh nào cổ tranh nào kim, tuy cổ cũng không quá đầu thế kỷ này. Trong khoảng thời-gian mấy chục năm gần đây tranh Tết đã mang nhiều chứng tích thăng trầm và ghi chép những biến chuyển xã hội trải qua các thời đại rõ ràng hơn cả những tập bưu hoa,

## • NHỮNG NƠI SẢN XUẤT.

---

Tranh Tết sản xuất tại mấy nơi chính là:

— Những làng Nam-dư thương, huyện Thanh-trì và Bình-vọng (làng Bằng) phủ Thường-Tín tỉnh Hà-Đông.

— Làng Sen-Hồ, tỉnh Bắc-giang. Hồi gần đây những làng này thường dùng giấy báo để in.

— Làng Đông-Hồ, phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-ninh là nơi sản-xuất tranh danh tiếng mà nhà thơ Hoàng-Cầm đã có câu:

Tranh Đông-Hồ gà lợn nét tươi trong,

Hồn dân tộc chảy tràn trên giấy mực...

— Tại Hà-Nội, phố hàng Quạt, hàng Nón, cũng có những tiệm in tranh Tết những tiệm này là đại diện của những làng kẽ trên những sản xuất thường trực những tranh thờ nhất là về tranh chư vị hơn là tranh Tết. Tại tỉnh lỵ Sơn-Tây trước đây cũng có nhiều tiệm vẽ tranh thờ chư-vị có một sắc thái khá khác biệt với tranh Hà-Nội vì màu, vì nét vẽ.

## • HIỆN TRẠNG CỦA TRANH TẾT.

---

Thế hệ thiếu niên ngày nay hầu như không biết đến tranh Tết. Nhưng nhiều người thiện chí gần đây đã nỗ lực phục hồi tranh Tết cho nó một địa vị xứng đáng. Thời tiền chiến một vài họa sĩ danh tiếng yêu tranh Tết có vẽ một số tranh với đề tài mới theo truyền thống diễn tả nếp sinh hoạt nông thôn và thành thị. Những tác phẩm khởi đầu này hứa hẹn nhiều cho việc phát huy một nghệ thuật đặc sắc nhưng quắc biền liên miên. Nhiều điều kiện bất tiện không cho phép các nghệ sĩ tiếp tục thực hiện mục đích tốt đẹp ấy. TRANH TẾT CÒN TỒN TẠI NHƯNG KHÔNG PHỒN THỊNH NHƯ XƯA.

Trước sau thì — tranh tết vẫn là loại tranh thuần túy bình dân. Tuy nhiên với tình thần dân tộc chúng ta luôn luôn cầu mong cho tranh tết sẽ sống còn mãi mãi với tết, với xuân trên quê hương, xứ sở.



## CUNG CHÚC TÂN XUÂN

### HÀNG CÀ-PHÊ

*Meilleur Goût*

135, Đại-Lộ Hàm-Nghi — SAICON

Điện thoại: 21.284

**Chuyên bán cà-phê sống và cà-phê chín**

(Rang và xay mỗi ngày bằng máy điện)

Chi-Nhánh : { 124, đường Pasteur — Saigon  
38, đường Minh-Mạng — Đà-lạt

Giới sành điệu Thủ-Đô đều nhận dùng  
cà-phê Meilleur Goût là thơm-ngon nhứt.  
Đã dùng qua 1 lần là không thể quên được.

Trân trọng kính gửi quý khách hàng thân mến  
lời cảm tạ nồng nhiệt nhứt của chúng tôi.

Kính chúc quý khách năm mới Đinh Mùi  
Hạnh phúc và Khỏe mạnh.

# LÊ KỊ ÔNG - BÀ

ngày TẾT của người

## CHÀM BÀ - LA - MÔN

ở BÌNH - TUY

▼ NGUYỄN-BẠT-TUY

---

### VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Bài này trình-bày một đề-xét vừa về học-dân (1) vừa về học-ngữ (2) thâu-hẹp đến mức cung-tột, vì phạm-vi có hạn của tập-san *Sử-Địa* không cho phép người — viết làm hơn. Sự thâu-hẹp này nhận thấy về ba mặt: tông-giáo, phong-tục và ngôn-ngữ.

A) Về tông-giáo, người Chàm theo ba đạo chính: đạo Bà-la-môn, đạo Bà-ni và đạo Hồi.

1.— Người Chàm theo đạo Bà-la-môn tự nhận là *Chăm*, tuy tiếng này chỉ là tên dân Chàm, đề ngũ-ý rằng đó là đạo chính và có trước nhất trên đất Chàm xưa. Họ ở phần-đông các làng miền Trung thuộc hai tỉnh Ninh-Thuận, Bình-Thuận và ở Bình-Tuy. Họ không có nơi thờ-cúng riêng về đạo và chết thi thiêu. Một số người nghèo không đủ sức làm lễ-thiêu thường chôn tạm ít năm mà khấn-hứa rằng khi khai sẽ làm đám-thiêu lại. Một số khác, vì nghèo quá, không bao giờ làm đám-thiêu cho người-

---

(1) Tức *dân-lộc-học* (ethnologie).

(2) Tức *ngữ-học* (linguistique).

thân được, lâu ngày đã bỏ hẳn tục thiêu mà chỉ chôn người chết. Do đó người ta phân-biệt những «người Bà-la-môn thiêu» và những «người Bà-la-môn chôn»

2.— Người Chàm theo đạo Bà-ni, gọi là Chăm Bà-ni thường ở những làng riêng cũng thuộc ba tỉnh nói trên, nhưng chiếm phần ít hơn. Họ có nơi riêng để thờ cúng, quen gọi là chùa Bà-ni, mà chỉ các thầy-tu mỗi năm vào ở một tháng gần Tết, chứ không phải là nơi cho dân-đạo vào lê-bái. Đạo của họ thật ra là một thứ đạo Hồi đã biến-tính, từ các lê-đạo đến phép hành-đạo, nên họ chết thì chôn theo kiều người có đạo Hồi.

3.— Người Chàm theo đạo Hồi vốn là những người trước kia đã chạy sang Kămbôđ, chịu ảnh-hưởng người Mã-lay mà chấp-nhận đạo Hồi thuần-túy. Họ có nơi hành-đạo riêng cho thầy-tu cùng dân-đạo đến cầu-nguyện hàng ngày và chết thì chôn. Người Chàm có đạo Hồi ở riêng ba vùng Châu-Đốc, Tây-Ninh và Lộc-Ninh. Một số chừng 2.000 người Châu-Đốc đã về ở quây-quần với nhau tại vài nơi ở Sài-gòn và đạo Hồi bắt đầu có pền-móng ở miền Trung với một ngôi chùa Hồi mới cất vài năm nay tại xã Phước-Nhơn, tỉnh Ninh-Thuận.

Ở đây ta nói riêng về người Chàm Bà-la-môn.

B) Về phong-tục, trong phạm-vi đạo Bà-la-môn, tuy tôi nói về Tết Chàm, mà chỉ chú-trọng vào sự cúng ông bà trong số các lễ ngày Tết của người Chàm thôi. Thật ra, ngoài tín-ngưỡng về đạo chính của họ, người Chàm ở mỗi vùng còn có một vài cái đền, tức đền thờ một số vua-chúa, thần-thánh, được coi là to hơn ông-bà và được chúng-dân tối cầu-cúng trước: đó là cúng Chúa. Mỗi lễ-cúng các vị ấy có-thì là một đề-xét thích-thú mà ta sẽ phân-tách ở những dịp khác, và ở đây tôi sẽ chỉ kè qua thôi.

Và lại, trừ những ngày đi lễ Tết ở các đền, có tính-cách nhất-định và thuộc về Tết Chúa ngày kỵ Tết

ở các gia-dinh Chàm không đồng-loạt, vì mỗi gia-dinh có-thì tùy-nghi cúng kỵ vào một ngày mà họ đã lựa-chọn: đó là Tết đồng , theo lối nói ở Bình-Tuy. Vào ngày ấy, không biết chừng lại có một hay vài nhà khác trong làng cũng cúng Tết đè ngày sau đến lượt một hay vài nhà khác nữa. Vậy mô-tả một lễ-kỵ ở một nhà nào đó đủ để cho ta một ý-niệm về một nghi-lễ trong ngày Tết của người Chàm Bà-la-môn.

Hơn nữa, ngày tháng ở ba vùng có người Chàm Bà-la-môn cũng không thống-nhất: tháng chạp Chàm Ninh-Thuận chỉ là tháng mười-một Chàm Bình-Thuận. Riêng đây ta có một Tết Chàm vào tháng chạp lịch-âm, ở ấp Hiệp-Nhơn, quận Hàm-Tân, tỉnh<sup>v</sup> Bình-Tuy.

C) Về ngôn-ngữ, nói đến nghi-lễ cúng-bái của một sắc dân, nhà-học-dân luôn-luôn chú-trọng vào những tiếng liên-quan đến sự cúng-bái ấy rút ngay ở ngữ mà dân ấy nói. Nhưng trong ngữ-Chàm, ta phải phân-biệt 4 ngữ-miền chính: ngữ-miền Ninh-Thuận, ngữ-miền Bình-Thuận, ngữ-miền Bình-Tuy và ngữ-miền Châu-Đốc (và Tây-Ninh). Ở đây tôi ghi-nhận những tiếng nói ở Bình-Tuy đè bạn-đọc có một ý-niệm về ngôn-ngữ Chàm ở một miền nhất-định, qua những hoạt-động của người Chàm, ở phần học-dân. Rồi tôi sẽ đổi-chiếu những tiếng ấy với tiếng nói ở các miền khác, và các tiếng xưa, ở phần học-ngữ, đè bạn-đọc có thêm một ý-niệm về ảnh-hưởng của «nơi» và «thời» đổi với ngôn-ngữ một giống dân. Đó là một cách lồng một công-tác nghiên-cứu vào cả hai khung học-địa và học-sử, tuy ở đây, vì thiếu chỗ, tôi không thể mô-tả luôn cả hai khung-cảnh ấy.

Ngoài ra, nhân những khó-khăn về ẩn-loát, cách ghi-âm Chàm tuy làm hết-sức tỉ-mỉ, vẫn phải châm-chước ở vài điểm, như sẽ trình-bày ở phần học-ngữ dưới kia. Những công-việc có tính-cách thuần-túy khoa-học, tôi xin hẹn cùng bạn-đọc ở những Tập-khoa Trung-ương Dân-ngữ mà tôi sẽ cho ra mắt giới-học trong một ngày gần đây, khi việc thiết-lập một trung-tâm nghiên-cứu học-dân và học-ngữ của tôi, mà tôi đang xúc-tiến, đã được chính-quyền cho phép.

Vậy sau đây ta có hai phần khảo-sát :

I.— Phong-tục Chàm Bình-Tuy qua lễ-kì ngày Tết.

II.— Ngôn-ngữ Chàm Bình-Tuy qua lễ-kì ngày Tết.



## 1. PHONG-TỤC CHÀM BÌNH-TUY QUA LỄ-KỊ NGÀY TẾT.

Tỉnh Bình-Tuy thuộc miền Nam và có rất ít người Chàm, nếu so với hai tỉnh Bình-Thuận và Ninh-Thuận thuộc miền Trung. Người Chàm nơi đây ở chia ra hai quận: Tánh-Linh và Hàm-Tân.

Người Chàm Tánh-Linh có: 311 người theo đạo Bà-la-môn, vốn có nhiều nhất ở hai xã Lạc-Tánh và Lạc-Hóa, nhưng nay đã tập-trung cả về xã Lạc-Tánh.

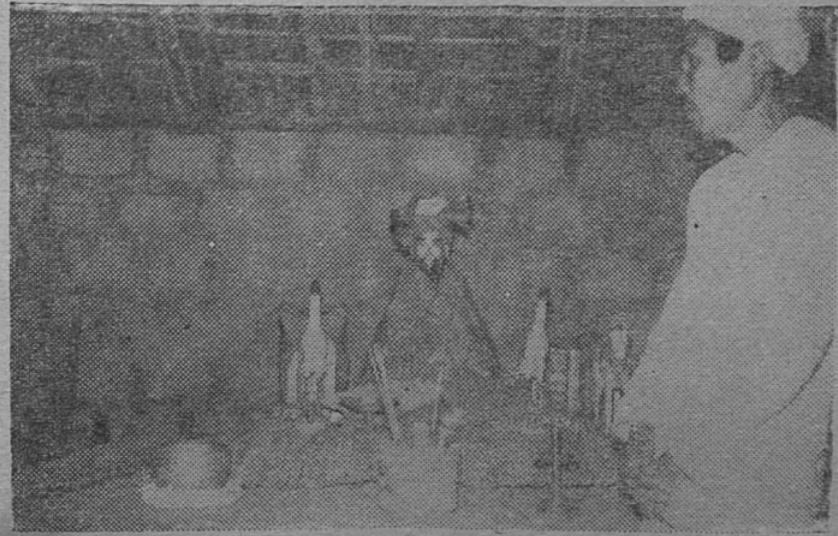
Người Chàm Hàm-Tân có 305 người theo đạo Bà-ni ở ấp Phò-Trì xã Hiệp-Hòa, vốn là dân ba ấp Phò-Trì, Hàm-Thắng và Thắng-Hải ở dồn lại: từ 1963, vì lí-do an-ninh, người Chàm Phò-Trì, gồm có 85 gia-đình, đã di-cư về tỉnh-lị Bình-Tuy, ở quây-quần chỗ gần nhà máy-nước, bên lối đập Đá-dựng.

200 người theo đạo Bà-la-môn ở hai ấp Hiệp-Phước và Hiệp-Nhơn, trước là xã Hiệp-Nghĩa. Trước hồi chiến-tranh Việt-Pháp họ vốn đông-đúc hơn, nhưng về sau một số dân Chàm ở đây đã chạy lên Ma-Lâm tị-nạn và, từ 200 nóc gia, hiện họ chỉ còn chừng 32 gia-đình.

Muốn đi xem Tết người Chàm Hiệp-Nhơn, từ tỉnh-lị ta đi Tam-Tân, là quận-lỵ Hàm-Tân cách đó 13cs, rồi đi thêm gần 2cs nữa tới khu-vực người Chàm với những nhà lá lúp-xúp ở hai bên đường. Dân ở đây sinh-sống bằng hai nghề chính: nghề nồng và nghề chài-lưới, ngoài nghề kiếm củi ở rừng. Họ ở đây «từ hồi ông cố ông sơ» và khai-phá ruộng-đất rất nhiều, nhưng đã bán dần bán mòn cho người mình, và cuối cùng, họ đã mất không một số khé lớn sau hồi tản-cư trong cuộc chiến-tranh Việt-Pháp, vì không có giấy-tờ chứng-minh. Ngày nay, trừ

vài người còn giữ được ruộng ông-bà, phần-đông phải thuê ruộng làng mà làm mùa. Ngay đến trâu-cày, cứ ba bốn nhà mới có một con, còn thì phải mướn mỗi khi cần cày-bừa. Đời-sống đã thiếu-thốn như vậy thì cái Tết của người dân không sao dỗi-dào được là lẽ tự-nhiên.

Không như ở Phò-Trì có được ba họ Thông, Đào, Mã, dân đây trước kia toàn họ Thông và có tên-đè đặt theo người mình cả. Sau vì chết trùng nhiều quá nên một số người đã cải thành họ Nam để tránh trùng. Họ có hai đền-thờ đã bị tàn-phá và mới cất lại một cách sơ-sài mà gọi là *dinh*; dinh Chúa, tức chúa Sơn-Tây «đền ông Núi», và dinh Cậu, tức Cậu La-băng , cách ấp chừng hơn 1 cs. (hình 1 và 2).

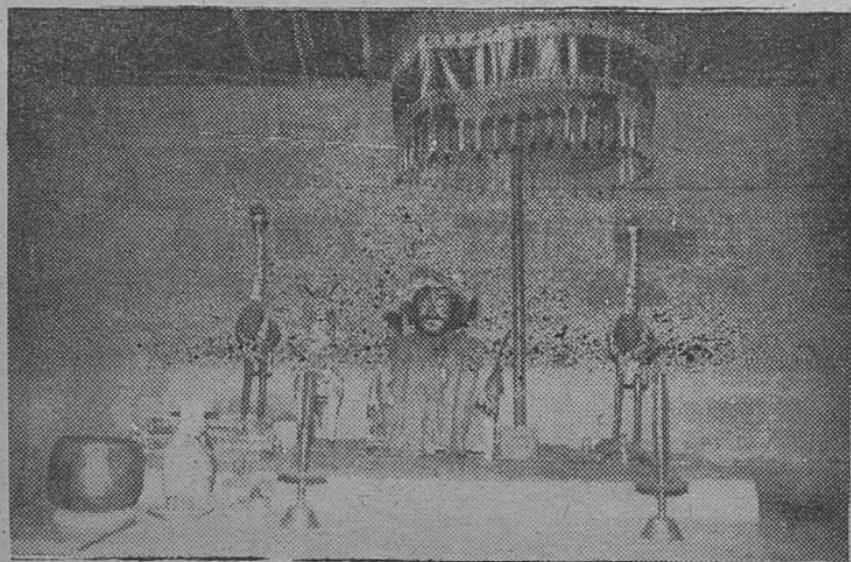


Hình 1  
*Phía trong dinh Chúa*

Ông Từ đứng trước bàn-thờ Chúa, bên tả. (1) Thấy tượng Chúa ngồi trên bệ, mặt thoa kim-nhũ, đầu quấn khăn trắng và

(1) Nhìn vào hình-chụp là bên hữu, nhưng nói về vị-trí trong nhà-cửa dinh-chùa thì phải coi như từ trong nhìn ra mà là bên tả. Đáng chú-ý là trong đền này bài-vị bà Chúa Mẹ lại để bên hữu và bài-vị bà Chúa Con để bên tả nghĩa là trái với thứ-tự thông-thường của ta, vì tả phải to hơn hữu.

khăn điều minh choàng áo điều; bên tả có ngựa bạch-hầu. Hai bên tượng còn có hai bài-vị thờ bà Chúa Mẹ tức bà Chúa Ngọc, và bà Chúa Con



Hình 2

*Phía trong dinh Cậu*

Tượng Cậu ngồi trên ngai thấp có lọng che, có ngựa bạch hầu, đầu quấn khăn trắng có tua đỏ, minh choàng áo điều.

Chính là ở hai đèn này mà Tết Chàm khởi-sự với giai đoạn đầu gọi là *ăn Tết Chúa*. Ở ấp Bà-ni Phò-Trì, sung-túc hơn, Tết Chúa cử-hành hàng năm vào ngày 17 tháng chạp ta và có cúng kỳ-yên ở đèn. Lễ-cúng tiếp-tục suốt 7 ngày với:

i ông bái chuyên về việc tế-lễ;

i thầy võ làm lễ mà võ vào một cái trống;

i bà bóng ngồi cúng và rót rượu, rót nước dâng Chúa;

i ông từ giữ việc nhang đèn trong đèn.

Ban-nhạc thì có hai người đánh trống, một người thổi kèn, một người đánh phèng-la. Lại có đá-gà hầu Chúa vui-vẻ lắm.

Ở ấp Bà-la-môn Hiệp-Nhơn, nghèo-khó hơn, Tết Chúa không tưng-bừng bằng, nhưng khi cúng ông bà thì có-thìe to nhỏ tùy cảnh từng gia-dinh.

**A. Đồ-cúng ông-bà:** Theo tục Bà-ni, ông-bà phải cúng trong nhà, nhưng theo tục Bà-la-môn, ông-bà phải cúng ngoài sân. Muốn bày đồ-cúng, người Chàm trải phân xuồng đất ngay trước nhà, rồi quây cà-tăng ba phía với một phía trống, đê cúng-kiêng trong phạm-vi tắm cà-tăng ấy.

Đồ-cúng gồm có: cơm , xôi ; cháo , chè «cháo ngọt», các thứ bánh , canh , thịt , cá , trầu ; cau , rượu , nước . Cũng có những món phụ: mề , lòng , tiết «máu đặc», dưa-giá , «dưa đậu», đợt mây đắng , nước-lèo «nước trộn». Nếu nói ti-mi về từng món, ta có-thìe thêm những nhận-xét sau đây:

Cơm phải có hai chén đựng riêng ở mỗi mâm hay, nếu thiếu chỗ, úp lại làm một mà ém chặt.

Mỗi tô xôi có đê cùi dừa nạo và hai quả chuối : xôi thường nhuộm vàng

Banh có nhiều thứ: bánh tráng , bánh ít , bánh-gan làm bằng trứng vịt chưng với đường, bánh-gói , và loại này chia ra bánh-cặp «bánh-gói miếng» gói bằng lá dừa, không có nhân và cột từng cặp một (hình 3), bánh-dòn có nhân và gói thành dòn dài. Vào loại «bánh» người Chàm còn kè xôi-ngot làm bằng xôi bỏ đường và xắt thành từng miếng nhỏ.



Hình 3

*Phụ-nữ Chàm ngồi gói bánh cắp.*

Cháo có cháo-trắng , cháo-cay có tra hành  
, tiêu, ớt và cháo-ngọt tức là  
chè của ta.

Canh thường là canh-bầu « canh trái bầu »,  
canh-ghém

Thịt có thịt gà , thịt vịt thịt heo  
, thịt dê , nhưng không có thịt bò vì đối  
với người Bà-la-môn bò là một con vật thiêng không ăn thịt được.

Cá có cá kho và cá nướng

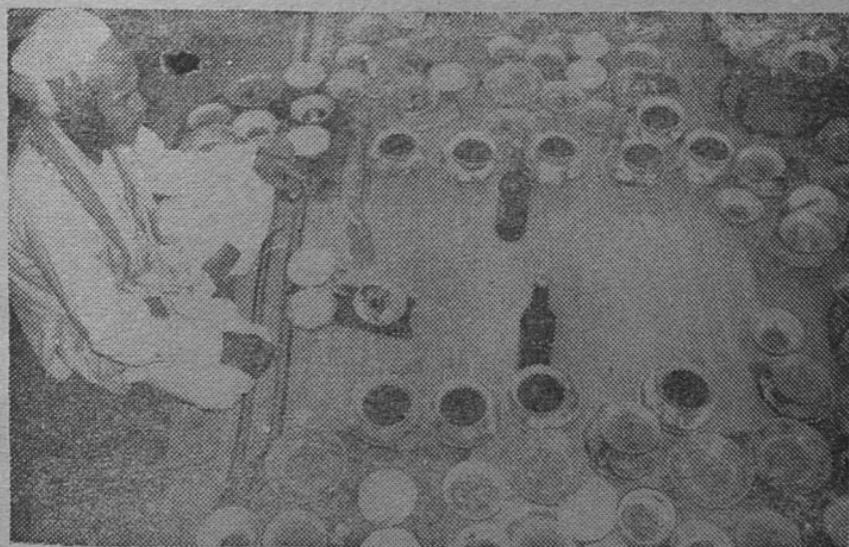
Trâu có trâu-têm bày với cau-miếng  
hay trâu-lá bày trên hộp-trâu bằng đồng.

B. Mâm-cúng ông-bà: Đồ-cúng bày trên mười mâm bằng  
gỗ và sắp-đặt sao cho các mâm cúng Chúa ở bên hữu và các

mâm cúng ông-bà ở bên tả, nếu nhìn từ chiểu ra, nghĩa là từ đầu có cà-tăng quây kín. Hai kiều bày mâm-cúng ở hai lề-cúng to nhỏ khác nhau cho ta thấy một vài sai-biệt về chi-tiết như sau :

1.— Ở một lề-cúng nhỏ, ta thấy 5 mâm cúng Chúa và 5 mâm cúng ông-bà. Trước mỗi mâm có một tô xôi, hai chén chè. Ở góc hữu (nhìn ra) có một mâm cao hơn và ở góc tả có một khay đè hai hộp trầu: một đè trầu-têm, 1 đè hạt cau

. Kế bên khay là một chai rượu, một đĩa có hai quả trứng vịt , một đĩa đựng 5 lá trầu. Ở giữa chiểu có một tấm lá đè một bát trầm , một bát nước lã và một chai rượu với một cái li đặt trên đĩa. Cũng có 2 chai bia, vì theo đời mới, ông-bà cũng dùng được những đồ-uống đóng-chai. Ngoài ra, tuy không cấm nhang, mỗi mâm-cúng có gắn một cây nến sáp nhỏ (hình 4).



Hình 4

Một lề-cúng nhỏ mà chủ-lẽ là một ông-vỗ ngồi xếp-bằng.

2.— Ở một lề-cúng lớn, bên hữu (nhìn ra) chỉ có 4 mâm cúng Chúa và bên tả có 6 mâm cúng ông-bà. Trước mỗi mâm có một bát nước-lèo, một đĩa to bày chè-đậu, bánh-tráng,

bánh-đòn, bánh-ít, bánh-gan, chuối, xôi-ngọt. Mỗi mâm có hai chén cơm, một tô canh-gà, i tô bí-đỏ, i đĩa cá kho, i đĩa dưa-giá, i đĩa đợt-mây, i chai nước-ngọt (hình 5).



Hình 5

Một lễ-cúng lớn mà chủ-lẽ là một bà bón ngồi tè-he

C. Lễ-cúng ông-bà : Lễ-cúng bắt đầu với bà bón mặc áo trắng ngồi-qui trước bát cát trên có than-hồng và trầm. Bà cầm cây nến mà đốt trầm rồi bưng cái chén trong có chung rượu đưa qua phía trên bát trầm như để xông cho rượu theo hương trầm khói trầm bốc lên thấu tới chư linh. Ké đó bà bưng tô nước cũng đưa qua phía trên bát trầm, vừa đưa vừa kêu-cầu Chúa (hình 6).

Theo lời mời của bà bón, một ông bái anh-rè của bà chủ-nhà mà chồng đã mất, thay mặt bên nội, tức là bên bà chủ-nhà. vào ngồi lui về phía sau bà bón. Ông cung tay trên trán và chắp tay theo một lối đặc-biệt khác lối người mình, là chỉ để các đầu ngón-tay, trừ hai ngón út,



Hình 6

Bà bóng ngồi bưng tô nước mà kêu-cầu Chúa.

chạm nhau (hình 7). Ông khấn sang phía tả là phía các mâm-cúng ông-bà, trong khi đó bà bóng lại đưa chén có chung rượu và tô nước phía trên bát trăm lần để kêu-cầu ông-bà



Hình 7

Ông bái chắp tay khấn trong khi bà bóng bưng chung rượu kêu-cầu ông-bà.

Bà bóng kêu-cầu xong thì ông bái đi mở nút các chai nước ngọt mà rót một chút vào các chén bày sẵn trên chiếu, đồng-thời mở nắp các hộp trầu để chư linh về hưởng lễ. Rồi bà bóng bắt đầu khấn từng vị về, hai tay bưng cái chén có chung rượu trước mình. Mỗi lần thỉnh xong một vị bà đồ chung rượu mà vị ấy đã hưởng vào chén lót, rồi rót ít rượu mới vào chung để khấn vị kế-tiếp mà mời. Theo thứ tự từ lớn đến nhỏ, bà khấn các Chúa trước rồi đến các Cậu sau.

Các Chúa thường được khấn mời ở vùng này là:

Pô Inur Nagar, nói là ; tức bà Thiên Y A-na, hay chúa Ngọc.

Pô Klong Phròw , tức chúa Chẳng Râu.

Pô Hlim Par , nói là , còn gọi là Pô Câq tức chúa Sơn-Tây.

Pô Găt, tức chúa Động.

Pô Ông , tức Pô Klong Garay

Pô Wăr Paley, nói là , tức chúa Lạc-xứ v.v...

Các Cậu thường được khấn mời ở vùng này là:

Cey (1) Ya.

Cey Bangu , nói là , tức Pô Binhthr.

Cey Chah Chang, tức cậu Chài.

Cey Talang Babal , nói là

Cey Răh Nagăr, nói là , tức cậu Út v.v..

---

(1) Những người tạo ra chữ «quốc-ngữ», vì không nhìn xa, nên đã bày-đặt ra *ch* trong khi một chữ *c* là đủ. Nếu chỉ nghiên-cứu trong phạm-vi ngữ ta thì *ch* không sao, chờ gặp những ngữ có âm-cản-ép /c/ đi với âm hà /h/ thì ta lâm vào ngõ-bí ngay. Bởi vậy tôi sẽ thay *c*, *k* hoàn-toàn bằng *k* trong các tên ở ngữ khác, thay *ch* bằng *c* và dành *ch* cho nhóm âm /ch/. Một tên cậu Chài là *Cey Chah Chang* (theo giọng Bình-Suy) đủ cho ta thấy sự phân-biệt *c* và *ch* quan-hệ ra sao.

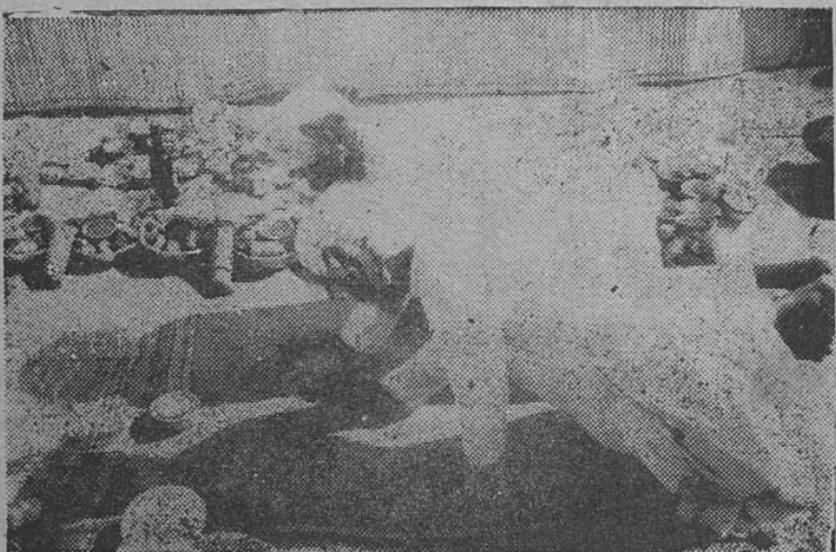
Bà bóng khấn xong các vị trên, thình-lình một vị đập-đồng  
về quở rằng hôm qua hai vợ-chồng ông bái súra-soạn  
lễ Chúa mà sao lại gây-lộn với nhau. Người ta xúm lại van-vái  
nên vị Chúa mới nguôi giận và mọi việc lại êm.

Bây giờ bà bóng ngồi sang mâm cuối dãy tǎ đè cúng  
ông-bà sau khi đã cúng các Chúa, các Cậu. Cúng xong bà lạy,  
rồi mọi người lần lượt vào lạy từng ba hay bốn người một  
lần: ba lạy dâng các Chúa, ba lạy dâng ông-bà. Cũng như cách  
chắp tay của đàn-ông Chàm cách lạy của người đàn-bà Chàm có  
nhiều điểm đặc-biệt khác cách lạy của người mình: thoát-tiên  
vào ngồi-quì đưa hai tay lên chắp phía trên đầu (hình 8), rồi  
cúi dài người ra, chống tay hữu xuống đất (hình 9), kế đưa  
tay tǎ xa về phía trước nứa mà đỡ cho người nằm dài thêm, đè  
tay hữu có-thè nhắc lên rồi đưa nằm hẳn xuống đất cho bên hữu  
người tựa xuống mà duỗi thêm tay tǎ, khiến cả người nằm úp (hình  
10). Đối với một người lần đầu tập cách lạy này thì đang ngồi-quì mà  
đưa mình vào phía trước để chống tay xuống là cả một sự khó-khăn.  
Nhưng tất-cả những cử-động trên, người Chàm, nhờ thói-  
quen, đã làm một cách nhịp-nhàng tự-nhiên không chút khó-nhọc.



Hình 8

Phu-nu Chàm ngồi-quì chắp tay trên đầu đè súra-soạn lạy.  
(bà bóng ngồi tránh sang bên).



Hình 9

*Đàn-ông Chàm chổng tay hữu để đưa mình nằm xuống mà lạy.*



Hình 10

*Bà bóng nằm úp mình xuống chiếu mà lạy.*

Mỗi lần một nhóm người lạy xong như thế thì một người đại-diện cho nhóm uống rượu cúng ở chung mà bà bóng rót cho từ cái chén lót. Có một điều đáng chú ý là tùy theo

chế-độ hệ-mẹ, hội-sống Chàm vẫn dành quyền ăn trên ngôi trước cho người đàn-ông. Chẳng hạn, sau bà bóng là người chủ-lễ là lượt những đàn-ông vào lạy cho khắp mặt rông mới đến lượt đàn-bà. Rồi lát nữa, khi ăn thì cũng các ông các cậu vào mâm trước, xong xuôi mới đến lượt các bà, các cô. Nhưng đối với thần-thánh ông-bà, nam hay nữ đều hết-sức cần-trọng nên, khi lạy, người nào cũng quấn khăn trắng lót mình: đàn-ông thì khăn ở lưng, đàn-bà thì khăn ở chân (hình 11).



Hình 11

*Phụ-nữ Chàm quấn khăn ở chân mà lạy.*

Cùng xong, người ta sửa-soạn ăn cỗ. Ở đây không có chuyện «hạ cỗ», vì cỗ đã bày sẵn trên chiếu. Đồ-cúng ở các mâm bày sát tẩm cà-tăng bây giờ đặt xuống chiếu, ra gần giữa, và sắp cho thẳng hàng. Còn các chén chè, các đĩa bánh-ít lại xếp quanh chân cà-tăng cho gọn mắt vì chưa ăn tối ngay. Các bát cơm đầy thì xót bớt đi cho dễ-coi. Ở loạt ăn đầu có toàn đàn-ông ngồi hai hàng, ngay giữa trời nắng, cũng dùng đũa, dùng muỗng, và chủ-nhà đi mời khách này khách nọ:

«ăn cháo đi, anh! ăn cháo đi, anh!» Người phụ-nữ duy-nhất cùng ăn với phái nam ở loạt này là bà bóng với tư cách người chủ-lễ, bà có một mâm riêng ở góc tả và, theo tục-lệ bà không được dùng đũa, mà phải bốc bằng tay (hình 12).



Hình 12

Đám cỗ kị có bà bón ngồi với phái nam.

Sau khi phái nữ đã ngồi tiếp vào ăn cỗ xong, một số phụ-nữ là con-gái đã có chồng, hay con-dâu , có đem đồ-cúng ông-bà sang cúng cha đẻ hay cha-chồng ở nhà mẹ-đẻ hay mẹ-chồng mình, được hưởng phần cúng mà bưng về nhà riêng trên những mâm gỗ nhỏ (hình 13).



Hình 13

Phụ-aữ bưng phần cúng kị về nhà riêng.

Thế là một ngày lễ-kị ông-bà ngày Tết Chàm chấm-dứt.

## 2. NGÔN NGỮ CHÀM BÌNH TUY QUA LỄ KỊ NGÀY TẾT (Còn tiếp)

L.T.S. : Chúng tôi xin thành thật cáo lỗi cùng độc giả và nhất là tác giả về phần phiên âm vì lý do kỹ thuật.

ĐA TA

---

# *Thư tịch về phong tục Tết V.N.*

---

## ■ mục lục phân tích trong các tạp chí

### Lời nói đầu:

Sau một thời gian tìm đọc trong các Thư viện Saigon, chúng tôi chỉ đọc được hơn 20 Tạp chí (trong số đó có 5 tạp chí bằng Pháp văn) và chỉ tìm được 93 bài văn viết về phong tục Tết V.N (Riêng các tạp chí như Đô Thành Hiếu Cố (B.A.V.H.) không có bài nào) ! Thực sự, trong số đó, có nhiều bài không phải thuần túy về phong tục Tết, chúng tôi cũng nêu lên, bởi vì dù sao những bài đó cũng liên quan tới chủ đề.

Một trong những thiếu sót lớn lao trong việc lập thư tịch này là nhiều bộ báo tại các Thư-viện Saigon bị khiếm khuyết và chúng tôi không đủ thì giờ đọc hết các báo đã xuất bản tại VN từ trước đến nay. Thành thử, thư tịch này trở nên thiếu sót và nghèo nàn, bởi vì, biết đâu trong các số báo chúng tôi chưa đọc hoặc không đọc được lại có nhiều bài viết về phong tục V.N ?

Ngoài ra, trong thư tịch này, một số bài báo của tạp chí *Thanh Nghị* không để số, bởi vì tập báo chúng tôi đọc mất trang bìa ghi số, nên chúng tôi buộc chỉ ghi năm in thôi.

Sau cùng, theo thông lệ, một số tên tạp chí được chúng tôi viết tắt, như :

BEFEO : Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient

BSEI : Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises

TBCN : Trung Bắc Chủ Nhật

VHNS : Văn Hóa Nguyệt San

Sau này nếu có dịp, chúng tôi hy vọng sẽ bổ túc phần thư tịch này được đầy đủ hơn.

1) LÊ QUÂN và HỒNG LAM, *Những cái tết chiến tranh của người VN*, TBCN, Hà Nội, số 188 bis, 1944, tr. 3-4.

2) TÙ LÂM NGUYỄN XUÂN NGHỊ, *Một lối thường xuân đặc biệt của các vị vua chúa đời xưa*, TBCN, số 188 bis, tr. 22-23.

3) NGÔ ĐÌNH NHU, *Lễ lập xuân ở Hà Nội về thời Hậu Lê*, Thanh Nghị, 1941 — 42, tr. 211-213, Hà Nội.

4) ĐÔ ĐỨC DỤC, *Ăn tết*, Thanh Nghị, 1941-42, tr. 118.

5) THIỆN CHÂN, *Xã Hội VN từ thế kỷ 17*, Thanh Nghị, 1941-42 tr. 193-203, Hà Nội.

6) MẠNH QUỲNH, *Hội Lim*, TBCN, Hà Nội, số 1, 1940, tr 9.

7) SƠ BẢO, *Ba vợ chồng Táo Quân, tục thường quay đến chuyện hai ông mặt bùa*, TBCN, số Tết Tân Tỵ, 1941, Hà Nội, tr. 18.

8) —, *Chơi Hoa đã để mấy người biết Hoa*, TBCN, số Tết Nhâm Ngọ, 1942, Hà Nội, tr. 18-19.

9) TÙNG HIỆP, *Thiếu một cây nêu*, TBCN, số Tết Tân Tỵ, 1941, Hà Nội, tr. 20.

10) VỐ AN NINH, *Trong ba ngày Tết ở khắp trong nước*, TBCN, số Tết Tân Tỵ, 1941, Hà Nội, tr. 32.

11) TÙNG QUÂN, *Những phong tục là*, TBCN, số Tết Tân Tỵ, 1941, Hà Nội, tr. 24.

12) HOA BẮNG, *Theo quan niệm xưa, tháng chạp, tháng đây ý nghĩa chính trị, kinh tế và tôn giáo*, Tri Tân, số 34, tập II, 1-492, Hà Nội, tr. 2-3.

13) NHẬT NHAM, *Vàng... mاء*, Tri Tân, số 34, 1942, Hà Nội, tr. 34-35.

14) — *Hương vị sau Tết*, Tri Tân, số 35, 1942, Hà Nội, tr. 14-15.

15) TIỀN ĐÀM, *Lược khảo về Tết Nam Giao*, Tri Tân, số 39, tập II, 1942, Hà nội, tr. 2-4 và 21-22.

16) —, *Quân sự Hậu Lễ chầu hầu Tết Nguyễn Đán*, Tri Tân, số 34, 1942, Hà nội, tr. 21.

17) —, *Ngày Tết ăn yến*, Tri Tân, số 81-82, tập III, 1943, Hà nội, tr. 30.

18) ỦNG HOÈ, *Thơ tết với chuyện tết ngày xưa*, Tri Tân, số 81-82, tập III, 1943, Hà nội, tr. 14-15.

19) —, *Một tục lệ cổ về mùa Xuân*, Tri Tân, số 175-178, 1945, Hà nội, tr. 10-11 và 14-16.

20) TRỊNH NHƯ KHUÊ, *Tết Đà Lạt*, Tri Tân, số 179, tập V, 1945, Hà nội, tr. 84.

21) CHU THIỀN, *Học trò đến tết thay*, Tri Tân, số 81-82, tập III, 1943, Hà nội, tr. 42-45.

22) NGUYỄN THƯỜNG, *Tết*, Tri Tân số 179, tập V 1945, Hà nội, tr. 21-23.

23) VÂN THẠCH, *Tết Táo quân*, Tri Tân, số 33, 1942, Hà nội, tr. 20.

24) —, *Nụ cười Xuân, câu đối Tết*, Tri Tân số 34, 1942, Hà nội, tr. 47.

25) TRẦN VĂN NĂNG, *Những ngày hội là của ta*, TBCN, số 47, 1941, Hà nội, tr. 15-17.

26) LÊ HÙNG PHONG, *Tết nguyên dân qua các nước và các thời đại*, TBCN, số Tết Nhâm Ngọ, 1942 Hà nội, tr. 5-6.

27) BẮT ÁC, *Trong mấy ngày Tết dân ta mê tín nhũng gì?* TBCN, số Tết Nhâm Ngọ, 1942, Hà nội, tr. 10-35.

28) LÊ KIM KIÊN, *Những bức tranh Tết*, TBCN, số Tết Nhâm Ngọ, 1942, Hà nội, tr. 17.

29) VĂN HỌC, *Lai lịch và ý nghĩa hội vật làng Mai*  
Đặng vào ngày 4, 5, 6, tháng giêng ta, TBCN, số 100, 1942,  
tr. 15-16.

30) —, *Mùa lân, một cuộc vui rất nhiều ý nghĩa trong ngày*  
*Tết Nguyên Đán ở Nam Kỳ*, TBCN, số 145, 1943, Hà Nội, tr. 30.

31) HỒNG LAM, *Ba trăm năm trước Tổ tiên chúng ta đã*  
*đan Tết Nguyên đán như thế nào?*, TBCN, số 143bis, 1943, Hà Nội,  
tr. 7-8.

32) HỌC PHI, *Tết ta dại trời Mỹ*, TBCN, số 45, 1941,  
Hà Nội, tr. 30.

33) HỒNG PHONG, *Ba chuyện lạy mừng tuổi là đời*, TBCN,  
số 45, 1941, Hà Nội, tr. 36-37.

34) LÊ QUÂN, *Làm câu đố để chơi chua*, TBCN, số 45,  
1941, Hà Nội, tr. 40-41.

35) THIỀN TUỐNG, *Nghệ thuật chơi tết, y phục ta mặc*  
*trong ba ngày tết phải như thế nào?*, TBCN, số 45, 1941, Hà Nội,  
tr. 55-56 và 63.

36) VÕ ÂN NINH, *Đầu năm xin thè*, TBCN, số 45, 1941,  
Hà Nội, tr. 59.

37) VĂN THU, *Tiếng pháo giao thưa nài với ta nhèn gì?*,  
TBCN, số 46, 1941, Hà Nội, tr. 9-12.

38) VŨ BẮNG, *Chén trà đầu xuân*, TBCN, số 46, 1941,  
Hà Nội, tr. 30-32.

39) —, *Hội Lim đã mất, hội Lim vẫn tuế*, TBCN, số 46,  
1941, Hà Nội, tr. 12-13.

40) TƯ LUYỆN MẠNH QUỲNH, *Một đám hát chèo ngày*  
*xuân*, TBCN, số 46, 1941, Hà Nội, tr. 14-15.

41) CHƯƠNG DÂN, *Bàn về tết Nam Giao, Nam Phong*, số  
10, 1918, Hà Nội, tr. 223-228.

42) NGUYỄN CŨ, *Máy lòi bàn về sự chờ trót*, Lễ giao đ  
năm ta, Nam Phong, số 86, 1924, tr. 138-155.

43) PHẠM QUỲNH, *Psychologie du Tết*, Nam Phong, số 149,  
1934, Hà nội, tr. 30-32.

44) VIỆT SINH, *Ăn tiệc Tết*, Ngày Nay, số 2, 1935,  
Hà nội, tr. 3.

45) TƯỜNG BÁCH, *Tục ngày Tết*, Ngày Nay, số 2, 1935,  
Hà nội, tr. 6

46) TƯỜNG BÁCH và N.C.M., *Hội hè đình đám*: *Hội làng*  
*Hè Lối rầm tháng giêng*, Ngày Nay, số 4, 1935, Hà nội, tr. 4-6.

47) TƯỜNG BÁCH và THẾ LŨ, *Làng Sơn ngày hội*, Ngày  
Nay, số 5, 1935, Hà nội, tr. 4-5.

48) PHÓNG VIÊN NGÀY NAY, *Đánh vật*, Ngày Nay, số  
3, 1935, Hà nội, tr. 7

49) ?, *Xã giao ngày Tết*, Ngày Nay, số 46, 1937, Hà nội,  
tr. 21-22.

50) HOÀNG ĐẠO, NGUYỄN BÍNH, KHÁI HƯNG, và  
THẾ TỬ, *Chung quanh nồi bánh chưng*, Ngày Nay, số 96, 1938,  
Hà nội, tr. 31-32.

51) HUYỀN MẶC ĐẠO NHÂN, *Tết với văn chương*, Đồng  
Nai, số 23-24, 1933, Saigon, tr. 4-7.

52) CỘP ĐỒNG NAI, *Ông Táo cũng nghèo*, Đồng Nai,  
số 23-24, 1933, Saigon, tr. 53.

53) ĐOÀN BÍCH, *Những cái khó chịu trong ba ngày Tết*,  
Thời Nay, số 10, 1960, Saigon, tr. 41-46.

54) MINH NGUYỆT, *Các giới ăn Tết*, Thời Nay, số 34,  
1961, Saigon, tr. 60-62.

55) ĐÀO VĂN TẬP, *Ăn Tết hay không ăn Tết*, Thời  
Nay, số 57, 1962, Saigon, tr. 35-43.

56) NGUYỄN ĐĂNG THỰC, *Mùa xuân với đời sống tinh cảm VN*, Luận Đàm, bìa II, số 1, 1962, Saigon tr. 9-25.

57) VƯƠNG HỒNG SEN, *Lẽ tiết Nguyễn Đán trong Nam dưới mắt của tôi*, Văn Hóa Á Châu, tập IV, loại mới, số 2, 1961, Saigon, tr. 77-9.

58) LÊ VĂN, *Nhân ngày Tết Nguyễn Đán: Tìm hiểu dưa hấu Cửu Đức*, Văn Hóa Á Châu, số 11, 1959, Saigon, tr. 43-58.

59) QUỲNH LÂM, *Mấy tiết lễ chính trong tháng giêng*, VHNS, số 18, 1957, Saigon, tr. 7-12.

60) TÂN VIỆT ĐIỀU, *Ý nghĩa và cỗ tục ngày Tết Nguyễn Đán VN*, VHNS, số 27, 1957, tr. 1105-1110.

61) —, *Nguyễn ủy các tiết lễ VN*, VHNS, số 28, 1958, Saigon, tr. 1-3.

62) NGUYỄN CAO KIM, *Mùa Xuân với người dân Việt*, VHNS, số 27, 1957, Saigon, tr. 1121-1126.

63) VĂN HƯNG, *Ý nghĩa Tết Nguyễn Đán*, VHNS, số 17, Saigon, 1956, tr. 1883-1887.

64) NGUYỄN QUANG, *Xuân đồng quê trong ca dao*, VHNS, số 28, 1958, Saigon, tr. 80-82.

65) TAM HÓA, *Lược thuật vài tục lệ ăn tết từ Tây sang Đông*, VHNS, số 28, 1958, tr. 109-113.

66) TU TRAI, *Lược khảo về lễ Tết: Mùa Xuân và năm Kỷ Hợi*, VHNS, số 37, 1958, tr. 1383-1390 và 1406-1413.

67) PHAN KHOANG, *Người Việt đối với tiết Xuân*, VHNS, số 17, 1956, Saigon, tr. 1908-1912.

68) THANH MAI, *Vài giai thoại về bánh chưng ngày Tết*, VHNS, số 47, 1957, Saigon, tr. 1641-1648.

69) PHẠM VĂN SƠN, *Quan niệm cỗ nhàn đối với tục lệ ngày Xuân*, VHNS, số 12, 1965, Saigon, tr. 1855-1868.

70) BÙU CẨM, *Xuân Đào*, VHNS, số 77, 1963, Saigon, tr. 1-5.

71) A. BARTHOUET, *Le Têt, Indochine*, № 19, 1941,  
Hà nội, pp. 4-6.

72) ?, *Cérémonie du Nghênh Xuân à Hué, Indochine*, № 26,  
1941, Hà nội, p. X.

73) NGUYỄN VĂN HUYỀN, *Les fêtes annamites du Têt  
ou de l'An neuf, Indochine*, № 75-76, 1942, Hà nội.

74) G. PISIER, *L'esprit des Annamites et le Têt, Indochine*  
№ 75-76, 1942, Hà nội, pp. 7-10 et 13.

75) —, *Variétés sur le Têt, Indochine*, № 75-76, 1942  
Hà nội, pp. 17-19.

76) J. FRANÇOIS, *Quelques notes sur la fête de Lim,  
(Hội Lim), Indochine*, № 81, 1942, Hà nội.

77) PAUL BOUDET, *Le « Nam Giao », sacrifice au ciel et  
à la terre, Indochine*, № 83, 1942, Hà nội, pp. 9-14.

78) PHẠM QUỲNH, *Le grand rite du Giao, Indochine*,  
№ 84-85, 1942, Hà nội, pp. 1-3.

79) NGUYỄN KHOA TOÀN, *Le Nam Giao, sa signification  
mystique et culturelle, Indochine*, № 84-85, 1942, Hà nội, pp. 4-9.

80) A. DE ROTALIER, *Le Nam Giao, 1942*, № 84-85, 1942,  
Hà nội.

81) HỘI THỐNG, *Le Têt, vu par un annamite moyen,  
Indochine*, № 230, 1945, Hà nội, pp. 147-150.

82) NGUYỄN VĂN TỐ, *Autour du Têt : Les rites de  
passage, Indochine*, № 230, 1945, Hà nội, pp. 116-118.

83) HUỲNH KHẮC DŨNG, *Le nouvel an au VN, France  
Asie*, t. IX, № 81, 1953, Saigon, pp. 59-67.

84), NGUYỄN VĂN VINH, *Jour de l'An Vietnamien, France Asie*  
t. IX, № 81, 1953, Saigon, pp. 68-70,

85) ALFRED MEYNARD, *Premier jour du Têt, France Asie*,  
№ 117, 1956, Saigon, pp. 639-640.

86) CHƯƠNG ĐẮC LONG, *Rites et interdiction du Têt,  
France Asie*, №, 68, t. VII, 1952, Saigon, p. 707.

87) HUỲNH VĂN PHẠM, *Le « cây nêu »*, France Asie, № 68, t. VII, 1952, Saigon, p. 712.

88) VĂN HẠC, *La fête de « Táo Quân »*, génie de foyer, France Asie, № 68, t. VII, 1952, Saigon, p. 715.

89) TRÚC GIANG, *Le Tết à travers le parler populaire*, France Asie, № 24, 1948, Saigon, p. 397.

90) ANDRÉ COVÉ, *Doctrines et cérémonies religieuses du Pays d'Annam*, BSEI, № 3, t. VIII, 1933, Saigon, pp. 106-108 et  
154-155.

91) THÁI VĂN KIỀM, *Les fêtes traditionnelles vietnamiennes*, BSEI, № 1, t. XXXIII, 1961, Saigon, pp. 1-7.

92) M. J. PRZYLUSKI, *Les rites du Đặng Thổ*, BEFEO, № 2, t. X, 1910, pp. 339-347.

93) L. CADIÈRE, *Croyances et pratiques religieuses des Annamites dans les environs de Hué*, BEFEO, № 2, t. XVIII, 1918.

X.Y.Z.



Đón đọc Sứ-Địa số 6 :

« Viết sứ bộ đi Thanh năm  
1758 có Lê Quý Đôn tham  
dự và bài trình của sứ bộ  
bằng văn nôm »

của HOÀNG XUÂN-HÃN

## BẢN ĐÍNH CHÁNH TẬP-SAN SỨ-ĐỊA SỐ 4

Bài gốc tích của Chúa Trịnh và một bức thư nôm  
của Trịnh Kiểm, Hoàng xuân Hân.

TRANG	DÒNG	S A I	S Ủ A LÀ
4	20	Mẹ Vương	Mẹ Vương
6	5	Một phần nào	một phần nào
7	15	bèn	ban
	17	Đầu phục, và	Đầu-phục bái-yết, và
12	23	ngưa	ngựa
17	19	Làm cho	làm sao cho
26	14	(1545) chép hai bức thư về	(1545, chép bằng chữ nôm Thế kỷ 17. Bìu Cầm
27	8	NGUYỄN-THÚ-LANG	NGUYỄN THÚ LANG
	10	弋	弋
	23	(tờ 21b)	tờ 21b)
28	15	顯 (1) 辰 (2)	顯 尊 (3) 辰 (4)
	23	弋	弋
29	18	恬	怡
	32	Trung-thú-Giám	Trung-thú-giám
30	13	會	會
31	12	Tôi gửi...	« Tôi gửi... »

### Qua năm mới các bạn sinh viên đọc gì?

Đề giải quyết vấn đề chuyên ngữ Đại học, đề cung cấp tài liệu học tập cho các bạn sinh viên, một nhóm thanh niên trong và ngoài nước, giàu thiện chí, thiết tha với quốc học, đứng ra lập:

## VIỆT NAM ĐẠI HỌC TÙNG THƯ

517 Nguyễn-Trãi — Chợ-lớn

Một cao trào học thuật mới.

Một luồng gió mới khơi nguồn cho một cuộc cách mạng văn học giữa lớp người đang lên.

Cung Chúc Cận Xuân

# NUÓC NGỌT "CON CỘP"



Nước ngọt "Con Còp"! Hoan hô!  
Với chai "HỎA TIỀN" điểm tô cuộc đời  
thêm VUI, thêm ĐẸP, thêm TƯƠI!

*Cung Chúc Tân Xuân*

**VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG HỘI  
VIỆT-NAM BUSINESS ASSOCIATES  
(V. B. A.)**

Công-Ty nặc-danh — Vốn : VN\$ 15.000.000,00

VĂN - PHÒNG THƯƠNG MẠI :

673, Đ. L. Trần-Hưng-Đạo, SAIGON — Điện-Thoại : 36.454



CHUYÊN NHẬP-CẢNG :

- Xe mô-tô hiệu **HONDA**
- Máy phát - điện — **HONDA**
- Xe hơi — **HONDA**
- Máy bơm — **HONDA**
- Máy cà y — **HONDA**
- Máy horsbord — **HONDA**

*Sản-phẩm HONDA tốt nhất và rất được tin-nhiệm trên thị-trường Quốc-te.*

## Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trong thẩy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thô-sản, thô-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bệnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thập cái hay của người dặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tồ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhẫn đều dùng chửu quốc-ngữ và phát hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phô-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình vẫn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bồ sinh-lực của nòi giống.

### NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

- 1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...
- 2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.
- 3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

Cung Chúc Tân Xuân

# VIỆT - HƯƠNG.

34, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON — Đ. T. 21.039

Một địa-chỉ như ý :

## MỘT NHÀ IN ĐÁNG TIN Cậy

LÃNH IN :

SÁCH, BÁO, TOA, PHIẾU, BÍCH-CHƯƠNG...

- Giao hàng mau lẹ.
- Việc làm kỹ-lưỡng.
- Ăn-phẩm mỹ-thuật.



## MỘT NHÀ XUẤT-BẢN ĐƯỢC NHIỀU TÍN-NHIỆM

CHUYÊN XUẤT-BẢN :

SÁCH GIÁO-KHOA TOÀN BAN TIỂU-HỌC

- Sách chọn lọc, đúng theo chương-trình Bộ Văn-hóa Giáo-dục hiện hành.
- Hợp giáo-khoa, vừa trình độ học-sinh.
- Trình bày mỹ-thuật gợi cho trẻ em ham thích học-hành.

# MARUKA MACHINERY CO. LTD.

## Đại diện

Vỏ và ruột xe máy,  
Đồ phụ tùng xe máy,  
Đồ phụ tùng xe hơi  
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc  
Kỹ nghệ, ô Bi và  
bạc đạn, vật dụng  
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi tachi »  
Máy điều hòa không  
khí « Hi ta chi »  
đồ điện « Hi-tachi »  
máy, móc kỹ nghệ

## HÀNG NGUYỄN XỨ

### NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

#### Saigon Office :

13, Trần Hưng Đạo  
P. O. Box No. 121. Saigon  
Cable address : « Maruka »

Tel : No 23A8988

#### Head Office :

No 41 Bungo-Wachi  
Higashi — Ku  
Saka — Japan  
P. O. Box No Higashi : 350  
Osaka                 “  
Cable Add : « Maruka Osaka »  
Tel : No 940271 — 9

Kính Chúc Tân Xuân

Cung Chúc Tân Xuân

## HÀNG BÔNG

# CORONA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

148/1, Nguyễn-minh-Chiểu

TÂN-SƠN-NHỰT

Cung Chúc Tân Xuân

## Tại sao hàng chục ngàn người đò xô ghi tên mua SUZUKI ? Vì :

- SUZUKI xài BOUGIE THƯỜNG như tất cả các loại xe gắn máy khác.
- SUZUKI 2 THÌ, 30% phụ tùng ít hơn các xe khác 4 THÌ nên máy móc rất giản dị, khỏe và rất bền, không hư bậy.
- SUZUKI nếu hư thì người thợ sửa xe ở góc đường cũng có thể sửa được, khỏi cần đưa vào một xưởng xe hay phải đưa tới thợ chuyên môn.
- SUZUKI nhiều đại lý nhập cảng xe nhất và đồ phụ tùng cũng nhập cảng nhiều nhất so với các hiệu xe khác.
- Hãng IMI đã tổ chức các xưởng chuyên sửa xe SUZUKI trong đó có các kỹ sư của chính hãng SUZUKI từ Nhật sang trông coi và huấn luyện các chuyên viên ráp máy cũng như sửa chữa.

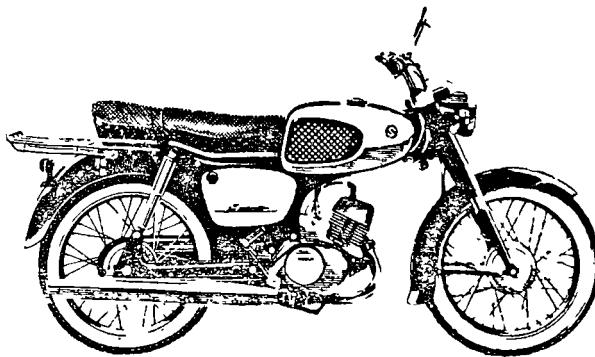
Châm ngôn của người Việt hiện nay là :

**Ăn chắc, mặc bền đi... SUZUKI**

**LÀ KHỎI... THẮC MẮC**

**GIÁ PHỎNG ĐỊNH :**

M80 : 30.500\$    M15-2 : 32.500\$    M12-2 : 33.500\$



SUZUKI-50 MODEL M-15 M-15D

- ▼ 50cc — 2 thì — 1 xy-lanh
- ▼ 4,5 mã lực — 8.000 tua
- ▼ Tốc lực 85 cây số một giờ
- ▼ 100 cây số hết 1 lít 5 xăng

*Bại-Lý Bộc-Quyền : I M I, 58 Pasteur — SAIGON  
Điện - Thoại : 25.676*

# Phiếu mua báo dài hạn



Phương-danh độc-giả . . . . .
Địa-chỉ . . . . .
Thời-hạn mua (1) . . . . .
Thê-thức trả tiền (2) . . . . .
Giá tiền (3) . . . . .

.....ngày ... tháng ... năm 196

KÝ TÊN

---

(1) Một năm (4 số) hay nửa năm (2 số)

(2) Trả tiền mặt, chi-phiếu hay bưu-phiếu  
(đề tên Phạm-thị Hồng-Liên 549/37, Phan-định-Phùng, Sài-gòn).

(3) Hai năm : 200\$

Một năm 120\$, miền Trung và Cao-nghuyên tính thêm cước  
phi máy bay.

Mua dài hạn TẬP-SAN SỬ-ĐỊA :

- Là khuyến-kích thiện-chí phung-sự ngành Sử-Địa, nền văn-hóa dân-tộc.
- Làm món quà tặng thanh-nhã.

---

In tại nhà in VIỆT-HƯƠNG, 34 Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

K.D. № 206-B.T.T.C.H — Ngày 30-1-67

## MỤC-LỤC

⊕ Lá thư tèo soạn	1
⊕ Vũ-trụ âm-dương	
<b>NGUYỄN ĐĂNG THỰC</b>	
⊕ Nhìn qua các nghi-lễ Triều-dinh Huế	3
<b>BỬU-KẾ</b>	
⊕ Lễ tiễn Xuân, nghênh Xuân dưới triều Nguyễn	9
⊕ Giai thoại về câu đối Tết	
Tô-Nam	<b>NGUYỄN ĐÌNH-DIỆM</b>
⊕ Cảm tưởng về Tết trong Nam	20
<b>VƯƠNG-HỒNG-SỀN</b>	
● Tục thường Xuân của đồng-bào	
Chàm Hồi-giáo	<b>DOROHIEM</b>
● Bài-chòi ở Bình-Định	35
<b>TÀ CHÍ DAI TRƯỞNG</b>	
● Cõ nhân và các tục lệ về ngày Xuân	
PHẠM-VĂN-SƠN	42
⊕ Tết Lào ở... xí Lào	67
⊕ Lễ Tết của người Quảng-Đông tại	
Trung-Hoa và Việt-Nam	83
<b>TẮNG-HẬU, THÔI-TIÊU NHIÊN,</b>	
<b>LÊ-THO-XUÂN</b>	
● Lễ Tết Nguyên-Đán Chòi Chnăm Thmây	
của đồng-bào Miên	<b>CHÂU-GIANG-I Ủ</b>
● Mùa lễ Tết trên Cao-nghuyên	99
<b>NGUYỄN-VĂN-NGHIÊM</b>	
● Xuân qua các nẻo đường Sơn-Cước	
<b>DỖ-VĂN-TÚ</b>	
● Thường Xuân trên Cao-nghuyên với rượu	
cần của đồng-bào Thương	113
<b>NGUYỄN-TRẮC-DĨ</b>	
● Bói đầu năm	<b>HỒ-HỮU-TƯỜNG</b>
● Giai-thoại về thơ khai-bút	<b>BẢNG-SƠN</b>
● Những lể hội ở Hà-Tiên trong ba	
tháng mùa Xuân	<b>DÔNG-HỒ</b>
● Quan Thường thường Xuân	118
<b>PHÙ-LANG TRƯỞNG BÁ-PHÁT</b>	
● Tranh Tết	<b>NGUYỄN BÁ-LĂNG</b>
● Lễ kỵ Ông Bà ngày Tết của người	
Chàm Bà-La-Môn ở Bình-Tuy	145
<b>NGUYỄN BÁT-TUY</b>	
● Thư tịch về phong tục Tết Việt-Nam	158
X. Y. Z.	196
X. Y. Z.	225

**Giá đặc biệt kỳ này : 60\$**

Công sở: giá gấp đôi